



Thông tin LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

ĐẠT CHUẨN MỨC 1



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM!



Tập thể cán bộ, viên chức, người lao động Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp
tham dự Hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 2025
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

Mừng Đảng, Mừng Xuân
Bính Ngọ
2026



THÁNG 02 - NĂM 2026



TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP



**HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG NHẤT**



**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
ĐẠT CHUẨN MỨC 1**

CHIỤ TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH

TS. NGUYỄN PHƯỚC DŨNG - Tỉnh uỷ viên, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

BAN BIÊN TẬP

ThS. NGUYỄN VĂN SƠN - Phó Hiệu trưởng: Trưởng ban;

ThS. NGUYỄN MINH PHƯƠNG - Phó Hiệu trưởng: Phó Trưởng ban;

TS. BÙI VĂN DE - Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học: Phó Trưởng ban Thường trực;

TS. LÊ MINH HIẾU - Trưởng khoa Lý luận cơ sở: Thành viên;

ThS. NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG - Trưởng khoa Xây dựng Đảng: Thành viên;

TS. NGUYỄN NGỌC HƯƠNG - Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật: Thành viên;

ThS. VÕ THỊ MỸ VÂN - Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu: Thành viên;

ThS. NGUYỄN THÁI NGỌC - Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học: Thành viên;

ThS. LÊ TRẦN MINH SA - Giảng viên phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học: Thành viên;

ThS. CHÂU THIÊN MỸ - Giảng viên phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học: Thành viên.

ĐỊA CHỈ CƠ SỞ 1:

Số 584 đường Lê Thị Hồng Gấm, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0273.3873112

ĐỊA CHỈ CƠ SỞ 2:

Số 411 đường Phạm Hữu Lầu, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0277.3861409

Giấy phép xuất bản số: 01/GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp

cấp ngày 29 tháng 01 năm 2026

In 60 cuốn khổ 20 x 28 cm, tại Cty Cổ phần In & Bao bì Đồng Tháp

Số 212, Lê Lợi, phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Điện thoại 02773.861.442

MỤC LỤC

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

- ❖ LÊ MINH HIẾU: Vai trò của Đảng trong đổi mới kinh tế gắn với ổn định chính trị - xã hội..... 3
- ❖ PHẠM THỊ MỸ NHUNG: Nhận diện và tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh..... 7
- ❖ NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG - NGUYỄN ĐỨC TÀI: Lật tẩy luận điệu "Hồ Chí Minh hiểu chiến": Sự thật lịch sử và khát vọng hòa bình..... 16
- ❖ HỒ THỊ KIỀU NUÔNG: Nhận diện phương thức, thủ đoạn xuyên tạc Hồ Chí Minh và giải pháp đấu tranh phản bác hiện nay 22

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- ❖ VÕ THỊ MỸ VÂN: Văn hoá trường Đảng - Từ truyền thống đến tương lai ở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp..... 28
- ❖ PHẠM THỊ MỸ NHUNG: Thực hiện Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị, về "Chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới" là trách nhiệm của giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn mới 33
- ❖ BÙI VĂN DE - VÕ THÀNH TÍN: Vai trò của chuyển đổi số trong công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp 40
- ❖ PHẠM THỊ MỸ PHUƠNG: Tăng cường sinh hoạt chuyên môn - Một trong những giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp 46
- ❖ NGUYỄN BÍCH NGỌC: Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp theo hướng phát huy tư duy phản biện của học viên 51
- ❖ VÕ NGUYỄN DUY BÌNH: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức - Thực tiễn tại Trường chính trị tỉnh Đồng Tháp 57
- ❖ LƯU HOÀNG TÂN KHOA: Quyết tâm học tập và rèn luyện góp phần xây dựng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đạt chuẩn mức 2..... 63
- ❖ LÊ NGUYỄN TUYẾT LỘC: Tự lực, tự cường - yếu tố cốt lõi để dân tộc vươn mình trong kỷ nguyên mới..... 70
- ❖ NGUYỄN TRẦN THÙY VÂN: Xây dựng văn hóa trọng dụng người tài trong khu vực công tại tỉnh Đồng Tháp hiện nay 76
- ❖ NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG: Những điểm mới của Luật viên chức năm 2025 trong công tác đánh giá viên chức 83
- ❖ NGUYỄN THÁI KIM ĐIỀN: Nâng cao chất lượng hoạt động Chi đoàn cơ sở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp sau sáp nhập 86
- ❖ LÊ NGUYỄN TUYẾT LỘC: Rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đoàn viên thanh niên tại Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp - Thực trạng và giải pháp 92

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

- ❖ **LÊ TẤN LẬP:** Phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái tỉnh Đồng Tháp 100
- ❖ **NGUYỄN THANH HIỀN - HUỲNH VĂN XÃ:** Vai trò của trí thức khoa học - công nghệ trong thúc đẩy chuyển đổi xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp..... 105
- ❖ **ĐỖ NGỌC QUI:** Phát huy vai trò của người có uy tín trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch tại tỉnh An Giang hiện nay 113
- ❖ **TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG - NGUYỄN THỊ KIM HUỆ:** Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong quá trình hiện thực hóa mục tiêu "Độc lập, phồn vinh, hạnh phúc" ở Đồng bằng sông Cửu Long - nhìn từ 40 năm đổi mới 119
- ❖ **TRẦN LÊ CẨM TÚ:** Tỉnh Đồng Tháp trên hành trình chuyển đổi xanh ngành nông nghiệp..... 127
- ❖ **LÊ THỊ THÚY AN:** Xu hướng phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với mô hình kinh doanh du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn hiện nay 134
- ❖ **LÊ NHỰT TÂM:** Xây dựng niềm tin và động lực tinh thần - yếu tố then chốt trong việc giữ chân và phát huy người tài ở tỉnh Đồng Tháp hiện nay 142
- ❖ **PHAN NGUYỄN CHÁNH TRUNG:** Một số vấn đề cần quan tâm trong việc học tập Nghị quyết trực tuyến ở cơ sở 149
- ❖ **TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG - LÊ NGUYỄN DUY:** Kinh tế tư nhân - Động lực tăng trưởng và phát triển bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long trong kỷ nguyên mới..... 154
- ❖ **NGUYỄN TẤN TRẠNG:** Chia sẻ kinh nghiệm và mô hình học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Kết luận 21-KL/TW tại tỉnh Đồng Tháp 162
- TIN TỨC - HOẠT ĐỘNG** 168

VAI TRÒ CỦA ĐẢNG TRONG ĐỔI MỚI KINH TẾ GẮN VỚI ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

★ LÊ MINH HIẾU*

Tóm tắt: Công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ năm 1986 đã đánh dấu bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử trong quá trình phát triển đất nước. Bài tham luận tập trung phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc thúc đẩy đổi mới kinh tế gắn với giữ vững ổn định chính trị - xã hội, coi đây là nhân tố quyết định bảo đảm sự phát triển bền vững của Việt Nam. Trên cơ sở làm rõ bối cảnh lịch sử trước đổi mới, bài viết khẳng định sự đúng đắn của đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế nhiều thành phần, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế dưới sự quản lý của Nhà nước. Đồng thời, bài tham luận nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị - xã hội, trong đó ổn định là tiền đề, phát triển kinh tế là cơ sở vật chất để củng cố niềm tin xã hội và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thông qua việc đánh giá những thành tựu nổi bật và các thách thức đặt ra trong bối cảnh toàn cầu hóa và biến động quốc tế, bài viết đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam; kinh tế; chính trị - xã hội.

1. Bối cảnh lịch sử và yêu cầu của công cuộc đổi mới

Trước đổi mới, Việt Nam là một nước nghèo, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, cuối những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX, khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra gay gắt. Trong khoảng 10 năm sau thống nhất đất nước (1975 - 1985), thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam chỉ dao động từ 125 đến 200

USD/năm và xếp trong nhóm 20 nước nghèo nhất thế giới, tỉ lệ lạm phát thời điểm tháng 12/1986 lên đến 774,7%¹. Một trong những nguyên nhân của tình trạng đó là do những sai lầm, hạn chế trong nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội theo mô hình Xô viết, do những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện cuối những năm 70,

đầu những năm 80 trên phạm vi cả nước.

Trong bối cảnh đó, yêu cầu đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới kinh tế trở nên bức thiết. Năm 1986, tại Đại hội VI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng công cuộc đổi mới, chuyển nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà

* Tiến sĩ, Trường Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, (Dự thảo) các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng, Nxb. CTQG, tr.81.

nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: đổi mới phải toàn diện, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế, từng bước đổi mới chính trị, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, coi đây là điều kiện tiên quyết để đứng vững và phát triển đất nước.

2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong đổi mới kinh tế

Đề ra đường lối đổi mới đúng đắn

Đảng Cộng sản Việt Nam với vai trò là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội đã kịp thời đề ra đường lối đổi mới phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại. Đường lối này đã khơi thông sức sản xuất, phát huy nội lực, đồng thời mở rộng hội nhập quốc tế, thu hút nguồn lực từ bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế.

Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo cùng với kinh tế tập thể trở thành nền tảng của nền kinh tế và kinh tế tư nhân từng bước trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Đây là bước đột phá lớn về tư duy lý luận, khắc phục sự khép kín, bảo thủ của cơ chế bao cấp trước đó.

Lãnh đạo xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình đặc thù của Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước đã từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách hành chính, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch.

Đảng chỉ đạo đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân phát triển thành động lực quan trọng của nền kinh tế. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Lãnh đạo hội nhập kinh tế quốc tế

Một trong những thành công lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam là định hướng chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều tổ chức quốc tế, ký kết hàng loạt hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Hội nhập đã

mở rộng thị trường, thu hút đầu tư nước ngoài, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế.

3. Gắn phát triển kinh tế với ổn định chính trị - xã hội

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán quan điểm: *phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ vững ổn định chính trị - xã hội*. Đây không chỉ là phương châm phát triển mà còn là bài học thực tiễn vô cùng quý giá.

Giữ vững ổn định chính trị - xã hội là tiền đề cho phát triển kinh tế

Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động phức tạp, việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội đã tạo môi trường hòa bình, ổn định, thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và người dân yên tâm sản xuất, kinh doanh. Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng - an ninh, chủ động ứng phó với các nguy cơ an ninh phi truyền thống.

Phát triển kinh tế là cơ sở vật chất để củng cố ổn định chính trị

Khi kinh tế tăng trưởng ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện, niềm tin vào chế độ và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

được củng cố. Đảng đã chỉ đạo thực hiện nhiều chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, chăm lo các đối tượng chính sách, vùng sâu vùng xa, bảo đảm công bằng xã hội. Đây chính là nền tảng để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường niềm tin chính trị - xã hội.

Tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Đảng Cộng sản Việt Nam coi xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt để giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được triển khai quyết liệt, tạo chuyển biến tích cực trong xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân. Bên cạnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo, phát huy dân chủ, nâng cao năng lực quản lý nhà

nước và hiệu lực điều hành của chính quyền các cấp.

4. Thành tựu nổi bật và những thách thức đặt ra

** Thành tựu đạt được*

Sau gần 40 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử:

Kinh tế tăng trưởng ổn định, quy mô nền kinh tế ngày càng mở rộng, thu nhập bình quân đầu người không ngừng tăng lên².

Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng nước nghèo, trở thành nước có thu nhập trung bình³; vị thế quốc tế ngày càng được nâng cao⁴.

Hệ thống chính trị ổn định, an ninh - quốc phòng được giữ vững, trật tự xã hội cơ bản được bảo đảm.

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng

được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, công bằng xã hội được chú trọng⁵.

Nhân dân luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của nhà nước.

** Thách thức đặt ra*

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn, đất nước ta cũng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức:

Khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng miền còn lớn.

Áp lực từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và biến động toàn cầu.

Biến đổi khí hậu, dịch bệnh, xung đột địa chính trị... có thể ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội.

Một bộ phận cán bộ, Đảng viên còn biểu hiện suy thoái tư tưởng, đạo đức, tham nhũng, tiêu cực làm giảm niềm tin của nhân dân.

² Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên, nếu như năm 1989 mới đạt 6,3 tỷ USD/năm, thì đến năm 2020 đã đạt khoảng 268,4 tỷ USD/năm. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt, năm 1985 bình quân thu nhập đầu người mới đạt 159 USD/năm, thì đến năm 2020 đạt khoảng 2.750 USD/năm. Năm 2024 GDP 476,3 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD.

³ GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD (2024).

⁴ Ngày 11/1/2007, Việt Nam với tư cách là thành viên thứ 100 của WTO; Tính đến 10/2024 Việt Nam thiết lập quan hệ thương mại với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, đã ký kết, thực thi 17 FTA và đang đàm phán 2 FTA khác. Trong đó, các FTA thế hệ mới, bao gồm Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)...

⁵ Theo đó, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam giảm từ 58% theo chuẩn cũ năm 1993 xuống còn khoảng 1,93% theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2024. Đến năm 2024, chỉ số hạnh phúc của Việt Nam xếp thứ 54/143 nước được đánh giá; Gần 99% người lớn biết đọc, biết viết. Số sinh viên đại học, cao đẳng ở Việt Nam tăng gần 20 lần trong gần 40 năm qua, đạt 215 người/1 vạn dân. Học sinh Việt Nam đạt thứ hạng cao trong các cuộc thi trên thế giới và khu vực. 94,1% dân số có bảo hiểm y tế; trong đó, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người từ đủ 80 tuổi trở lên được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Theo Báo cáo phát triển con người (HDR) 2025 của UNDP tại Việt Nam với chủ đề “Kỷ nguyên Trí tuệ nhân tạo và lựa chọn phát triển con người,” chỉ số HDI của Việt Nam năm 2023 đạt 0,766 - xếp Việt Nam vào nhóm các quốc gia có mức phát triển con người cao - đứng thứ 93 trên tổng số 193 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số ngày càng cấp thiết.

5. Định hướng và giải pháp tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Để tiếp tục phát huy vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đổi mới kinh tế gắn với ổn định chính trị - xã hội, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau:

Kiên định mục tiêu, đường lối đổi mới. Đảng Cộng sản Việt Nam cần tiếp tục kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kiên trì đường lối đổi mới toàn diện, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đẩy mạnh xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh toàn diện; đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phòng chống tham nhũng,

tiêu cực; củng cố niềm tin của nhân dân. Cán bộ, Đảng viên phải gương mẫu, tiên phong trong mọi lĩnh vực.

Đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển bền vững. Phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, đổi mới sáng tạo; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bảo đảm phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và xu thế toàn cầu hóa.

Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, lắng nghe ý kiến nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Đảng Cộng sản Việt Nam phải thực sự gắn bó máu thịt với nhân dân, vì nhân dân mà hành động.

Chủ động ứng phó với các thách thức toàn cầu. Tăng cường dự báo, nâng cao năng lực quản lý khủng hoảng, bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh lương thực... Đồng thời củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

6. Kết luận

Thực tiễn gần 40 năm đổi mới đã khẳng định: Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Chính sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đã đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, đạt được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế, đồng thời giữ vững ổn định chính trị - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao uy tín và vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động phức tạp, chúng ta càng phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, phát huy nội lực, chủ động hội nhập quốc tế, xây dựng đất nước phát triển nhanh và bền vững. *“Ổn định chính trị - xã hội là nền tảng, phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt”.* Đây là phương châm nhất quán để đưa đất nước ta tiến lên, vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế./.

NHẬN DIỆN VÀ TÍCH HỢP NỘI DUNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG GIẢNG DẠY CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

✪ PHẠM THỊ MỸ NHUNG*

Mở đầu

Ngay từ khi ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định, nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (năm 1991), Đảng ta đã bổ sung tư tưởng Hồ Chí Minh và nền tảng tư tưởng của Đảng và khẳng định: Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Thực tiễn 95 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đặc biệt là thành tựu 40 năm sự nghiệp đổi mới đất nước và 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã minh chứng sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta.

Tóm tắt: Việc nhận diện, tích hợp các nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch lồng ghép vào giảng dạy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ cấp bách và thường xuyên trong tình hình mới hiện nay. Điều này đòi hỏi người giảng viên cần phải nâng cao bản lĩnh chính trị, nêu cao tính tiên phong gương mẫu và sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại, sáng tạo. Luôn quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, liên tục cập nhật các thủ đoạn mới của thế lực thù địch, các phản tử cơ hội. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Góp phần vào việc củng cố niềm tin, kiên định vào nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới hiện nay cho học viên theo tinh thần Nghị quyết 35-NQ/TW của Đảng.

Từ khoá: nhận diện, tích hợp, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giảng dạy Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đất nước ta bước vào giai đoạn hội nhập sâu rộng và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư bùng nổ, mặt trận tư tưởng đang trở

nên nóng bỏng hơn bao giờ hết. Đặc biệt là trước thềm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV và bầu cử đại biểu Quốc Hội khoá XV

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

và đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2030, đây là những sự kiện chính trị trọng đại và có ý nghĩa rất to lớn đối với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Các thế lực thù địch, các phần tử cơ hội lợi dụng những sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, cùng với âm mưu thâm độc và thủ đoạn tinh vi, đang tập trung tổng lực nhằm phá hoại “trụ cột tinh thần” của Đảng và nhân dân ta. Việc nhận diện đúng và sâu sắc các quan điểm sai trái này không chỉ là yêu cầu nghiệp vụ mà còn là mệnh lệnh chính trị đối với mỗi giảng viên giảng dạy tại các trường chính trị nói chung, giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp nói riêng.

Giảng viên giảng dạy tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là lực lượng giữ vai trò then chốt, chủ động, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh này với tinh thần tiên phong, gương mẫu với nhiều phương thức khác nhau trong việc dẫn dắt tư tưởng, củng cố niềm tin, lan tỏa lý tưởng sống đẹp trong toàn trường. Khẳng định vai trò, trách nhiệm của giảng viên giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc bảo vệ nền tảng tư

tưởng của Đảng - nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của đất nước; lan tỏa tinh thần chủ động nghiên cứu, đổi mới trong giảng dạy, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy và kỹ năng phản biện cho đội ngũ giảng viên và học viên; khơi dậy trách nhiệm của giảng viên và học viên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên mặt trận tư tưởng, văn hóa; tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của giảng viên và học viên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới hiện nay.

Nội dung

1. Sự cần thiết của việc nhận diện và tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới hiện nay

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản trong chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị trong tình hình mới hiện nay. Sự cần thiết của việc nhận diện nội dung và tích hợp nội dung để lồng ghép vào giảng dạy Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí

Minh không chỉ là nhiệm vụ học thuật mà còn là mục tiêu chính trị cấp bách, là yêu cầu sống còn nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Về nhận diện nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng - đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới hiện nay

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Với thành tựu 40 năm đổi mới như: thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện và đầy đủ hơn; thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng chính quyền 3 cấp, tổ chức lại không gian phát triển, triển khai thực hiện các quyết sách chiến lược đề đột phá phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, ổn định phát triển đất nước. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hoá, đa

phương hoá đưa quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế... có ý nghĩa lịch sử trong thời kỳ đổi mới đất nước; đó là *kết quả sự vận dụng sáng tạo* chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, trong 40 năm thực hiện đổi mới nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức lớn như: Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra còn tồn tại, có những mặt dần được khắc phục, song còn những mặt còn gay gắt hơn; sức chống chịu và năng lực tự chủ chiến lược kinh tế chưa cao; hoà bình hợp tác, phát triển, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là xu thế lớn, song thế giới đang ngày càng bất ổn, xung đột gia tăng, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt và trực diện; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra những vấn đề mới đối với sản xuất, thương mại và an sinh xã hội...

Việc nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch không phải là một công việc tĩnh tại, mà là một cuộc đấu tranh trí tuệ và không ngừng nghỉ, không được sao lãng; vì vậy, giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, mỗi giờ lên lớp phải là một trận đánh, mỗi trang giáo án phải là một

pháo đài; xây dựng một “hệ miễn dịch tư tưởng” đặc hiệu cho học viên. Như vậy, để đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có hiệu quả hơn thì cần nhận diện các âm mưu và thủ đoạn nào của các thế lực thù địch? Đó là:

Thứ nhất, mưu đồ phủ nhận tính khoa học và giá trị thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin

Mũi nhọn đầu tiên và thâm hiểm nhất của các thế lực thù địch là tập trung phủ nhận giá trị nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chúng tung ra luận điệu “lỗi thời”, cho rằng học thuyết này chỉ là sản phẩm của thời đại công nghiệp cơ khí thế kỷ XIX, không còn phù hợp với thế giới của trí tuệ nhân tạo và kinh tế số. Thực chất, đây là một sự đánh tráo khái niệm nguy hiểm. Khi chúng tấn công vào học thuyết giá trị thặng dư, rêu rao rằng trí tuệ máy móc đã thay thế sức lao động, bản chất chúng muốn xóa nhòa ranh giới giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột, nhằm hợp thức hóa sự thống trị vĩnh viễn của chủ nghĩa tư bản. Với chiêu bài “tách rời Mác và Lênin” nhằm mục đích chặt đứt sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, biến chủ nghĩa Mác thành một thứ triết học hàn lâm vô hại, mất đi tính chiến đấu và khả năng cải tạo thế giới.

Thứ hai, chiến lược “phi chính trị hóa” và hạ bệ thần tượng đối với tư tưởng Hồ Chí Minh

Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng lý luận chung, thì tư tưởng Hồ Chí Minh là linh hồn, là hiện thân của đạo đức cách mạng Việt Nam. Nhận thức rõ sức mạnh đoàn kết từ hình tượng Bác Hồ, các thế lực thù địch đã thực hiện chiến lược “hạ bệ thần tượng” vô cùng tinh vi. Mục đích sâu xa của luận điệu này là tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh khỏi chủ nghĩa Mác - Lênin, nhằm dẫn dắt dư luận đến kết luận sai lầm rằng: Việt Nam có thể chọn con đường dân tộc mà không cần chủ nghĩa xã hội. Cùng với đó là chúng xuyên tạc đời tư, bôi nhọ nhân cách của Người thông qua những tài liệu giả mạo trên không gian mạng là một kiểu “xâm lăng văn hóa” nhằm đánh vào niềm tin, vào luân lý cốt lõi của người cán bộ, đảng viên.

Thứ ba, công kích trực diện vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Đây là mặt trận thực tiễn nhất, nơi các quan điểm sai trái hiện hữu rõ rệt qua các yêu sách về “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập”. Chúng rêu rao rằng độc đảng - nhất nguyên sự lãnh đạo của Đảng là rào cản của dân chủ và phát triển.

Đối với mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng công kích bằng cách gọi đó là sự lắp ghép quái thai, một sự nguy hiểm để duy trì quyền lực. Phân tích sâu sắc cho thấy, chúng muốn Việt Nam từ bỏ “định hướng xã hội chủ nghĩa” để chuyển sang kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa hoàn toàn - nơi lợi nhuận của thiểu số chiếm ưu thế tuyệt đối trước an sinh của đa số. Bên cạnh đó, các vấn đề về “dân chủ”, “nhân quyền”, “tôn giáo” luôn được chúng sử dụng như những ngòi nổ để kích động bạo loạn, lật đổ, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” từ bên trong.

Thứ tư, sự tinh vi trong phương thức và thủ đoạn của vũ khí cách mạng công nghiệp 4.0

Trong tình hình mới, nhận diện không chỉ là nhận diện nội dung mà còn phải nhận diện phương thức chuyển tải. Các thế lực thù địch đã hình thành một “công nghệ chống phá” bài bản. Đó là chiến thuật “mưa dầm thấm lâu”, pha trộn thông tin thật - giả theo tỷ lệ tinh vi khiến người đọc mất cảnh giác. Đó là việc sử dụng các KOLs, những người có sức ảnh hưởng trên mạng xã hội để “giải trí hóa” các quan điểm chính trị,

biến những luận điệu phản động thành những thông tin nghe có vẻ “hợp tai” giới trẻ. Chúng lợi dụng triệt để những sơ hở trong quản lý kinh tế, những vụ án tham nhũng để quy chụp bản chất chế độ, tạo ra tâm lý hoài nghi và bi quan trong xã hội.

Chúng ta, với một tâm thế chiến đấu, với những luận cứ khoa học sắc sảo và những minh chứng thực tiễn sống động về thành tựu của đất nước, đó chính là cách thức phản bác mạnh mẽ nhất trong nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng Đảng trong tình hình mới hiện nay

Về tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới hiện nay

Bộ Chính trị khoá XII của Đảng đã ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW, (ngày 22-10-2018), “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Trong Nghị quyết nêu rõ: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của

Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Để thực hiện cuộc cách mạng trên lĩnh vực tư tưởng trong thời kỳ đổi mới, Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Hết sức coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng. Kiên định, vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Tăng cường giáo dục truyền thống văn hoá, lịch sử và cách mạng về vang của Đảng và dân tộc; không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên; thường xuyên đấu tranh ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”¹.

Xuất phát từ thực trạng công tác xây dựng Đảng và dự

¹ 1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG Sự thật. Hà Nội. 2021, t1, tr40-41

báo tình hình trong những năm tới, trong phương hướng công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII, Đảng đã khẳng định phải: *“Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; coi trọng hơn nữa công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”*².

Khoa Lý luận cơ sở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đảm nhiệm các học phần cơ bản: Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong quá trình nghiên cứu, soạn giảng, giảng dạy những nội dung kiến thức phần học do khoa phụ trách, tiếp cận các phương tiện thông tin đại chúng, cho thấy các thế lực thù địch lợi dụng các trang mạng xã hội đưa ra các quan điểm sai trái, thù địch, bôi nhọ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Chính vì vậy, để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

nhận thức việc nhận diện, tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đưa vào các bài giảng, các chuyên đề là nhiệm vụ hết sức quan trọng và cần thiết.

Bởi vì, trong tình hình quốc tế và khu vực và trong nước hiện nay có nhiều biến động, các thế lực thù địch triệt để lợi dụng xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, sự bùng nổ của internet - mạng xã hội và những khó khăn, thách thức của đất nước, các thế lực thù địch và phân tử cơ hội phản động ráo riết, đẩy mạnh hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước ta. Với nội dung, phương thức, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi, thâm độc, xảo quyệt. Các thế lực thù địch không ngừng tìm cách tấn công với phương thức tấn công đã chuyển từ đấu tranh trực diện sang chiến tranh thông tin, chiến tranh tâm lý trên không gian mạng nhằm mục tiêu cao nhất là “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang và “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng ta. Chúng sử dụng nhiều chiêu thức mới với phương châm “hư hư, thực thực”, “mưa dầm thấm lâu”,

“nói nhiều rồi sẽ tin”... núp dưới những chiêu bài “góp ý”, “kiến nghị, đề nghị”, “thư ngỏ”... Các quan điểm sai trái được che đậy dưới hình thức “nghiên cứu khoa học”, “tự do ngôn luận”, “phản biện xã hội” với tốc độ lan truyền chóng mặt... Do đó, việc nhận diện, tích hợp nội dung trọng tâm cần phản bác mà các thế lực thù địch thường xuyên xuyên tạc, đó là các vấn đề mang tính nguyên lý và thực tiễn như:

Phủ nhận lý luận xuyên tạc, các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng chúng là lỗi thời, giáo điều, không phù hợp với kinh tế thị trường, bác bỏ lý luận hình thái kinh tế - xã hội mác xít, qua đó nhằm phủ nhận vai trò của đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp tiến tới phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, chúng phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân - đã xuyên tạc và lập luận rằng giai cấp công nhân chỉ là những người có học vấn thấp, những lãnh tụ của giai cấp công nhân cũng thường có trình độ văn hóa không cao. Qua đó, chúng đề cao vai trò của đội ngũ trí thức trong thời đại cách mạng khoa học công nghệ phát triển, cho rằng đội ngũ này mới có khả năng lãnh đạo cách mạng theo

² 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội, 2021, t2, tr.229

con đường tư bản chủ nghĩa... Thực chất của quan điểm này là sự biện hộ cho địa vị thống trị, bóc lột của giai cấp tư sản nhằm khẳng định sự tồn tại “vĩnh hằng” của chủ nghĩa tư bản trên cơ sở phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội phản động đã đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin, đòi đưa chủ nghĩa Mác - Lênin ra khỏi nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

Các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội đều hiểu rõ việc tiến trực diện vào tư tưởng Hồ Chí Minh rất khó, vì vậy chúng đã tấn công bằng cách đi đường vòng. Đây là một chiêu trò rất nguy hiểm, thực chất của quan điểm trên không chỉ là sự phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn xuyên tạc, bóp méo, cô lập tư tưởng Hồ Chí Minh. Tính chất nguy hiểm của các quan điểm này còn thể hiện ở chỗ: gieo rắc sự hoài nghi, dao động về nền tảng tư tưởng của chúng ta; tạo nên “khoảng trống” về tư tưởng và ý thức quan hệ để chúng dễ bề truyền bá các quan điểm, tư tưởng phi vô sản vào đời sống tinh thần xã hội ta; tạo ra sự “diễn biến bên trong”, nhất là diễn biến về tư tưởng, từ đó dẫn đến “tự diễn biến” về những mặt khác trong xã hội.

Với các luận điệu sai trái, thù địch các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội cho rằng Đảng Cộng sản Việt Nam độc tôn lãnh đạo cách mạng là mất dân chủ, không tạo động lực để phát triển đất nước, cần thực hiện “đa nguyên chính trị”, “đa đảng đối lập”. Với chiêu trò mị dân, gây nên sự hoang mang, mơ hồ, ngộ nhận trong nhận thức, dao động về tư tưởng; gây nên sự chia rẽ trong xã hội, gây nên sự hoài nghi, thiếu niềm tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng... Dưới danh nghĩa “bảo vệ nhân quyền”, “xây dựng xã hội dân sự độc lập”, các thế lực thù địch, phản động đã cố sù ý cho những tổ chức đối lập, kích động hành vi chống phá, đòi “đa nguyên - đa đảng”, “báo chí tự nhân”, gây bất ổn chính trị - xã hội ở Việt Nam... Do vậy, nếu đội ngũ cán bộ, đảng viên (cả người dạy và người học) không nắm vững lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách vững chắc, sẽ dễ dàng bị mất cảnh giác, dễ bị dao động tư tưởng trước các luận điệu xuyên tạc và phủ nhận giá trị lý luận - nền tảng tư tưởng của Đảng ta. Vì vậy, trong công tác giảng dạy người giảng viên cần khẳng định tính khoa học, tính cách mạng, tính nhân văn và các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh gắn với việc đấu tranh phê phán các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận, bóp méo tính khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Giải pháp tăng cường nhận diện và tích hợp nội dung trong giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có hiệu quả trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới hiện nay

Giảng viên giảng dạy Trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp - những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng của Đảng chính là một trong những lực lượng nòng cốt, đóng vai trò hết sức quan trọng. Khi chúng ta đứng trên bục giảng, mỗi lời nói, hành động của mình sẽ tác động rất lớn đến tư tưởng và hành động của người học. Và với mục tiêu trong giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là phải trang bị cho học viên kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận, lập trường, quan điểm chính trị đúng đắn khoa học, kỹ năng, nghiệp vụ, giúp cho học viên nâng cao bản lĩnh chính trị, khả năng “miễn dịch”, nhận diện rõ âm

mu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch và tránh bị rơi vào “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; nâng cao khả năng miễn dịch, tự duy phản biện trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội. Để tăng cường hơn nữa trong nhận diện, tích hợp nội dung trong giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để góp phần đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có hiệu quả hơn trong tình hình mới hiện nay người giảng viên cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, mỗi giảng viên phải nhận thức được nhiệm vụ của mình và chủ động, tích cực, thường xuyên nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp.

Bởi vì, nếu là kẻ thù trực tiếp hiện diện thì chúng ta có thể dùng các phương tiện, công cụ trực tiếp để chống lại, nhưng trong mặt trận văn hóa - tư tưởng này, kẻ thù sử dụng những âm mưu thâm độc, nhiều thủ đoạn nhằm tác động đến nhận thức, tư tưởng của chúng ta. Người giảng viên, là “chiến sĩ” trên mặt trận đặc biệt này, để có đầy đủ “vũ khí” sắc bén, giảng viên cần tự giác, tích cực, chủ

động trong học tập, nghiên cứu khoa học và trải nghiệm thực tiễn; tham gia nghiên cứu viết bài hội thảo khoa học, thông tin lý luận và thực tiễn, trang web của Trường. Tích cực tham gia học nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; các lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức... nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kỹ năng, nghiệp vụ kiến thức mới và nâng cao nhận thức trách nhiệm của bản thân, rèn luyện bản lĩnh chính trị, nghề nghiệp của mỗi giảng viên.

Và mỗi giảng viên phải là những tấm gương về sự nghiêm túc trong chấp hành Điều lệ Đảng; nói, viết và làm theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; luôn tin vào mục tiêu, lý tưởng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã lựa chọn; tin vào sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước.

Thứ hai, giảng viên cần phải luôn nhận thức rõ sự nguy hiểm và những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, các phần tử cơ hội trên tất cả các lĩnh vực và đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng, trên cơ sở trọng trách và nhiệm vụ của mình lựa chọn những cách

thức và những hành động cụ thể để đấu tranh có hiệu quả hơn trước các âm mưu và thủ đoạn khó lường đó, đồng thời có sự định hướng tư tưởng đúng đắn đến với người học.

Là giảng viên cần phải chú ý việc nhận diện đúng và phân biệt rõ về các nội dung quan điểm sai trái, thù địch để đưa những giải pháp xử lý hiệu quả. Trong thực tế, ngay trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy, có lúc có thể giảng viên cũng sẽ bắt gặp những quan điểm, những ý kiến trao đổi của một số cán bộ, đảng viên, nhân dân hoặc của chính học viên đưa ra có những vấn đề, những nội dung trái chiều khác, thậm chí là trái với quan điểm của Đảng, nhưng với mục đích là nhằm góp ý để nâng cao hơn nữa sức chiến đấu của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước... trong tình hình mới hiện nay.

Thứ ba, đội ngũ giảng viên cần chủ động, tích cực áp dụng các biện pháp giảng dạy hiện đại trong việc thiết kế giáo án, bài giảng, tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch bằng các thông tin có nội dung cập nhật, hình ảnh minh họa sinh động để thu hút sự chú ý của học viên.

Giảng viên cần phát huy tính chủ động của học viên trong việc tham gia trao đổi, thảo luận các vấn đề có liên quan đến bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; trao đổi, hướng dẫn, định hướng cho học viên những kỹ năng phản biện để tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong các lĩnh vực, trên sách, báo, tạp chí, đặc biệt là trên không gian mạng.

Cần đổi mới phương thức lồng ghép và chuyển tải các nội dung, với phương thức giảng dạy phải chuyển từ “*độc thoại lý luận*” sang “*đối thoại phản biện*” nhằm phát huy tính chủ động của học viên như đặt vấn đề giả định, lấy ví dụ từ thực tiễn, lồng ghép các vụ việc kinh tế, chính trị, văn hoá trong nước và quốc tế để minh chứng tính đúng đắn và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tận dụng công nghệ số, xây dựng tài liệu, video, infographics đấu tranh phản bác *ngắn gọn, trực quan, dễ hiểu*, phù hợp với thói quen tiếp nhận thông tin của học viên trong thời đại số.

Thứ tư, trong nghiên cứu và giảng dạy, giảng viên phải luôn chủ trọng phát huy tính chiến đấu trong mỗi bài viết, trong mỗi bài giảng.

Trong từng trang giáo án của bài giảng, từng bài viết, cần gắn liền lý luận và thực tiễn, nêu cao thể hiện tinh thần “Xây” và “Chống” thể hiện quan điểm, thái độ và tinh thần phê phán, đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện tiêu cực, với những quan điểm sai trái, thiếu tính xây dựng, thiếu căn cứ khoa học; phải đảm bảo trong mỗi bài viết, trong mỗi bài giảng của giảng viên phải là “viên đạn” hiệu quả công phá vào những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội trên mặt trận tư tưởng của Đảng. Giúp học viên nhận thức rõ vấn đề, xây dựng cho mình tinh thần chủ động đấu tranh góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới hiện nay.

Kết luận

Việc đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là trách nhiệm của mọi cán bộ, đảng

viên (cả người dạy và người học), đặc biệt là giảng viên giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, là những người tiên phong, gương mẫu trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Việc nhận diện và tích hợp nội dung, lồng ghép vào bài giảng, vào bài viết với tinh thần đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái trong giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng trong việc thực hiện *Nghị quyết 35-NQ/TW của Đảng*.

Điều đó không chỉ tiếp tục khẳng định, lan tỏa những giá trị khoa học, nhân đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là chìa khóa để củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng. Đây là quá trình kép: xây dựng niềm tin khoa học vào lý luận chính thống và phá vỡ những luận điệu xuyên tạc, thù địch. Mục tiêu cuối cùng là làm sao để mỗi cán bộ, đảng viên trở thành một chiến sĩ kiên định trên mặt trận tư tưởng, có khả năng tự mình nhận diện và bảo vệ chân lý khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật Hà Nội 2021.
3. Bài *“Nhận diện, đấu tranh hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”* Quang Minh - Nguyễn Trang, theo ĐBND
<https://doanthanhnien.vn/tin-tuc/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/nhan-dien-dau-tranh-hieu-qua-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-trong-tinh-hinh-moi>.
4. Bài *“Trách nhiệm của giảng viên giảng dạy lý luận chính trị trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng”* Ths Lê Ái Bình, Ths Lê Hải Yến
<https://baothanhhoa.vn/trach-nhiem-cua-giang-vien-giang-day-ly-luan-chinh-tri-nbsp-trong-dau-tranh-phan-bac-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-nham-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-149273.htm>.

LẬT TẨY LUẬN ĐIỀU “HỒ CHÍ MINH HIẾU CHIẾN” SỰ THẬT LỊCH SỬ VÀ KHÁT VỌNG HÒA BÌNH

✧ NGUYỄN THỊ THUÝ HẰNG*

✧ NGUYỄN ĐỨC TÀI**

Tóm tắt: Bài viết tập trung đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc lịch sử, cho rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh là người “ưa bạo lực, hiếu chiến”, đã đẩy dân tộc Việt Nam vào hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trên cơ sở những tư liệu lịch sử xác thực, các văn kiện ngoại giao quan trọng và cả sự thừa nhận từ chính giới, học giả phương Tây, bài viết khẳng định: chiến tranh không phải là lựa chọn chủ quan của Hồ Chí Minh mà là con đường tự vệ bắt buộc của dân tộc Việt Nam trước dã tâm xâm lược. Xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh luôn là biểu tượng tiêu biểu của khát vọng hòa bình, kiên trì tìm kiếm giải pháp hòa bình, đàm phán đến phút cuối cùng để tránh đổ máu, nhưng đồng thời kiên quyết lãnh đạo nhân dân đấu tranh khi hòa bình bị tước đoạt.

Từ khoá: Khát vọng hòa bình, đấu tranh chính nghĩa, độc lập dân tộc.

1. Mở đầu

Trong quá trình phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và hạ thấp giá trị lịch sử của cách mạng Việt Nam, các thế lực thù địch, phản động đã và đang ráo riết tung ra nhiều luận điệu xuyên tạc về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Một trong những luận điệu nguy hiểm, phi lịch sử là quy kết rằng Hồ Chí Minh “hiếu chiến”, “ưa bạo lực”, và chính Người đã đẩy nhân dân Việt Nam vào hai cuộc chiến tranh tàn khốc, gây tổn thất to lớn về người và của. Đây là sự vu khống trắng trợn, đánh tráo

bản chất lịch sử và phủ nhận hoàn toàn bối cảnh chính trị - xã hội cụ thể của Việt Nam trong thế kỷ XX. Vậy ai là kẻ gây chiến? Ai đã châm ngòi và leo thang chiến tranh? Và Hồ Chí Minh thực sự là người như thế nào trong vấn đề chiến tranh và hòa bình? Bài viết này làm rõ những vấn đề đó dựa trên những sự kiện và chứng cứ lịch sử không thể phủ nhận.

2. Nội dung

2.1. Hồ Chí Minh - hiện thân của khát vọng hòa bình và nỗ lực ngoại giao đến phút chót (1945-1946)

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong hoàn cảnh khó khăn, đối mặt với sự chống phá từ các thế lực thù địch, đặc biệt là thực dân Pháp. Trước nguy cơ xâm lược, Hồ Chí Minh đã chọn con đường ngoại giao hòa bình để bảo vệ độc lập, kéo dài thời

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

** Thạc sĩ, Phó Trưởng Phòng TC, HC, TTTL, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

gian hòa bình và củng cố lực lượng cách mạng. Khát vọng hòa bình của Người xuất phát từ lòng nhân ái và tư duy sắc bén, thể hiện rõ qua việc ký kết Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 và Tạm ước 14/9/1946 với Pháp, dù phải chấp nhận nhân nhượng để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Ngoài việc đàm phán trực tiếp, Hồ Chí Minh còn đẩy mạnh chiến dịch ngoại giao quốc tế, gửi thư và điện văn tới các quốc gia lớn như Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc, và các tổ chức quốc tế để tranh thủ sự ủng hộ. Sự nhân nhượng của Người không phải là yếu hèn, mà là chiến lược có tính toán, nhằm bảo vệ lợi ích tối cao của dân tộc. Trong Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946, Hồ Chí Minh đã khẳng định rõ ràng lập trường kiên quyết và bất khuất của dân tộc Việt Nam: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới...”¹. Đây là lời tuyên bố vừa thể hiện khát vọng hòa bình cháy bỏng, vừa khẳng định ý chí sắt đá bảo vệ độc lập, tự do của cả dân tộc.

Đáng chú ý, ngay cả những người trực tiếp đối diện và đàm phán với Hồ Chí Minh cũng thừa nhận thiện chí hòa bình chân thành của Người. J. Sainteny - đại diện Chính phủ Pháp tại Việt Nam - từng nhận xét: “Nếu Cụ Hồ đạt được mục đích của mình mà không phải đổ một giọt máu nào thì chắc chắn Cụ đã là một người hạnh phúc nhất đời rồi”². Nhận định này cho thấy, nỗ lực ngoại giao của Hồ Chí Minh không chỉ mang tính hình thức, mà xuất phát từ mong muốn thực sự: cứu dân tộc khỏi đau thương chiến tranh.

Có thể khẳng định rằng, trong giai đoạn 1945-1946, Hồ Chí Minh là hiện thân sinh động của khát vọng hòa bình của dân tộc Việt Nam. Người đã đi đến giới hạn cuối cùng của con đường ngoại giao, làm tất cả những gì có thể để tránh chiến tranh. Chính điều đó càng làm sáng rõ bản chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến sau này: nhân dân Việt Nam cảm vũ khí không phải để xâm lược, mà để tự vệ, bảo vệ quyền sống, quyền độc lập và quyền tự do thiêng liêng của mình.

2.2. Sự thật về kẻ gây chiến và bản chất cuộc chiến tranh Việt Nam (1954-1975)

Để xuyên tạc lịch sử, các thế lực thù địch thường cố tình lờ đi bối cảnh quốc tế và những diễn biến chính trị cốt lõi giai đoạn 1954-1960. Họ quy chụp rằng miền Bắc đã “xâm lược” miền Nam, và Hồ Chí Minh vì tham vọng chính trị đã châm ngòi cho cuộc chiến. Tuy nhiên, khi bóc tách từng lớp sương mù của lịch sử, sự thật trần trụi lại phơi bày: Cuộc chiến tranh này là sự áp đặt thô bạo của chủ nghĩa thực dân mới lên một dân tộc chỉ khát khao độc lập và thống nhất.

Thứ nhất, ai là kẻ đã “bức tử” Hiệp định Giơnevơ và phá nát cơ hội hòa bình?

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết. Đây là văn bản pháp lý quốc tế công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Theo lộ trình, đất nước sẽ tạm thời bị chia cắt ở vĩ tuyến 17 và sẽ được thống nhất thông qua cuộc Tổng tuyển cử tự do vào tháng 7 năm 1956. Đó

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.534.

² Xem Nguyễn Thị Thu, Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Việt Nam hạnh phúc và vận dụng trong kỷ nguyên phát triển mới, <https://lyluanchinhtri.vn/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-xay-dung-viet-nam-hanh-phuc-va-van-dung-trong-ky-nguyen-phat-trien-moi-6995.html>.

là khát vọng lớn nhất, cháy bỏng nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh và toàn thể nhân dân Việt Nam. Người đã nỗ lực hết mình để điều khoản tổng tuyển cử được ghi vào Hiệp định, bởi Người hiểu rằng đó là con đường duy nhất để thống nhất non sông mà không tổn xương máu.

Thế nhưng, lịch sử đã rẽ sang một hướng khác bởi bàn tay của đế quốc Mỹ. Nhận thấy uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Việt Minh là quá lớn, Tổng thống Mỹ D. Eisenhower đã từng thừa nhận trong hồi ký của mình rằng: “Nếu cuộc tuyển cử được tổ chức, 80% dân chúng sẽ bầu cho Hồ Chí Minh”³. Chính vì nỗi sợ hãi trước sự lựa chọn của nhân dân Việt Nam, Mỹ đã ngang nhiên hất cẳng Pháp, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm và trắng trợn tuyên bố không thi hành tổng tuyển cử.

Hành động này là “phát súng đầu tiên” làm vỡ nền hòa bình mong manh ở Đông Dương. Mỹ đã biến vĩ tuyến 17, vốn là giới tuyến quân sự tạm thời, thành biên giới quốc gia chia cắt dân tộc. Chính quyền tay sai dưới sự bảo trợ của Mỹ đã ban hành Luật 10/59, khủng bố

miền Nam với khẩu hiệu “thà giết nhầm còn hơn bỏ sót”. Khi đấu tranh chính trị hòa bình bị đàn áp, nhân dân miền Nam buộc phải đứng lên cầm súng, theo tinh thần Nghị quyết 15 (1959), để tự vệ. Chiến tranh không đến từ tham vọng Cộng sản, mà từ sự dồn ép tàn bạo của kẻ thù.

Thứ hai, bản chất cuộc chiến qua lăng kính của chính người Mỹ và phương Tây.

Không chỉ lịch sử Việt Nam, mà chính các học giả và chính khách phương Tây cũng đã đưa ra những phán quyết công bằng về nguồn gốc cuộc chiến. Học giả Mỹ Ezwin Knoll trong cuốn sách “Cuộc chiến bịp bợm của Mỹ” đã vạch trần bản chất vấn đề: Sự hiện diện của Mỹ tại Việt Nam ngay từ đầu đã nằm trong một toan tính địa chính trị toàn cầu - thiết lập một “pháo đài của thế giới tự do”, một tiền đồn chống Cộng sản tại Đông Nam Á.

Việt Nam, trong mắt các nhà hoạch định chiến lược tại Lầu Năm Góc thời bấy giờ, là một quân cờ trong thuyết “Domino”. Để giữ quân cờ này, Mỹ sẵn sàng chà đạp lên quyền tự quyết của một dân tộc. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của

Mỹ ngày càng leo thang về quy mô và mức độ tàn khốc: từ “Chiến tranh đặc biệt” dùng người Việt đánh người Việt, đến “Chiến tranh cục bộ” trực tiếp đưa hơn nửa triệu quân viễn chinh Mỹ vào giày xéo đất đai miền Nam, và gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc.

Nếu Hồ Chí Minh là người hiểu chiến, tại sao Mỹ phải tạo dựng sự kiện Vịnh Bắc Bộ giả mạo để có cơ ném bom miền Bắc? Nếu Việt Nam là kẻ gây hấn, tại sao bom đạn lại rơi trên làng mạc, trường học, bệnh viện của Việt Nam chứ không phải trên đất Mỹ? Sự leo thang chiến tranh từ phía Mỹ chính là câu trả lời đanh thép nhất cho câu hỏi: Ai là kẻ xâm lược?

Thứ ba, Hồ Chí Minh - Biểu tượng của khát vọng hòa bình và lòng nhân ái.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, và đặc biệt là trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, tư tưởng nhất quán của Hồ Chí Minh là “Hòa bình trong độc lập tự do”. Người phân biệt rạch ròi giữa bọn thực dân, đế quốc hiếu chiến với nhân dân lao động yêu chuộng hòa bình ở các nước đó.

³ Xem Nguyễn Hoài Nam, Nếu tổng tuyển cử, Hồ Chí Minh sẽ giành 80% phiếu bầu, <https://www.qdnd.vn/phong-su-dieu-tra/dieu-tra/neu-tong-tuyen-cu-ho-chi-minh-se-gianh-80-phieu-bau-478418>.

Hồ Chí Minh đau xót trước sự hy sinh của đồng bào mình, nhưng Người cũng không hề muốn nhìn thấy những thanh niên Mỹ phải chết vô nghĩa ở một đất nước xa xôi. Trong các bức thư gửi tới các đời Tổng thống Mỹ (từ Harry Truman, Dwight Eisenhower đến Lyndon B. Johnson và Richard Nixon), Người luôn đề nghị đàm phán, luôn đề ngỏ một cánh cửa hòa bình. Người từng đưa ra thông điệp nổi tiếng thể hiện tốt cùng của thiện chí và văn hóa ngoại giao nhân văn: “Nhân dân Việt Nam sẵn sàng trải thảm đỏ và rắc hoa cho Mỹ rút về nước”³. Đó là tư thế của một người chiến thắng bao dung, muốn giữ thể diện cho một nước lớn, muốn kết thúc chiến tranh trong danh dự cho cả hai bên.

Tuy nhiên, đáp lại những lời kêu gọi hòa bình thiết tha ấy là sự im lặng, là những đợt tăng quân ồ ạt và những chiến dịch rải thảm bom B52. Chính cựu Tổng thống Pháp François Mitterrand, trong chuyến thăm Việt Nam năm 1993, đã có một nhận định mang tính tổng kết lịch sử: “Ông Hồ Chí Minh đã tìm kiếm những người đối thoại nhưng không tìm được... ông

Hồ Chí Minh đã bị đẩy vào cuộc chiến tranh”⁴. Câu nói này đã minh oan cho mọi sự xuyên tạc, khẳng định Hồ Chí Minh là người bị động trước cuộc chiến, và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam là cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, bắt buộc và chính nghĩa.

Nhìn lại lịch sử giai đoạn 1954-1975, chúng ta thấy rõ hai bức tranh đối lập. Một bên là đế quốc Mỹ với dã tâm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, sẵn sàng chà đạp lên Hiệp định quốc tế và quyền con người. Một bên là dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dù khao khát hòa bình nhưng buộc phải cầm súng để bảo vệ chân lý “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Quy kết Hồ Chí Minh “hiếu chiến” hay “gây ra chiến tranh” không chỉ là sự đốt nát về lịch sử, mà còn là một tội ác xúc phạm đến anh linh của hàng triệu người con ưu tú của cả hai miền Nam - Bắc đã ngã xuống để bảo vệ chân lý ấy. Sự thật lịch sử chỉ có một: Việt Nam chiến đấu vì độc lập và thống nhất, và Mỹ chính là kẻ đã châm ngòi và nuôi dưỡng ngọn lửa chiến tranh tàn khốc ấy.

2.3. Phê phán quan điểm đánh tráo khái niệm, tuyệt đối hóa “bất bạo động” để phủ nhận thành quả cách mạng

Trong những năm gần đây, lợi dụng xu hướng hòa bình và hội nhập, một số nhà nghiên cứu và thế lực thù địch đã cố tình khôi phục tư tưởng đầu thế kỷ XX, tuyệt đối hóa phương pháp đấu tranh “bất bạo động” của Phan Chu Trinh và coi đó là đỉnh cao của tư duy văn minh. Họ so sánh khắp khiêng và hạ thấp con đường cách mạng vô sản của Hồ Chí Minh, cho rằng nếu Việt Nam theo con đường cải lương, ôn hòa của Phan Chu Trinh, dân tộc ta đã tránh được chiến tranh và vẫn có thể giành độc lập.

Điều này thực chất là tư duy nguy hiểm, phi lịch sử và phi thực tiễn, nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến.

Thứ nhất, chủ trương “Ỗ Pháp cầu tiến bộ” của Phan Chu Trinh xuất phát từ đánh giá sai về chủ nghĩa thực dân. Thực dân Pháp không đến Việt Nam để “khai hóa văn minh,” mà để vơ vét tài nguyên và bóc lột nhân công. Phương

⁴ Lưu Văn Lợi, Nguyễn Anh Vũ: Tiếp xúc bí mật Việt Nam - Hoa Kỳ trước Hội nghị Paris, Viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội.1990, tr.103.

⁵ Xem Nguyễn Văn Minh, Bài học từ một “nền hòa bình bị bỏ lỡ” <https://www.qdnd.vn/phong-chong-dien-bien-hoa-binh/bai-hoc-tu-mot-nen-hoa-binh-bi-bo-lo-495333>.

pháp hòa bình của ông đã thất bại thảm hại, vì thực dân không bao giờ ban phát độc lập, chỉ đem lại những bản án tù đầy và sự tàn bạo.

Thứ hai, bạo lực cách mạng của Hồ Chí Minh là sự lựa chọn bắt buộc để chống lại bạo lực phản cách mạng. Hồ Chí Minh là người yêu chuộng hòa bình, nhưng hòa bình của Người không phải là thứ hòa bình trong sự nô lệ. Khi kẻ thù dùng vũ lực đàn áp, bạo lực phản cách mạng, cách mạng vô sản buộc phải dùng bạo lực chính nghĩa để tự vệ. Hồ Chí Minh đã từng khẳng định rằng, để đánh bại chủ nghĩa thực dân, phải dùng bạo lực cách mạng để bảo vệ độc lập dân tộc.

Thứ ba, thành công của con đường Hồ Chí Minh là minh chứng rõ ràng bác bỏ luận điệu xuyên tạc. Các đối thủ của bạo lực cách mạng thường đưa ra ví dụ về Mahatma Gandhi ở Ấn Độ, nhưng họ quên rằng bối cảnh và bản chất kẻ thù ở Việt Nam hoàn toàn khác biệt. Đối diện với thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, con đường thỏa hiệp là con đường chết. Chính con đường cách mạng vô sản của Hồ Chí Minh đã kết hợp đấu

tranh chính trị và vũ trang, tạo nên sức mạnh giúp Việt Nam giành độc lập.

Việc đề cao phương pháp “bất bạo động” hiện nay không chỉ là vấn đề lịch sử mà còn là mưu đồ chính trị, nhằm phi chính trị hóa lực lượng vũ trang và làm suy yếu niềm tin vào Đảng. Sự thật lịch sử khẳng định, chỉ có bạo lực cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh mới đem lại độc lập và tự do cho dân tộc Việt Nam. Khước từ bạo lực cách mạng là hành động tự sát và phản bội lợi ích tối cao của dân tộc.

3. Kết luận

Khép lại những trang lịch sử, sự thật đã được phơi bày một cách rõ ràng: Hồ Chí Minh không phải là người gây ra chiến tranh, mà là người đã nỗ lực hết mình để ngăn chặn chiến tranh. Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ không phải là lựa chọn của một cá nhân hiếu chiến, mà là sự lựa chọn sinh tồn của cả dân tộc trước họa xâm lăng. Đó không phải là lựa chọn giữa chiến tranh và hòa bình thông thường, mà là giữa việc làm người tự do hay sống

kiếp nô lệ. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, dân tộc ta đã chọn phẩm giá con người, chấp nhận hy sinh để giành độc lập.

Hồ Chí Minh là lãnh tụ của hòa bình, nhưng đó phải là hòa bình trong độc lập và tự do, không phải hòa bình dưới sự xâm lược. Suốt cuộc đời, Người luôn giương cao ngọn cờ hòa hiếu, coi chiến tranh là giải pháp cuối cùng để tự vệ. Hình ảnh Người kiên trì cầu hòa đối lập với những đoàn quân xâm lược, là sự tương phản giữa văn hóa hòa bình và dã tâm xâm lược.

Mọi luận điệu xuyên tạc về Hồ Chí Minh là những thủ đoạn chính trị hèn hạ, phản khoa học và xúc phạm đến anh linh của hàng triệu người đã hy sinh. Những luận điệu này nhằm “phi chính trị hóa” lịch sử, làm nhòe ranh giới giữa chính nghĩa và phi nghĩa, và làm lung lay niềm tin vào con đường cha ông đã chọn. Bảo vệ sự thật lịch sử về Hồ Chí Minh và hai cuộc kháng chiến là trách nhiệm của lương tâm, để chúng ta trân trọng giá trị hòa bình và đủ sức bác bỏ nguy hiểm của các thế lực thù địch./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 4, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
2. Lưu Văn Lợi, Nguyễn Anh Vũ: Tiếp xúc bí mật Việt Nam - Hoa Kỳ trước Hội nghị Pari, Viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội, 1990.
3. Nguyễn Hoài Nam: “Nếu tổng tuyển cử, Hồ Chí Minh sẽ giành 80% phiếu bầu”, Báo Quân đội Nhân dân, <https://www.qdnd.vn/phong-su-dieu-tra/dieu-tra/neu-tong-tuyen-cu-ho-chi-minh-se-gianh-80-phieu-bau-478418>
4. Nguyễn Văn Minh: “Bài học từ một ‘nền hòa bình bị bỏ lỡ’”, Báo Quân đội Nhân dân, <https://www.qdnd.vn/phong-chong-dien-bien-hoa-binh/bai-hoc-tu-mot-nen-hoa-binh-bi-bo-lo-495333>
5. Nguyễn Thị Thu: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Việt Nam hạnh phúc và vận dụng trong kỷ nguyên phát triển mới”, <https://lyluanchinhtri.vn/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-xay-dung-viet-nam-hanh-phuc-va-van-dung-trong-ky-nguyen-phat-trien-moi-6995.html>.

NHẬN DIỆN PHƯƠNG THỨC, THỦ ĐOẠN XUYỀN TẠC HỒ CHÍ MINH VÀ GIẢI PHÁP ĐẤU TRANH PHẢN BÁC HIỆN NAY

✪ HỒ THỊ KIỀU NƯƠNG*

1. Đặt vấn đề

Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới, biểu tượng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân văn và cách mạng giải phóng dân tộc. Chính vì vậy, việc xuyên tạc, bôi nhọ hình ảnh Hồ Chí Minh luôn là một trọng điểm trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, làm suy giảm niềm tin xã hội và phá hoại nền tảng tư tưởng của chế độ.

Thực tiễn cho thấy, các luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh không mang tính tự phát, đơn lẻ mà được triển khai có chủ đích, có tổ chức, với nhiều phương thức và thủ đoạn ngày càng tinh vi. Việc nhận diện đầy đủ các thủ đoạn đó có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở để đề xuất những giải pháp đấu tranh phù hợp, hiệu quả trong điều kiện hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Phương thức, thủ đoạn của thế lực thù địch

Chủ thể xuyên tạc Hồ Chí Minh không từ một thủ đoạn nào dù là xấu xa nhất. Họ sẵn sàng vu khống, bịa đặt, nói xấu một cách vô liêm sỉ, đổi trắng thay đen, suy diễn vô căn cứ, phủ nhận công lao, cực đoan, phiến diện, siêu hình, lấy hiện tượng thay cho bản chất, v.v...

Hình thức diễn đạt của các luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh đa dạng, dùng những ngôn từ trực tiếp hoặc ám chỉ, thậm chí tệ hại, chửi bới bậy bạ, vô văn hóa. Cách thức đăng tải luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh chủ yếu sử dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng, như: xuất bản sách, báo ở nước ngoài, sản xuất băng đĩa hình, in truyền đơn rồi tìm cách chuyển về trong nước, sử dụng các đài truyền hình, phát thanh của nước ngoài (như RFI, BBC...)

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và bùng nổ truyền thông số, các thế lực thù địch ngày càng gia tăng hoạt động xuyên tạc Hồ Chí Minh với phương thức, thủ đoạn tinh vi, đa dạng và có hệ thống. Bài viết tập trung phân tích các phương thức, thủ đoạn chủ yếu mà các thế lực thù địch sử dụng để bóp méo, phủ nhận vai trò, công lao và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân đối với con đường cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, phương thức, thủ đoạn, giải pháp, phản bác luận điệu sai trái.

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

nhằm vào Việt Nam. Đặc biệt, hiện nay, dựa vào thành tựu công nghệ thông tin hiện đại, các thế lực chống phá cách mạng sử dụng mạng Internet, mạng xã hội như: Google, Facebook, YouTube pha trộn thông tin thật giả, bình luận xuyên tạc, kích động, để tán phát nhanh, hữu hiệu luận điệu của họ vào Việt Nam và trên khắp thế giới.

2.1.1. Vu khống, dựng chuyện, nguy tạo tài liệu, phủ định các sự kiện, quan điểm khoa học đúng đắn về Hồ Chí Minh

Thủ đoạn này chủ yếu nhằm xuyên tạc tiểu sử Hồ Chí Minh, tập trung vào đời tư và những sự kiện bị họ gán ghép thành cái gọi là “tội ác”. Lợi dụng những “khoảng trống” nghiên cứu và tính khó kiểm chứng của tư liệu lịch sử, các đối tượng cố tình bịa đặt, nhào nặn thông tin, đánh vào những vấn đề “nhạy cảm” để gây sốc dư luận, kích thích tò mò và thu hút sự chú ý.

Tiêu biểu là cuốn *Sự tích con yêu râu xanh* của Việt Thường. Tác giả này vịn vào những tư liệu rời rạc, chưa được kiểm chứng để xuyên tạc trắng trợn đời tư Hồ Chí

Minh. Từ một bản khai “đã có chồng” của Nguyễn Thị Minh Khai tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (1935) - vốn chỉ được giới nghiên cứu ghi nhận như một sự kiện - Việt Thường đã cố tình biến thành “tờ hôn thú”, từ đó bôi nhọ Hồ Chí Minh, hoàn toàn bất chấp sự thật, chỉ nhằm nói ngược lại những điều mà ông ta gọi là “tuyên truyền bịp bợm của cộng sản”¹.

Cùng thủ đoạn đó, trên Internet xuất hiện nhiều bài viết bịa đặt về “tội ác” của Hồ Chí Minh, dựng nên các sự kiện, con số và tình tiết phi lịch sử. Họ quy kết rằng: “Không có Hồ Chí Minh sẽ không có cuộc chiến tranh phi nghĩa huynh đệ tương tàn... Không có Hồ Chí Minh sẽ không có máu và nước mắt trong cái cách ruộng đất, không có thảm sát Huế Mậu Thân 1968”². Họ trắng trợn quy kết rằng, những việc làm của Hồ Chí Minh “chứa đầy tội ác”, trái ngược với những gì mà “cộng sản” nói về tư tưởng, đạo đức của Người. Họ “chụp mũ” Hồ Chí Minh đủ thứ xấu xa, cho Người là chủ mưu chỉ đạo gây ra cuộc chiến tranh Pháp - Việt, bội ước Genève, cưỡng chiếm

miền Nam; ra lệnh các thuộc hạ bắt, giam, thủ tiêu những phe, nhóm không phải cộng sản như “lệnh của Hồ Chí Minh ban ra cho Nguyễn Chánh, Phạm Văn Đồng, thi hành sự chém giết tại Quảng Ngãi và cho Hồ Nghinh, Hoàng Minh Thắng tại Quảng Nam, chính Hồ Chí Minh đã ra lệnh giết ông Tạ Thu Thâu, Dương Bạch Mai đã chết một cách rất bí mật, có thể do bàn tay của Hồ Chí Minh”³, v.v...

2.1.2. Bóp méo, cắt xén, xuyên tạc sự thật và nhận thức về Hồ Chí Minh

Đây là thủ đoạn được chủ thể xuyên tạc Hồ Chí Minh sử dụng từ rất sớm và phổ biến nhất. Cách thức của họ là đánh đồng hiện tượng với bản chất; trộn lẫn thật với giả; “xôi đồ” nửa khen, nửa chê; bóp hẹp, phủ nhận công lao, thành tích và thổi phồng khuyết điểm; so sánh, đối ngược những tư liệu của Hồ Chí Minh, v.v... Mục đích của họ là để trang trí, hậu thuẫn cho những quan điểm phản động và đưa mọi người đến chỗ hiểu sai về Hồ Chí Minh.

Phần “Phụ lục 1 về Huyền thoại Hồ Chí Minh” trong tài liệu Từ Nguyễn Tất

¹ Việt Thường (2002), *Sự tích con yêu râu xanh ở Việt Nam*, NXB Quê khởi, California (Mỹ).

² Nguoiduatin (2014), “Hồ Chí Minh là thế đấy!!!”, tại trang <http://danlambaovn.blogspot.com/2014/10/ho-chi-minh-la-ay.html>, [truy cập ngày 13/6/2018].

³ Hồ Văn Đồng (không rõ thời gian), “Tàn sát Cao Đài, Hòa Hảo, giết Tạ Thu Thâu”, tại trang <https://vietbao.com/a264702/tan-sat-cao-dai-hoa-hao-giet-ta-thu-thau>, [truy cập ngày 04/3/2018].

Thành đến Hồ Chí Minh (Sự hình thành một chọn lựa) của Lữ Phương. Mặc dù ở một số chỗ, tác giả cố gắng tỏ ra khách quan, khoa học, song vẫn không tránh khỏi những đánh giá nhận định có phần trùng lặp như khi ông nhận xét: Theo một bài viết của Vũ Kỳ, thì “công lao của Hồ Chí Minh trong cuộc “Tổng tấn công và nổi dậy” 1968, vắn vắn chỉ có bài thơ Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua, Thắng lợi tin vui khắp mọi nhà... Sau khi ghi âm bài thơ này thì ông được đưa đi... nghỉ... Ông Hồ chỉ biết ngày giờ cuộc “Tổng tấn công và nổi dậy” nổ ra qua đài phát thanh”. Cuối cùng ông phán: “Qua câu chuyện trên, ta thấy có hai xu hướng chính trong suốt một thời gian dài: Lê Duẩn/Lê Đức Thọ đối đầu với Hồ Chí Minh/Võ Nguyên Giáp”⁴. Ở đây, không những Lữ Phương “gấp lửa bỏ tay người” xuyên tạc Vũ Kỳ (vì trong bài viết của Vũ Kỳ thì ông đã kể rất rõ là: Thượng tuần tháng 12/1967, Hồ Chí Minh dự Hội nghị Bộ Chính trị để bàn về Tổng tấn công xuân Mậu Thân 1968), mà nó còn là lối suy diễn chủ quan, vô căn cứ, bởi với cương vị Chủ tịch Đảng,

Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh không thể chỉ biết ngày, giờ cuộc Tổng tấn công và nổi dậy khi nó đã... nổ ra!.

Nhạc sĩ Tô Hải, nhiều người thuộc thành phần văn nghệ sĩ, từng ít nhiều tham gia kháng chiến, tận mắt chứng kiến bước trưởng thành của dân tộc, song tự “huyền hoặc” mình, cho mình là người “cấp tiến” mà đưa nhiều luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh. Nhà văn Đào Hiếu, trong bài viết “Thật, giả lẫn lộn và trách nhiệm của chúng ta” đã giấu đầu cắt đuôi câu nói - quan điểm của Hồ Chí Minh để phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, cho Hồ Chí Minh chỉ là nhà dân tộc chủ nghĩa. Ông viết ai nói gì nói, tôi vẫn “chịu” cụ Hồ khi cụ tuyên bố tại Tours cuối năm 1920 đại khái: “Đệ tam hay đệ tứ cộng sản? Không biết có ĐỆ NHỊ RUỒI cộng sản không, nếu có thì tôi cũng theo, miễn là giành được độc lập”. Câu chế giễu ấy chứng tỏ cụ Hồ cũng coi các học thuyết là cái mớ giẻ rách”⁵. Sự thực là sau khi nói ý vậy thì Hồ Chí Minh còn cho rằng, lúc đó mình còn “non”, “chưa hiểu được vấn đề” và quan trọng hơn, đến khi Đại hội biểu quyết thì Hồ Chí Minh

đã dứt khoát lựa chọn Quốc tế cộng sản. Trong bài viết “Kỷ niệm 40 năm thành lập Đảng Cộng sản Pháp”, ngày 29/12/1960, Hồ Chí Minh diễn tả lại rằng: “... Đến lượt tôi, tôi kịch liệt tố cáo những tội ác ghê tởm của bọn thực dân Pháp ở nước ta rồi kết luận: “Tôi yêu cầu Đảng phải thiết thực giúp đỡ cách mạng Việt Nam và các thuộc địa và tôi nhiệt liệt tán thành Quốc tế Cộng sản”⁶. Khi trả lời phỏng vấn Sáclo Phuốcniô, phóng viên báo Nhân đạo (Pháp), Hồ Chí Minh cũng kể lại sự việc tương tự. Hoàn toàn không có dòng nào cho thấy Người thuộc phái bên nào “cùng theo”, “miễn là giành được độc lập”, rằng Người “coi các học thuyết chỉ là mớ giẻ rách”. Thực tế, Hồ Chí Minh không phải là người kinh viện, sách vở máy móc, song với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh luôn coi trọng, xem đó như một thứ “cẩm nang”.

2.3. Giải pháp đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh

Xuất phát từ thực tiễn đấu tranh tư tưởng hiện nay và yêu cầu bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng,

⁴ Lữ Phương (2007), *Từ Nguyễn Tất Thành đến Hồ Chí Minh (Sự hình thành một chọn lựa)*, Thư nhà, Melbourne (Úc).

⁵ Đào Hiếu (2009), “Thật, giả lẫn lộn và trách nhiệm của chúng ta”, tại trang <http://www.talawas.org/?p=4594>, [truy cập ngày 18/05/2018].

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.738.

việc đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh cần được tiến hành một cách toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp với từng đối tượng, từng hoàn cảnh cụ thể. Trên cơ sở đó, cần đẩy mạnh các giải pháp cơ bản sau đây nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch về Hồ Chí Minh.

Một là, về đối tượng xuyên tạc cần đấu tranh, xử lý. Rất nhiều cá nhân, tổ chức có các luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh, chúng ta không có khả năng và cũng không cần thiết phải đấu tranh, xử lý toàn bộ những chủ thể này. Theo tác giả, đối tượng xuyên tạc Hồ Chí Minh cần đấu tranh, xử lý là những cá nhân, tổ chức, thế lực có âm mưu và hành động thông qua các luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh làm ảnh hưởng, phương hại đến an ninh tư tưởng - văn hóa, an ninh chính trị từ một hay cả bộ phận quần chúng nhân dân; đến mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, kết hợp nhiều biện pháp đấu tranh. Với đối tượng là những người chủ mưu, ngoan cố, không thể cải tạo được cần cương quyết và nghiêm trị. Với đối tượng là những người a dua, có quan điểm sai trái nhưng không phải thù địch cần mềm dẻo,

có lý có tình, giáo dục, thuyết phục, tạo điều kiện cho họ nhận ra lầm lỗi, từ bỏ những luận điệu sai trái, xuyên tạc của mình.

Ba là, kết hợp nhiều phương thức đấu tranh. Đấu tranh trực diện thông qua gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc xử lý bằng biện pháp pháp lý, ngoại giao. Đấu tranh gián tiếp thông qua tổ chức, cơ quan quản lý của đối tượng; qua vận động của đoàn thể, áp lực của quần chúng, họ hàng, thân tộc, gia đình. Bằng biện pháp nghiệp vụ của ngành an ninh, hợp tác quốc tế trong xử lý, truy bắt các đối tượng chống đối, v.v...

Bốn là, nêu rõ ràng, tập trung đối tượng đấu tranh. Tùy tính chất, nhiệm vụ của một bài viết hay đề tài, công trình mà quy định đấu tranh ít hay nhiều nội dung luận điệu xuyên tạc. Cần tập trung đấu tranh và tránh tình trạng đã xác định, nhưng không đấu tranh hoặc vì đấu tranh dàn trải mà thiếu sâu sắc.

Chủ định đấu tranh với một luận điệu nào đó, cần nêu rõ: nội dung cốt lõi của luận điệu đó; những chứng cứ bảo vệ cho luận điệu đó; chủ nhân của luận điệu đó (tùy đối tượng đấu tranh mà có thể nêu rõ họ tên hoặc chỉ nêu chung thế lực nào đó, song cần phải làm rõ âm mưu, động cơ của

họ). Có như vậy, đấu tranh, phê phán mới tập trung, đúng chỗ, hấp dẫn và thuyết phục người đọc. Tránh tình trạng nêu vấn đề một cách chung chung, không rõ nội dung, địa chỉ luận điệu cần phê phán, dẫn đến gán ép khiến cường và người đọc không biết đấu tranh với cái gì, của ai.

Năm là, nêu rõ chính kiến của mình. Mục đích của đấu tranh phê phán là phủ định luận điệu sai trái, xuyên tạc và khẳng định luận điểm đúng đắn. Vì vậy, phê phán, bác bỏ một luận điệu nào, người viết phải có luận điểm của mình về vấn đề đó. Luận điểm này thường là đối lập, ít nhất phải khác luận điệu đưa ra đấu tranh và nó cũng phải được nêu rõ ràng. Trong quá trình đấu tranh, luận giải, phải luôn gắn phê phán phủ định luận điểm này cũng tức là đang bảo vệ, khẳng định luận điểm kia và ngược lại.

Sáu là, có chứng cứ đầy đủ, khách quan, lập luận chặt chẽ, khoa học. Các luận điệu sai trái, xuyên tạc Hồ Chí Minh thường dùng những chứng cứ đã bị xuyên tạc, bóp méo và lập luận một cách nguy hiểm, bất chấp phải trái. Đây là điểm yếu cố hữu của nó. Để đấu tranh, phản bác các luận điệu này, chúng ta không thể làm như họ mà phải dùng những chứng cứ khách quan,

trung thực mà mọi người kể cả đối phương đều thừa nhận. Đặc biệt, tránh tình trạng chỉ nêu lý thuyết chung chung, không có các dẫn chứng thực tiễn để minh chứng cho lập luận của mình. Chứng cứ phải được đặt trong một lập luận chặt chẽ, mạch lạc, logic; tránh áp đặt và không có sự phân tích chứng minh, có như thế mới dẫn đến sự thuyết phục cao với mọi người, kể cả đối tượng đấu tranh cũng không thể chối cãi.

Bây là, có thái độ đấu tranh đúng đắn. Những luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh của những người không có tâm lành thường là rất cực đoan, bôi đen, thậm chí chửi rủa thô thiển kiểu “hàng tôm hàng cá”. Song, để chống lại những luận điệu đó một cách có hiệu quả cao, chúng ta cần phải có tâm, có tầm, phải vượt lên trên đối tượng cả về trí tuệ và cách ứng xử văn hóa. Sự phê bình nào cũng cần cái chất và cái nền văn hóa, có như thế sự phê bình, phê phán mới ở tầm trí tuệ, mới có tác dụng lâu dài, và qua đó cũng góp phần làm cho đối tượng được phê bình, phê phán tâm phục, khẩu phục.

Đối với nội dung các luận điệu xuyên tạc cụ thể về Hồ Chí Minh. Ngoài những nội dung đã đấu tranh có sức thuyết phục cao trong thời gian qua, cần chủ động đấu

tranh, khẳng định và công bố một cách rõ ràng, chính thống, rộng rãi nội dung các luận điệu xuyên tạc khác về Hồ Chí Minh như đã chỉ ra. Đó là các luận điệu xuyên tạc, rằng Hồ Chí Minh: bán Phan Bội Châu năm 1925; thủ tiêu các đảng, phái “quốc gia” giai đoạn 1945 - 1946; về gốc tích, thân thế, chuyện vợ con; là người Trung Quốc, v.v...

Tám là, tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an toàn, an ninh mạng; đồng thời đẩy mạnh đấu tranh, phối hợp với tổ chức, cá nhân nước ngoài xử lý thông tin; đầu tư xây dựng mạng xã hội riêng đủ mạnh để chủ động kiểm soát, xử lý thông tin.

3. Kết luận

Xuyên tạc Hồ Chí Minh là một thủ đoạn có tính chiến lược, được các thế lực thù địch triển khai lâu dài, có chủ đích, với nhiều hình thức ngày càng tinh vi, đặc biệt trong bối cảnh bùng nổ thông tin và truyền thông số hiện nay. Thông qua việc vu khống, ngụy tạo tư liệu, bóp méo sự thật lịch sử, cắt xén phát biểu và xuyên diễn chủ quan, các luận điệu sai trái không chỉ nhằm bôi nhọ, phủ nhận công lao và giá trị tư tưởng, đạo đức của Hồ Chí Minh, mà sâu xa hơn là tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng, làm suy giảm niềm tin của nhân

dân đối với con đường cách mạng Việt Nam.

Việc nhận diện đầy đủ phương thức, thủ đoạn xuyên tạc Hồ Chí Minh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa giúp chủ động phòng ngừa, vừa tạo cơ sở khoa học cho công tác đấu tranh phản bác. Đấu tranh chống các luận điệu sai trái, thù địch về Hồ Chí Minh không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách mà là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhà nghiên cứu, nhà giáo và toàn xã hội. Quá trình đấu tranh đó đòi hỏi phải được tiến hành một cách kiên quyết nhưng tinh tế, có lý, có tình; kết hợp chặt chẽ giữa biện pháp chính trị, tư tưởng, pháp lý, nghiệp vụ và truyền thông; lấy chứng cứ khoa học, lập luận chặt chẽ và thái độ văn hóa làm nền tảng.

Trong bối cảnh hiện nay, việc bảo vệ hình ảnh, sự nghiệp và di sản tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ nhằm phản bác các luận điệu xuyên tạc, mà còn góp phần khẳng định giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây chính là yêu cầu khách quan, cấp thiết, có ý nghĩa lâu dài trong việc giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố niềm tin xã hội và định hướng giá trị cho các thế hệ hôm nay và mai sau./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Đạo (2018), “Bối cảnh xuất hiện và diễn biến các luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh”, Tạp san Thông tin Khoa học & Công nghệ, (ISSN 1859-0349).
2. Hồ Văn Đồng (không rõ thời gian), “Tàn sát Cao Đài, Hòa Hảo, giết Tạ Thu Thâu”, tại trang <https://vietbao.com/a264702/tan-sat-cao-dai-hoa-hao-giet-ta-thu-thau>, [truy cập ngày 04/3/2018].
3. Đào Hiếu (2009), “Thật, giả lẫn lộn và trách nhiệm của chúng ta”, tại trang <http://www.talawas.org/?p=4594>, [truy cập ngày 18/05/2018].
4. Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.738.
5. Nguoiduatin (2014), “Hồ Chí Minh là thế đấy!!!”, tại trang <http://danlambaovn.blogspot.com/2014/10/ho-chi-minh-la-ay.html>, [truy cập ngày 13/6/2018]
6. Lữ Phương (2007), *Từ Nguyễn Tất Thành đến Hồ Chí Minh (Sự hình thành một chọn lựa)*, Thư nhà, Melbourne (Úc).
7. Việt Thường (2002), *Sự tích con yêu râu xanh ở Việt Nam*, NXB Quạt khời, California (Mỹ).

VĂN HÓA TRƯỜNG ĐẢNG

TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN TƯƠNG LAI Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

✪ VÕ THỊ MỸ VÂN*

Tóm tắt: Trải qua hơn 70 năm hình thành và phát triển, các thế hệ cán bộ, giảng viên, viên chức, nhân viên, người lao động và học viên của Trường luôn tự hào và tiếp nối truyền thống tốt đẹp của thầy cô các thế hệ đi trước, không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, nêu cao tinh thần trách nhiệm, sáng tạo trên các lĩnh vực hoạt động để xây dựng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp ngày càng tiến bộ, vững mạnh, xứng đáng là nơi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có đức, có tài phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Kết quả đó luôn được hun đúc bởi các giá trị văn hóa Trường Đảng từ truyền thống đến tương lai ở các Trường Chính trị, trong đó có Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

Từ khóa: Văn hóa Trường Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp; phát triển, văn hóa.

Văn hóa nói chung chính là phương thức tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã định nghĩa về văn hóa như sau: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng

hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

Văn hóa Trường Đảng là những giá trị văn hóa, truyền thống, bản sắc được các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, viên chức, học viên của trường dày công vun đắp, giữ gìn bằng tất cả trách nhiệm và trí tuệ 70 năm qua. Những giá trị đó được lan tỏa không chỉ trong phạm vi hệ thống Trường Chính trị Tỉnh mà có

thể còn ảnh hưởng tới cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (trước sáp nhập) được thành lập vào năm 1995 trên cơ sở Quyết định số 88-QĐ/TW ngày 05/9/1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Nghị quyết số 01-NQ/TU của Tỉnh ủy “Về việc thành lập Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp”; Quyết định số 04/QĐ-TL ngày 16/01/1995 của Ủy ban nhân dân Tỉnh đề hợp nhất Trường Đảng Phạm Hữu Lầu và Trường Hành chánh tỉnh thành Trường

* Thạc sĩ, Trường Phòng TC, HC, TTTL, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3 (1930-1945), tái bản lần 3, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà nội 2011, tr.470.

Chính trị tỉnh Đồng Tháp². Để giữ vững vị thế, uy tín của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, đội ngũ giảng viên, viên chức, nhân viên và học viên luôn nâng cao về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ; giữ gìn, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật,... xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Ban Giám hiệu Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp thường xuyên tập trung lãnh đạo nâng cao nhận thức trong viên chức, giảng viên, nhân viên, người lao động và học viên về những giá trị truyền thống, bản sắc văn hoá trường đảng, ứng xử văn hoá trong cơ quan; cụ thể hoá những giá trị văn hoá đó vào

các hoạt động trên các lĩnh vực công tác. Quan tâm, chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, triển khai tới toàn thể viên chức, giảng viên, nhân viên, người lao động và học viên các văn bản của Đảng, Nhà nước, của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, của Tỉnh về văn hoá Trường Đảng³, thường xuyên nâng cao nhận thức về văn hoá trường đảng nhằm thực hiện tốt việc rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa hồng vừa chuyên như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”⁴; “Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”⁵; “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”⁶.

Viên chức, giảng viên, nhân viên và học viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp thường xuyên được triển khai, học tập, quán triệt các chuyên đề toàn khoá và chuyên đề hằng năm theo tinh thần Chỉ

thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ theo Luật số: 10/2022/QH15.

Xây dựng văn hóa Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp có vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, rèn luyện nhân cách con người. Hàng năm, Trường luôn quan tâm điều chỉnh, bổ sung Quy định về ứng xử văn hóa của viên chức, nhân viên và học viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp⁷ nhằm xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng và được tiếp cận ở nhiều góc độ, khía cạnh như:

1. Trụ sở, cảnh quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa; văn hóa về trang phục, giờ giấc làm việc trong cơ quan;

² Lịch sử Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật Hà Nội - 2025, tr.93, 94.

³ Quyết định số 5029-QĐ/HVCTQG ngày 26/10/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về ban hành Quy định ứng xử văn hóa của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Kế hoạch số 287-KH/HVCTQG ngày 08/9/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về tổ chức phong trào thi đua giai đoạn 2020-2025 “Đoàn kết - Kỷ cương - Gương mẫu - Sáng tạo - Hiệu quả”; Kế hoạch số 311-KH/HVCTQG ngày 20/8/2021 của Giám đốc Học viện về triển khai cuộc vận động “Xây dựng phong cách cán bộ trường Đảng trung thành, sáng tạo, cống hiến vì sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu lý luận chính trị” giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI về xây dựng văn hóa và con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo.

⁴ Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, T. 5, tr. 309.

⁵ Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, T. 5, tr. 280.

⁶ Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, T. 5, tr. 309, 280, 309.

⁷ Quyết định số 2034-QĐ/TCT ngày 04/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa của viên chức, nhân viên và học viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (Điều chỉnh, bổ sung).

2. Văn hóa ứng xử trong nội bộ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, gồm: ứng xử văn hóa của cán bộ lãnh đạo, viên chức quản lý; ứng xử văn hóa của viên chức, người lao động trong nhà trường với cấp trên và đồng chí, đồng nghiệp, học viên;

3. Xây dựng môi trường giảng dạy và học tập văn hóa thích ứng với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, nhu cầu học tập, nghiên cứu tại trường (về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tinh thần giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học,...);

4. Xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, nêu cao tinh thần trách nhiệm vì tập thể, vì học viên, không vụ lợi, tham nhũng;

5. Xây dựng văn hóa chính trị, tích cực tự phê bình và phê bình, những điều không được làm.

Ngoài ra Trường còn bố trí lắp đặt các bảng, khẩu

hiệu, nội dung ứng xử văn hóa để tuyên truyền, giáo dục, cổ động, viên chức, giảng viên, nhân viên, người lao động và học viên thực hiện tốt quy tắc ứng xử văn hóa; thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương, phát huy trí tuệ, bản lĩnh, sáng tạo, trách nhiệm, tính chuyên nghiệp trong giảng dạy, phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng tại cơ quan; kiểm tra, tu bổ hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu công tác dạy và học; thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, đánh giá,... việc thực hiện quy định ứng xử văn hóa của Trường.

Tất cả viên chức, người lao động của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tích cực hưởng ứng và thực hiện tốt ứng xử văn hóa Trường Đảng theo quy định; Nhiều năm liền, Trường luôn được cấp có thẩm quyền công nhận là văn hóa⁸; trong những năm qua Công đoàn và Đoàn thanh niên của Trường đều

được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có những năm được xếp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ⁹; Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, có những năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ khen¹⁰; tham gia đầy đủ và tích cực các phong trào thi đua do Khối thi đua của Tỉnh và Cụm thi đua do Học viện Chính trị quốc gia phát động¹¹.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được về thực hiện văn hóa Trường Đảng, trong thời gian qua vẫn còn một số hạn chế nhất định:

Một số giá trị truyền thống tuy được gìn giữ nhưng chưa được hệ thống hóa thành chuẩn mực rõ ràng, dẫn đến khó khăn trong việc kế thừa và phát huy.

Công tác tuyên truyền, quán triệt về giá trị văn hóa Trường Đảng có lúc chưa sâu rộng, chưa đồng đều; một số

⁸ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đạt danh hiệu đơn vị văn hóa công sở năm 2019, 2020, 2021, 2023, 2023; Đảng ủy Trường tặng giấy khen cho 01 tập thể và 04 cá nhân có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2024 (Quyết định số 66-QĐ/ĐU ngày 27/12/2024). Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh tặng giấy khen cho 02 cá nhân, tập thể Đảng ủy Trường có thành tích tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2025, giai đoạn 2016 - 2025 (Quyết định số 76, 77, 78-QĐ/ĐU ngày 27/5/2025).

⁹ Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019, 2020 và Chi đoàn Trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019, 2020, 2021.

¹⁰ Năm 2020, được nhận Bằng khen của Giám đốc Học viện Trường đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015 - 2020 (Quyết định số 2226-QĐ/HVCTQG, ngày 23/6/2020).

¹¹ Năm 2019, nhận cờ thi đua cấp Học viện (Quyết định số 6909-QĐ/HVCTQG, ngày 30/12/2019); năm 2020 đón nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân Tỉnh về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020 (Quyết định số 250/QĐ-UBND-KT, ngày 04/6/2021), Ủy ban nhân dân Tỉnh tặng bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” năm 2020 (Quyết định số 461/QĐ-UBND-KT, ngày 29/12/2020).

viên chức, học viên còn biểu hiện hình thức, thiếu sáng tạo, chưa thực sự chủ động trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

Việc cụ thể hóa các tiêu chí văn hóa Trường Đảng để hướng tới chuẩn mức 2 còn thiếu lộ trình chi tiết; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu chưa thật sự đồng bộ.

Những hạn chế này đòi hỏi nhà trường cần có giải pháp khắc phục phù hợp, vừa kế thừa giá trị của quá khứ, vừa phát huy ưu điểm hiện tại, vừa định hướng phát triển bền vững trong tương lai.

Thứ nhất, thực hiện tốt các quy định của Đảng, Nhà nước, của Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh về văn hóa công sở, văn hóa công vụ gắn với việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về “*đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.

Thứ hai, các đơn vị trực thuộc Trường, Ủy ban kiểm tra của Đảng ủy, Đoàn Thanh niên, Ban Văn Thể Mỹ, Tổ Thanh tra đào tạo, bồi dưỡng,... thực hiện tốt việc

kiểm tra, giám sát viên chức, nhân viên trong thực hành văn hóa Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

Thứ ba, thường xuyên phát động phong trào thi đua và đánh giá việc thực hành văn hóa Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp của giảng viên, viên chức, nhân viên (kể cả người lao động và hợp đồng thử việc) và học viên, thực hiện tốt Quy tắc ứng xử, biểu dương, khen thưởng, kỷ luật kịp thời theo quy định hiện hành.

Thứ tư, mỗi viên chức, giảng viên, nhân viên, người lao động và học viên của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp không ngừng phấn đấu, trau dồi, rèn luyện cả về trình độ chuyên môn lẫn phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm và danh dự; đổi mới, sáng tạo, bắt kịp xu hướng phát triển chung của thời đại; tuyệt đối không cửa quyền, tham nhũng, xa hoa, lãng phí; quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng; thực hành tốt vấn đề dân chủ, công bằng, tạo sự đồng thuận, nhất trí, phát huy sức mạnh đoàn kết của tập thể để xây dựng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp ngày càng xứng đáng

với sự kỳ vọng, tin yêu của Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân.

Tóm lại, việc giữ gìn, xây dựng, phát triển văn hóa Trường Đảng từ truyền thống đến tương lai ở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp có ý nghĩa rất quan trọng trong việc khơi dậy, phát huy truyền thống vẻ vang của các thế hệ cha ông đi trước; giữ gìn, phát triển những giá trị tốt đẹp, góp phần xây dựng phẩm chất chính trị, chuẩn mực đạo đức lối sống, phong cách ứng xử chuẩn mực cho đội ngũ giảng viên, viên chức, nhân viên, học viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong bối cảnh mới, đầy biến động. Tập thể viên chức, giảng viên, nhân viên, người lao động và học viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp với ý thức trách nhiệm, quyết tâm xây dựng và thực hiện có hiệu quả văn hóa trường đảng, góp phần lan tỏa các giá trị văn hóa và đưa Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp ngày càng phát triển, giữ vững các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1, phấn đấu đạt trường chính trị chuẩn mức 2 theo quy định góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ban Bí thư Trung ương Đảng (1994), *Quyết định số 88-QĐ/TW ngày 05/9/1994 về việc thành lập Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp*.

[2] Tỉnh ủy Đồng Tháp (1994), *Nghị quyết số 01-NQ/TU về việc thành lập Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp*.

[3] Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (1995), *Quyết định số 04/QĐ-TL ngày 16/01/1995 về việc hợp nhất Trường Đảng Phạm Hữu Lầu và Trường Hành chính tỉnh*.

[4] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6] Chính phủ (2015), *Luật số: 10/2022/QH15 ngày 14/12/2022 về thực hiện dân chủ ở cơ sở*.

[7] Bộ Chính trị (2016), *Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*.

[8] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2021), *Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 31/12/2021 về xây dựng văn hóa và con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo*.

THỰC HIỆN QUY ĐỊNH SỐ 144-QĐ/TW, NGÀY 09-5-2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ “CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI” LÀ TRÁCH NHIỆM CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỞNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

✦ PHẠM THỊ MỸ NHUNG*

Mở đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu trong tác phẩm “Đạo đức cách mạng”, đăng trên Tạp chí Học tập, số 12 năm 1958, “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống, nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”¹. Việc rèn luyện đạo đức cách mạng đối với cán bộ, đảng viên là nhiệm vụ thường xuyên và cấp bách vì “Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”². Rèn luyện đạo đức cách mạng nhằm giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên luôn nâng cao ý thức, trách nhiệm và nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc rèn luyện đạo đức cách

Tóm tắt: Bộ Chính trị ban hành Quy định 144-QĐ/TW vào ngày 09/5/2024 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới; đây là chiếc gương phản chiếu để mỗi cán bộ, đảng viên “tự soi, tự sửa”, tự rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Việc nghiên cứu, vận dụng và lồng ghép Quy định 144-QĐ/TW vào bài giảng để góp phần đưa quan điểm, chủ trương của Đảng vào đời sống thực tiễn là trách nhiệm của đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị nói chung và giảng viên trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp nói riêng

Từ khoá: Quy định 144/TW, trách nhiệm, giảng viên, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

mạng; qua đó, nhằm xây dựng nhân cách, phẩm chất tốt đẹp; đồng thời, nâng cao bản lĩnh chính trị, có lý tưởng cách mạng, để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần vào bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch không ngừng tìm mọi cách chống phá Đảng và Nhà nước ta trên tất cả các lĩnh vực, do vậy, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được cả hệ thống chính trị vào cuộc,

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần thứ 2, NXB Chính trị Quốc gia, T.9, Tr.293.

² Hồ Chí Minh (2011), *toàn tập*, tập 11, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội;

và cùng với các văn bản được ban hành trước đây, ngày 09/5/2024 Bộ Chính trị ban hành Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt là Quy định 144-QĐ/TW). Quy định 144-QĐ/TW mang tính hệ thống, khái quát, cập nhật và có ý nghĩa quan trọng trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên nói chung và đội ngũ cán bộ, đảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp nói riêng, góp phần đưa các chuẩn mực đạo đức cách mạng giai đoạn mới nhanh chóng đi vào cuộc sống.

2. Nội dung

2.1 Quan điểm Đảng Cộng sản Việt Nam về những chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới

Vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức được Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm và đề cập ngay từ khi chuẩn bị thành lập Đảng cũng như trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Trong các tác phẩm của Bác như: “Đường Kách mệnh”, “Sửa đổi lỗi làm việc”, Bác luôn nhấn mạnh đến đạo đức cách mạng, đạo đức của cán bộ, đảng viên. Trong Diễn văn kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng (ngày 03/02/1960), Bác

khẳng định: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”. Bài báo Bác viết đăng trên Báo Nhân Dân đúng dịp kỷ niệm 39 năm Ngày thành lập Đảng (ngày 03/02/1969) Bác viết: “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”. Và trong Di chúc thiêng liêng, Người căn dặn: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”.

Việc xây dựng các chuẩn mực đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên được Đảng ta quan tâm và chỉ đạo trong nhiều chỉ thị, nghị quyết xây dựng Đảng về đạo đức gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đặc biệt là thời gian gần đây, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã ban hành, sửa đổi, bổ sung các nghị quyết, quy định, kết luận về giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng và nêu gương của cán bộ, đảng viên như: Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW; Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 về kiểm soát quyền lực và

phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới và Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới. Đặc biệt là những chủ trương, các quyết sách của Đảng cùng với xây dựng các biện pháp xử lý nghiêm khắc, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” trong đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tình trạng tham nhũng, tiêu cực đã tạo bước phát triển mới về nhận thức và hành động, góp phần rèn luyện tư tưởng, bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Quy định 144-QĐ/TW có bao gồm 06 điều, từ Điều 1 đến Điều 5 là nội dung về chuẩn mực đạo đức cách

mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới. Điều 6 là quy định về tổ chức thực hiện. Nội dung trong 05 điều đầu tiên đã được cụ thể hóa thành 19 chuẩn mực đạo đức cách mạng mà mỗi cán bộ, đảng viên cần phải nghiêm túc thực hiện. Cụ thể với những nội dung cơ bản sau:

Điều 01, Yêu nước, tôn trọng Nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc. Trong đó, làm rõ các nội hàm 03 chuẩn mực đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên đó là tinh thần “yêu nước”, tôn trọng nhân dân và “tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc”.

Điều 02, Bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập.

Yêu cầu cần phải “kiên định” với 4 nội dung về nền tảng tư tưởng, mục tiêu, đường lối đổi mới và các nguyên tắc xây dựng Đảng; “kiên quyết, kiên trì” bảo vệ nền tảng tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và “thực hiện nghiêm” các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Nêu cao tinh thần “độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, ý chí vươn lên, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần phát triển đất nước, địa phương, cơ quan, đơn vị”. Muốn đổi mới, sáng tạo thì cán bộ, đảng viên cần phải có

bản lĩnh, tích cực, chủ động trong “hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng theo đường lối đối ngoại của Đảng phù hợp với luật pháp quốc tế, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng cộng đồng vì hoà bình, ổn định, tiến bộ và phát triển”.

Điều 03, Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Với tinh thần kế thừa các chuẩn mực đạo đức của Bác Hồ về cần, kiệm, liêm, chính, các nội dung của Điều 03 bao gồm 05 nội dung rất cụ thể và cập nhật những yêu cầu thực tiễn mới cho phù hợp với giai đoạn hiện nay.

Là cán bộ, đảng viên phải luôn “tâm huyết, trách nhiệm, dân thân, nỗ lực hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao, có ý chí, quyết tâm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo”; thực hành tiết kiệm, tránh “lãng phí thời gian, tiền bạc, công sức”; cần “chủ động phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ”. Nêu cao tính “trung thực, thẳng thắn, khách quan, công tâm, tích cực đấu tranh tự phê bình và phê bình, không giấu khuyết

điểm, không nói sai sự thật”; phải dũng cảm “thấy đúng phải bảo vệ, thấy sai phải đấu tranh”. Cán bộ, đảng viên phải tự mình rèn luyện đạo đức cách mạng, thực hiện tốt “giữ gìn phẩm giá của người cán bộ, đảng viên, không để tác động lôi kéo, cám dỗ tiêu cực”, “thực hiện văn hoá từ chức khi không đủ khả năng, uy tín” có trách nhiệm về nêu gương và vận động gia đình, người thân và người khác thực hành đạo đức cách mạng: “không để gia đình, người thân và người khác lợi dụng chức vụ, vị trí công tác để trục lợi; bảo vệ uy tín, danh dự của bản thân và tổ chức đảng”.

Điều 04, Đoàn kết, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm.

Tinh thần đoàn kết trong bất kỳ giai đoạn nào đều có vai trò rất quan trọng trong Đảng, vì vậy, cần phải “luôn luôn giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, cơ quan, tổ chức và trong Nhân dân, trước hết là ở chi bộ, cơ quan, đơn vị công tác, khu dân cư”; và “kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện chia rẽ, bè phái, cục bộ, lợi ích nhóm; xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện”. Phải luôn “nói và làm theo đúng và chủ trương, đường lối của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”, và “phục tùng sự phân công của Đảng, của tổ chức”. Luôn lan toả và phát huy truyền thống của dân tộc Việt Nam với giá trị “Sống có nghĩa tình, chân thành, thương yêu, đối xử, giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp và mọi người theo lẽ phải, phù hợp với đạo lý dân tộc, cùng nhau tiến bộ”. Đồng thời “sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao”, “kiên quyết đấu tranh, phê phán mọi hành vi né tránh, đùn đẩy, hoặc có tư tưởng trung bình chủ nghĩa, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, không dám làm”.

Điều 05, gương mẫu, khiêm tốn, tu dưỡng rèn luyện, học tập suốt đời.

Trong giai đoạn mới hiện nay luôn đặt ra yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên cần phải gương mẫu tiên phong trong mọi hoạt động. Tự giác học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng của bản thân và “tích cực vận động, thuyết phục gia đình, người thân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”, “không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức, trình độ, năng lực công tác. Nói đi đôi với làm, làm đi đôi với nói, đã nói là làm”.

2.2. Trách nhiệm của giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong thực hiện Quy định 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ đảng viên trong giai đoạn mới

Để thực hiện nghiêm Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh (Kế hoạch số 294-KH/TU, ngày 28/11/2024); đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy triển khai thực hiện các nội dung trong Quy định gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, quy định về trách nhiệm về nêu gương và đề ra các giải pháp để mỗi cán bộ, đảng viên thực hiện tốt chuẩn mực đạo đức cách mạng trong giai đoạn mới. Với 70 năm xây dựng và phát triển, các thế hệ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp luôn tự hào nối tiếp truyền thống, nêu cao tinh thần, trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trên các lĩnh vực hoạt động. Hiện Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp có 5 chi bộ trực thuộc với 68 đảng viên.

Đảng ủy Trường luôn quan tâm lãnh chỉ đạo và tổ chức triển khai quán triệt, học tập theo yêu cầu của Kết luận số 01-KL/TW, Chỉ thị số 05-CT/TW, Nghị quyết số 04-NQ/TW, Kết luận số 21-KL/TW, Kế hoạch của Tỉnh ủy, hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan Tỉnh thường xuyên, đồng bộ. Qua mỗi bài giảng, giảng viên đã lồng ghép các nội dung của Quy định 144-QĐ/TW nhằm góp phần lan tỏa những giá trị về tư tưởng cách mạng, đạo đức cách mạng, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến trong đảng viên và quần chúng; tạo chuyển biến mạnh mẽ, sâu rộng về tinh tổ chức kỷ luật, tinh thần đạo đức cách mạng, ý thức trách nhiệm trong công tác, học tập; tu dưỡng, rèn luyện, thực hiện tốt nhiệm vụ của người đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và đạt tiêu chí trường chính trị chuẩn theo quy định.

Đảng ủy đã lãnh đạo các chi bộ tổ chức học tập Chuyên đề năm 2025 “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển”.

Để hướng tới mục tiêu giữ gìn và phát huy các giá

trị văn hoá chuẩn mực cách mạng của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp. Kết quả, năm 2024, tại Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối đã tặng giấy khen cho 01 tập thể và 02 cá nhân đạt thành tích trong Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong các Hồ Chí Minh. Đảng ủy đã trao 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba và 04 giải khuyến khích cho các thí sinh đạt giải trong hội thi kể chuyện về Bác.

Đội ngũ đảng viên của Trường luôn nêu cao tính tiên phong, gương mẫu trong việc thực hiện hiện quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nội quy, quy chế của cơ quan; luôn nêu cao ý thức trong việc phát hiện và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Cụ thể như: đội ngũ giảng viên đã chú trọng lòng ghép tinh thần Nghị quyết 35-NQ/TW vào bài giảng; tham gia viết bài cho các báo, tạp chí, các cuộc hội thảo...

Năm 2025, Đảng ủy Trường đã xây dựng kế hoạch hướng ứng cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng lần thứ V. Kết quả: tập thể Trường Chính trị đạt giải tập thể; 01 viên chức đạt giải A và 01

viên chức đạt giải C (do Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tổ chức); 01 viên chức đạt giải khuyến khích (do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức).

Trong giai đoạn mới hiện nay, Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp quyết tâm đoàn kết, phát huy nội lực và sức mạnh tổng hợp với phương châm “*đoàn kết - kỷ cương - chất lượng - phát triển*” để đạt được trường chính trị chuẩn mức 2 theo Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên vững vàng về bản lĩnh chính trị, có phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, có năng lực công tác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể, cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

Với vai trò là giảng viên giảng dạy lý luận chính trị, là trụ cột, hạt nhân trong hoạt động của Nhà trường, đội ngũ giảng viên trực tiếp tham gia công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị của Tỉnh và là tấm gương mẫu mực để học viên noi theo, giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp luôn xác định, cần có kế hoạch tu dưỡng, rèn luyện cụ thể; phải tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng thường xuyên, liên tục, mọi lúc, mọi

nơi, gắn với thực tiễn công tác giảng dạy, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu đối với giảng viên trường chính trị tỉnh. Đồng thời, luôn xác định trách nhiệm trong thực hiện tốt Quy định 144-QĐ/TW trong giai đoạn mới hiện nay, đó là:

Thứ nhất: phải nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ giảng viên trong đổi mới phong cách học tập, nghiên cứu lý luận. Trong đó, cần phải quán triệt sâu sắc những quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và giảng viên cần phải nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thực hiện Quy định 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị, trong giai đoạn mới hiện nay. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục làm cho mọi cán bộ, giảng viên có nhận thức đúng về xây dựng phong cách học tập, nghiên cứu lý luận hiện nay theo chuẩn mực *Bản lĩnh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập*.

Giảng viên cần phải đổi mới phương pháp học tập, nghiên cứu lý luận, nâng cao trình độ về mọi mặt; phải luôn chủ động, tích cực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trong nghiên cứu và học tập của mỗi giảng viên cần phải luôn bám sát thực tiễn gắn với lý luận, gắn với hoạt động chuyên môn của mỗi cá

nhân và nhiệm vụ được phân công; qua đó, nhằm góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, xây dựng phẩm chất đạo đức, hoàn thiện năng lực, tác phong khoa học trong công tác.

Thứ hai, nêu cao ý thức rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức “trung với nước, hiếu với dân”; đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, phòng và tránh rơi vào chủ nghĩa cá nhân. Là giảng viên phải luôn nêu cao tinh thần trung thành tuyệt đối với mục tiêu, lý tưởng của Đảng và của dân tộc Việt Nam; phải có ý thức giữ gìn sự đoàn kết; nêu cao tinh thần trách nhiệm, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, ra sức cống hiến nhiều nhất cho đất nước; luôn nêu cao tinh thần, ý chí vươn lên, góp phần xây dựng đất nước nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng.

Thứ ba, thực hiện tốt tinh thần “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” và “nói đi đôi với làm, xây đi đôi với chống”; nêu cao tinh thần kiên quyết, kiên trì chống bệnh lười biếng, chống lối sống thực dụng, hưởng thụ, vị kỷ, nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít, nói một đằng làm một nẻo. Là giảng viên giảng dạy lý luận chính trị ở trường chính trị càng phải gương mẫu; phải làm tròn trách nhiệm của mình, luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách và không bị

cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng...

Thứ tư, luôn nêu cao tinh thần chủ nghĩa nhân văn, sống có nghĩa, có tình, có trách nhiệm và lấy dân “dân là gốc”. Là giảng viên phải có tình đồng chí thương yêu và giúp nhau tiến bộ. Nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình với sự chân thành, thường xuyên, giúp nhau cùng sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm để cùng nhau không ngừng tiến bộ. Hướng đến xây dựng xây dựng chuẩn mực con người Đồng Tháp phát triển toàn diện, “nghĩa tình, năng động, sáng tạo”, hướng đến Chân - Thiện - Mỹ với các chuẩn mực đặc trưng của con người Việt Nam.

Thứ năm, là giảng viên phải thực hiện nghiêm quy định về nêu gương. Luôn tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, nghiêm túc tự soi, tự sửa; kiên quyết - kiên trì trong đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tham nhũng, tiêu cực.

Thứ sáu, là giảng viên luôn thực hiện tốt công tác tuyên truyền; giới thiệu các mô hình, cách làm hay, các điển hình tiên tiến; tuyên truyền, nhân rộng gương “Người tốt, việc tốt”, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong Đảng

và trong xã hội. Tuyên truyền để chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, và đường lối chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước đi vào đời sống của nhân dân.

3. Kết luận

Quy định số 144-QĐ/TW có ý nghĩa vô cùng thiết thực, đưa chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới vào cuộc sống. Đặc biệt, Quy định 144-QĐ/TW chính là nền tảng cho mỗi cán bộ, đảng viên nói chung và cán bộ, đảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp nói riêng học tập, soi rọi, vận dụng vào quá trình tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng; đồng thời là cơ sở, tiêu chuẩn, thước đo giúp các cấp ủy Đảng nâng cao được hiệu quả công tác nhận xét, đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên trong đơn vị. Đây là lần đầu tiên Trung ương ban hành quy định cụ thể về chuẩn mực đạo đức có hệ thống, cập nhật và đồng bộ với các quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Đồng thời, Quy định 144-QĐ/TW thể hiện sự quyết tâm hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có chất lượng, năng lực, phẩm chất tốt, đáp ứng nhiệm vụ chính trị ngày càng cao trong giai đoạn hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 về *“Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*.
2. Kết luận 01-KL/TW ngày 18/5/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII *“Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*.
3. Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 về *chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới*.
4. Văn kiện ĐHĐB Toàn quốc lần thứ XIII tập I, II, Nxb CTQG Sự thật, H.2021.

Vai trò của chuyển đổi số TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

✪ TS BÙI VĂN DE
✪ THS VÕ THÀNH TÍN*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “*Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng*”¹. Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, mọi thắng lợi đều gắn liền với việc xây dựng được đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ từng giai đoạn. Trong bối cảnh hiện nay, trước tác động sâu rộng của toàn cầu hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đặc biệt là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công tác đào tạo, bồi dưỡng tại trường chính trị không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ lý luận mà còn phải hình thành năng lực tư duy chiến lược, năng lực lãnh đạo, quản lý và năng lực thích ứng trước những biến đổi nhanh chóng của xã hội.

Trường chính trị giữ vai trò trung tâm trong đào tạo cán bộ, là thiết chế đặc thù trong hệ thống chính trị, giữ vai trò nòng cốt trong đào tạo,

Tóm tắt: Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số (CDS) không còn là lựa chọn mà là yêu cầu bắt buộc để nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của mọi tổ chức. Đối với hệ thống các trường chính trị nơi đào tạo, huấn luyện cán bộ của bộ máy Đảng và Nhà nước, CDS đóng vai trò then chốt để đổi mới tư duy, phương pháp giảng dạy và quản trị nhà trường. Công tác cán bộ giữ vị trí “then chốt” trong toàn bộ hoạt động xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; trong đó, đào tạo, bồi dưỡng chính trị là “then chốt của then chốt”, quyết định trực tiếp đến chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Chất lượng đào tạo của trường chính trị tác động trực tiếp đến chất lượng đội ngũ cán bộ, từ đó ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị. Không chuyển đổi số sẽ không thể đào tạo cán bộ cho xã hội số. Trong bối cảnh mới, trường chính trị không

thể đứng ngoài lề xu thế số hóa. Nếu phương thức đào tạo vẫn nặng về truyền thụ một chiều, chậm đổi mới nội dung và phương pháp, thì khó có thể đào tạo ra những cán bộ đủ năng lực quản trị xã hội số. Chuyển đổi số trong trường chính trị cần được thực hiện đồng bộ: Đổi mới chương trình, giáo trình theo hướng

* Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5, trang 309.

cập nhật kiến thức về quản trị số, chính phủ số, kinh tế số; ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo; phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên, coi giảng viên là lực lượng tiên phong trong chuyển đổi số; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo lý luận chính trị với rèn luyện kỹ năng thực tiễn trong môi trường số.

II. NỘI DUNG

Chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng ở trường chính trị không đồng nhất với việc trang bị thêm máy tính, phần mềm hay thiết bị công nghệ. Về bản chất, đây là quá trình thay đổi căn bản tư duy quản lý, mô hình vận hành và phương thức tổ chức hoạt động đào tạo trên cơ sở khai thác hiệu quả dữ liệu và công nghệ số. Chuyển đổi số trong đào tạo được thể hiện ở việc tái cấu trúc toàn bộ mối quan hệ giữa giảng viên - học viên - nhà trường, từ khâu xây dựng chương trình, tổ chức giảng dạy, đánh giá kết quả học tập đến quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong mô hình này, dữ liệu trở thành “tài nguyên mới”, là nền tảng để cá thể hóa việc học tập, nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả quản lý. Giáo dục lý luận chính trị từ đó chuyển dần từ mô hình truyền thụ một chiều sang mô hình học

tập chủ động, tương tác, kết hợp linh hoạt giữa trực tiếp và trực tuyến, giữa lý luận và thực tiễn.

Đào tạo, bồi dưỡng tại trường chính trị có những đặc thù riêng so với các lĩnh vực đào tạo khác, đòi hỏi quá trình chuyển đổi số phải được triển khai thận trọng, có định hướng chính trị rõ ràng. Trước hết, nội dung đào tạo, bồi dưỡng liên quan trực tiếp đến đường lối, quan điểm của Đảng, do đó yêu cầu cao về tính bảo mật, an toàn thông tin và kiểm soát nội dung. Việc số hóa bài giảng, học liệu và dữ liệu đào tạo phải gắn liền với các giải pháp kỹ thuật và tổ chức nhằm ngăn chặn nguy cơ lộ lọt thông tin, xuyên tạc nội dung, lợi dụng không gian mạng để chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng. Bên cạnh đó, chuyển đổi số tại trường chính trị phải bảo đảm tính định hướng tư tưởng, tính chiến đấu và tính khoa học. Công nghệ số chỉ là phương tiện, không thay thế vai trò lãnh đạo của Đảng trong công tác tư tưởng. Do vậy, chuyển đổi số phải gắn chặt với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch ngay trong môi trường số, đồng thời góp phần nâng cao sức thuyết phục, sức lan tỏa của giáo dục lý luận chính trị trong tình hình mới.

Một trong những vai trò quan trọng của chuyển đổi số tại trường chính trị là tạo điều kiện đổi mới căn bản phương pháp giảng dạy và học tập, khắc phục hạn chế của mô hình đào tạo truyền thống vốn nặng về thuyết giảng, ít tương tác và phụ thuộc nhiều vào không gian lớp học cố định. Trước hết, chuyển đổi số giúp phá bỏ giới hạn không gian và thời gian trong đào tạo. Việc triển khai các hình thức giảng dạy trực tuyến (E-learning) kết hợp với đào tạo trực tiếp (Blended learning) cho phép cán bộ, công chức vừa tham gia học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị, vừa bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại địa phương. Điều này đặc biệt phù hợp với đối tượng học viên của trường chính trị là cán bộ đang công tác, góp phần giảm chi phí xã hội, tăng tính linh hoạt và mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục lý luận chính trị. Bên cạnh đó, chuyển đổi số tạo điều kiện trực quan hóa nội dung lý luận chính trị, vốn được xem là trừu tượng, khó tiếp cận. Thông qua các công nghệ đồ họa, video tư liệu số, bản đồ số, mô phỏng lịch sử..., những vấn đề như mô hình kinh tế tập thể, tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, các giai đoạn phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam hay lịch sử Đảng bộ địa phương được cụ thể hóa sinh

động, dễ hiểu hơn. Nhờ đó, người học không chỉ “nghe - chép” mà còn “xem - phân tích - liên hệ”, góp phần nâng cao hiệu quả tiếp thu và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn.

Quan trọng hơn, chuyển đổi số giúp tăng tính tương tác trong dạy và học. Thay vì phương thức thuyết giảng một chiều, giảng viên có thể sử dụng các nền tảng số để tổ chức thảo luận nhóm trực tuyến, khảo sát ý kiến tức thời, phản hồi nhanh kết quả học tập. Môi trường học tập số khuyến khích học viên bày tỏ chính kiến, tranh luận có định hướng, từ đó rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng lập luận và khả năng bảo vệ quan điểm trên nền tảng lý luận của Đảng. Đây là yêu cầu quan trọng trong đào tạo cán bộ thời kỳ mới, nhất là trong bối cảnh không gian mạng tác động ngày càng mạnh mẽ đến nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên. Chuyển đổi số không chỉ tác động đến hoạt động giảng dạy mà còn giữ vai trò quan trọng trong hiện đại hóa công tác quản trị, điều hành tại trường chính trị, hướng tới mô hình quản lý khoa học, minh bạch và hiệu quả. Một nội dung cốt lõi là xây dựng hệ thống dữ liệu tập trung phục vụ quản lý đào tạo. Việc quản lý hồ sơ học

viên, quá trình học tập, rèn luyện, đánh giá kết quả học tập bằng phần mềm giúp nhà trường theo dõi đầy đủ, chính xác quá trình phát triển của từng học viên. Dữ liệu số cho phép việc nhận xét, đánh giá cán bộ được thực hiện khách quan, hạn chế cảm tính, đồng thời tạo cơ sở quan trọng để phục vụ công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở địa phương.

Một vai trò quan trọng khác của chuyển đổi số tại trường chính trị là xây dựng kho tri thức số và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu lý luận. Việc phát triển thư viện số giúp giảng viên và học viên dễ dàng tiếp cận các nguồn học liệu phong phú, cập nhật những nghiên cứu mới về lý luận chính trị, quản trị công, phát triển kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế. Thư viện số không chỉ mở rộng không gian tri thức mà còn tạo điều kiện để giảng viên đổi mới nội dung bài giảng, gắn lý luận với thực tiễn phát triển nhanh chóng của thế giới và đất nước. Đối với trường chính trị địa phương, chuyển đổi số còn có ý nghĩa đặc biệt trong lưu trữ và phát huy giá trị di sản lịch sử. Việc số hóa các tài liệu lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, các nghị quyết, chỉ thị, văn kiện, công

trình nghiên cứu địa phương chỉ giúp bảo tồn nguồn tư liệu quý giá, đồng thời phục vụ hiệu quả cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đây là cơ sở quan trọng để giáo dục truyền thống cách mạng, bồi dưỡng niềm tự hào và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Thực hiện chủ trương chuyển đổi số của Trung ương và của Tỉnh ủy Đồng Tháp, trong những năm gần đây, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã từng bước triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ số vào hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và quản lý nhà trường. Quá trình này tuy chưa đồng bộ, toàn diện nhưng đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, đồng thời cũng bộc lộ những hạn chế, “nút thắt” cần sớm tháo gỡ để chuyển đổi số thực sự đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững và đạt được một số kết quả quan trọng. Trước hết, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số, tạo nền tảng quan trọng cho việc đổi mới phương thức làm việc, giảng dạy và học tập. Một số phòng họp không giấy được đưa vào sử dụng, giúp giảm thiểu văn bản giấy, nâng cao hiệu quả điều hành và tăng tính chuyên nghiệp trong

hoạt động của nhà trường. Bên cạnh đó, việc xây dựng phòng học thông minh với các thiết bị trình chiếu hiện đại, kết nối Internet, hỗ trợ giảng dạy đa phương tiện đã góp phần cải thiện rõ rệt điều kiện dạy và học, từng bước tiệm cận với mô hình đào tạo hiện đại. Cùng với đầu tư hạ tầng, nhà trường đã bước đầu ứng dụng các phần mềm trong quản lý đào tạo. Một số khâu như quản lý lớp học, học viên, kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu, văn bản nội bộ được số hóa và xử lý trên môi trường mạng. Điều này giúp giảm đáng kể khối lượng công việc hành chính thủ công, tăng tính chính xác, kịp thời trong quản lý, đồng thời tạo tiền đề cho việc hình thành hệ thống dữ liệu đào tạo tập trung trong tương lai.

Một điểm sáng quan trọng trong thực trạng chuyển đổi số tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là đội ngũ giảng viên trẻ, năng động, có khả năng làm chủ công nghệ. Nhiều giảng viên đã chủ động sử dụng bài giảng điện tử, trình chiếu đa phương tiện, khai thác tài nguyên số để minh họa nội dung lý luận, góp phần nâng cao tính trực quan và sức thuyết phục của bài giảng. Tinh thần học hỏi, thích ứng nhanh với công nghệ mới của đội ngũ giảng viên trẻ đã tạo động lực tích

cực cho quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy và là lực lượng nòng cốt trong thúc đẩy chuyển đổi số của nhà trường.

Nhìn chung, những kết quả bước đầu đạt được cho thấy nhận thức về vai trò của chuyển đổi số tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã có chuyển biến tích cực, từ lãnh đạo nhà trường đến đội ngũ giảng viên, viên chức, người lao động. Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn chuyển đổi số tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp vẫn còn không ít hạn chế, nút thắt cần được nhìn nhận thẳng thắn:

Trước hết là sự chênh lệch về trình độ và kỹ năng công nghệ giữa các thế hệ giảng viên. Trong khi đội ngũ giảng viên trẻ nhanh nhạy, chủ động tiếp cận công nghệ số, thì một bộ phận giảng viên lớn tuổi còn gặp khó khăn trong việc sử dụng các nền tảng số, phần mềm quản lý hay phương thức giảng dạy trực tuyến. Sự chênh lệch này phần nào làm giảm tính đồng bộ trong triển khai chuyển đổi số, ảnh hưởng đến hiệu quả chung của nhà trường.

Thứ hai, hạ tầng công nghệ thông tin, đặc biệt là hạ tầng mạng, đôi lúc chưa đáp ứng được nhu cầu truy cập đồng thời lớn, nhất là trong

các buổi học, hội nghị trực tuyến hoặc khi nhiều người dùng cùng khai thác hệ thống. Điều này không chỉ gây gián đoạn hoạt động dạy - học mà còn ảnh hưởng đến tâm lý, sự sẵn sàng ứng dụng công nghệ của giảng viên và học viên.

Thứ ba, nguồn tài liệu số mang tính bản sắc của tỉnh Đồng Tháp còn khiêm tốn. Hiện nay, phần lớn học liệu số phục vụ giảng dạy vẫn dựa vào các tài liệu chung, trong khi các tài liệu số hóa về lịch sử Đảng bộ tỉnh, thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, các mô hình hay, cách làm hiệu quả của địa phương chưa được xây dựng một cách hệ thống. Điều này làm hạn chế khả năng gắn kết chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn địa phương trong môi trường số.

Từ thực trạng trên có thể thấy, chuyển đổi số tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã có bước khởi động đúng hướng, song vẫn đang ở giai đoạn đầu, cần tiếp tục được đầu tư đồng bộ về hạ tầng, con người và học liệu. Việc nhận diện rõ những kết quả đạt được và những nút thắt cần tháo gỡ là cơ sở quan trọng để nhà trường xây dựng các giải pháp phù hợp, đưa chuyển đổi số đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong thời kỳ mới. Các

giải pháp cần được tiếp cận theo hướng lấy con người làm trung tâm, công nghệ làm công cụ và nội dung - bảo mật làm nền tảng, bảo đảm vừa hiện đại hóa hoạt động nhà trường, vừa giữ vững bản chất chính trị của giáo dục lý luận.

Một là: con người là yếu tố quyết định thành công của chuyển đổi số. Trước hết, trường chính trị cần xây dựng kế hoạch đào tạo kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, giảng viên theo lộ trình phù hợp với từng nhóm đối tượng. Nội dung đào tạo không chỉ dừng ở kỹ năng sử dụng phần mềm, nền tảng số, mà còn hướng tới hình thành tư duy số, khả năng thiết kế hoạt động dạy học trong môi trường số và năng lực khai thác dữ liệu phục vụ giảng dạy, nghiên cứu. Phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên trẻ, xem đây là lực lượng nòng cốt trong lan tỏa văn hóa số trong nhà trường. Bên cạnh đào tạo, cần xây dựng cơ chế khuyến khích, động viên giảng viên thiết kế bài giảng E-learning chất lượng cao. Cơ chế này có thể gắn với đánh giá thi đua, khen thưởng, xét danh hiệu, cũng như công nhận sản phẩm số (bài giảng điện tử, video bài giảng) như một dạng kết quả nghiên cứu, sáng kiến chuyên môn. Việc

này không chỉ thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo mà còn góp phần hình thành kho học liệu số phong phú, có giá trị sử dụng lâu dài.

Hai là: xây dựng hệ thống quản lý học tập (LMS) đồng bộ, thống nhất từ quản lý khóa học, học viên, nội dung giảng dạy đến đánh giá kết quả học tập. Hệ thống LMS này cần được tích hợp với kho lưu trữ dữ liệu cán bộ của tỉnh, bảo đảm liên thông, chia sẻ thông tin phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và quy hoạch cán bộ theo đúng quy định. Song song đó, cần đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nội dung số, trong đó trọng tâm là xây dựng các tài liệu chuyên dụng để sản xuất các bài giảng video, podcast về chính trị, lý luận và thực tiễn địa phương. Các sản phẩm này không chỉ phục vụ giảng dạy chính khóa mà còn có thể sử dụng cho bồi dưỡng thường xuyên, tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng trong và ngoài nhà trường, góp phần mở rộng không gian ảnh hưởng của giáo dục lý luận chính trị.

Ba là: chuyển đổi số trong giáo dục lý luận chính trị đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới nội dung và bảo đảm an ninh, an toàn thông

tin. Trường chính trị cần xây dựng chuyên mục “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng”² như một chuyên mục số hóa đặc biệt trong chương trình đào tạo. Chuyên mục này được thiết kế theo hướng tích hợp lý luận với tình huống thực tiễn, giúp học viên nâng cao khả năng nhận diện, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch ngay trong môi trường số. Cùng với đó, phải thiết lập hệ thống tường lửa, giải pháp an ninh mạng và quy trình bảo mật dữ liệu chặt chẽ đối với thông tin học viên, nội dung giảng dạy và các tài liệu nhạy cảm. Việc phân quyền truy cập, kiểm soát dữ liệu, sao lưu và phòng ngừa rủi ro cần được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm chuyển đổi số không làm suy giảm tính bảo mật, an toàn và định hướng chính trị của hoạt động đào tạo lý luận chính trị.

III. KẾT LUẬN

Chuyển đổi số tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp không phải là một phong trào nhất thời hay sự thay đổi mang tính kỹ thuật đơn lẻ, mà là một cuộc cách mạng toàn diện về tư duy, mô hình vận hành và phương thức hoạt động của nhà trường trong bối cảnh mới. Quá trình này đòi hỏi

² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, 2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

sự vào cuộc đồng bộ, kiên trì và quyết tâm cao của cấp ủy, ban giám hiệu, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, lấy con người làm trung tâm, công nghệ làm công cụ và dữ liệu làm nền tảng. Thực hiện thành công chuyển đổi số sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, hiện đại hóa phương thức quản trị nhà trường, đồng thời

hình thành môi trường học tập linh hoạt, tương tác và hiệu quả. Quan trọng hơn, chuyển đổi số tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp có ý nghĩa trực tiếp trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng về bản lĩnh chính trị, thành thạo kỹ năng số, đủ năng lực quản trị xã hội số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của địa phương. Với

quyết tâm chính trị cao và cách làm phù hợp, thành công của chuyển đổi số tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp sẽ đóng góp quan trọng vào công cuộc hiện đại hóa đội ngũ cán bộ, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, đáp ứng kỳ vọng của nhân dân Đất Sen Hồng trong thời kỳ mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5, trang 309.
3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, 2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

TĂNG CƯỜNG SINH HOẠT CHUYÊN MÔN MỘT TRONG NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

✪ PHẠM THỊ MỸ PHƯƠNG*

I. Đặt vấn đề

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt của địa phương; chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường phụ thuộc vào chất lượng đội ngũ giảng viên. Trong những năm qua, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã rất nỗ lực xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng, chất lượng theo quy định. Mặt khác, đất nước đang bước vào kỷ nguyên số và giai đoạn đầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đội ngũ giảng viên càng phải tăng cường sinh hoạt chuyên môn để có đủ trình độ lý luận và thực tiễn nâng cao chất lượng giảng dạy, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên có đủ phẩm chất, năng lực, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Tuy nhiên, thời gian qua

Tóm tắt: Trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp càng chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đáp yêu cầu trường chuẩn mức 2 đến năm 2030 theo định hướng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Vì thế, giảng viên phải chủ động nâng cao năng lực bản thân qua nhiều hình thức khác nhau, trong đó, sinh hoạt chuyên môn đóng vai trò quan trọng. Với tinh thần đó, bài viết tập trung làm rõ ba nội dung cơ bản: một là, làm rõ tầm quan trọng của sinh hoạt chuyên môn đối với giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp; hai là, phân tích thực trạng hoạt động sinh hoạt chuyên môn tại nhà trường trong những năm gần đây; ba là, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, góp phần xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn mức 2.

Từ khóa: sinh hoạt chuyên môn; Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp; chất lượng giảng dạy; giảng viên đạt chuẩn mức 2.

* Tiến sĩ, Phó trưởng khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

hoạt động sinh hoạt chuyên môn tại nhà trường vẫn còn một số hạn chế nhất định, chưa thực sự phát huy hết vai trò là môi trường học thuật, diễn đàn trao đổi chuyên sâu, chia sẻ kinh nghiệm và bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giảng viên. Từ đó, việc nghiên cứu, đánh giá đúng vai trò của sinh hoạt chuyên môn; phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

II. Nội dung

1. Tầm quan trọng của sinh hoạt chuyên môn đối với giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Sinh hoạt chuyên môn có tầm quan trọng then chốt trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

Một là, sinh hoạt chuyên môn là môi trường bồi dưỡng năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên, tạo nên sự thống nhất, đồng bộ trong nhận thức và kỹ năng giảng dạy mang tính chuyên sâu về một nội dung bài giảng của giảng viên.

Sinh hoạt chuyên môn là hình thức hoạt động khoa học - sư phạm có tổ chức, được thực hiện thường xuyên trong các khoa, từng phần học, nhằm trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy và định hướng nghiên cứu khoa học, liên hệ thực tiễn sâu sát cho từng nội dung bài học. Đối với giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, sinh hoạt chuyên môn không chỉ là yêu cầu mang tính hành chính - tổ chức, mà còn là nhu cầu tự thân để hoàn thiện năng lực nghề nghiệp, xứng đáng với vị trí của giảng viên chuẩn mức 1, hướng đến đạt chuẩn mức 2.

Đối với Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, đội ngũ giảng viên có sự khác nhau về trình độ, kinh nghiệm, thâm niên công tác, sinh hoạt chuyên môn càng có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ giảng viên trẻ, giảng viên mới tiếp cận chuẩn mực nghề nghiệp, từng bước nâng cao chất lượng giảng dạy. Giảng viên lâu năm cũng bổ sung những phương pháp giảng dạy mới, tích cực, sáng tạo từ những giảng viên trẻ. Vì vậy, thông qua sinh hoạt chuyên môn, mỗi giảng viên có điều kiện cập nhật kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thống nhất nhận thức

khoa học, quan điểm lý luận trong giảng dạy các môn lý luận chính trị; trao đổi, học hỏi kinh nghiệm giảng dạy, xử lý tình huống sư phạm, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của người học;... Từ đó, giảng viên sẽ phát triển toàn diện cả về tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trường.

Hai là, sinh hoạt chuyên môn là điều kiện quan trọng để xây dựng giảng viên đạt chuẩn mức 2 theo Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư.

Theo Quy định số 11-QĐ/TW của Ban Bí thư và hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, giảng viên đạt chuẩn mức 2 không chỉ đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, mà còn phải có năng lực nghiên cứu khoa học, khả năng giảng dạy độc lập, sáng tạo và tham gia tích cực vào các hoạt động học thuật.

Việc tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn là môi trường thuận lợi để giảng viên phát triển tư duy nghiên cứu khoa học; hình thành thói quen phản biện khoa học; nâng cao kỹ năng trình bày, bảo vệ quan điểm khoa học; gắn kết giữa giảng dạy và

ngiên cứu khoa học;... Và đây cũng là một trong những giải pháp mang tính căn cơ để xây dựng đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đạt chuẩn mức 2.

Ba là, sinh hoạt chuyên môn giúp cho đội ngũ giảng viên có sự kết nối, chia sẻ và hiểu nhau hơn.

Thông qua sinh hoạt chuyên môn, mỗi giảng viên với tư cách là nhà khoa học, là đồng nghiệp sẽ mạnh dạn trao đổi học thuật, trao truyền tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm cho nhau, cùng nhau tìm cách tháo gỡ những vướng mắc, điểm nghẽn; giúp nhau định hướng, thống nhất những nội dung cơ bản và phương pháp dạy học trong từng nội dung bài, từ đó, chất lượng của giảng viên được nâng cao.

Qua sinh hoạt chuyên môn, các giảng viên sẽ gắn kết nhau hơn trong công tác, giảng dạy, có kênh thông tin trao đổi tri thức và giúp nhau phát triển. Đội ngũ giảng viên lâu năm có điều kiện xây dựng lực lượng kế thừa phát triển toàn diện. Giảng viên trẻ có cơ hội lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm mới và cũng là những người chia sẻ phương pháp giảng dạy tích cực, tạo sự sinh động trong lớp học. Qua đó, mối quan hệ giữa các giảng viên ngày càng tốt hơn.

2. Thực trạng hoạt động sinh hoạt chuyên môn tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

2.1. Những kết quả đạt được trong hoạt động sinh hoạt chuyên môn và nguyên nhân

** Kết quả đạt được:*

Thời gian qua, hoạt động sinh hoạt chuyên môn của các khoa và giảng viên đạt được nhiều kết quả đáng trân trọng.

Thứ nhất, sinh hoạt chuyên môn được thực hiện theo kế hoạch năm học, gắn với hoạt động của các khoa chuyên môn. Hằng năm, thực hiện kế hoạch năm học của Trường, các khoa đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch năm học, xem sinh hoạt chuyên môn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nâng chất giảng viên.

Thứ hai, nội dung sinh hoạt từng bước được mở rộng, không chỉ dừng lại ở việc triển khai nhiệm vụ, mà còn chú trọng trao đổi chuyên môn, góp ý bài giảng, thảo giảng, dự giờ; chia sẻ phương pháp và kỹ năng trong soạn giảng. Từ đó, giảng viên sẽ thống nhất về nội dung cơ bản trong từng bài học và thuận lợi cho lãnh đạo khoa tham mưu phân công giảng dạy luân phiên các bài học cho tất cả giảng viên.

Thứ ba, đa số giảng viên thể hiện tinh thần trách nhiệm, tích cực, chủ động tham gia thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Qua sinh hoạt chuyên môn, giảng viên càng mạnh dạn hơn, chất lượng giảng viên ngày càng được nâng cao.

Thứ tư, hình thức, đối tượng tham gia sinh hoạt chuyên môn được mở rộng. Về hình thức, trao đổi trực tiếp giữa các giảng viên với nhau khi có vấn đề vướng mắc trong nội dung bài giảng hoặc tổ chức tọa đàm, báo cáo chuyên đề mở rộng. Về đối tượng tham gia sinh hoạt, không chỉ là những giảng viên trong khoa mà còn mời các giảng viên ngoài khoa đang tham gia giảng dạy các phần học do khoa phụ trách; mời chuyên gia báo cáo nội dung chuyên sâu là những chuyên gia trong từng phần học đang công tác tại Học viện Chính trị; mời các chuyên gia là những giảng viên giỏi, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn tham gia sinh hoạt.

Những kết quả trên đã góp phần nhất định vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo môi trường học thuật trong nhà trường.

** Nguyên nhân của thành tựu:*

Đạt được những thành tựu trên là do các nguyên nhân sau:

Một là, Ban Giám hiệu, lãnh đạo khoa và toàn thể giảng viên rất quan tâm nâng cao chất lượng giảng dạy, chất lượng giảng viên xứng đáng mức danh hiệu trường chính trị chuẩn mức 1, hướng đến đạt chuẩn mức 2.

Hai là, mỗi giảng viên đều có tinh thần tự nghiên cứu học tập, có trách nhiệm với bài giảng và học viên, muốn nỗ lực phấn đấu trở thành giảng viên giỏi xứng đáng niềm tin của nhà trường và học viên.

2.2. Những hạn chế trong hoạt động sinh hoạt chuyên môn và nguyên nhân

Về những hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động sinh hoạt chuyên môn tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp vẫn còn một số hạn chế nhất định.

Thứ nhất, nội dung sinh hoạt chuyên môn vẫn chưa được thực hiện thường xuyên, chưa sâu.

Thứ hai, phương thức tổ chức sinh hoạt chưa thật sự đa dạng, thiếu các hình thức sinh hoạt chuyên đề, chưa tổ chức tọa đàm hoặc hội thảo khoa học mở rộng ngoài trường gắn với những chủ đề cấp thiết.

Thứ ba, một số giảng viên trái chuyên môn chưa mạnh dạn trao đổi, phản biện.

Nguyên nhân của hạn chế:

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Một là, một số giảng viên trẻ chưa nhiều kinh nghiệm, kỹ năng lãnh hội tri thức của tất cả các phân học do khoa phụ trách nên chưa tham gia trao đổi, chia sẻ, chủ yếu lắng nghe, học tập và tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, công việc giảng dạy, công việc kiêm nhiệm và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chiếm nhiều thời gian nên khó tập hợp được giảng viên, nhất là những giảng viên dày kinh nghiệm, kỹ năng cùng tham gia sinh hoạt chuyên môn dưới hình thức tọa đàm, hội thảo mở rộng.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp hướng tới xây dựng giảng viên đạt chuẩn mức 2

Để nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn tại Trường hướng đến đạt chuẩn mức 2, xin đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò của sinh hoạt chuyên môn.

Tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, lãnh đạo nhà trường và nâng cao nhận thức giảng viên về vai trò, ý nghĩa của sinh hoạt chuyên môn. Xem sinh hoạt chuyên môn là nhiệm vụ thường xuyên, là nhu cầu tự thân của mỗi giảng viên trong quá trình phát triển nghề nghiệp.

Hai là, tăng cường đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn.

Sinh hoạt chuyên môn cần được đổi mới theo hướng tăng cường sinh hoạt chuyên đề gắn với từng môn học, từng vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra; tổ chức sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học, phân tích tình huống sư phạm; kết hợp sinh hoạt chuyên môn với tọa đàm khoa học, hội thảo nhỏ, báo cáo kết quả nghiên cứu.

Ba là, tiếp tục phát huy vai trò của lãnh đạo khoa trong định hướng, tổ chức sinh hoạt chuyên môn.

Trường khoa và các giảng viên phụ trách các phân học cần phát huy vai trò hạt nhân trong tổ chức sinh hoạt chuyên môn; chủ động xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung thiết thực; điều hành sinh hoạt theo hướng dân chủ, khuyến khích trao đổi, phản biện khoa học.

Bốn là, gắn sinh hoạt chuyên môn với xây dựng giảng viên đạt chuẩn mức 2, với chỉ tiêu thi đua khen thưởng.

Cần xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chuyên môn gắn với các tiêu chuẩn của giảng viên mức 2; lấy kết quả tham gia sinh hoạt chuyên môn làm một trong những căn cứ đánh giá, xếp loại giảng viên hằng năm.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá và tạo động lực cho giảng viên tham gia sinh hoạt chuyên môn.

Nhà trường cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng, hiệu quả sinh hoạt chuyên môn; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt; tạo động lực để giảng viên tích cực tham gia.

III. Kết luận

Sinh hoạt chuyên môn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và xây dựng đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đạt chuẩn mức 2. Thực tiễn cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động sinh hoạt

chuyên môn tại nhà trường vẫn còn những hạn chế cần khắc phục.

Việc tăng cường và nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn đòi hỏi sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, Ban Giám hiệu; sự đổi mới về nội dung, hình thức tổ chức; sự tham gia tích cực, tự giác của mỗi giảng viên. Thực hiện tốt các giải pháp nêu trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, xây dựng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp ngày càng phát triển, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2021), *Quy định về trường chính trị chuẩn*.
2. Ban Chấp hành Trung ương: *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2025 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
3. Bộ Chính trị: *Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22//8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập I, II.
5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2020), *Quy định tiêu chuẩn giảng viên trường chính trị*.
6. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2022-2024), *Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng*.
7. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025): *Báo cáo tình hình nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026*.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP THEO HƯỚNG PHÁT HUY TƯ DUY PHẢN BIỆN CỦA HỌC VIÊN

✪ NGUYỄN BÍCH NGỌC*

Tóm tắt: Trong bối cảnh đổi mới giáo dục lý luận chính trị và yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ có tư duy khoa học, bản lĩnh và năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn, việc phát huy tư duy phản biện của học viên tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trở thành yêu cầu cấp thiết. Bài viết phân tích cơ sở lý luận của tư duy phản biện, đánh giá thực trạng phương pháp giảng dạy lý luận chính trị còn nặng tính truyền thụ một chiều và hạn chế khả năng đối thoại, tranh luận của học viên. Trên cơ sở đó, đề xuất hệ thống giải pháp mang tính khả thi: đổi mới phương pháp dạy học tích cực, tăng cường phân tích tình huống gắn với thực tiễn Đồng Tháp, ứng dụng công nghệ số trong tổ chức lớp học, cải tiến đánh giá năng lực phản biện và nâng cao trình độ sư phạm công nghệ của đội ngũ giảng viên.

Từ khóa: Giảng dạy lý luận chính trị; tư duy phản biện; phương pháp dạy học tích cực.

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, yêu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị (LLCT) trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Các văn bản chỉ đạo của Trung ương về đổi mới công tác lý luận chính trị gần đây nhấn mạnh rõ yêu cầu chuyển từ mô hình truyền thụ một chiều sang mô hình phát triển năng lực tư duy

độc lập, tư duy phản biện của học viên¹. Đồng thời, xu thế chuyển đổi số trong giáo dục đặt ra yêu cầu ứng dụng công nghệ để mở rộng không gian thảo luận, tăng cường phân tích đa chiều và khuyến khích học viên chủ động tương tác. Đối với Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết khi đội ngũ học viên đa phần đang trực tiếp công tác tại cơ sở, phải xử lý nhiều tình huống thực tiễn phức tạp. Tuy nhiên,

thực tiễn giảng dạy cho thấy hoạt động phản biện của học viên còn hạn chế; phương pháp giảng dạy của giảng viên chưa thật sự đồng đều; hệ thống tình huống thực tiễn tỉnh Đồng Tháp chưa được chuẩn hóa². Những vấn đề này đặt ra nhu cầu cấp bách phải đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng tính tương tác, thảo luận, phân tích tình huống và đánh giá năng lực phản biện một cách khoa học.

* Tiến sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Ban Chỉ đạo Trung ương về Đổi mới Giáo dục lý luận chính trị (2024), Hướng dẫn công tác giáo dục lý luận chính trị trong hệ thống trường chính trị năm 2024, Hà Nội.

² Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2024), Tổng hợp báo cáo đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2023-2024, Đồng Tháp.

II. Nội dung

1. Cơ sở lý luận về tư duy phản biện trong giáo dục lý luận chính trị

Tư duy phản biện được xem là một năng lực cốt lõi của người học trong giáo dục hiện đại, đặc biệt trong lĩnh vực LLCT. Theo quan điểm của các nhà giáo dục đương đại, tư duy phản biện là quá trình đánh giá có cơ sở lý luận đối với các lập luận, thông tin và quan điểm, bao gồm: khả năng phân tích logic, kiểm chứng bằng chứng, phát hiện sai lệch nhận thức và đưa ra kết luận hợp lý dựa trên dữ kiện khách quan. Các đặc trưng cơ bản của tư duy phản biện bao gồm: tính logic và mạch lạc trong lập luận; khả năng sử dụng bằng chứng tin cậy; tư duy mở và tiếp nhận thông tin đa chiều; năng lực phản biện mang tính xây dựng nhằm hướng tới chân lý và giải pháp tối ưu³.

Trong giáo dục LLCT, tư duy phản biện không tách rời nền tảng lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng. Việc phát huy tư duy phản biện giúp học viên nâng cao năng lực phân tích chính sách, nhận

diện vấn đề thực tiễn và vận dụng nguyên lý khoa học vào bối cảnh địa phương, nhờ đó, hình thành bản lĩnh chính trị, thái độ khoa học và khả năng tham mưu chiến lược cho cấp ủy, chính quyền. Tư duy phản biện trong LLCT cũng đòi hỏi người học biết đánh giá toàn diện các hiện tượng xã hội, tránh sao chép giáo điều, đồng thời có khả năng phản biện trên nền tảng lập trường tư tưởng vững vàng.

Các phương pháp dạy học tích cực được chứng minh là phù hợp và hiệu quả trong việc phát triển tư duy phản biện cho học viên LLCT. Các hình thức như thảo luận nhóm, vấn đáp gợi mở kiểu Socrates⁴, xử lý tình huống, mô phỏng dự án, phản biện chéo và tranh luận khoa học cho phép học viên tiếp cận vấn đề dưới nhiều góc nhìn, đặt câu hỏi bản chất, so sánh, đối chiếu quan điểm và tự xây dựng kiến thức thông qua tư duy độc lập⁵. Nghiên cứu sư phạm gần đây cho thấy giáo viên LLCT cần chuyển từ vai trò “truyền thụ kiến thức” sang “tổ chức dẫn dắt hoạt động nhận thức” nhằm hình thành môi trường học tập tương tác, nơi học viên có cơ

hội trình bày lập luận, phản biện và tự kiểm chứng quan điểm. Đây là xu hướng phù hợp với mục tiêu đổi mới đào tạo cán bộ mà Đảng và Nhà nước đang định hướng trong bối cảnh hiện nay.

2. Thực trạng phương pháp giảng dạy lý luận chính trị và biểu hiện tư duy phản biện của học viên tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Trong những năm gần đây, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã có nhiều nỗ lực đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT, gắn với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ cơ sở theo tinh thần các hướng dẫn đổi mới giáo dục LLCT của Trung ương và của Bộ Nội vụ. Một số giảng viên đã tích cực áp dụng mô hình lớp học tương tác, triển khai học liệu số và vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như thảo luận nhóm, xử lý tình huống, vấn đáp gợi mở và trình bày phản biện. Việc đưa vào sử dụng các phần mềm hỗ trợ thảo luận, khảo sát trực tuyến và kho học liệu số bước đầu giúp thay đổi cách tiếp cận bài học LLCT, giảm tính một chiều của phương pháp thuyết giảng truyền thống. Biểu hiện

³ Trần Thị Tuyết Oanh (2021), Phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục hiện đại. Nxb. ĐH Sư phạm.

⁴ Vấn đáp gợi mở kiểu Socrates là phương pháp dạy học dựa trên hệ thống câu hỏi có chủ đích, trong đó giảng viên không cung cấp sẵn đáp án, mà dẫn dắt người học tự suy nghĩ, tự phát hiện vấn đề, tự điều chỉnh lập luận thông qua đối thoại.

⁵ Bộ Nội vụ (2023), Đề án chuyển đổi số trong hệ thống trường chính trị giai đoạn 2023-2025. Hà Nội.

tư duy phản biện của học viên cũng có sự cải thiện đáng kể. Trong nhiều lớp trung cấp LLCT và bồi dưỡng chức danh, học viên đã chủ động đặt câu hỏi, nêu quan điểm cá nhân và tranh luận về các vấn đề thực tiễn ở cơ sở như công tác dân vận, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới hay xử lý tình huống quản lý xã hội. Đây là tín hiệu cho thấy môi trường học tập đã chuyển từ “nghe ghi chép” sang trao đổi, đối thoại và phân tích dựa trên bằng chứng kinh nghiệm thực tiễn. Nhà trường cũng gia tăng tổ chức các diễn đàn, tọa đàm chuyên đề, báo cáo thực tế và các bài tập tình huống, tạo điều kiện để học viên gắn kết lý luận với hoạt động công tác của mình. Một số lớp đã áp dụng hình thức thu hoạch theo hướng trường hợp phân tích tình huống, trường hợp điển hình hoặc đề xuất giải pháp chính sách, qua đó thúc đẩy học viên hình thành lập luận logic, biết đối chiếu giữa quy định, nguyên lý LLCT và thực tiễn địa phương. Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi số trong hệ thống trường chính trị theo Đề án của Bộ Nội vụ đang tạo thuận lợi cho Trường Chính trị Đồng Tháp từng bước số hóa học liệu, chuẩn hóa chương trình, tăng cường tương tác trực tuyến và mở rộng không gian học tập.

Những yếu tố này góp phần tạo nền tảng cho phương pháp dạy học hiện đại, đồng thời hỗ trợ sự phát triển tư duy phản biện thông qua trao đổi trên các nền tảng số, phản hồi đa chiều và học tập cá nhân hóa.

Mặc dù đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, việc đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT theo hướng phát huy tư duy phản biện tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp vẫn tồn tại nhiều hạn chế cần được nhìn nhận khách quan và khoa học: năng lực tổ chức hoạt động học tập mang tính tương tác và phản biện giữa các giảng viên còn chưa đồng đều. Một bộ phận giảng viên vẫn quen với lối dạy truyền thống, thiếu kỹ năng thiết kế câu hỏi gợi mở, dẫn dắt tranh luận hoặc quản trị xung đột quan điểm trong lớp học. Điều này khiến nhiều giờ học vẫn chịu ảnh hưởng nặng của phương pháp thuyết trình, trong khi các hoạt động thảo luận, phân tích tình huống hoặc phản biện nhóm chưa thực sự trở thành yêu cầu bắt buộc và thống nhất ở tất cả học phần; nội dung bài giảng LLCT vốn mang tính trừu tượng, khái quát cao, đôi khi chưa được gắn kết chặt chẽ với thực tiễn địa phương. Một số giảng viên còn lúng túng trong việc cụ thể hóa lý luận bằng những ví dụ sinh động từ các mô hình phát

triển của Đồng Tháp như tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi số ngành dịch vụ công, đô thị hóa hoặc các vấn đề nổi lên như giải quyết khiếu nại, tố cáo hay xây dựng chính quyền cơ sở vv... do thiếu nguồn tình huống chuẩn hóa, học viên khó hình dung bối cảnh thực tiễn để thực hành tư duy phản biện; từ phía người học, tâm lý “ngại va chạm”, sợ phát biểu sai hoặc ảnh hưởng quan hệ công tác khiến nhiều học viên còn dè dặt khi tham gia thảo luận. Việc thiếu trải nghiệm với tranh luận học thuật khiến lập luận của học viên chưa sâu, chưa có khả năng phản biện dựa trên bằng chứng hoặc đối chiếu với quy định pháp luật, nghị quyết.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân mang tính cấu trúc và vận hành của quá trình đào tạo LLCT hiện nay: mô hình dạy, học truyền thống vẫn duy trì khá phổ biến, tạo quán tính sư phạm trong cả giảng viên và học viên. Phương pháp thuyết trình, tiếp nhận vốn phù hợp với giai đoạn trước nhưng không còn đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực tư duy phản biện, dẫn đến việc đổi mới diễn ra chậm và thiếu tính hệ thống. Bên cạnh đó, khối lượng chương trình lớn, nội dung lý luận chuyên sâu, trong khi thời lượng cho hoạt động thảo luận, tranh luận,

xử lý tình huống còn hạn chế, khiến giảng viên khó bố trí các mô hình dạy học tích cực, còn học viên ít có cơ hội luyện tập phản biện trong môi trường an toàn sư phạm; một nguyên nhân quan trọng khác là cơ chế đánh giá chưa gắn với năng lực phản biện. Điểm số chủ yếu dựa vào bài kiểm tra viết hoặc thuyết trình nhóm, ít tiêu chí đo lường khả năng lập luận, phản biện, xử lý vấn đề công vụ. Điều này làm giảm động lực của học viên trong việc tham gia tranh luận học thuật. Đồng thời, một bộ phận giảng viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về phương pháp hiện đại, nhất là thiết kế tình huống, mô phỏng chính sách, tranh biện định hướng, khiến việc tổ chức hoạt động phản biện còn lúng túng hoặc nặng hình thức. Tất cả các nguyên nhân này tác động đan xen, tạo nên “khoảng trống phương pháp” trong đào tạo, ảnh hưởng đến chất lượng hình thành tư duy phản biện của học viên.

3. Đề xuất một số giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tư duy phản biện

Thứ nhất, đổi mới thiết kế hoạt động dạy học: Cần thiết kế lại tiến trình dạy học theo hướng chuyển trọng

tâm từ truyền thụ kiến thức sang tổ chức hoạt động nhận thức của học viên. Việc xây dựng câu hỏi theo các cấp độ tư duy Bloom⁶ sẽ giúp giảng viên kiểm soát độ sâu của hoạt động học tập, từ ghi nhớ, hiểu sang phân tích, đánh giá, sáng tạo, qua đó tạo nền tảng cho phản biện học thuật. Song song đó, cần triển khai mạnh phương pháp “đối thoại định hướng” giữa giảng viên và học viên nhằm phá vỡ tâm lý thụ động, tăng tính trao đổi hai chiều; đồng thời tổ chức “phản biện chéo” giữa các nhóm để hình thành môi trường tranh luận an toàn, có quy tắc, giúp học viên làm quen dần với văn hóa tranh luận khoa học. Các hoạt động này phải gắn với chuyên đề, tình huống thực tiễn của tỉnh để bảo đảm phản biện không xa rời yêu cầu công vụ và năng lực thực hành của học viên.

Thứ hai, tăng cường dạy học tình huống gắn với thực tiễn Đồng Tháp: Để khắc phục tình trạng dạy học còn nặng lý thuyết và thiếu gắn kết thực tiễn, cần đẩy mạnh phương pháp dạy học tình huống dựa trên các vấn đề đang đặt ra tại tỉnh Đồng Tháp. Do đó, Trường Chính trị cần xây dựng ngân hàng tình huống chuẩn hóa, phản ánh đúng

đặc điểm địa phương trên các lĩnh vực trọng tâm như: xây dựng Đảng ở cơ sở; chuyển đổi nông nghiệp theo hướng thông minh, tuần hoàn; quản lý đô thị và trật tự xây dựng trong bối cảnh đô thị hóa nhanh; cải cách hành chính, giải quyết thủ tục cho người dân, doanh nghiệp và công tác dân vận trong các vùng có biến động xã hội. Trên cơ sở đó, giảng viên tổ chức cho học viên phân tích bối cảnh, xác định vấn đề, đánh giá phương án dựa trên các nguyên tắc, luận cứ của khoa học chính trị và thực tiễn quản lý nhà nước. Các hoạt động tranh luận hai chiều và đề xuất giải pháp cần được chuẩn hóa quy trình, khuyến khích học viên thể hiện chính kiến có cơ sở, đồng thời hình thành năng lực đánh giá chính sách và xử lý tình huống, những yêu cầu cốt lõi của tư duy phản biện trong đào tạo cán bộ hiện nay.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số để mở rộng không gian phản biện: Việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy LLCT không chỉ nâng cao hiệu quả truyền đạt mà còn mở rộng không gian phản biện cho học viên, phù hợp định hướng chuyển đổi số của hệ thống trường chính trị hiện nay. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần

⁶ Thang tư duy Bloom do Benjamin Bloom đề xuất, dùng để phân loại các mức độ mục tiêu học tập trong giáo dục.

khai thác mạnh mẽ các nền tảng hệ thống quản lý học tập⁷ (LMS), diễn đàn học thuật trực tuyến và các phần mềm tương tác như Mentimeter⁸, Kahoot⁹, Padlet¹⁰ nhằm tạo môi trường trao đổi mở, nơi học viên có thể nêu câu hỏi, phản biện, đánh giá quan điểm của nhau mà không bị giới hạn bởi không gian lớp học. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế mời chuyên gia, nhà nghiên cứu, cán bộ thực tiễn tham gia trao đổi trực tuyến định kỳ, giúp học viên tiếp cận đa dạng góc nhìn về các vấn đề thực tiễn của tỉnh và xu hướng quản trị hiện đại. Việc kết nối này góp phần hình thành năng lực đánh giá thông tin, so sánh quan điểm và phát triển tư duy phản biện một cách tự nhiên trong quá trình học tập, đồng thời tạo cầu nối giữa lý luận, thực tiễn, công nghệ trong đào tạo cán bộ thời kỳ chuyển đổi số.

Thứ tư, đổi mới phương pháp đánh giá: Là khâu then chốt để thúc đẩy tư duy phản biện trong giảng dạy LLCT. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần xây dựng hệ thống bảng tiêu chí đánh giá năng

lực tư duy phản biện với các tiêu chí rõ ràng như: khả năng lập luận, mức độ sử dụng chứng cứ, tính logic của phân tích, chất lượng phản biện quan điểm khác và năng lực đề xuất giải pháp khả thi. Việc công khai bảng tiêu chí ngay từ đầu khóa học giúp học viên định hướng cách học tập chủ động, tránh tình trạng học ghi nhớ thụ động. Bên cạnh đó, cần tăng tỷ trọng đánh giá quá trình, đặc biệt thông qua thảo luận nhóm, bài phân tích tình huống, bài trình bày hoặc phản biện chéo. Các hình thức này không chỉ phản ánh thực chất năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn mà còn tạo môi trường để học viên thể hiện quan điểm cá nhân, tranh luận học thuật và rèn luyện kỹ năng thuyết phục. Kết hợp đánh giá định tính và định lượng sẽ giúp nhà trường đo lường đầy đủ hơn năng lực tư duy phản biện, một yêu cầu quan trọng trong đào tạo cán bộ giai đoạn mới.

Thứ năm, nâng cao năng lực giảng viên: Là điều kiện tiên quyết để phát huy tư duy phản biện của học viên trong giảng dạy LLCT. Trường

Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần triển khai các chương trình tập huấn chuyên sâu về phương pháp dạy học tích cực, kỹ năng điều phối thảo luận, kỹ thuật đặt câu hỏi kích thích phản biện và phương pháp đánh giá theo hướng phát triển năng lực. Những khóa tập huấn này phải gắn với thực tiễn môn học, đặc biệt là các nội dung mới liên quan xây dựng Đảng, quản trị công, phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Song song đó, nhà trường cần khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, viết bài đăng tạp chí, dự hội thảo, qua đó mở rộng tri thức, nâng cao tư duy học thuật và thường xuyên cập nhật kiến thức mới. Việc xây dựng “cộng đồng học thuật giảng viên” theo mô hình nhóm nghiên cứu cũng giúp tạo môi trường sinh hoạt chuyên môn liên tục, chia sẻ học liệu, thảo luận tình huống điển hình và hỗ trợ lẫn nhau trong đổi mới phương pháp giảng dạy. Đây là nền tảng quan trọng để đảm bảo chất lượng đào tạo cán bộ trong giai đoạn chuyển đổi số và hội nhập hiện nay.

⁷ Là nền tảng số dùng để quản lý, tổ chức, triển khai và đánh giá toàn bộ quá trình dạy, học trên môi trường trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp, trực tuyến.

⁸ Mentimeter là công cụ tương tác trực tuyến dùng trong giảng dạy, hội thảo, họp nhóm... giúp thu thập ý kiến, trả lời câu hỏi và phản hồi của người tham gia theo thời gian thực thông qua điện thoại hoặc máy tính.

⁹ Kahoot là nền tảng học tập tương tác dạng trò chơi, cho phép giảng viên tạo câu hỏi trắc nghiệm, khảo sát hoặc kiểm tra nhanh để người học tham gia trả lời theo thời gian thực bằng điện thoại hoặc máy tính.

¹⁰ Padlet là nền tảng bảng tương tác trực tuyến, cho phép giảng viên và người học đăng ý kiến, văn bản, hình ảnh, video, đường link lên một không gian chung theo thời gian thực.

Thứ sáu, xây dựng môi trường học thuật khuyến khích tư duy phản biện: Là điều kiện quan trọng để tư duy phản biện trở thành thói quen tự nhiên của học viên trong quá trình học LLCT. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần tổ chức tọa đàm định kỳ, hội thảo khoa học trẻ, diễn đàn trao đổi chuyên môn theo từng chuyên đề như xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, phát triển kinh tế, xã hội địa phương v.v... Những hoạt động này vừa tạo không gian trao đổi mở, vừa giúp học viên tiếp cận đa chiều các vấn đề thực tiễn và rèn luyện kỹ năng tranh luận học thuật. Bên cạnh đó, môi trường lớp học phải được thiết kế theo tinh thần tôn trọng khác biệt, lắng nghe chủ động và đối thoại khoa học, bảo đảm mọi ý kiến phản biện đều được tiếp nhận một cách khách quan, không áp đặt. Việc xây

dựng văn hóa trao đổi thẳng thắn, đúng mực cũng góp phần giảm tâm lý “ngại phản biện” của học viên. Khi được khuyến khích trình bày quan điểm, phân tích luận cứ và phản biện trên tinh thần văn hóa công sở, học viên sẽ hình thành thái độ học tập chủ động, trách nhiệm và năng lực tư duy độc lập, là những phẩm chất cốt lõi của đội ngũ cán bộ trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay.

III. Kết luận

Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị theo hướng phát huy tư duy phản biện là yêu cầu mang tính chiến lược đối với Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn hiện nay. Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở và sự phức tạp của các vấn đề phát triển kinh tế, xã hội

địa phương, việc trang bị cho học viên năng lực lập luận, phân tích, đánh giá và phản biện khoa học trở thành tiêu chí quan trọng của đào tạo LLCT. Để đạt được mục tiêu này, nhà trường cần triển khai đồng bộ các giải pháp từ đổi mới thiết kế bài giảng, tăng cường dạy học tình huống, ứng dụng công nghệ thông tin, cải tiến phương pháp đánh giá đến phát triển năng lực giảng viên và xây dựng môi trường học thuật cởi mở. Khi tư duy phản biện được nuôi dưỡng một cách hệ thống, học viên không chỉ nắm vững nền tảng lý luận mà còn có khả năng vận dụng sáng tạo vào xử lý các vấn đề thực tiễn của tỉnh. Điều này góp phần hình thành đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy khoa học và năng lực giải quyết vấn đề, đáp ứng yêu cầu phát triển Đồng Tháp trong giai đoạn mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo Trung ương về Đổi mới Giáo dục lý luận chính trị (2024), *Hướng dẫn công tác giáo dục lý luận chính trị trong hệ thống trường chính trị năm 2024*, Hà Nội.
2. Bộ Nội vụ (2023), *Đề án chuyển đổi số trong hệ thống trường chính trị giai đoạn 2023 - 2025*. Hà Nội.
3. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2024), *Tổng hợp báo cáo đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2023-2024*, Đồng Tháp.
4. Trần Thị Tuyết Oanh (2021), *Phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục hiện đại*. Nxb. ĐH Sư phạm.

ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THỰC TIỄN TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

✪ VÕ NGUYỄN DUY BÌNH*

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số hiện nay không chỉ là xu hướng mà trở thành yêu cầu bắt buộc nhằm thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững và nâng cao hiệu quả quản trị công. Trong bối cảnh đó, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với vai trò nòng cốt trong hệ thống hành chính cần đóng vai trò tiên phong, chủ động thích ứng, đổi mới tư duy và phương thức làm việc để đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới Chính phủ số minh bạch, hiệu quả, lấy người dân làm trung tâm.

Với vai trò là lực lượng thực thi các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh cần được trang bị đầy đủ năng lực số, bao gồm kiến thức, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp phù hợp với bối cảnh mới. Việc thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là một yêu

Tóm tắt: Chuyển đổi số trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là xu thế tất yếu nhằm xây dựng bộ máy hành chính hiện đại, hiệu quả. Trường Chính trị Tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp như tích hợp công nghệ vào giảng dạy, tổ chức lớp học trực tuyến - trực tiếp linh hoạt, bồi dưỡng kiến thức số cho đội ngũ giảng viên và xây dựng chương trình đào tạo gắn với thực tiễn. Nhờ chủ trương đúng đắn, cơ sở pháp lý vững chắc và sự chỉ đạo quyết liệt từ lãnh đạo, nhà trường đạt nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn như chương trình đào tạo nặng lý thuyết, kỹ năng số của đội ngũ còn hạn chế, cơ sở vật chất chưa đồng bộ, thiếu hụt tài chính, rủi ro bảo mật và khoảng cách năng lực công nghệ giữa các thế hệ. Cần triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao nhận thức, hạ tầng và chất lượng nhân lực để thúc đẩy chuyển đổi số bền vững.

Từ khóa: Chuyển đổi số, đào tạo, bồi dưỡng, Trường Chính trị Tỉnh, Cán bộ, công chức, viên chức.

cầu tất yếu và không thể đảo ngược, nhằm đáp ứng tiến trình chuyển đổi số quốc gia gắn với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu lực, hiệu quả.

2. Thực trạng công tác chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại Trường Chính Trị Tỉnh

Trường Chính trị Tỉnh là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, được giao nhiệm

* Thạc sĩ, giảng viên khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

vụ trọng tâm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị địa phương. Những năm gần đây, bên cạnh việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, Đảng ủy và Ban Giám hiệu Trường Chính trị Tỉnh đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng đội ngũ giảng viên có chất lượng, đồng thời chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin và đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Chuyển đổi số được xác định là mục tiêu ưu tiên, gắn liền với lộ trình xây dựng Trường Chính trị Tỉnh đạt chuẩn mức 2 trong giai đoạn tới, đây là một yêu cầu mang tính chiến lược và cấp thiết.

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương và Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 09/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp về chuyển đổi số, Trường Chính trị Tỉnh đã xác định chuyển đổi số trong công tác đào tạo, bồi dưỡng là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Đây đồng thời cũng là cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng để Trường Chính trị Tỉnh và học viên tích cực triển khai ứng dụng

công nghệ số trong nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

**** Về kết quả đạt được:***

Trong thời gian qua, Trường Chính trị Tỉnh đã tích cực triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Chủ động xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp, linh hoạt áp dụng các mô hình đào tạo số, kết hợp giữa hình thức tập trung và không tập trung, trực tiếp và trực tuyến; Đồng thời tổ chức cho đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia các lớp tập huấn về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm nâng cao năng lực tiếp cận và vận dụng công nghệ mới trong hoạt động chuyên môn.

Trên cơ sở chương trình khung của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Bộ Nội vụ, Trường Chính trị Tỉnh đã chủ động xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng gắn với đặc thù của từng cơ quan, đơn vị. Mô hình đào tạo số được ứng dụng đồng bộ trong các chương trình từ kiến thức tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ đến các lớp quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp phòng.

Hạ tầng và hệ thống quản lý đào tạo được nâng cấp với việc triển khai phần mềm quản lý lớp học, kho học liệu điện tử, số hóa giáo trình và tài liệu, góp phần giảm thời gian xử lý thủ tục, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý. Nhiều giảng viên chủ động thiết kế bài giảng e-learning, video minh họa, bài tập tương tác; công cụ trình chiếu và hệ thống kiểm tra trực tuyến, tạo sự đổi mới trong phương pháp truyền đạt nhưng vẫn bảo đảm tính khoa học. Việc tích hợp công nghệ đã mở rộng khả năng tự học của học viên, giúp họ truy cập bài giảng, tài liệu mọi lúc, mọi nơi, tăng cường tương tác với giảng viên, nhất là đối với các lớp vừa làm vừa học.

Trong công tác điều hành, Trường Chính trị Tỉnh sử dụng hiệu quả các nền tảng học trực tuyến, xử lý văn bản điện tử và số hóa một số quy trình nội bộ, góp phần tiết kiệm thời gian, giảm giấy tờ và hình thành tác phong làm việc khoa học. Nhận thức và năng lực số của đội ngũ cán bộ, giảng viên được nâng lên rõ rệt; nhiều giảng viên đã bước đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công cụ thiết kế và phân tích dữ liệu vào hoạt động chuyên môn, đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

*** Nguyên nhân của kết quả:**

Việc thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW (19/6/2025) của Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng Kế hoạch số 222/KH-UBND (9/9/2025) của UBND tỉnh Đồng Tháp về chuyển đổi số, đã tạo khuôn khổ pháp lý vững chắc cho Trường Chính trị Tỉnh. Những chính sách và kế hoạch này là tiền đề quan trọng giúp Trường Chính trị Tỉnh mạnh dạn triển khai các giải pháp chuyển đổi số một cách liên thông, đồng bộ, nhanh và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trong tình hình mới. Bên cạnh đó, Trường Chính trị Tỉnh xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, được Tỉnh ủy và Ban Giám hiệu chú trọng hàng đầu. Sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt này tạo động lực và định hướng rõ ràng, giúp mọi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhanh chóng tiếp cận công nghệ mới. Đồng thời, việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy hiện đại đã tạo nền tảng thuận lợi để triển khai chuyển đổi số hiệu quả.

*** Về những hạn chế:**

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, quá trình

chuyển đổi số tại Trường Chính trị Tỉnh vẫn đang đối mặt với một số khó khăn, thách thức nhất định:

Thứ nhất, nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng vẫn thiên về lý thuyết, chưa chú trọng thực hành, trong khi đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở có nhu cầu cấp thiết về kỹ năng giải quyết tình huống thực tiễn. Khung chương trình còn mang tính khái quát, chưa phù hợp với điều kiện địa phương. Việc chuyển đổi từ phương pháp truyền thống sang hình thức đào tạo số diễn ra chậm, trong khi niềm tin vào hiệu quả mô hình học tập số vẫn còn hạn chế ở một bộ phận giảng viên.

Thứ hai, kỹ năng sử dụng công cụ số của giảng viên và học viên còn hạn chế. Khoảng cách thế hệ về năng lực công nghệ khiến giảng viên lớn tuổi gặp khó khăn trong thích ứng với công nghệ mới, kéo theo tâm lý e ngại và thiếu sẵn sàng chuyển đổi.

Thứ ba, đội ngũ giảng viên còn thiếu kiến thức và kỹ năng công nghệ cần thiết để tích hợp hiệu quả các công cụ số vào giảng dạy. Việc sử dụng công nghệ hiện đại đòi hỏi năng lực kỹ thuật và khả năng thích nghi cao, điều mà hiện chỉ một số giảng viên đáp ứng tốt.

Thứ tư, hạ tầng công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu, hệ thống thiết bị còn thiếu, mạng Internet chưa ổn định, trong khi kinh phí đầu tư hạn chế. Điều này ảnh hưởng đến tính liên tục và hiệu quả của hình thức đào tạo trực tuyến, đặc biệt trong các tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh.

Thứ năm, vấn đề an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu trở thành thách thức nghiêm trọng. Các vụ tấn công mạng, đánh cắp dữ liệu cá nhân gây lo ngại trong giảng viên, học viên. Trong khi đó, các nền tảng và hệ thống hỗ trợ dạy học số vẫn đang trong giai đoạn thử nghiệm, chưa vận hành ổn định.

Thứ sáu, hành lang pháp lý về chuyển đổi số trong đào tạo còn thiếu và chưa đồng bộ. Điều này gây khó khăn trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, an ninh thông tin, cũng như trong việc triển khai các quy định về thời lượng học, đánh giá, cấp văn bằng chứng chỉ trong môi trường số. Việc hoàn thiện thể chế là yêu cầu cấp thiết nhằm tạo nền tảng pháp lý ổn định cho hoạt động đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

*** Nguyên nhân của hạn chế:**

Nội dung chương trình đào tạo hiện nay vẫn nặng về

lý thuyết, nhẹ về thực hành, mang tính khái quát vĩ mô hơn là gắn với vấn đề cụ thể ở cơ sở. Điều này dẫn đến việc học viên thiếu kỹ năng thực tiễn để giải quyết công việc cụ thể sau đào tạo. Mặt khác, phương pháp giảng dạy số hóa được tiếp cận chậm, một số giảng viên còn duy trì cách dạy truyền thống, chưa tận dụng hết công cụ số.

Mặc dù đã có các lớp tập huấn, nhưng nhìn chung kỹ năng sử dụng công cụ và nền tảng số của cán bộ, giảng viên, học viên còn hạn chế. Nhiều người cần thêm thời gian và đào tạo mới có thể khai thác hiệu quả công nghệ trong công việc. Đặc biệt, tồn tại khoảng cách thế hệ về năng lực công nghệ, các giảng viên lớn tuổi thường gặp khó khăn hơn trong việc bắt kịp công nghệ mới.

Một rào cản lớn là đội ngũ giảng viên chưa đồng đều về trình độ công nghệ. Việc tích hợp công nghệ hiện đại đòi hỏi kỹ năng kỹ thuật và khả năng thích ứng nhanh. Việc kết nối Internet tốc độ cao chưa thật ổn định, một số trang thiết bị cần thiết (máy tính, máy chiếu, bảng tương tác,...) chưa được nâng cấp kịp thời. Nguồn kinh phí hạn hẹp cũng là trở ngại lớn đầu tư cho hạ tầng mạng, phần mềm, thiết bị và công tác đào tạo số đòi hỏi chi phí rất

cao, vượt quá khả năng ngân sách của trường.

Rủi ro về quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu trong môi trường số đang là mối lo ngại ngày càng lớn. Thực tế đã có những vụ tấn công mạng, đánh cắp thông tin cá nhân, gây hậu quả nghiêm trọng ở nhiều nơi, nên giảng viên và học viên không khỏi e dè khi đưa dữ liệu lên môi trường mạng. Việc lộ lọt dữ liệu không chỉ ảnh hưởng tới cá nhân mà còn làm suy giảm lòng tin vào hệ thống đào tạo số. Bên cạnh đó, các phần mềm, hệ thống kỹ thuật hỗ trợ giảng dạy số tại trường vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa thật ổn định. Những trục trặc kỹ thuật hoặc tính năng chưa tối ưu của nền tảng học tập số gây không ít khó khăn cho cả giảng viên lẫn học viên, ảnh hưởng đến trải nghiệm và hiệu quả dạy, học.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Trường Chính trị Tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay

Để nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Trường Chính trị Tỉnh, trong thời gian tới cần kết hợp đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, giảng viên Trường Chính trị Tỉnh: Để ứng dụng hiệu quả khoa học và công nghệ ở bất kỳ lĩnh vực nào, người lao động cần nắm vững về chuyên môn, nghiệp vụ. Do đó, trong thời đại công nghệ số, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, giảng viên cần đạt chuẩn về trình độ công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. Vì vậy, để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ cán bộ, giảng viên về công nghệ thông tin, chuyển đổi số cần được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiêm túc và thường xuyên.

Trường Chính trị Tỉnh cần cử cán bộ, giảng viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về chuyển đổi số và công nghệ thông tin để nâng cao năng lực số. Triển khai các chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức chuyển đổi số, áp dụng công nghệ số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, cần phải quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình

chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để trở thành lực lượng nòng cốt và tinh nhuệ về chuyển đổi số trong Trường Chính trị Tỉnh.

Thứ hai, đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng được nhu cầu xã hội với môi trường chuyển đổi số ngày càng sâu rộng:

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cần chú trọng xây dựng căn cứ vào yêu cầu của vị trí việc làm, trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết của vị trí việc làm, giúp cán bộ, công chức, viên chức sau khi tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng có thể ứng dụng, triển khai tốt công việc đang đảm nhận, nâng cao năng suất lao động. Bổ sung vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng các học phần cơ bản về công nghệ, tin học giúp người học có những kiến thức để ứng dụng vào môi trường chuyển đổi số.

Ngoài các chương trình đào tạo tập trung, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cần phát triển đa dạng các hình thức đào tạo phù hợp trực tiếp và trực tuyến, để tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội tiếp cận kiến thức, kỹ năng nâng cao năng lực làm việc, tiết kiệm chi phí đi lại, chi phí

cơ sở vật chất cho lớp học, người học có thể chủ động trong việc học tập, nghiên cứu phù hợp với thời đại số,... Phương pháp đào tạo hướng vào nâng cao năng lực của người học, đặc biệt là năng lực giải quyết vấn đề trong môi trường số, xã hội số và sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ; khuyến khích người học có tư duy sáng tạo, biết cách khai thác dữ liệu, tìm ra giải pháp tối ưu phục vụ cho công việc chuyên môn.

Thứ ba, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Cần tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao hiệu quả công tác này, nhất là đầu tư cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, cơ sở vật chất và trang thiết bị công nghệ hiện đại phục vụ cho quá trình học tập như giáo trình, chế độ, chính sách với người học,... Đồng thời, gắn công tác đào tạo, phát triển với sử dụng cán bộ, công chức, viên chức với việc kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ sau đào tạo, bồi dưỡng.

Bên cạnh đó, cần xây dựng kho dữ liệu mở với hệ thống tài liệu phong phú về

lĩnh vực quản lý nhà nước, hành chính, chính sách công,... phục vụ cho nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Học viên có thể truy cập để tham khảo các nguồn tài liệu một cách hệ thống và thuận lợi. Công nghệ hỗ trợ tốt cho học viên để khai thác dữ liệu. Kho học liệu mở được tích hợp dữ liệu liên ngành, liên địa phương, liên thời gian và có nguồn gốc uy tín sẽ cung cấp cho người học những kiến thức đa dạng, kinh nghiệm thực tiễn hay từ các địa phương khác nhau, qua các thời kỳ khác nhau để giúp họ vận dụng tốt cho công việc.

Thứ tư, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên về chuyển đổi số.

Để đẩy mạnh chuyển đổi số, đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên tại Trường Chính trị Tỉnh không chỉ thành thạo các thao tác về công nghệ để tương tác trong công việc mà còn phải khai thác hiệu quả tối đa khoa học và công nghệ để ứng dụng giải quyết các vấn đề đặt ra. Cán bộ, giảng viên và học viên phải có các kỹ năng như sử dụng công nghệ thông tin; đảm bảo an toàn thông tin, tổng hợp và phân tích dữ liệu, khai thác và sử dụng các ứng dụng vào công tác. Ngoài ra, cán bộ,

giảng viên và học viên cần rèn luyện kỹ năng, cập nhật kiến thức, kỹ thuật mới để không bị tụt hậu trước làn sóng thay đổi nhanh chóng của công nghệ. Trong thời kỳ chuyển đổi số, đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên không những phải giỏi về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số mà còn cần đảm bảo về nhân cách, đạo đức để ứng dụng khoa học một cách lành mạnh, không lạm dụng công nghệ để trục lợi cho các cá nhân, ứng xử với người nhân dân đúng chuẩn mực, có lối sống trong sạch và lành mạnh.

4. Kết luận

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giữ vai trò then chốt trong hệ thống hành chính nhà nước, đồng thời là lực lượng nòng cốt góp phần vào sự phát triển ổn định và bền vững của đất nước. Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia đang diễn ra mạnh mẽ, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ này không chỉ dừng lại ở năng lực chuyên môn mà còn bao gồm khả năng thích ứng, ứng dụng công nghệ và đổi mới phương thức làm việc.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ảnh

hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Do đó, để xây dựng Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số, xã hội số, việc phát triển nguồn nhân lực khu vực công có trình độ cao là yếu tố mang tính quyết định. Trường Chính trị Tỉnh với vai trò là cơ sở đào tạo chính trị, hành chính của tỉnh, cần chủ động xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động cụ thể, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong thời kỳ chuyển đổi số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị, 27/9/2019, *Nghị quyết số 52-NQ về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*;
2. Bộ Chính trị, 22/12/2024, *Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*;
3. Ban Chỉ đạo Trung ương, 19/6/2025, *Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị*;
4. UBND tỉnh Đồng Tháp, 2025, *Kế hoạch số 222/KH-UBND về Chuyển đổi số năm 2025*.

QUYẾT TÂM HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN GÓP PHẦN XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẠT CHUẨN MỨC 2

✧ LƯU HOÀNG TÂN KHOA

Ngày 29/12/2025, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tổ chức Lễ Khai giảng lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung, khóa 02 (A02). Lễ khai giảng là sự kiện có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu bước khởi đầu của quá trình học tập, rèn luyện lý luận chính trị đối với 43 học viên tham gia khóa học. Đây không chỉ là dịp để Nhà trường quán triệt mục tiêu, yêu cầu và nội dung chương trình đào tạo, mà còn là thời điểm mỗi học viên xác định rõ động cơ học tập, trách nhiệm chính trị và quyết tâm phấn đấu trong suốt khóa học. Tập thể lớp tự hào được học tập tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp - đơn vị đạt chuẩn mức 1 theo quy định của Trung ương; qua đó, mỗi học viên ý thức sâu sắc tinh thần nỗ lực học tập nghiêm túc, quyết tâm giữ gìn và phát huy danh hiệu của Nhà trường, sớm đạt chuẩn mức 2 theo quy định.

1. Vai trò của tập thể học viên trong xây dựng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đạt chuẩn mức 2

Trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn được Đảng ta xác định là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính lâu dài. Lý luận chính trị không chỉ là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng, mà còn là cơ sở để hình thành bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực thực tiễn của người cán bộ trong bối cảnh mới. Nhận thức sâu sắc vai trò đó, các trường chính trị địa phương giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống giáo dục chính trị của Đảng, là nơi trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho cơ sở, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng trong tình hình hiện nay.

Quán triệt chủ trương của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Đồng Tháp, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đang từng bước nỗ lực đổi mới toàn diện, phấn đấu xây dựng Nhà trường đạt chuẩn mức 2. Đây không chỉ là yêu cầu về mặt tiêu chí, điều kiện, mà còn là quá trình nâng cao thực chất chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, quản lý và phục vụ, hướng đến xây dựng một môi trường giáo dục chính trị chuẩn mực, hiện đại, kỷ cương, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới và phát triển địa phương. Trong quá trình đó, bên cạnh vai trò lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý, điều hành của Ban Giám hiệu và tâm huyết của đội ngũ giảng viên, viên chức, thì thái độ, ý thức và kết quả học tập, rèn luyện của học viên giữ vai trò hết sức quan trọng, trực tiếp góp phần quyết định chất lượng, uy tín và vị thế của Nhà trường.

Xuất phát từ nhận thức đó, tập thể Lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung, khóa 02 (*Tập thể lớp*) xác định việc tham gia học tập tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp không đơn thuần là yêu cầu về chuẩn hóa trình độ, mà trước hết là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, là cơ hội để mỗi học viên tự hoàn thiện mình về nhận thức, tư duy lý luận và phương pháp công tác. Học tập lý luận chính trị, đối với Tập thể lớp, không chỉ dừng lại ở việc tiếp thu kiến thức trong giáo trình, mà còn là quá trình rèn luyện bản lĩnh chính trị, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, xây dựng tác phong, lề lối làm việc khoa học, góp phần hình thành hình ảnh người cán bộ, đảng viên “vừa hồng”, “vừa chuyên” trong thời kỳ mới.

Trong bối cảnh yêu cầu xây dựng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đạt chuẩn mức 2, mỗi học viên càng nhận thức rõ hơn trách nhiệm của bản thân đối với Tập thể lớp và đối với Nhà trường. Thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần tự giác, kỷ luật, ý thức chấp hành nội quy, quy chế, sự chủ động trong nghiên cứu, thảo luận và vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác không chỉ phản ánh động cơ học tập đúng đắn, mà còn là những biểu hiện cụ thể, sinh động của việc góp phần nâng



Các đại biểu và học viên lớp Trung cấp Lý luận chính trị hệ tập trung (Khóa A02). (Ảnh Đông Hồ)

cao chất lượng đào tạo, xây dựng môi trường giáo dục chính trị chuẩn mực. Chính từ những hành vi, việc làm tưởng chừng nhỏ bé, nhưng được thực hiện một cách đồng bộ, nhất quán và có trách nhiệm, sẽ tạo nên sức lan tỏa tích cực, đóng góp thiết thực vào mục tiêu chung của Nhà trường.

Với tinh thần đó, Tập thể lớp luôn xác định quyết tâm học tập và rèn luyện là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn khóa học. Mỗi học viên cam kết không ngừng nỗ lực khắc phục khó khăn về thời gian, công việc chuyên môn và điều kiện cá nhân, chủ động sắp xếp để tham gia học tập đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả. Đồng thời, Tập thể lớp đề cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong học tập và sinh hoạt, cùng nhau xây dựng một tập thể kỷ cương, nề nếp, dân chủ và giàu tính học thuật, xứng đáng là một bộ phận tích cực trong quá trình xây dựng

và phát triển Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

Từ những nhận thức và quyết tâm, việc khẳng định vai trò, trách nhiệm và cam kết hành động của Tập thể lớp trong học tập và rèn luyện, góp phần xây dựng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đạt chuẩn mức 2, không chỉ mang ý nghĩa tổng kết thực tiễn, mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm chính trị của học viên trước yêu cầu phát triển của Nhà trường và của địa phương trong giai đoạn mới.

2. Tập thể lớp thực hiện nghiêm nội dung, quy định, quy chế quyết tâm học tập và rèn luyện trong thời gian học tập tại Trường

2.1. Nhận thức sâu sắc và toàn diện của Tập thể lớp về mục tiêu xây dựng trường chính trị đạt chuẩn mức 2

Nhận thức đúng đắn là tiền đề quan trọng hàng đầu để hình thành thái độ, quyết

tâm và hành động đúng đắn. Đối với Tập thể lớp, việc nhận thức đầy đủ, sâu sắc về mục tiêu xây dựng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đạt chuẩn mức 2 không chỉ mang ý nghĩa lý luận, mà còn có ý nghĩa thực tiễn trực tiếp, chi phối toàn bộ quá trình học tập, rèn luyện và phấn đấu của mỗi học viên trong suốt khóa học.

Trước hết, Tập thể lớp nhận thức rằng xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức 2 là một yêu cầu tất yếu, xuất phát từ nhiệm vụ chính trị của Nhà trường trong giai đoạn mới. Trong bối cảnh đất nước tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng cao, không chỉ vững vàng về bản lĩnh chính trị, mà còn phải có tư duy khoa học, phương pháp làm việc hiện đại và năng lực tổ chức thực tiễn hiệu quả. Trường Chính trị Tỉnh với vai trò là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh phải không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện để đáp ứng yêu cầu đó. Chuẩn mức 2, không đơn thuần là sự nâng cấp về tiêu chí kỹ thuật hay điều kiện vật chất, mà là sự khẳng định về tầm vóc, chất lượng và uy tín của một cơ sở đào tạo chính trị trong hệ thống giáo dục lý luận của Đảng.

Từ nhận thức ấy, Tập thể lớp hiểu rõ rằng mục tiêu xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức 2 là một quá trình tổng hợp, đồng bộ, trong đó chất lượng đào tạo giữ vị trí trung tâm. Chất lượng đào tạo được phản ánh qua chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy hay đội ngũ giảng viên, thể hiện sinh động qua thái độ học tập, ý thức rèn luyện, tinh thần trách nhiệm và kết quả học tập của học viên. Học viên không phải là đối tượng thụ động tiếp nhận tri thức, mà là chủ thể tích cực tham gia kiến tạo chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, mỗi hành vi, mỗi biểu hiện trong học tập và sinh hoạt của học viên đều có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hình ảnh, uy tín và mức độ đáp ứng các tiêu chí chuẩn của Nhà trường.

Tập thể lớp nhận thức sâu sắc rằng việc học tập tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp diễn ra trong một không gian giáo dục đặc thù, nơi tri thức lý luận gắn chặt với yêu cầu rèn luyện bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng. Xây dựng Trường đạt chuẩn mức 2 đồng nghĩa với việc xây dựng một môi trường học thuật nghiêm túc, kỷ cương, dân chủ, trong đó mỗi học viên phải tự giác đặt mình trong khuôn khổ của kỷ luật, chuẩn mực và trách nhiệm. Thái độ

học tập nghiêm túc, tinh thần cầu thị, ý thức tự học, tự rèn không chỉ là yêu cầu cá nhân, mà còn là yêu cầu khách quan để góp phần hình thành văn hóa học đường đặc trưng của Trường Chính trị đạt chuẩn.

Bên cạnh đó, Tập thể lớp cũng nhận thức mục tiêu đạt chuẩn mức 2 đặt ra yêu cầu cao hơn về sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn. Lý luận chính trị chỉ thực sự có giá trị khi được soi chiếu vào thực tiễn công tác, góp phần giải quyết những vấn đề đặt ra trong quản lý, lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Do đó, việc học tập không dừng lại ở tiếp thu tri thức, mà phải hướng đến hình thành năng lực tư duy biện chứng, tư duy phản biện và khả năng vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn. Nhận thức này giúp tập thể lớp xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc học tập một cách chủ động, sâu sắc, tránh lối học hình thức, hời hợt, xa rời thực tiễn.

Từ góc độ người học, Tập thể lớp và mỗi học viên nhận thức rằng mỗi học viên là một “hình ảnh đại diện” của Nhà trường trong và sau quá trình học tập. Phẩm chất, tác phong, thái độ ứng xử và năng lực công tác của học viên sau khi trở về cơ quan, đơn vị công tác chính là minh chứng sinh động nhất



Đại biểu và Ban Cán sự lớp Trung cấp Lý luận chính trị hệ tập trung (Khóa A02). (Ảnh Đông Hồ)

cho chất lượng đào tạo của Trường. Vì vậy, xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức 2 không chỉ là nhiệm vụ trong phạm vi Nhà trường, mà cần được lan tỏa thông qua chính đội ngũ học viên - những người sẽ mang theo dấu ấn đào tạo của Trường vào thực tiễn đời sống chính trị - xã hội của địa phương. Nhận thức này đặt lên vai mỗi học viên trách nhiệm kép: vừa học tập cho bản thân, vừa học tập vì uy tín và thương hiệu của Nhà trường.

Đồng thời, Tập thể lớp ý thức sâu sắc mục tiêu đạt chuẩn mức 2 đòi hỏi sự đồng hành, chia sẻ và trách nhiệm chung của tất cả các chủ thể trong Nhà trường, trong đó có học viên. Sự chủ động tham gia các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên đề, các phong trào do Nhà trường phát

động không chỉ góp phần làm phong phú đời sống học tập, mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm, ý thức xây dựng tập thể và sự gắn bó của học viên đối với Nhà trường. Chính tinh thần đồng hành đó tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đạt chuẩn mức 2 một cách bền vững.

Trên cơ sở những nhận thức, Tập thể lớp thống nhất quan điểm: xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức 2 không phải là nhiệm vụ của riêng cấp lãnh đạo hay đội ngũ giảng viên, mà là trách nhiệm chung của toàn thể học viên. Nhận thức đúng sẽ dẫn đến hành động đúng; hành động đúng, bền bỉ và có trách nhiệm sẽ góp phần tạo nên giá trị thực chất cho mục tiêu đạt chuẩn. Chính từ nền tảng nhận thức đó, tập thể lớp xác lập

quyết tâm học tập nghiêm túc, rèn luyện toàn diện và không ngừng phấn đấu, xem đây là cách thức thiết thực và hiệu quả nhất để đóng góp vào sự phát triển của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn mới.

2.2. Tập thể lớp quyết tâm học tập nghiêm túc, rèn luyện tích cực

Học tập lý luận chính trị là một quá trình đặc thù, đòi hỏi không chỉ sự tiếp thu tri thức một cách có hệ thống, mà còn là sự rèn luyện bền bỉ về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và phương pháp tư duy khoa học. Nhận thức sâu sắc điều đó, Tập thể lớp xác định việc học tập nghiêm túc, rèn luyện tích cực không đơn thuần là yêu cầu của chương trình đào tạo, mà trước hết là trách nhiệm chính trị, là thước đo ý thức và bản lĩnh của mỗi học viên trong quá trình tự hoàn thiện mình để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Học tập nghiêm túc, đối với tập thể lớp, trước hết được thể hiện ở việc xác định đúng đắn động cơ học tập. Mỗi học viên đều thống nhất quan điểm: học lý luận chính trị không phải để đối phó, để hoàn thiện bằng cấp một cách hình thức, mà là để nâng cao trình độ nhận thức, củng cố lập trường tư tưởng, làm giàu

vốn tri thức khoa học phục vụ trực tiếp cho công tác lãnh đạo, quản lý và tham mưu tại cơ quan, đơn vị. Chính sự thống nhất về động cơ học tập đã tạo nên nền tảng tinh thần vững chắc, giúp tập thể lớp duy trì được thái độ học tập nghiêm túc, bền bỉ và có chiều sâu trong suốt quá trình tham gia khóa học.

Trên cơ sở đó, Tập thể lớp đặc biệt quán triệt sâu sắc việc chấp hành nghiêm quy định, quy chế, nội quy, quy chế học tập của Nhà trường. Tham gia đầy đủ các buổi học, bảo đảm giờ giấc, giữ gìn nề nếp lớp học, tôn trọng giảng viên và bạn học được xem là những biểu hiện cụ thể, trực tiếp của thái độ học tập nghiêm túc. Mỗi học viên tự giác đặt mình trong khuôn khổ kỷ luật chung, xem kỷ luật học tập không phải là sự ràng buộc mang tính áp đặt, mà là điều kiện cần thiết để hình thành tác phong khoa học, chuẩn mực của người cán bộ, đảng viên được đào tạo tại Trường Chính trị.

Học tập nghiêm túc còn được thể hiện qua tinh thần chủ động, tích cực trong tiếp cận tri thức. Tập thể lớp xác định rõ rằng tri thức lý luận chính trị không thể tiếp thu một cách thụ động, mà đòi hỏi sự suy ngẫm, phân tích và liên hệ thực tiễn một cách

thường xuyên. Do vậy, mỗi học viên đều nỗ lực nghiên cứu tài liệu trước giờ lên lớp, tích cực tham gia thảo luận, mạnh dạn trao đổi, phản biện trên tinh thần xây dựng, cầu thị. Thông qua quá trình đó, không chỉ kiến thức được làm sâu sắc hơn, mà năng lực tư duy lý luận, tư duy phản biện và phương pháp tiếp cận vấn đề khoa học của học viên cũng từng bước được nâng cao.

Song hành với học tập nghiêm túc là quá trình rèn luyện tích cực, toàn diện về phẩm chất, đạo đức và tác phong. Tập thể lớp nêu cao tinh thần rèn luyện là hoạt động gắn kết chặt chẽ với hoạt động học tập, là một bộ phận hữu cơ, không thể thiếu của quá trình đào tạo lý luận chính trị. Rèn luyện tích cực trước hết là rèn luyện bản lĩnh chính trị, sự kiên định về lập trường, tư tưởng, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Thông qua việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm, đường lối của Đảng, mỗi học viên không ngừng tự soi, tự sửa, củng cố niềm tin, nâng cao khả năng nhận diện và đấu tranh với những biểu hiện lệch lạc về tư tưởng trong thực tiễn.

Rèn luyện tích cực còn được thể hiện ở việc tu dưỡng đạo đức, lối sống, xây dựng

tác phong công tác chuẩn mực. Tập thể lớp thực thi tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, lối sống giản dị, lành mạnh, đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau. Trong sinh hoạt tập thể, mỗi học viên đều ý thức giữ gìn hình ảnh người học viên Trường Chính trị, từ lời nói, hành vi đến cách ứng xử với giảng viên, viên chức và bạn học. Góp phần quan trọng trong việc xây dựng môi trường giáo dục kỷ luật, kỷ cương, văn minh, giàu tính nhân văn.

Đặc biệt, Tập thể lớp xây dựng, vun đắp tinh thần đoàn kết, hỗ trợ và cùng nhau tiến bộ. Tập thể lớp xem sự đoàn kết là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện. Mỗi học viên không chỉ nỗ lực cho sự tiến bộ của bản thân, mà còn sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng chí, đồng nghiệp trong học tập và sinh hoạt. Ban cán sự lớp phát huy tốt vai trò điều phối, gắn kết, tạo điều kiện để mọi thành viên đều tham gia tích cực vào các hoạt động chung, qua đó xây dựng một tập thể lớp thống nhất, trách nhiệm và giàu tính tổ chức.

Trong quá trình học tập và rèn luyện, mỗi giờ trên lớp, từng học viên có ý thức gắn lý luận với thực tiễn công tác. Học tập nghiêm túc không dừng lại ở việc nắm vững kiến

thức, mà hướng đến khả năng vận dụng sáng tạo lý luận vào giải quyết những vấn đề cụ thể tại cơ quan, đơn vị và địa phương. Rèn luyện tích cực vì vậy còn là quá trình mỗi học viên không ngừng nâng cao năng lực thực tiễn, phương pháp làm việc khoa học, góp phần nâng cao chất lượng thực thi nhiệm vụ chính trị sau khi hoàn thành khóa học.

Có thể khẳng định rằng, quyết tâm học tập nghiêm túc và rèn luyện tích cực của tập thể lớp không phải là những khẩu hiệu mang tính hình thức, mà được thể hiện bằng những hành động cụ thể, nhất quán và xuyên suốt. Chính tinh thần đó đã, đang và chắc chắn góp phần nâng cao chất lượng học tập của từng học viên, tạo nên hình ảnh một tập thể kỷ cương, trách nhiệm, xứng đáng là bộ phận tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và chất lượng toàn diện.

3. Phương hướng, nhiệm vụ của Tập thể lớp trong hành trình học tập tại Trường

Trên nền tảng những nhận thức đúng đắn và quyết tâm chính trị đã được xác lập, Tập thể lớp xác định phương hướng hành động triển khai trong thời gian tới không chỉ

là sự tiếp nối của quá trình học tập, rèn luyện hiện tại, mà còn là bước chuyển quan trọng nhằm cụ thể hóa tinh thần trách nhiệm của học viên đối với Nhà trường và đối với nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Trước hết, Tập thể lớp giữ vững và không ngừng nâng cao ý thức học tập nghiêm túc trong suốt thời gian còn lại của khóa học. Học tập lý luận chính trị được xác định là nhiệm vụ trung tâm, xuyên suốt, đòi hỏi sự tập trung cao độ, tinh thần tự giác và kỷ luật nghiêm minh. Mỗi học viên chủ động sắp xếp thời gian, hài hòa giữa công việc chuyên môn và học tập, tham gia đầy đủ các hoạt động học tập theo chương trình, bảo đảm chất lượng tiếp thu tri thức và hiệu quả rèn luyện. Tập thể lớp kiên quyết khắc phục biểu hiện học tập hình thức, đối phó, xem việc học tập nghiêm túc là danh dự và trách nhiệm của người học viên Trường Chính trị.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh rèn luyện toàn diện về phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong công tác. Mỗi học viên không ngừng tu dưỡng bản lĩnh chính trị, giữ vững lập trường tư tưởng, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng, chủ động đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về

tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Rèn luyện tích cực còn được thể hiện ở việc xây dựng tác phong làm việc khoa học, kỷ cương, trách nhiệm, gắn lý luận với thực tiễn công tác, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị. Thông qua quá trình rèn luyện đó, tập thể lớp hướng đến hình thành đội ngũ học viên có bản lĩnh, có đạo đức, có năng lực, xứng đáng với sự tin tưởng của Đảng và Nhân dân.

Ba là, xây dựng tập thể, lớp xác định tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, dân chủ, kỷ cương và trách nhiệm. Mỗi học viên ý thức sâu sắc rằng sức mạnh của tập thể là tổng hòa từ ý thức trách nhiệm và sự nỗ lực của từng cá nhân. Ban cán sự lớp tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong tổ chức, điều hành các hoạt động học tập và sinh hoạt, tạo môi trường thuận lợi để mọi học viên đều được phát huy năng lực, sở trường. Tập thể lớp chú trọng xây dựng mối quan hệ ứng xử văn minh, tôn trọng, hỗ trợ lẫn nhau, cùng hướng đến mục tiêu chung là nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện.

Bốn là, giữ gìn và lan tỏa hình ảnh người học viên Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp chuẩn mực, trách nhiệm và gương mẫu. Mỗi học viên

xem mình là một “đại sứ” của Nhà trường trong môi trường công tác và đời sống xã hội, từ đó không ngừng rèn luyện phẩm chất, đạo đức, tác phong, góp phần khẳng định giá trị đào tạo của Trường Chính trị thông qua chính hiệu quả công tác và uy tín cá nhân. Đây không chỉ là cam kết trong thời gian học tập, mà còn là trách nhiệm lâu dài của học viên sau khi hoàn thành khóa học.

Bên cạnh đó, Tập thể lớp xác định việc chủ động tham

gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, thảo luận chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn là giải pháp quan trọng nhằm làm sâu sắc thêm tri thức lý luận đã được trang bị. Thông qua quá trình đó, mỗi học viên không chỉ nâng cao năng lực tư duy, phân tích và tổng hợp vấn đề, từng bước hình thành phương pháp vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn công tác tại địa phương, cơ quan, đơn vị. Đây mạnh tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm

trong học tập và rèn luyện, coi đây là yêu cầu tất yếu đối với đội ngũ cán bộ trong giai đoạn mới. Đồng thời, việc chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế của Nhà trường được xem là thước đo ý thức tổ chức kỷ luật và văn hóa học đường của mỗi học viên. Trên cơ sở đó, tập thể lớp quyết tâm hoàn thành tốt mục tiêu khóa học, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình phấn đấu, cống hiến lâu dài cho sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương Đồng Tháp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2021), Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Trường chính trị chuẩn.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2025), Quy định số 350-QĐ/TW ngày 29/8/2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị.
3. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025), Quyết định số 93-QĐ/TCT ngày 25/8/2025 ban hành Quy định cụ thể một số nội dung của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG - YẾU TỐ CỐT LÕI ĐỂ DÂN TỘC VƯƠN MÌNH TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

✦ LÊ NGUYỄN TUYẾT LỘC*

Tóm tắt: Chủ đề tập trung làm rõ vai trò của tinh thần tự lực, tự cường trong hành trình phát triển đất nước. Tự lực, tự cường là hai yếu tố nền tảng quan trọng để Việt Nam đối mặt với những thách thức của kỷ nguyên toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo sự ổn định, độc lập dân tộc và thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Bên cạnh đó, tự lực, tự cường còn giúp bảo tồn bản sắc văn hóa và xây dựng một nền kinh tế tự chủ, bền vững và có khả năng đối mặt với những khó khăn, thử thách toàn cầu mang lại. Để hiện thực hóa tinh thần này, cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng nền kinh tế tự chủ, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân để đưa Việt Nam vươn lên mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới.

Từ khóa: Tự lực, tự cường, kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời đại toàn cầu hóa và sự phát triển vượt bậc của cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam đang đối mặt với những cơ hội lớn lao nhưng cũng không ít thách thức cam go. Đây là giai đoạn mà các quốc gia không thể chỉ dựa vào những lợi thế sẵn có về tài nguyên hay vị trí địa lý, mà phải dựa vào chính nội lực, bản sắc văn hóa và khả năng đổi mới sáng tạo của mình để khẳng định vị thế. Trong bối cảnh đó, tinh thần tự lực, tự cường đã trở thành một yếu tố cốt lõi, không chỉ là giá trị truyền thống mà còn

là nền tảng định hướng chiến lược phát triển cho tương lai.

Tự lực, tự cường không chỉ đơn thuần là ý chí vượt khó mà còn là năng lực chủ động nắm bắt cơ hội, vươn lên bằng trí tuệ, sức mạnh và sự đoàn kết của toàn dân tộc. Đó là kim chỉ nam giúp Việt Nam tạo dựng một xã hội hiện đại, tự chủ và thịnh vượng. Hơn nữa, trong kỷ nguyên mới, sự tự lực, tự cường của dân tộc không chỉ dừng lại ở phạm vi quốc gia mà còn phải được mở rộng ra trường quốc tế, thông qua việc nâng cao khả năng cạnh tranh và khẳng định bản sắc riêng.

Tinh thần tự lực, tự cường không chỉ là trách nhiệm của một thế hệ mà là sứ mệnh chung của cả dân tộc. Nó đòi hỏi mỗi cá nhân, tổ chức và toàn xã hội cùng nỗ lực vì mục tiêu chung: xây dựng một Việt Nam bền vững và phát triển, vững vàng vượt qua mọi thách thức của thời đại.

II. NỘI DUNG

2.1. Vai trò của tự lực, tự cường trong kỷ nguyên mới

Trong bối cảnh thế giới ngày càng phức tạp với những thách thức và cơ hội đan xen, tinh thần tự lực, tự cường nổi lên như một yếu tố nền tảng

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

giúp mỗi quốc gia không chỉ tồn tại mà còn vươn mình phát triển bền vững. Đối với Việt Nam, tự lực, tự cường không chỉ là giá trị truyền thống mà còn là một chiến lược quan trọng trong việc định hình tương lai của dân tộc trong kỷ nguyên mới. Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: phát huy cao nhất tinh thần “tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc”... tận tâm, tận lực, tận hiến, phấn đấu hy sinh vì sự nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam vinh quang, vì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, Nhân dân Việt Nam có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Để hiện thực hoá những quan điểm, mục tiêu đó đòi hỏi phải có sự nỗ lực quyết tâm rất lớn trong hệ thống chính trị và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; hành động với một ý chí, động cơ đúng đắn vì sự trường tồn, phát triển đi lên của dân tộc. Cùng với đó vai trò của tự lực, tự cường có thể được nhìn nhận trên ba phương diện: phát triển kinh tế bền vững, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, và ứng phó hiệu quả với các thách thức toàn cầu. Trong đó:

Thứ nhất, về phát triển kinh tế bền vững

Tự lực, tự cường là nền tảng để xây dựng một nền kinh tế tự chủ, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các yếu tố bên

ngoài, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa. Khi một quốc gia dựa vào nội lực của mình để phát triển kinh tế, không chỉ các ngành sản xuất trong nước được củng cố, mà sự đổi mới và sáng tạo cũng được thúc đẩy. Điều này giúp tăng cường khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế. Trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0, tự lực trong lĩnh vực kinh tế càng trở nên quan trọng hơn. Việc đầu tư vào nghiên cứu, phát triển công nghệ nội địa và ứng dụng số hóa giúp Việt Nam không chỉ bắt kịp mà còn có thể dẫn đầu trong một số lĩnh vực. Tinh thần tự cường thể hiện rõ qua các nỗ lực xây dựng những ngành công nghiệp mũi nhọn như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo hay năng lượng tái tạo. Những thành tựu này không chỉ góp phần tạo ra giá trị kinh tế cao mà còn giúp quốc gia tăng cường tự chủ trong việc đối phó với các biến động kinh tế toàn cầu, như khủng hoảng tài chính hay thay đổi chuỗi cung ứng. Ngoài ra, tự lực, tự cường còn là động lực để phát triển các ngành kinh tế dựa trên tiềm năng sẵn có của đất nước, như nông nghiệp công nghệ cao hay du lịch bền vững. Điều này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn đảm bảo rằng sự phát triển đi đôi với bảo vệ môi trường và duy trì sự cân bằng xã hội.

Thứ hai, về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa

Bản sắc văn hóa là một trong những yếu tố quan trọng định hình sức mạnh mềm của một quốc gia. Trong kỷ nguyên hội nhập quốc tế, việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa không chỉ giúp dân tộc duy trì sự khác biệt mà còn là cách để khẳng định vị thế trên bản đồ văn hóa thế giới. Tinh thần tự lực, tự cường đóng vai trò như một chất xúc tác giúp Việt Nam gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Các giá trị truyền thống, từ phong tục tập quán đến các loại hình nghệ thuật dân gian, chính là nguồn tài sản vô giá. Tuy nhiên, trong bối cảnh giao thoa văn hóa mạnh mẽ, việc bảo vệ những giá trị này không phải là điều dễ dàng. Tự cường văn hóa không chỉ là việc gìn giữ mà còn là làm mới, sáng tạo để các giá trị đó tiếp tục sống động trong đời sống hiện đại. Ví dụ, các lễ hội truyền thống có thể được kết hợp với các yếu tố đương đại để trở thành các sự kiện quốc tế, thu hút sự quan tâm của bạn bè thế giới. Hơn nữa, tinh thần tự cường còn được thể hiện qua việc xây dựng các sản phẩm văn hóa mang đậm dấu ấn Việt Nam nhưng vẫn phù hợp với thị hiếu toàn cầu. Điều này không chỉ giúp nâng cao vị thế của văn hóa Việt Nam mà còn

đóng góp vào kinh tế quốc gia thông qua ngành công nghiệp văn hóa.

Thứ ba, về đối mặt với các thách thức toàn cầu

Trong kỷ nguyên mới, nhân loại đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn như biến đổi khí hậu, dịch bệnh toàn cầu, xung đột kinh tế và chính trị. Tinh thần tự lực, tự cường là yếu tố quyết định giúp Việt Nam ứng phó hiệu quả với những vấn đề này. Ví dụ, trong đại dịch COVID-19, Việt Nam đã chứng minh tinh thần tự lực, tự cường thông qua việc tự phát triển các bộ xét nghiệm, sản xuất vaccine và thiết lập các biện pháp phòng chống dịch hiệu quả. Điều này không chỉ đảm bảo sức khỏe cho người dân mà còn cho thấy khả năng độc lập và sáng tạo của quốc gia trước những thách thức toàn cầu. Tương tự, trước các vấn đề về biến đổi khí hậu, tự lực, tự cường thúc đẩy Việt Nam phát triển các giải pháp nội địa nhằm bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Các sáng kiến như năng lượng mặt trời, điện gió hay nông nghiệp thông minh đang được triển khai không chỉ để giảm sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng nhập khẩu mà còn góp phần vào mục tiêu phát triển xanh và bền vững. Tinh thần tự cường cũng được thể hiện trong việc duy trì chủ quyền

quốc gia và bảo vệ lợi ích quốc gia trên trường quốc tế. Điều này đòi hỏi sự kết hợp giữa sức mạnh nội tại và hợp tác đa phương, nhưng quan trọng nhất vẫn là sự sẵn sàng đối mặt với mọi thách thức từ nội lực của dân tộc.

2.2. Những bài học lịch sử của dân tộc Việt Nam về tinh thần tự lực, tự cường

Tinh thần tự lực, tự cường là một giá trị cốt lõi đã thấm sâu vào trang sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Trải qua các giai đoạn lịch sử, từ những năm tháng gian khổ trong kháng chiến đến công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, tự lực, tự cường luôn là kim chỉ nam, giúp dân tộc vượt qua thử thách, khẳng định vị thế và vững bước trên con đường phát triển.

Trong thời kỳ kháng chiến và bảo vệ Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường đã trở thành yếu tố quyết định sự thành bại của dân tộc Việt Nam. Khi đối mặt với những kẻ thù mạnh hơn nhiều lần về quân sự, kinh tế và công nghệ, Việt Nam đã không khuất phục mà lựa chọn con đường tự lực, dựa vào chính sức mạnh nội tại của mình để bảo vệ nền độc lập và tự do. Tinh thần ấy được hun đúc bởi câu nói bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do.” Đây không chỉ là tuyên

ngôn về quyền lợi tối cao của dân tộc mà còn là lời kêu gọi toàn dân đoàn kết, tự cường trong công cuộc kháng chiến. Người khẳng định: “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”. Thực tiễn cho thấy, từ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến chống đế quốc Mỹ, Việt Nam đã vận dụng tinh thần tự lực, tự cường để huy động sức mạnh toàn dân, sáng tạo nên những chiến lược chiến tranh nhân dân, tận dụng điều kiện tự nhiên, và phát huy triệt để khả năng sản xuất vũ khí, trang thiết bị tại chỗ.

Một trong những minh chứng điển hình là chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 - biểu tượng của tinh thần tự lực, tự cường trong chiến đấu. Với sự đoàn kết và quyết tâm, quân dân Việt Nam đã đánh bại một đội quân được trang bị hiện đại và có sự hỗ trợ từ các cường quốc. Tương tự, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dù phải đối mặt với lực lượng quân sự hàng đầu thế giới, Việt Nam vẫn đứng vững nhờ tinh thần tự lực, từ đó tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước vào năm 1975. Những bài học từ thời kỳ kháng chiến không chỉ là câu chuyện về lòng quả cảm mà còn là minh chứng cho sức mạnh nội tại của một dân

tộc kiên cường. Chính nhờ tự lực, tự cường, Việt Nam đã vượt qua những hoàn cảnh ngặt nghèo nhất để bảo vệ độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, và giành lại quyền làm chủ vận mệnh của mình.

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, khi đất nước thống nhất, Việt Nam phải đối mặt với những thách thức mới trong bối cảnh hậu chiến. Nền kinh tế kiệt quệ, cơ sở hạ tầng bị tàn phá, và sự bao vây cấm vận từ bên ngoài đã đặt đất nước vào tình thế vô cùng khó khăn. Tuy nhiên, chính trong những hoàn cảnh đó, tinh thần tự lực, tự cường một lần nữa được khơi dậy, trở thành động lực cho công cuộc đổi mới năm 1986. Công cuộc đổi mới không chỉ là một quyết định mang tính chiến lược mà còn là biểu hiện của tinh thần tự cường trong tư duy và hành động. Bằng việc chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã từng bước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân và mở ra con đường phát triển bền vững.

Thời kỳ đổi mới cũng đánh dấu sự tự lực, tự cường trong việc xây dựng nền tảng kinh tế hiện đại. Từ một đất nước chủ yếu dựa vào nông nghiệp, Việt Nam đã chuyển mình trở thành một trong

những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới. Các ngành công nghiệp, dịch vụ và xuất khẩu phát triển mạnh mẽ nhờ vào sự đổi mới sáng tạo và khai thác hiệu quả các nguồn lực trong nước. Tinh thần tự lực, tự cường cũng được thể hiện rõ trong việc hội nhập quốc tế. Từ vị thế một quốc gia bị cô lập, Việt Nam đã vươn lên trở thành thành viên tích cực trong các tổ chức quốc tế như ASEAN, WTO, và gần đây là nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA). Điều này không chỉ giúp nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế mà còn mở ra nhiều cơ hội hợp tác và phát triển kinh tế.

Bài học lớn nhất từ thời kỳ đổi mới và hội nhập là sự linh hoạt và sáng tạo trong cách tiếp cận, nhưng vẫn giữ vững tinh thần tự cường. Việt Nam đã chọn cách hội nhập chủ động, không lệ thuộc, đồng thời khai thác tối đa những lợi thế nội tại để tận dụng cơ hội từ bên ngoài. Điều này thể hiện rõ trong việc xây dựng chính sách kinh tế vĩ mô, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, và ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất. Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: “dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, bằng sự khơi dậy ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, bằng việc huy động

sức mạnh toàn dân kết hợp với sức mạnh thời đại, Đảng ta đã đưa dân tộc ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, tạo nên những kỳ tích trong Cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng một nước Việt Nam Xã hội chủ nghĩa độc lập, tự do, hạnh phúc”

2.3. Giải pháp thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới

Thứ nhất, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt để thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường trong kỷ nguyên mới. Việc đầu tư vào giáo dục và đào tạo không chỉ giúp nâng cao tri thức mà còn rèn luyện khả năng tư duy độc lập và sáng tạo của mỗi cá nhân. Trong xu thế toàn cầu hóa, việc học hỏi các kiến thức tiên tiến và kỹ năng hiện đại là cần thiết, nhưng quan trọng hơn cả là phát huy được năng lực nội tại và bản lĩnh của con người Việt Nam. Để làm được điều này, cần cải cách toàn diện hệ thống giáo dục, từ chương trình giảng dạy đến phương pháp đào tạo. Các trường học và cơ sở đào tạo nên chú trọng vào việc phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và tinh thần khởi nghiệp. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ vào

giáo dục cũng cần được đẩy mạnh để đáp ứng yêu cầu của thời đại. Đặc biệt, vai trò của thanh niên là vô cùng quan trọng. Thanh niên không chỉ là lực lượng lao động nòng cốt mà còn là những người tiên phong trong đổi mới và sáng tạo. Chính sách khuyến khích thanh niên tham gia vào các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kinh doanh và văn hóa sẽ tạo động lực để họ đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước.

Thứ hai, xây dựng nền kinh tế tự chủ

Một nền kinh tế tự chủ là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự tự lực, tự cường của quốc gia. Trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, việc giảm phụ thuộc vào nguồn lực và thị trường bên ngoài là cần thiết để tăng cường sức mạnh nội tại của nền kinh tế. Để xây dựng nền kinh tế tự chủ, Việt Nam cần tập trung phát triển công nghiệp và nông nghiệp trên cơ sở ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại. Công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, và công nghệ cao cần được đầu tư để tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Trong lĩnh vực nông nghiệp, việc áp dụng công nghệ thông minh và kỹ thuật canh tác tiên tiến

sẽ giúp cải thiện năng suất và chất lượng sản phẩm, đồng thời giảm thiểu tác động đến môi trường. Chuyển đổi số cũng là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế tự chủ. Việc áp dụng công nghệ số trong sản xuất, quản lý và thương mại không chỉ giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn mở ra nhiều cơ hội hợp tác quốc tế. Các doanh nghiệp cần chủ động trong việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới, đồng thời xây dựng hệ thống quản lý thông minh để thích nghi với những biến động của thị trường toàn cầu.

Thứ ba, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Văn hóa là linh hồn của một dân tộc, là nguồn động lực tinh thần quan trọng để thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường. Trong kỷ nguyên mới, việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cần được kết hợp hài hòa với hội nhập quốc tế. Tôn vinh các giá trị truyền thống là cách để khẳng định bản sắc riêng của dân tộc. Những di sản văn hóa như ca dao, tục ngữ, lễ hội, và nghề truyền thống cần được bảo tồn và phát huy thông qua các chương trình giáo dục, nghệ thuật và du lịch. Đồng thời, việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại một cách chọn lọc sẽ làm giàu thêm giá trị

văn hóa Việt Nam, góp phần tạo nên một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Ngoài ra, cần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nơi mà các giá trị đạo đức, lòng tự hào dân tộc và tinh thần sáng tạo được đề cao. Một nền văn hóa vững mạnh sẽ không chỉ là nguồn lực nội sinh thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn là cầu nối để Việt Nam khẳng định vị thế văn hóa trên trường quốc tế.

Thứ tư, thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân

Tinh thần tự lực, tự cường không thể được thúc đẩy nếu thiếu sự tham gia tích cực của mỗi cá nhân. Từ cấp độ cá nhân đến tập thể và tổ chức, ý thức trách nhiệm đối với sự phát triển của bản thân, cộng đồng và quốc gia là yếu tố quyết định. Mỗi người dân cần ý thức rõ vai trò của mình trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước. Tinh thần trách nhiệm này không chỉ thể hiện qua việc hoàn thành tốt công việc hàng ngày mà còn qua sự đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, kinh tế và văn hóa. Các tổ chức và cơ quan cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để khơi dậy lòng tự hào dân tộc và ý chí vượt khó trong mọi tầng lớp nhân dân. Chính phủ và các tổ chức xã hội cũng nên tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát huy

tối đa năng lực của mình. Các phong trào thi đua, sáng kiến cộng đồng và chương trình khởi nghiệp cần được khuyến khích để thúc đẩy tinh thần sáng tạo và sự đóng góp tích cực từ mọi thành phần trong xã hội.

III. KẾT LUẬN

Tinh thần “tự lực, tự cường” không chỉ là di sản quý báu từ truyền thống mà còn là yếu tố chiến lược, quyết định sự vươn mình của Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Đó là nền tảng vững chắc giúp dân tộc vượt qua những thách thức phức tạp của toàn cầu

hóa, đồng thời khẳng định vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Trong thời đại công nghệ số và cách mạng công nghiệp 4.0, tinh thần tự lực, tự cường không chỉ là kim chỉ nam cho sự phát triển bền vững mà còn là động lực để Việt Nam hướng tới một tương lai thịnh vượng, tự chủ và hội nhập sâu rộng.

Mỗi người dân Việt Nam đều giữ vai trò quan trọng trong hành trình xây dựng đất nước. Ý thức rõ trách nhiệm của từng cá nhân đối với cộng đồng, từ việc nâng cao tri thức, sáng tạo trong công việc đến việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, là điều kiện

tiên quyết để thúc đẩy sự phát triển chung. Câu nói: “Muốn đi nhanh hãy đi một mình, muốn đi xa hãy đi cùng nhau” nhấn mạnh rằng sự đoàn kết và tinh thần tự cường không chỉ là sức mạnh nội tại mà còn là chìa khóa để vượt qua mọi biến động và thách thức của thời đại.

Với sự đồng lòng của cả dân tộc, tinh thần tự lực, tự cường sẽ tiếp tục là ngọn đuốc soi đường, giúp Việt Nam đi xa hơn và mạnh mẽ hơn trên hành trình phát triển, khẳng định vị thế của một đất nước độc lập, sáng tạo và bền vững trong kỷ nguyên mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hoàng, (2024), Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm: Phát huy cao nhất tinh thần “tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc”, 3/8/2024, từ <https://baochinhphu.vn/tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-to-lam-phat-huy-cao-nhat-tinh-than-tu-chu-tu-tin-tu-luc-tu-cuong-tu-hao-dan-toc-102240803105435725.htm>.
2. Hồ Chí Minh, (2011), Toàn tập, Tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.445.
3. PGS, TS Phạm Minh Sơn, (2024), Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, từ <https://special.nhandan.vn/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc/index.html>.
4. GS, TS Tô Lâm, (2024), Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, 1/11/2024, từ https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie.
5. Nguyễn Phú Trọng, (2022), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
6. TS Nguyễn Thị Phương, (2025), Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, 25/01/2025, từ <https://tapchilichsudang.vn/khoi-day-manh-me-tinh-than-tu-chu-tu-tin-tu-luc-tu-cuong-tu-hao-dan-toc-phat-trien-dat-nuoc-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam.html>.

Xây dựng văn hóa trọng dụng người tài **TRONG KHU VỰC CÔNG** **TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP HIỆN NAY**

✪ NGUYỄN TRẦN THÙY VÂN*

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc thu hút, trọng dụng và giữ chân nhân tài đã trở thành yếu tố then chốt đối với chất lượng quản trị nhà nước, đặc biệt ở cấp địa phương, nơi trực tiếp tổ chức thực thi chính sách và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đối với tỉnh Đồng Tháp, yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, bản lĩnh và tinh thần đổi mới càng trở nên cấp thiết trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính. Bài viết tập trung làm rõ vai trò của tư duy đúng đắn về nhân tài, hệ thống chính sách và cơ chế đãi ngộ minh bạch, môi trường làm việc dân chủ, cởi mở, cùng với cơ chế tuyển dụng, phát hiện và giữ chân nhân tài phù hợp với điều kiện của tỉnh. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các định hướng nhằm hình thành văn hóa trọng dụng người tài bền vững trong khu vực công tỉnh Đồng Tháp, bảo đảm đặt đúng người vào đúng vị trí, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền và thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển của địa phương trong giai đoạn hiện nay, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững và khát vọng trở thành quốc gia phát triển vào các giai đoạn 2030 - 2045.

Từ khoá: nhân tài, trọng dụng nhân tài, văn hóa tổ chức, khu vực công, chế độ, chính sách,...

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình phát triển của bất kỳ quốc gia nào, con người luôn được xem là nhân tố trung tâm, là chủ thể, là nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển. Trong các triều đại phong kiến lịch sử Việt Nam, nhân tài, người tài, hiền tài luôn được xem là báu vật, tinh hoa của dân tộc:

“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí vững thì thế nước mạnh và thịnh, nguyên khí kém thì thế nước kém và suy”¹. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *“Kiến thiết cần có nhân tài”²*, điều này nhấn mạnh việc phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng người có đức, có tài là điều kiện tiên quyết để xây dựng Nhà nước vững

mạnh, phục vụ Nhân dân, đây cũng chính là nền tảng văn hóa chính trị sâu sắc của chế độ ta về vai trò và vị thế của người có tài, có đức đối với sự nghiệp cách mạng.

Trải qua nhiều giai đoạn, chủ trương trọng dụng người tài đã được thể chế hóa trong nhiều nghị quyết, văn kiện của Đảng và chính sách của

* Thạc sĩ, giảng viên Phòng QLĐT & NCKH, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, t.2, tr.492.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.114.

Nhà nước. Các nghị quyết của Trung ương về công tác cán bộ đều khẳng định yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đồng thời khuyến khích, bảo vệ cán bộ “dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”. Tuy nhiên, trên thực tế, việc trọng dụng nhân tài trong khu vực công vẫn chưa trở thành một văn hóa phổ biến; vẫn còn những biểu hiện tư duy “an toàn”, “bình quân chủ nghĩa”, đánh giá cán bộ còn hình thức, thiếu cơ chế bảo vệ người dám nghĩ, dám làm... đã làm giảm sức hút của khu vực công đối với nhân tài. Điều này không chỉ là câu chuyện về chính sách cán bộ, mà sâu xa hơn là vấn đề về văn hóa công vụ, về cách mà bộ máy nhà nước ứng xử với người tài.

Trong bối cảnh cả nước nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng đang đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chất lượng cao ngày càng trở nên cấp thiết. Trọng dụng người tài vì thế không thể chỉ dừng lại ở việc ban hành các quy

định hay chính sách, mà phải được nâng lên thành một giá trị văn hóa trong hoạt động của bộ máy chính quyền, được thể hiện thường xuyên trong tư duy lãnh đạo, cơ chế vận hành và môi trường làm việc. Chính từ yêu cầu đó, việc xây dựng văn hóa trọng dụng người tài trong khu vực công tỉnh Đồng Tháp hiện nay trở thành một vấn đề vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có giá trị thực tiễn sâu sắc, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước và chất lượng phục vụ Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận về văn hóa trọng dụng người tài trong khu vực công tại tỉnh Đồng Tháp hiện nay

Trong lịch sử dân tộc, bất kỳ triều đại nào cũng đều coi việc tìm kiếm, bồi dưỡng và trọng dụng hiền tài là một nhân tố quyết định sự hưng thịnh quốc gia. Thời Tây Sơn có “Chiếu cầu hiền”; thời Lý lập Quốc Tử Giám để đào tạo nhân tài; vua Lê Lợi từng khẳng định: “Muốn thịnh trị phải được người hiền tài, muốn được người hiền tài thì phải do tiến cử”. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945,

Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển tư tưởng trọng dụng nhân tài trong điều kiện mới. Ngay tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Người đã đề ra sáu nhiệm vụ cấp bách, trong đó Người đề nghị: “*Tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu...*”³. Ngày 20/11/1946, trong bài “*Tìm người tài đức*”, Người nhấn mạnh: “*Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài*”, đồng thời kêu gọi chính quyền các địa phương và toàn dân phát hiện, tiến cử người tài đức phục vụ công cuộc kiến thiết đất nước. Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhìn nhận nhân tài từ cả góc độ phát hiện lẫn sử dụng. Người thẳng thắn thừa nhận khuyết điểm của Chính phủ: “*Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài, có đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó, tôi xin thừa nhận*”⁴. Để nhanh chóng tìm ra được những “người hiền năng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ cho các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước

³ Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.7.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr.504.

lợi dân thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết. Những quan điểm trên cho thấy tính nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh: con người là nhân tố quyết định, nhân tài phải được phát hiện, ươm trồng, bồi dưỡng, trọng dụng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước và phục vụ nhân dân.

Vận dụng bài học lịch sử vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, vấn đề thu hút và trọng dụng nhân tài là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là nhiệm vụ lâu dài, xuyên suốt quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24-11-2023 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII, về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới nhấn mạnh: “Kịp thời phát hiện nhân tài trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài; có cơ chế, chính sách ưu tiên, đột phá trong thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài, nhất là chính sách tuyển dụng, tiền lương, tạo môi trường làm việc...”; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 của Bộ Chính trị khẳng định, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực

công gắn với đổi mới sáng tạo là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quan trọng về vấn đề này, như Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 31-7-2023, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị định số 179/2024/NĐ-CP, ngày 31-12-2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội... Những chủ trương đó tạo ra khuôn khổ chính trị - pháp lý để các địa phương, trong đó có tỉnh Đồng Tháp, cụ thể hóa thành chính sách, cơ chế và môi trường làm việc phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tỉnh Đồng Tháp trước sáp nhập đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ như: Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31-12-2021 của Tỉnh ủy Đồng Tháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 43/2021/

NQ-HĐND ngày 17-8-2021 của HĐND tỉnh Đồng Tháp quy định mức chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 15-7-2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Riêng tại tỉnh Tiền Giang, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 19-4-2019 Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 31-3-2021 của UBND tỉnh Tiền Giang về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2170/QĐ-UBND ngày 3-8-2022 của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025,... Đây là những minh chứng rõ ràng cho sự kế thừa và phát triển xuyên suốt của tư tưởng trọng dụng nhân tài, từ truyền thống “trọng hiền đãi sĩ” ngàn đời đến quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về thu hút, trọng dụng người tài trong giai đoạn mới. Từ nền tảng tư tưởng ấy, có thể thấy trọng dụng người tài không chỉ là một định

hướng chung của quốc gia, mà còn là một yêu cầu quản trị trực tiếp đối với hệ thống chính trị ở địa phương.

Nhân tài trong khu vực công được xác định là “người có tri thức vượt trội, đạo đức công vụ tốt, tinh thần phụng sự xã hội và năng lực thực tiễn cao, có thể đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên môn then chốt trong bộ máy hành chính nhà nước”⁵, thường tập trung vào hai nhóm chính: đội ngũ cán bộ, công chức trong lĩnh vực hành chính, quản lý nhà nước và viên chức trong khu vực sự nghiệp, dịch vụ công. Ngoài ra, trong điều kiện đặc thù của Việt Nam, còn có đội ngũ nhân lực chuyên trách trong các cơ quan của Đảng và tổ chức chính trị - xã hội, cũng được xem là bộ phận cấu thành nhân lực công. Nhân tài trong khu vực này không chỉ “giỏi việc”, mà còn phải “sáng đạo đức” - kết hợp nhuần nhuyễn giữa năng lực, bản lĩnh và phẩm chất. Một người giỏi chuyên môn nhưng thiếu trách nhiệm, thiếu liêm chính hoặc không gắn bó với lợi ích chung của địa phương thì không thể được xem là nhân tài đúng nghĩa trong khu vực công.

Trọng dụng người tài trong khu vực công tại tỉnh

Đồng Tháp vì thế không chỉ là việc bố trí “đúng người, đúng việc”, mà còn là quá trình tạo điều kiện để những người có năng lực được phát huy, được bảo vệ và được ghi nhận xứng đáng. Khi trạng thái đó trở thành phổ biến, ổn định và tự giác trong toàn bộ hệ thống chính quyền tỉnh, nó hình thành nên văn hóa trọng dụng người tài. Văn hóa này thể hiện ở tư duy của đội ngũ lãnh đạo, ở cách thiết kế và vận hành các cơ chế tuyển dụng, đánh giá, sử dụng và đãi ngộ cán bộ, cũng như ở môi trường làm việc, nơi người giỏi được tôn trọng, sáng kiến được khuyến khích và công hiến được ghi nhận.

Xây dựng văn hóa trọng dụng người tài là yêu cầu tất yếu của tiến trình cải cách hành chính và hiện đại hóa bộ máy nhà nước nói chung và nâng cao năng lực quản trị của chính quyền tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Chính nền văn hóa đó bảo đảm cho các chính sách nhân sự đi vào thực chất, ngăn ngừa bệnh hình thức, cục bộ và thân hữu. Chính sự thiếu vắng văn hóa trọng dụng mới khiến nhiều chính sách thu hút nhân tài rơi vào tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”; người giỏi ngại vào khu vực công,

còn người trong hệ thống lại ngại đổi mới. Ngược lại, khi văn hóa ấy được vun đắp bền vững, niềm tin của cán bộ được củng cố, tinh thần trách nhiệm và sáng tạo được khơi dậy, tạo nên sức mạnh nội sinh cho sự phát triển của quốc gia. Do đó, việc hình thành và bồi đắp văn hóa trọng dụng người tài không chỉ là vấn đề tổ chức cán bộ mà là biểu hiện trực tiếp của năng lực quản trị và tầm văn hóa chính trị trong khu vực công ở nước ta hiện nay.

2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng văn hóa trọng dụng người tài trong khu vực công tại tỉnh Đồng Tháp hiện nay

Việc hình thành và phát triển văn hóa trọng dụng người tài trong khu vực công tại tỉnh Đồng Tháp chịu sự chi phối của nhiều yếu tố đan xen, phản ánh mối quan hệ giữa thể chế chính trị, môi trường xã hội và con người trong bộ máy chính quyền địa phương. Trong bối cảnh Đồng Tháp đang đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền địa phương hai cấp, các yếu tố này càng có tác động trực tiếp đến khả năng thu hút, sử dụng và giữ chân người có năng lực.

⁵ Bộ Nội vụ: *Báo cáo số 3615/BC-BNV ngày 12-7-2023 về sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023 của ngành Nội vụ.*

Thứ nhất, yếu tố thể chế và cơ chế quản lý cán bộ ở cấp tỉnh. Văn hóa trọng dụng người tài chỉ có thể hình thành trong một môi trường chính trị ổn định, pháp quyền được bảo đảm và thể chế nhân sự được tổ chức khoa học. Mức độ minh bạch, khách quan và thực chất trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của người có năng lực đối với môi trường công vụ địa phương. Những bất cập trong khâu đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ; tình trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi” trong công tác nhân sự; hay tâm lý nể nang, né tránh, cục bộ địa phương... đều có thể làm suy giảm niềm tin và cản trở quá trình hình thành văn hóa trọng dụng nhân tài trong bộ máy chính quyền tỉnh.

Thứ hai, yếu tố kinh tế - xã hội của địa phương. Mức độ phát triển kinh tế và chính sách đãi ngộ có tác động trực tiếp đến việc thu hút và giữ chân người tài trong khu vực công. Trong điều kiện kinh tế thị trường, khu vực tư nhân có khả năng tạo ra môi trường năng động và mức thu nhập cạnh tranh, khiến khu vực công gặp khó trong việc duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao. Sự chênh lệch về cơ hội phát triển, đãi ngộ và cơ chế

khuyến khích sáng tạo giữa hai khu vực không chỉ ảnh hưởng đến chính sách nhân tài mà còn ảnh hưởng đến tâm thế, động lực cống hiến của cán bộ, công chức.

Thứ ba, yếu tố văn hóa - xã hội. Truyền thống “trọng tình hơn trọng lý”, tâm lý “an phận”, “ngại va chạm” vẫn còn phổ biến trong một bộ phận cán bộ, công chức. Điều này tạo ra môi trường mà người dám nghĩ, dám làm đôi khi phải đối mặt với rủi ro, trong khi người thận trọng, an toàn lại ít bị đánh giá. Bên cạnh đó, tàn dư của tư duy “tuổi tác đi liền với thâm niên”, “người nhà dễ được tin cậy hơn người lạ” vẫn tồn tại, làm giảm tính khách quan trong sử dụng người tài. Vì vậy, xây dựng văn hóa trọng dụng người tài không chỉ là cải cách thể chế, mà còn là quá trình thay đổi nhận thức xã hội và thói quen văn hóa công vụ.

Thứ tư, yếu tố con người nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Từ lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh đến người đứng đầu các sở, ngành và chính quyền cấp xã, thái độ và cách hành xử đối với người có năng lực có ý nghĩa quyết định đối với việc hình thành văn hóa tổ chức. Lãnh đạo có dám giao việc khó cho người giỏi, dám bảo vệ người dám đổi mới và dám chịu trách

nhiệm hay không chính là thước đo quan trọng nhất của văn hóa trọng dụng người tài. Ngược lại, nếu người đứng đầu thiếu bản lĩnh, thiếu công tâm hoặc ưu tiên sự an toàn hơn hiệu quả, thì những người có năng lực thực sự khó có cơ hội phát huy.

Nói tóm lại, việc xây dựng văn hóa trọng dụng người tài trong khu vực công tại tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn hiện nay không chỉ phụ thuộc vào nỗ lực của từng cơ quan, đơn vị, mà là kết quả tổng hợp của thể chế, điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa công vụ và chất lượng đội ngũ lãnh đạo. Khi các yếu tố này được đồng bộ hóa theo hướng minh bạch, thực chất và lấy năng lực làm trung tâm, văn hóa trọng dụng người tài sẽ trở thành nền tảng quan trọng để Đồng Tháp xây dựng một nền hành chính hiện đại, năng động và phục vụ Nhân dân hiệu quả.

2.3. Giải pháp xây dựng văn hóa trọng dụng người tài trong khu vực công trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hiện nay

Trong bối cảnh Đồng Tháp đang đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền phục vụ và chuyển đổi số, con người, đặc biệt là đội ngũ cán bộ có năng lực, phẩm chất và tinh thần

đổi mới, trở thành nguồn lực quyết định chất lượng quản trị địa phương. Để xây dựng một nền hành chính hiệu quả, hiện đại và thích ứng, việc hình thành và củng cố văn hóa trọng dụng nhân tài là điều kiện tiên quyết. Trên cơ sở đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, đổi mới tư duy của đội ngũ lãnh đạo và quản lý về nhân tài. Trước hết, cần thống nhất nhận thức về khái niệm nhân tài và vai trò quan trọng của họ trong phát triển đất nước. Văn hóa trọng dụng nhân tài phải bao hàm mọi độ tuổi, không chỉ coi trọng bằng cấp, mà đánh giá dựa trên năng lực, phẩm chất và khả năng đóng góp thực tế. Việc này hình thành nền tảng tư duy, giúp các cấp lãnh đạo, cán bộ công chức nhận thức đúng đắn về giá trị của nhân tài.

Hai là, hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, đánh giá và sử dụng cán bộ theo hướng dựa trên năng lực và kết quả. Tỉnh cần tiếp tục rà soát, chuẩn hóa các quy trình tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hướng minh bạch, cạnh tranh và thực chất. Việc sử dụng người phải dựa trên năng lực và hiệu quả công việc, hạn chế tối đa sự chi phối của quan hệ, cảm tính hay cục bộ

địa phương. Khi các quy trình này vận hành công bằng và rõ ràng, văn hóa trọng dụng người tài sẽ dần thay thế tâm lý “an toàn”, “bình quân” trong bộ máy.

Ba là, chủ động phát hiện, thu hút và bố trí nhân tài phù hợp với nhu cầu phát triển của tỉnh. Đồng Tháp cần gắn chính sách nhân tài với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các lĩnh vực then chốt như cải cách hành chính, chuyển đổi số, nông nghiệp công nghệ cao, quản lý đô thị và phát triển nguồn nhân lực. Việc tuyển chọn, bố trí và sử dụng người tài phải bảo đảm “đúng người, đúng việc, đúng thời điểm”, tạo điều kiện để họ được thử thách, cống hiến và trưởng thành trong thực tiễn quản lý địa phương.

Bốn là, xây dựng môi trường làm việc dân chủ, cởi mở và sáng tạo. Trong các cơ quan hành chính của tỉnh, cần hình thành môi trường mà ở đó ý kiến chuyên môn được tôn trọng, sáng kiến được lắng nghe và thành tích được ghi nhận khách quan. Khi người có năng lực được tạo không gian để thể hiện và đóng góp, văn hóa trọng dụng người tài sẽ không còn là khẩu hiệu mà trở thành chuẩn mực ứng xử trong công việc hằng ngày.

Năm là, xây dựng và thực hiện tốt chính sách về tiền

lương và các chế độ đãi ngộ đối với người có tài năng. Cần bố trí nguồn kinh phí thỏa đáng để thực hiện chính sách thu hút và đãi ngộ nhân tài như: trả lương, thu nhập, xây dựng quy định hỗ trợ tài năng trẻ, khen thưởng, vinh danh, cử đi đào tạo, bồi dưỡng, ưu đãi về mua, thuê nhà công vụ, nhà ở xã hội... bảo đảm tương xứng với năng lực và hiệu quả đóng góp. Văn hóa trọng dụng nhân tài gắn với việc tạo ra giá trị nhận thức rằng cống hiến và tài năng của mỗi người được đánh giá, tôn trọng và thỏa đáng về mặt vật chất lẫn tinh thần.

Sáu là, nâng cao năng lực, ứng dụng công nghệ số và đào tạo liên tục cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp liên tục kết hợp với công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, Big Data giúp phát hiện, sử dụng và phát huy nhân tài hiệu quả. Khi mỗi cá nhân thấy có cơ hội phát triển, học hỏi và thể hiện năng lực, văn hóa trọng dụng nhân tài được củng cố, trở thành động lực nội sinh trong khu vực công.

3. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc thu hút và giữ chân nhân tài trở thành thách thức sống còn đối với khu vực công. Nhân tài không chỉ

là nguồn lực thực thi các chủ trương, chính sách, pháp luật, mà còn là nhân tố then chốt trong đổi mới, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và tạo lợi thế cạnh tranh quốc gia. Để khu vực công phát triển bền vững, cần xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có năng

lực, phẩm chất và kỹ năng hiện đại. Văn hóa trọng dụng nhân tài chính là nền tảng để đảm bảo nhân lực được đặt đúng chỗ, việc đúng người, được ghi nhận và phát triển trong môi trường làm việc minh bạch, dân chủ và sáng tạo. Chỉ khi tư duy, chính sách và môi trường làm việc

đồng bộ, văn hóa trọng dụng nhân tài mới trở thành giá trị cốt lõi, thấm sâu trong từng hành vi, quyết định và quan hệ trong khu vực công. Đây là yếu tố then chốt giúp Việt Nam hiện thực hóa khát vọng trở thành quốc gia phát triển, thịnh vượng và sáng tạo trong kỷ nguyên mới./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII). (2018). *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Bộ Nội vụ. (2023, 12/7). *Báo cáo số 3615/BC-BNV về sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023 của ngành Nội vụ*. Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, II*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
4. Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập* (T. 4). Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Kết luận số 76-KL/TW, Bộ Chính trị. (2020, 4/6). *Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Hà Nội.
6. Nguyễn Đắc Hưng. (2007). *Phát triển nhân tài - Chấn hưng đất nước* (tr.17). Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
7. Quyết định số 899/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ. (2023, 31/7). *Phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Hà Nội.
8. *Đại Việt sử ký toàn thư* (T. 2). (1993). Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
9. Nghị quyết số 45-NQ/TW, Hội nghị Trung ương 8, khóa XIII. (2023, 24/11). *Về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới*. Hà Nội.

NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT VIÊN CHỨC NĂM 2025 TRONG CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ VIÊN CHỨC

✦ NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG*

Tóm tắt: Đánh giá viên chức là nội dung trọng tâm trong quản lý và phát triển đội ngũ viên chức. Thực tiễn thi hành Luật Viên chức năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 cho thấy công tác này còn mang tính hình thức, thiếu tiêu chí định lượng và chưa gắn chặt với kết quả, hiệu quả công việc. Trước yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số, Luật Viên chức năm 2025 ra đời, đã có những đổi mới quan trọng trong công tác đánh giá viên chức. Luật xác định đánh giá là quá trình xuyên suốt; gắn với vị trí việc làm và kết quả đầu ra; bổ sung tiêu chí đổi mới sáng tạo, trách nhiệm vì lợi ích chung; làm rõ trách nhiệm của viên chức quản lý; đồng thời gắn kết quả đánh giá với sử dụng, đãi ngộ và xử lý trách nhiệm. Những đổi mới này góp phần nâng cao chất lượng quản lý viên chức, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Từ khóa: Luật Viên chức 2025; đánh giá viên chức; vị trí việc làm; kết quả công việc; chuyển đổi số; sử dụng và đãi ngộ viên chức.

1. Đặt vấn đề

Công tác đánh giá viên chức có vai trò đặc biệt quan trọng trong quản lý đội ngũ viên chức, bởi đây là cơ sở để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách tiền lương, khen thưởng và xử lý trách nhiệm. Qua thực tiễn thi hành Luật Viên chức năm 2010 và sửa đổi, bổ sung năm 2019 cho thấy, mặc dù đã hình thành khuôn khổ pháp lý cho việc đánh giá viên chức, song trên thực tế việc đánh giá còn mang tính hình thức, nặng về cảm tính, thiếu tiêu chí đo

lượng cụ thể và chưa gắn chặt với hiệu quả công việc cũng như trách nhiệm cá nhân. Trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ và chuyển đổi số quốc gia, Luật Viên chức năm 2025 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và thay thế Luật Viên chức năm 2010, đã có những đổi mới căn bản trong công tác đánh giá viên

chức, nhằm khắc phục những hạn chế nêu trên.

2. Những điểm mới trong công tác đánh giá viên chức theo Luật Viên chức năm 2025

Thứ nhất, Luật Viên chức năm 2025 đã thay đổi cách tiếp cận đối với công tác đánh giá viên chức. Nếu như Luật Viên chức năm 2010 và sửa đổi bổ sung năm 2019 chủ yếu coi đánh giá là một khâu mang tính định kỳ, thực hiện vào cuối năm hoặc gắn với một số thời điểm nhất định, thì

* Thạc sĩ, Phó trưởng Phòng TC, HC, TTTL, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

Luật năm 2025 xác định đánh giá là một quá trình “*xuyên suốt, liên tục*”¹ trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ của viên chức. Việc đánh giá không chỉ nhằm xếp loại cuối năm, mà còn để theo dõi, điều chỉnh kịp thời thái độ, trách nhiệm và hiệu quả công việc của viên chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Cách tiếp cận này góp phần khắc phục tình trạng “*đến hẹn lại lên*” hay “*hình thức*” trong công tác đánh giá, đồng thời nâng cao vai trò quản lý, giám sát của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Thứ hai, một điểm mới quan trọng khác trong nguyên tắc đánh giá là phải “*gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ theo từng vị trí việc làm*”² và nội dung đánh giá phải gắn với “*Kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua số lượng, chất lượng và tiến độ của sản phẩm theo vị trí việc làm*”³. Luật Viên chức năm 2025 yêu cầu việc đánh giá viên chức phải được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí cụ thể, có thể định lượng, gắn trực tiếp với nhiệm vụ của từng vị trí việc làm. Theo đó, viên chức không chỉ được đánh giá về phẩm chất

chính trị, đạo đức, ý thức kỷ luật, mà quan trọng hơn là được đánh giá thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ, thể hiện bằng sản phẩm công việc cụ thể về số lượng, chất lượng và tiến độ. Quy định này tạo cơ sở pháp lý để hạn chế sự chủ quan, cảm tính trong đánh giá, đồng thời nâng cao tính công bằng, minh bạch giữa các viên chức.

Thứ ba, Luật Viên chức năm 2025 cũng thể hiện tư duy quản lý mới khi bổ sung nội dung đánh giá về năng lực đổi mới, sáng tạo và tinh thần “*dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong thực hiện nhiệm vụ*”⁴. Đây là điểm mới có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh nhiều nơi còn tồn tại tâm lý né tránh, sợ sai, ngại trách nhiệm, thiếu quyết liệt trong thực thi nhiệm vụ. Việc đưa tiêu chí này vào đánh giá không chỉ nhằm khuyến khích viên chức chủ động đề xuất sáng kiến, cải tiến phương pháp làm việc, mà còn tạo hành lang pháp lý để bảo vệ những viên chức có động cơ trong sáng, dám đổi mới vì lợi ích chung. Đồng thời, khắc phục bệnh “*ngại trách*

nhiệm” không chỉ là yêu cầu về đạo đức công vụ, mà còn là điều kiện quan trọng để thúc đẩy cải cách, đổi mới và phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay.

Thứ tư, đối với viên chức quản lý, Luật Viên chức năm 2025 đã làm rõ hơn mối quan hệ giữa kết quả đánh giá cá nhân với “*kết quả hoạt động của đơn vị*”⁵. Theo đó, viên chức quản lý không chỉ được đánh giá trên cơ sở phẩm chất, năng lực cá nhân, mà còn phải chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của đơn vị hoặc lĩnh vực được giao quản lý, phụ trách. Việc đánh giá năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ và khả năng tập hợp, đoàn kết đội ngũ trở thành nội dung trọng tâm, qua đó góp phần nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và khắc phục tình trạng “*cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ nhưng đơn vị hoạt động kém hiệu quả*”.

Thứ năm, một điểm mới có tính đột phá của Luật Viên chức năm 2025 là đưa “*ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong công tác theo dõi, đánh giá viên chức*”⁶. Việc sử dụng các nền

¹ Điểm a, khoản 1, Điều 25, Luật Viên chức năm 2025.

² Điểm b, khoản 1, Điều 25, Luật Viên chức năm 2025.

³ Điểm d, khoản 3, Điều 25, Luật Viên chức năm 2025.

⁴ Điểm c, khoản 3, Điều 25, Luật Viên chức năm 2025.

⁵ Điểm d, khoản 3, Điều 25, Luật Viên chức năm 2025.

⁶ Điểm c, khoản 1, Điều 25, Luật Viên chức năm 2025.

tăng số, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu điện tử để ghi nhận, theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện nhiệm vụ, kết quả công việc, mức độ hoàn thành trách nhiệm của viên chức theo vị trí việc làm; qua đó thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức một cách liên tục, khách quan, minh bạch và có căn cứ dữ liệu. Việc này góp phần khắc phục tình trạng đánh giá mang tính cảm tính, hình thức; đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý đội ngũ viên chức, tăng cường khả năng giám sát, kết nối kết quả đánh giá với chế độ tiền lương, tiền thưởng và các chính sách sử dụng, đãi ngộ viên chức trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia.

Thứ sáu, Luật Viên chức năm 2025 cũng nhấn mạnh mối liên hệ chặt chẽ giữa kết quả đánh giá với việc sử dụng,

đãi ngộ và xử lý trách nhiệm đối với viên chức. Kết quả xếp loại chất lượng viên chức trở thành căn cứ trực tiếp để thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, thu nhập tăng thêm; đồng thời là cơ sở quan trọng để xem xét đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí vào vị trí việc làm phù hợp ở trình độ thấp hơn hoặc cho thôi việc đối với trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. So với Luật Viên chức năm 2010 và sửa đổi bổ sung năm 2019, đây là bước tiến rõ rệt, góp phần khắc phục tình trạng đánh giá không đi đôi với sử dụng, đãi ngộ và trách nhiệm.

Thứ bảy, Luật Viên chức năm 2025 tiếp tục bảo đảm quyền của viên chức được kiến nghị đối với kết quả xếp loại chất lượng, đồng thời quy

định rõ trách nhiệm và thời hạn giải quyết kiến nghị của cấp có thẩm quyền. Việc giải quyết kiến nghị được thực hiện thông qua đối thoại hoặc bằng văn bản, góp phần tăng cường dân chủ, minh bạch và tạo sự đồng thuận trong nội bộ đơn vị.

3. Kết luận

Những đổi mới của Luật Viên chức năm 2025 trong công tác đánh giá viên chức thể hiện rõ bước chuyển từ đánh giá mang tính hình thức sang đánh giá thực chất, lấy kết quả và hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu. Việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định này có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng đội ngũ viên chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Viên chức năm 2010;
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;
3. Luật Viên chức năm 2025;
4. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ: Về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;
5. Nghị định số 48/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2023: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

Nâng cao chất lượng hoạt động CHI ĐOÀN CƠ SỞ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP SAU SÁP NHẬP

✪ NGUYỄN THÁI KIM ĐIỀN*

1. Đặt vấn đề

Nhận thức rõ vai trò của thanh niên đối với sự phát triển của đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Sự thịnh vượng hay suy yếu của đất nước phần lớn phụ thuộc vào thanh niên”¹ Quán triệt tư tưởng đó, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành (BCH) Trung ương Đảng khoá X nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên, khẳng định vai trò xung kích, sáng tạo của thanh niên và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong việc chăm lo, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Cùng với đó, Luật Thanh niên năm 2020 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng, cụ thể hóa quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của thanh niên trong xã hội.

Từ những cơ sở lý luận và pháp lý nêu trên, đoàn viên CDCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò, trách

Tóm tắt: Chi đoàn cơ sở (CDCS) Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là tổ chức Đoàn trực thuộc Đoàn các cơ quan Đảng tỉnh, hoạt động trong bối cảnh đặc biệt khi thực hiện sáp nhập hai tỉnh Tiền Giang và Đồng Tháp từ ngày 01/7/2025. Quá trình sáp nhập đã đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với công tác tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của Chi đoàn.

Trên cơ sở phân tích thực trạng hoạt động của Chi đoàn trước và sau sáp nhập, bài viết làm rõ những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân, từ đó đề xuất một số phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của CDCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong thời gian tới.

Từ khoá: Chi đoàn cơ sở, trường chính trị, chất lượng hoạt động,...

nhệm của mình trong bối cảnh mới; phát huy tinh thần xung kích, gương mẫu trong học tập lý luận chính trị và rèn luyện phẩm chất, tác phong công tác. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng hoạt động của Chi đoàn không chỉ là yêu cầu trước mắt, mà còn mang ý nghĩa lâu dài, có tính chiến lược. Đây

là giải pháp quan trọng nhằm phát huy vai trò của thanh niên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, thể hiện rõ tinh thần đi đầu, trách nhiệm và sáng tạo của tuổi trẻ, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng trong tình hình mới, đồng thời góp phần tích cực vào quá trình xây dựng hệ

* CN. Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Trong thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Hội nghị Thanh niên Việt Nam ngày 17/8/1947.

thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và địa phương trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quá trình hình thành CĐCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Trước khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, tổ chức Đoàn tại Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang và Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp được duy trì ổn định, trực thuộc Đoàn Khối Cơ quan và Doanh nghiệp của mỗi tỉnh. Trong giai đoạn này, các Chi đoàn có quy mô đoàn viên phù hợp, cơ cấu BCH được kiện toàn theo quy định, bảo đảm duy trì nề nếp sinh hoạt và triển khai các hoạt động công tác Đoàn, phong trào thanh niên gắn với nhiệm vụ chính trị của mỗi Trường. Đến khi có chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trong năm 2025, việc sắp xếp, hợp nhất các đơn vị hành chính

cấp tỉnh được triển khai đồng bộ². Theo đó, Đoàn Khối Cơ quan và Doanh nghiệp hai tỉnh Tiền Giang và Đồng Tháp (cũ) kết thúc hoạt động, CĐCS Trường Chính trị được bàn giao tạm thời về Tỉnh đoàn quản lý, tạo cơ sở cho việc kiện toàn tổ chức trong giai đoạn tiếp theo.

Sau khi tỉnh Đồng Tháp mới được thành lập và Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp được hợp nhất trên cơ sở hai Trường trước đây³, CĐCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp chính thức được thành lập⁴ và đi vào hoạt động ổn định từ cuối năm 2025. Hiện nay, Chi đoàn có 13 đoàn viên, BCH được kiện toàn với cơ cấu phù hợp, bảo đảm yêu cầu lãnh đạo, điều hành hoạt động Đoàn trong điều kiện mới. Bên cạnh đội ngũ đoàn viên là cán bộ, viên chức của Trường, Chi đoàn còn quản lý đoàn viên là học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, qua đó góp phần mở rộng phạm vi hoạt động, tăng cường sự gắn kết và lan tỏa phong trào thanh niên trong toàn Trường.

2.2. Kết quả chất lượng hoạt động CĐCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

2.2.1. Chất lượng đội ngũ cán bộ⁵

Trước khi sáp nhập tỉnh, BCH CĐCS Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang và CĐCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đều được kiện toàn với số lượng 03 đồng chí; độ tuổi bình quân dao động từ 28 đến trên 30 tuổi. 100% cán bộ Đoàn có trình độ Đại học, trong đó nhiều đồng chí có trình độ sau Đại học.

Sau khi sáp nhập, BCH CĐCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp được tăng cường cả về số lượng và chất lượng với 05 đồng chí tham gia BCH, độ tuổi bình quân khoảng 30 tuổi. Trình độ chuyên môn tiếp tục được nâng cao, trong đó có 03 đồng chí trình độ Thạc sĩ, 02 đồng chí đang học Thạc sĩ và 02 đồng chí là Nghiên cứu sinh; 100% cán bộ Đoàn có trình độ đại học và Trung cấp lý luận chính trị. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ Đoàn từng bước được chuẩn hóa về kỹ năng, nghiệp vụ

² Nghị quyết 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Quyết định số 326-QĐ/TW ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp được thành lập.

³ Quyết định số 06-QĐ/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Đồng Tháp về việc thành lập Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trên cơ sở hợp nhất 2 Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (cũ) và Tiền Giang.

⁴ Quyết định số 01-QĐ/ĐTN của BCH Đoàn các cơ quan Đảng tỉnh về việc thành lập Chi đoàn cơ sở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

⁵ Báo cáo chính trị BCH CĐCS Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang và Đồng Tháp nhiệm kỳ 2022 - 2024 tại Đại hội đại biểu CĐCS Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang nhiệm kỳ 2024 - 2027.

thông qua các chương trình bồi dưỡng lý luận, chuyên môn và ngoại ngữ. Qua các năm, cán bộ Đoàn đều được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, thể hiện tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu và năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Đây là cơ sở quan trọng để Chi đoàn tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động và phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của đoàn viên, thanh niên trong giai đoạn tiếp theo.

2.2.2. Chất lượng công tác xây dựng, tổ chức

Trong giai đoạn 2022 - 2024, cả hai Chi đoàn đều được xếp loại tập thể hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, với 100% đoàn viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Công tác xây dựng tổ chức gắn với bồi dưỡng, phát huy vai trò đoàn viên được thể hiện thông qua việc giới thiệu đoàn viên ưu tú xem xét kết nạp Đảng, chuyển Đảng chính thức, cũng như việc tham gia nghiên cứu khoa học và các phong trào thi đua chuyên môn.

Bên cạnh đó, năng lực tổ chức và chất lượng đội ngũ đoàn viên được khẳng định qua các thành tích cá nhân và tập thể tại các hội thi, cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng do Trung ương và tỉnh tổ chức; nhiều cá

nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, được tặng Bằng khen của Trung ương Đoàn và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, có cán bộ Đoàn được cử tham dự Đại hội Thanh niên tiên tiến toàn quốc làm theo lời Bác.

Sau khi sáp nhập, Chi đoàn cơ sở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tiếp tục phát huy các kết quả đạt được thông qua việc triển khai đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển Đảng chính thức cho đoàn viên và đạt nhiều giải thưởng cao tại các hội thi giảng dạy, cuộc thi chính luận các cấp. Những kết quả này cho thấy công tác xây dựng, tổ chức của Chi đoàn ngày càng đi vào chiều sâu, tạo nền tảng vững chắc cho việc nâng cao chất lượng hoạt động trong thời gian tới.

2.2.3. Chất lượng hoạt động sinh hoạt

Sau khi sáp nhập, Chi đoàn cơ sở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tiếp tục duy trì và ổn định nền nếp sinh hoạt trong điều kiện tổ chức mới. Nội dung sinh hoạt được chuẩn bị chu đáo, phong phú, có trọng tâm; các vấn đề được trao đổi, thảo luận dân chủ, thẳng thắn, góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết, hợp tác trong Chi đoàn. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo được duy trì kịp thời, đầy đủ,

qua đó nâng cao trách nhiệm của BCH và đoàn viên.

Bên cạnh đó, Chi đoàn chú trọng đổi mới hình thức sinh hoạt theo hướng linh hoạt, phù hợp với đặc thù công việc của đoàn viên. Trong bối cảnh chuyển đổi số, bên cạnh sinh hoạt trực tiếp, Chi đoàn từng bước ứng dụng các nền tảng số như Zalo, Zoom trong trao đổi, triển khai nhiệm vụ, góp phần mở rộng phạm vi tham gia và xây dựng hình ảnh Chi đoàn năng động, thích ứng với yêu cầu của thời đại số.

2.2.4. Chất lượng hoạt động tuyên truyền, giáo dục

Hoạt động tuyên truyền, giáo dục được Chi đoàn xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quá trình triển khai các phong trào và hoạt động Đoàn. Cụ thể: BCH Chi đoàn chủ động tổ chức hội nghị tuyên truyền, quán triệt các chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chủ đề hằng năm; Chỉ đạo 100% đoàn viên xây dựng bản cam kết tu dưỡng, rèn luyện gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XIII), Kết luận số 21-KL/TW và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị; Quán triệt 100% đoàn viên tham gia Hội thi tìm hiểu Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XII. Việc học tập nghị quyết của

Đảng, của Đoàn được triển khai nghiêm túc, đồng bộ, bảo đảm nội dung cốt lõi được truyền tải đầy đủ, dễ hiểu và phù hợp với từng nhóm đối tượng đoàn viên; duy trì hiệu quả công tác tuyên truyền thông qua việc phân công đoàn viên phụ trách viết, đăng tải tin, bài trên fanpage Chi đoàn, gắn với việc thực hiện phong trào “Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp”. Ngoài ra, hằng năm Chi đoàn tổ chức đối thoại định kỳ giữa cấp ủy, lãnh đạo với đoàn viên, thanh niên theo quy định của Luật Thanh niên năm 2020. Thông qua đó, Chi đoàn và lãnh đạo đơn vị kịp thời nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận, giải đáp những vướng mắc phát sinh, đồng thời đề ra các giải pháp phù hợp nhằm tạo môi trường thuận lợi để đoàn viên, thanh niên yên tâm công tác, học tập và rèn luyện.

2.2.5. Chất lượng tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội

Trong giai đoạn 2022 - 2024, trước khi sáp nhập tỉnh, CĐCS Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang đã tích cực triển khai nhiều công trình, phần việc thanh niên tiêu biểu gắn với giáo dục truyền thống, an sinh xã hội và xây dựng môi trường sư phạm. Các hoạt động này không chỉ góp phần

cải thiện cảnh quan, chăm lo đời sống tinh thần cho cộng đồng mà còn thể hiện rõ vai trò xung kích, trách nhiệm xã hội của đoàn viên, thanh niên.

Cùng giai đoạn này, Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (trước sáp nhập) đã tổ chức thành công các hội thi tiêu biểu, thu hút sự tham gia tích cực của đoàn viên và học viên, qua đó góp phần nâng cao nhận thức chính trị, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng và tạo không khí thi đua sôi nổi trong Chi đoàn. Những kết quả đạt được là cơ sở quan trọng để Chi đoàn tiếp tục phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Nhà trường và địa phương trong giai đoạn tiếp theo.

2.3. Một số khó khăn, hạn chế của CĐCS trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp hiện nay

Bên cạnh những kết quả đạt được, chất lượng hoạt động của CĐCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp hiện nay vẫn còn một số khó khăn, hạn chế, thể hiện trên các mặt sau:

Một là, tâm lý đoàn viên chưa thật sự vững vàng, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác và khả năng phát huy năng lực cá nhân. BCH Chi đoàn cũng chưa xây dựng được chỉ số cụ

thể để đo lường hiệu quả công việc, gây khó khăn trong công tác đánh giá, xếp loại đoàn viên cuối năm.

Hai là, việc triển khai nghị quyết của Đoàn cấp trên có thời điểm còn chậm. Một số cán bộ Đoàn chưa thực sự nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chưa cao. Công tác củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các phân đoàn lớp vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thiếu tính đồng bộ.

Ba là, mặc dù nội dung sinh hoạt và hoạt động của Chi đoàn đã có sự đổi mới, nhưng đoàn viên các phân đoàn lớp chưa phát huy hết vai trò chủ động của mình. Hình thức sinh hoạt chủ yếu theo hướng Bí thư Chi đoàn triển khai - đoàn viên nghe và thực hiện, chưa tạo được môi trường trao đổi hai chiều, làm giảm hiệu quả tương tác, tính sáng tạo và tinh thần đóng góp của đoàn viên. Tỷ lệ tập hợp đoàn viên tại các phân đoàn lớp vẫn chưa cao, chưa phát huy hết tiềm năng lực lượng thanh niên trong trường.

Bốn là, công tác nắm bắt tình hình dư luận xã hội và diễn biến tư tưởng của thanh niên được thực hiện thường xuyên, tuy nhiên đôi lúc còn chưa chặt chẽ trong công tác báo cáo, chưa bắt kịp và dẫn đầu xu hướng trên môi trường

mạng xã hội. Công tác tập hợp đoàn viên phân đoàn lớp chưa cao.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, cụ thể:

Thứ nhất, do công tác chỉ đạo của cấp ủy đối với hoạt động đổi mới tổ chức Đoàn có thời điểm chưa thật quyết liệt, thiếu sự định hướng sâu sát để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho Chi đoàn trong quá trình triển khai.

Thứ hai, một bộ phận đoàn viên trẻ, nhất là đoàn viên các phân đoàn lớp có thời gian tham gia công tác Đoàn ngắn, dẫn đến sự gán bó và tinh thần trách nhiệm chưa cao. Công tác tự học, tự rèn luyện, cập nhật kỹ năng ứng dụng công nghệ trong hoạt động Đoàn còn hạn chế, khiến việc triển khai nhiệm vụ đôi lúc thiếu linh hoạt.

Thứ ba, cơ cấu tổ chức của Chi đoàn có tính đặc thù, số lượng đoàn viên thường xuyên biến động theo từng khóa học; hoạt động phân tán tại nhiều phân đoàn lớp nên công tác quản lý, tập hợp gặp khó khăn. Bên cạnh đó, một số chủ trương đổi mới hoạt động Đoàn trong giai đoạn chuyển đổi số chưa được Đoàn cấp trên hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời; điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện phục

vụ cho sinh hoạt, hội họp còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động chung của Chi đoàn.

2.4. Phương hướng nâng cao chất lượng hoạt động của CĐCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp thời gian tới

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự chuyển mình mạnh mẽ của đất nước, CĐCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, gắn công tác Đoàn với nhiệm vụ chính trị của Trường, đặc biệt cũng là mục tiêu hướng đến xây dựng Trường đạt chuẩn mức 2 với những phương hướng trọng tâm như sau:

Thứ nhất, Chi đoàn cần phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của tuổi trẻ trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác Đoàn, quản lý và tuyên truyền.

Thứ hai, quan tâm đáp ứng nhu cầu chính đáng của đoàn viên, nhất là trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện kỹ năng. Xây dựng môi trường học tập tích cực, tạo cơ hội để đoàn viên phát huy năng lực, đóng góp vào sự phát triển chung của Trường và của Tỉnh.

Thứ ba, tiếp tục bồi dưỡng lý tưởng, đạo đức cách mạng, giáo dục truyền thống và nâng cao bản lĩnh chính trị cho đoàn viên. Song song đó, đổi mới phương thức sinh hoạt chi đoàn theo hướng thiết thực, hấp dẫn, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của đoàn viên.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức và phong trào thanh niên; chăm lo đời sống tinh thần, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên. Khuyến khích đoàn viên tích cực học tập, nghiên cứu, làm chủ khoa học - công nghệ, xung kích trong cải tiến, đổi mới phương pháp làm việc.

Thứ năm, Chi đoàn tiếp tục nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong học tập, công tác và sinh hoạt; tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước, đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực; hưởng ứng các hoạt động do cấp ủy, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

3. Kết luận

Trong những năm qua, chất lượng hoạt động của CĐCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp được nâng lên rõ rệt thông qua việc triển khai nhiều phong trào, chương trình hành động thiết thực, phù hợp với nhiệm vụ chính

trị của Trường và nhu cầu của đoàn viên, thanh niên. Nghiên cứu về nâng cao chất lượng hoạt động CĐCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, thấy rằng, vai trò của Đoàn thanh niên hết sức quan trọng. Vì vậy, việc xác định mục tiêu, phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động Chi đoàn có ý nghĩa quan trọng trong củng cố tổ chức, nâng cao hiệu quả

giáo dục chính trị tư tưởng, thúc đẩy phong trào học tập, nghiên cứu khoa học và thi đua chuyên môn trong đoàn viên, thanh niên. Qua đó, góp phần xây dựng môi trường sư phạm kỷ cương, năng động và hỗ trợ tích cực trong gia đoạn hướng tới mục tiêu Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đạt chuẩn mức 2.

Trong thời gian tới, mỗi

đoàn viên cần tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực hội nhập; tích cực tham gia các phong trào, hoạt động do Đoàn phát động. Những nỗ lực này sẽ góp phần cùng Đảng bộ Trường thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2015): *Chỉ thị số 42-CT/TW về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015 - 2030”*.
2. BCH CĐCS Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo công tác Đoàn và phong trào Thanh niên, nhiệm kỳ 2022 - 2024 và phương hướng nhiệm vụ công tác Đoàn, phong trào Thanh niên nhiệm kỳ 2024 - 2027*.
3. BCH CĐCS Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang: *Báo cáo chính trị nhiệm kỳ 2022 - 2024 tại Đại hội đại biểu CĐCS Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang nhiệm kỳ 2024 - 2027*.
4. BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang: *Báo cáo chính trị nhiệm kỳ 2017 - 2022 tại Đại hội đại biểu Đoàn Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang nhiệm kỳ 2022 - 2027*.

RÈN LUYỆN BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ CHO ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN TẠI CHI ĐOÀN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

✪ LÊ NGUYỄN TUYẾT LỘC*

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị - xã hội thế giới, việc rèn luyện bản lĩnh chính trị cho thế hệ trẻ, đặc biệt là đoàn viên thanh niên, trở thành một nhiệm vụ cấp thiết. Bài tham luận này tập trung nghiên cứu thực trạng rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đoàn viên thanh niên tại Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp. Từ đó, bài viết đề xuất một hệ thống các giải pháp đồng bộ và khả thi nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đoàn viên thanh niên tại Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ vừa “hồng” vừa “chuyên”, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Bản lĩnh chính trị, rèn luyện, đoàn viên thanh niên, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

1. Đặt vấn đề

Thanh niên là lực lượng xung kích, sáng tạo, là rường cột của nước nhà, là tương lai của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà”. Kế thừa tư tưởng của Người, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định vai trò đặc biệt quan trọng của thế hệ trẻ. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Đối với đoàn viên thanh niên (ĐVTN) đang công tác và học tập tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp - một cái nôi đào tạo cán bộ, nơi hun đúc lý tưởng cách mạng, việc rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng càng trở thành một yêu cầu cấp thiết và hàng đầu. Bản lĩnh chính trị không chỉ là kim chỉ nam cho mọi hành động, mà còn là “tám lá chắn” vững chắc giúp ĐVTN nhận diện và đấu tranh

hiệu quả với các luận điệu sai trái, thù địch trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, đặc biệt là trước những tác động tiêu cực của không gian mạng.

Nhiệm kỳ 2022 - 2024 vừa qua, Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên. Để tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế, việc đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường rèn luyện bản lĩnh chính trị cho ĐVTN trong nhiệm kỳ 2025 - 2027 là vô cùng cần thiết và có ý nghĩa chiến lược. Bài tham luận này sẽ đi sâu phân tích tầm quan trọng của bản lĩnh chính trị, đánh giá thực trạng công tác rèn luyện bản lĩnh chính trị tại Chi đoàn, từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm nâng cao chất lượng công tác này trong thời gian tới.

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

2. Nội dung

2.1 Tầm quan trọng của việc rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đoàn viên thanh niên

Bản lĩnh chính trị là tổng hòa những phẩm chất và năng lực của một cá nhân, tập thể trong nhận thức, thái độ và hành động kiên định với mục tiêu, lý tưởng cách mạng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời có khả năng phân biệt đúng sai, kiên quyết đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Nó không chỉ là sự am hiểu về lý luận mà còn là sự vững vàng về niềm tin, ý chí và hành động trước mọi thử thách, biến động.

Bản lĩnh chính trị không phải là khái niệm tĩnh mà là một quá trình rèn luyện, phát triển không ngừng, được thể hiện thông qua các yếu tố như niềm tin và lý tưởng cách mạng, quan điểm chính trị vững vàng, ý chí kiên định và tinh thần đấu tranh với những quan điểm thù địch, năng lực nhận diện và phản biện, tư duy độc lập, sáng tạo,...

Rèn luyện bản lĩnh chính trị có vai trò đặc biệt quan trọng đối với đoàn viên thanh niên, là nền tảng để xây dựng lý tưởng, hoài bão giúp thanh niên xác định được mục tiêu sống đúng đắn, cống hiến cho

xã hội, không bị cuốn vào lối sống thực dụng, ích kỷ. Bản lĩnh chính trị cung cấp một hệ thống giá trị để thanh niên định hướng cuộc đời mình. Đây còn là “tấm lá chắn” bảo vệ thanh niên giúp thanh niên miễn nhiễm trước các thông tin xấu độc, các luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch, nhất là trên không gian mạng. Trong một thế giới thông tin bão hòa, bản lĩnh chính trị giúp thanh niên trở thành người tiếp nhận thông tin có chọn lọc và phê phán. Ngoài ra, góp phần nâng cao năng lực nhận thức và hành động giúp thanh niên có khả năng phân tích, đánh giá vấn đề một cách khách quan, toàn diện, đưa ra những quyết định đúng đắn, hành động phù hợp với lợi ích của đất nước và nhân dân. ĐVTN không chỉ “biết” mà còn “hiểu” và “hành động” một cách có ý thức. Bên cạnh đó, còn phát huy vai trò xung kích, tiên phong, họ dám mạnh dạn dấn thân vào những lĩnh vực khó khăn, thử thách, không ngại gian khổ, hy sinh, góp sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Họ là lực lượng đi đầu trong mọi phong trào, hoạt động. Hơn hết, sẽ góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận, họ là nguồn cán bộ dự bị quan trọng cho Đảng và Nhà nước. Rèn luyện bản lĩnh chính trị cho họ là tiền đề để

có đội ngũ cán bộ trung thành, tận tụy, có năng lực gánh vác trọng trách, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định vai trò và tầm quan trọng của thanh niên. Trong đó, các Nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, và gần đây là các chủ trương, định hướng về công tác thanh niên trong các văn kiện Đại hội Đảng XIII, đều nhấn mạnh việc tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng và đặc biệt là bản lĩnh chính trị cho thế hệ trẻ. Đảng xác định đây là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, nhằm đào tạo ra lớp người mới vừa có tài vừa có đức, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc.

2.2. Thực trạng công tác rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đoàn viên thanh niên tại Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

Trường Chính trị tỉnh

Đồng Tháp là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy Đồng Tháp, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị - hành chính cho cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị của Tỉnh. Đối tượng học viên của Trường đa dạng, bao gồm cán bộ đương chức, dự nguồn ở các cấp, ngành, từ cấp tỉnh đến cơ sở. Trong đó, đoàn viên thanh niên tại Chi đoàn chiếm một tỷ lệ đáng kể, họ là những cán bộ trẻ, năng động, có khả năng tiếp thu nhanh nhạy nhưng cũng dễ bị ảnh hưởng bởi những luồng thông tin trái chiều.

Công tác Đoàn và phong trào thanh niên tại Trường luôn nhận được sự quan tâm của Cấp ủy, Ban giám hiệu, Phòng, Khoa tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động rèn luyện bản lĩnh chính trị. Công tác rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đoàn viên thanh niên tại Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp được triển khai dựa trên hệ thống các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy Đồng Tháp và các quy chế, quy định nội bộ của Trường.

Qua quá trình nghiên cứu, công tác rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đoàn viên thanh niên tại Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cho thấy những điểm sáng tích cực cùng với những tồn tại,

hạn chế cần khắc phục. Bức tranh tổng thể cho thấy sự nỗ lực nhưng cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về hiệu quả và tính bền vững của công tác này.

2.2.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, công tác giáo dục chính trị tư tưởng được quan tâm và triển khai thường xuyên, hiệu quả

Ban Chấp hành Chi đoàn đã luôn quan tâm, tổ chức thực hiện thường xuyên công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho ĐVTN.

Các nội dung tuyên truyền được nắm vững, xây dựng kế hoạch và triển khai đa dạng thông qua các buổi họp lệ chi đoàn, sinh hoạt chuyên đề và đặc biệt là qua các nền tảng mạng xã hội, cho thấy sự chủ động thích nghi với phương thức tiếp cận thanh niên hiện đại.

Chi đoàn đã tổ chức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; triển khai Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030”. Điều này cho thấy sự bám sát các định hướng lớn của Đảng trong công tác giáo dục chính trị.

Việc thường xuyên phổ biến các chủ trương của Đảng ủy, lãnh đạo Trường Chính trị và Đoàn cấp trên giúp ĐVTN kịp thời nắm bắt thông tin, định hướng trong công tác chuyên môn và hoạt động Đoàn, góp phần xây dựng sự đồng thuận và định hướng chính trị đúng đắn.

Đáng chú ý là Chi đoàn đã đạt được mục tiêu 100% đoàn viên, thanh niên được triển khai, quán triệt và tiếp tục thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm pháp luật trong nhiệm kỳ 2022 - 2024. Đây là một minh chứng rõ nét cho ý thức kỷ luật và bản lĩnh chính trị vững vàng của ĐVTN.

Chương trình “Rèn luyện đoàn viên” được triển khai gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, và 100% đoàn viên đã đăng ký và thực hiện tốt nội dung này một cách thiết thực, hiệu quả. Đây là một trong những hoạt động trọng tâm trực tiếp góp phần bồi đắp bản lĩnh chính trị.

Chi đoàn đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái thù địch trong tình hình mới và đã có ĐVTN tham gia tích cực cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư

tưởng của Đảng và đạt thành tích cao. Điều này cho thấy khả năng nhận diện và đấu tranh trực diện với các quan điểm sai trái.

Thứ hai, sự gương mẫu và vững vàng về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của Ban Chấp hành và đoàn viên

Bí thư và Phó Bí thư Chi đoàn đã luôn tuân thủ thống nhất, gương mẫu chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hành động vì lợi ích của tập thể và cộng đồng. Sự gương mẫu của người đứng đầu là yếu tố quan trọng để định hướng và rèn luyện bản lĩnh chính trị cho toàn thể Chi đoàn.

Tập thể Chi đoàn, bao gồm Bí thư, Phó Bí thư và toàn thể đoàn viên, được đánh giá là một tập thể có tư tưởng chính trị vững vàng, trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành tốt chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tuân thủ Điều lệ Đoàn. Điều này khẳng định sự đồng lòng, nhất quán trong nhận thức và hành động chính trị.

Với đặc thù là một Chi đoàn mà 100% đoàn viên đều là đảng viên (08/08 đồng chí), việc phát huy tinh thần năng động, xung kích của tuổi trẻ trong xây dựng Đảng, đặc

biệt là tích cực tham gia phát biểu ý kiến trong các cuộc họp chi bộ, đã góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Điều này cho thấy ý thức chính trị cao và trách nhiệm của ĐVTN trong công tác xây dựng Đảng.

Thứ ba, các chương trình rèn luyện chuyên sâu và công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng

Trong nhiệm kỳ, đã có 08 đoàn viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và 03 đoàn viên tham gia các lớp đào tạo lý luận chính trị. Đáng chú ý, chỉ tiêu có ít nhất 02 đồng chí được học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ đã được vượt mức, cho thấy sự đầu tư vào việc nâng cao nền tảng lý luận và chuyên môn cho đoàn viên.

Chương trình “Rèn luyện đoàn viên” được gắn kết chặt chẽ với việc học tập các bài học lý luận chính trị cho ĐVTN, tạo ra một kênh chính thức và có hệ thống để bồi dưỡng bản lĩnh chính trị.

Thứ tư, công tác xây dựng Đảng từ Đoàn có hiệu quả cao

Chi đoàn đã luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét, kết nạp.

Trong nhiệm kỳ 2022 - 2024, Chi đoàn đã ra Nghị quyết giới thiệu 02 đoàn viên ưu tú cho Đảng và đã có 02 đồng chí được kết nạp vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là một kết quả cụ thể, minh chứng cho sự thành công trong việc rèn luyện bản lĩnh chính trị, đưa những nhân tố ưu tú nhất của Đoàn vào Đảng.

Thứ năm, các phong trào hành động cụ thể góp phần rèn luyện bản lĩnh chính trị

Chi đoàn đã tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng như “Tình nguyện tham gia xây dựng đô thị văn minh”, “Bảo vệ môi trường”, “Bảo đảm an sinh xã hội”, góp phần xây dựng ý thức trách nhiệm cộng đồng và tinh thần cống hiến.

Việc triển khai Cuộc vận động “Tự hào một dải non sông” và tuyên truyền về biên giới, biển đảo, quê hương đã góp phần nâng cao ý thức cảnh giác và lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc cho ĐVTN.

Chi đoàn đã tổ chức các hoạt động gắn liền với các sự kiện trọng đại của đất nước, đây là dịp để ĐVTN ôn lại truyền thống vẻ vang của dân tộc, hình thành nên chủ nghĩa yêu nước, tinh thần cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng.

Thứ sáu, sự quan tâm, tạo điều kiện từ cấp ủy, lãnh đạo cơ quan và các cấp Đoàn

Chi đoàn đã nhận được sự quan tâm, lãnh đạo sâu sát và tạo điều kiện của Đảng ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

Sự phối hợp và hỗ trợ tích cực của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở trường chính trị và sự hướng dẫn nhiệt tình từ Ban Thường vụ Đoàn Khối các cơ quan Tỉnh cũng đã tạo điều kiện thuận lợi để Chi đoàn hoàn thành chương trình công tác.

2.2.2 Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

Bên cạnh những thành tựu, công tác rèn luyện bản lĩnh chính trị tại Chi đoàn vẫn còn những hạn chế nhất định, chủ yếu do các yếu tố khách quan và chủ quan:

Thứ nhất, hạn chế trong công tác tham mưu, điều hành và tổ chức hoạt động

Công tác tham mưu, đề xuất với cấp ủy và nắm bắt tình hình tư tưởng, đời sống đoàn viên có lúc chưa kịp thời. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng định hướng tư tưởng và giải quyết vấn đề phát sinh cho đoàn viên. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2022 - 2024 còn một vài nội dung chưa toàn diện. Công tác kiểm tra, giám sát,

đôn đốc việc triển khai thực hiện một số hoạt động theo Chương trình công tác năm của Chi đoàn đôi lúc chưa thường xuyên, dẫn đến việc thực hiện chưa đồng bộ và hiệu quả. Việc triển khai thực hiện một số hoạt động theo Chương trình công tác năm của Chi đoàn đôi lúc chưa bảo đảm thời gian, và việc phân công đoàn viên tham gia một số hoạt động của Chi đoàn và Đoàn cấp trên đôi lúc gặp khó khăn.

Thứ hai, một số ít đoàn viên chưa thực sự tích cực

Vẫn còn một số ít đoàn viên chưa tham gia tích cực trong các hoạt động đoàn. Điều này có thể làm giảm hiệu quả chung của các phong trào và chương trình rèn luyện, cũng như tiềm ẩn nguy cơ về sự dao động tư tưởng nếu không được quan tâm kịp thời.

Nguyên nhân của những hạn chế

Đội ngũ cán bộ Chi đoàn và đoàn viên còn ít về số lượng (chỉ có 08 đoàn viên), và trong nhiệm kỳ vừa qua, nhiều đồng chí nữ đã nghỉ chế độ thai sản, phần nào ảnh hưởng đến công tác tập hợp và phân công đoàn viên tham gia hoạt động. Bí thư và Phó Bí thư Chi đoàn phải tập trung nhiều vào công tác chuyên môn, nên thời gian

dành cho công tác Đoàn, đặc biệt là việc nắm bắt tình hình tư tưởng, đời sống đoàn viên đôi lúc chưa kịp thời. Một số đồng chí đoàn viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ hoặc đi học tập trung trong năm, gây khó khăn trong việc sắp xếp, phân công họ tham gia các hoạt động Đoàn. Việc lãnh đạo, chỉ đạo một số nội dung còn lúng túng, bị động do tác động từ các yếu tố khách quan.

2.3. Giải pháp tăng cường rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đoàn viên thanh niên tại Chi đoàn Trường trong thời gian sắp tới

Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục triệt để các hạn chế, Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức lý luận

Tiếp tục và tăng cường triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Đây là kim chỉ nam cho công tác giáo dục lý luận chính trị. Duy trì và nâng cao chất lượng việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,

phong cách Hồ Chí Minh một cách thiết thực, hiệu quả. Cần đưa nội dung này vào sinh hoạt thường xuyên và biến nó thành hành động cụ thể trong đời sống và công việc của mỗi ĐVTN. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đoàn viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác xây dựng Đảng. Việc nắm vững nền tảng lý luận sẽ giúp đoàn viên có tư duy biện chứng, bản lĩnh kiên định trước mọi biến động.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến của ĐVTN. Cần khai thác tối đa các hình thức tuyên truyền hiện đại. Thường xuyên cung cấp thông tin, nắm bắt và kịp thời định hướng dư luận, làm tốt công tác tư tưởng đối với ĐVTN, đặc biệt là trước một số tác động từ mạng xã hội và các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Cần trang bị cho ĐVTN kiến thức để tự phòng ngừa, sàng lọc và đấu tranh hiệu quả, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thứ hai, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình “Rèn luyện đoàn viên” và các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu

Đảm bảo 100% đoàn viên đăng ký và thực hiện tốt nội dung Chương trình “Rèn luyện đoàn viên” trong thời kỳ mới, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh một cách thiết thực, hiệu quả. Cần có cơ chế kiểm tra, đánh giá thường xuyên để đảm bảo hiệu quả của chương trình. Tạo điều kiện cho các đoàn viên được học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Cần tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đoàn viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn, bởi đây là con đường trực tiếp nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực chuyên môn. Quan tâm hỗ trợ, khuyến khích đoàn viên Chi đoàn trong việc học tập, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn. Tạo môi trường thuận lợi để đoàn viên trao đổi, bổ sung kiến thức chuyên môn; khuyến khích phát huy sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nhiệm vụ chính trị tại cơ quan, đơn vị.

Thứ ba, đổi mới phương thức hoạt động và phát huy vai trò xung kích, tình nguyện, sáng tạo của tuổi trẻ

Không ngừng đổi mới phương thức và nội dung sinh hoạt Chi đoàn để nâng cao chất lượng, tính hấp dẫn

và hiệu quả. Cần đa dạng hóa các hình thức sinh hoạt, tránh nhàm chán, lý thuyết khô khan. Phát huy tối đa tinh thần xung kích, tình nguyện, sáng tạo của tuổi trẻ trong mọi hoạt động của Chi đoàn. Khuyến khích đoàn viên chủ động đề xuất, tham gia các hoạt động ý nghĩa, phù hợp với sở trường và chuyên môn của mình.

Tích cực triển khai các phong trào hành động cách mạng gắn với nhiệm vụ chính trị của đơn vị và lợi ích của cộng đồng, như các chiến dịch tình nguyện, hoạt động an sinh xã hội. Cần nghiên cứu các mô hình, cách làm mới với hàm lượng tri thức cao, có tính bền vững, thiết thực và hiệu quả. Tổ chức các hoạt động thể dục - thể thao, văn hóa, vui chơi giải trí bổ ích, thiết thực nhằm tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh, giúp đoàn viên phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

Thứ tư, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Chi đoàn

Ban Chấp hành Chi đoàn cần chủ động, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động, phong trào theo Chương trình công tác hàng năm, đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả và phù hợp với nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Bám sát các chỉ

tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cơ sở Trường Chính trị, Nghị quyết Đại hội Chi đoàn và Đoàn cấp trên trong xây dựng và triển khai chương trình công tác hàng năm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc đoàn viên tham gia thực hiện các hoạt động theo Chương trình công tác năm của Chi đoàn một cách thường xuyên và hiệu quả.

Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ đoàn thông qua việc bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, điều hành hoạt động Chi đoàn trong tình hình mới. Kịp thời tham mưu, đề xuất cấp ủy tạo điều kiện cử các đồng chí trong quy hoạch Bí thư, Phó Bí thư tham gia các lớp huấn luyện nghiệp vụ cán bộ Đoàn. Đảm bảo thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình trong tập thể Chi đoàn. Điều này giúp duy trì sự đoàn kết, thống nhất và phát triển bền vững của tổ chức.

Thứ năm, tăng cường công tác xây dựng Đảng từ Đoàn

Tiếp tục làm tốt công tác tạo nguồn và giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét, kết nạp, nhằm bổ sung lực lượng trẻ, có bản lĩnh chính trị cho Đảng. Đây là một

trong những nhiệm vụ then chốt thể hiện hiệu quả công tác rèn luyện bản lĩnh chính trị. Tuyên truyền, vận động đoàn viên là đảng viên trẻ tích cực tham gia phát biểu ý kiến trong các cuộc họp chi bộ, tham gia giám sát, phản biện xã hội liên quan đến các lĩnh vực phụ trách, các mảng đời sống xã hội, nhất là nội dung về thanh niên và công tác thanh niên. Điều này khuyến khích đoàn viên thể hiện bản lĩnh, trách nhiệm chính trị ngay trong tổ chức Đảng.

3. Kết luận

Công tác rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đoàn viên thanh niên tại Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là một nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài và có ý nghĩa chiến lược. Trong nhiệm kỳ 2022 - 2024, Chi đoàn đã nỗ lực không ngừng và đạt được nhiều kết quả tích cực, đặc biệt là trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thể hiện rõ qua việc 100% đoàn viên thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, Nhà nước và Chương trình “Rèn luyện đoàn viên”, cùng với việc đóng góp vào công tác xây dựng Đảng.

Tuy nhiên, với đặc thù là một Chi đoàn nhỏ gọn, có những hạn chế về nhân sự và thời gian, Chi đoàn cần tiếp

tục đổi mới, sáng tạo trong cách làm, khắc phục những tồn tại đã được chỉ ra. Các giải pháp đề xuất trong bài tham luận này, từ việc đẩy mạnh giáo dục chính trị tư tưởng bằng phương pháp hiện đại, nâng cao chất lượng chương trình “Rèn luyện đoàn viên”, đổi mới phương thức hoạt động, đến việc tăng cường năng lực lãnh đạo của Ban Chấp hành và phát huy hiệu quả công tác xây dựng Đảng từ Đoàn, đều nhằm mục tiêu chung là xây dựng hình ảnh người đoàn viên có đạo đức trong sáng, lối sống văn hóa, tuân thủ pháp luật, bản lĩnh chính trị vững vàng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; xung kích trong thực hiện nhiệm vụ chính trị tại cơ quan, đơn vị; có khát vọng cống hiến.

Với sự quan tâm, lãnh đạo sâu sát của Đảng ủy, lãnh đạo Trường, sự phối hợp của Công đoàn và sự đồng lòng, nỗ lực của tập thể ĐVTN, Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp sẽ tiếp tục gặt hái nhiều thành công hơn nữa trong thời gian tới, góp phần bồi đắp và rèn luyện bản lĩnh chính trị cho thế hệ trẻ, đưa Chi đoàn ngày càng vững mạnh, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung của Đảng và Nhà nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*.
2. Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*.
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Luật Thanh niên 2020*.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Nguyễn Trọng Nghĩa (2022). *Rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong bối cảnh hiện nay*, Tạp chí Cộng sản, số 999.
6. Trần Thị Kim Loan (2023). *Giải pháp nâng cao bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên trẻ ở tỉnh Đồng Tháp hiện nay*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp, số 50.
7. Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, (2025), *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Chính trị Tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội Đảng bộ cơ sở Trường Chính trị Tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 - 2030*.
8. Ban Chấp hành Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2024), *Báo cáo công tác Đoàn và phong trào thanh niên, nhiệm kỳ 2022 - 2024 và phương hướng nhiệm vụ công tác Đoàn, phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2024 - 2027*.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021), *Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập 1, 2. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP SINH THÁI TỈNH ĐỒNG THÁP

✪ LÊ TẤN LẬP*

Tóm tắt: Phát triển nông nghiệp sinh thái là xu thế tất yếu của nền nông nghiệp hiện đại, nhằm hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống nông dân. Trên cơ sở quán triệt tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, bài viết tập trung phân tích cơ sở lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái; đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp sinh thái trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2020 - 2025; từ đó đề xuất hệ thống giải pháp chủ yếu nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030. Bài viết góp phần làm rõ cách tiếp cận phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái từ thực tiễn địa phương, qua đó cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ công tác hoạch định chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn mới.

Từ khóa: Nông nghiệp sinh thái; kinh tế nông nghiệp; phát triển bền vững; Đồng Tháp; giải pháp phát triển.

1. Đặt vấn đề

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn luôn giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp và yêu cầu phát triển bền vững đặt ra ngày càng

cao, mô hình phát triển nông nghiệp truyền thống dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên, gia tăng đầu vào và chạy theo sản lượng đã bộc lộ nhiều hạn chế. Thực tiễn đó đòi hỏi phải chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sinh thái, xanh và bền vững.

Đồng Tháp là tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có lợi thế lớn về sản xuất nông nghiệp với nhiều ngành hàng chủ lực như lúa gạo, cây ăn trái và thủy sản. Những năm qua, Tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống nông dân. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới, đặc biệt là mục tiêu xây dựng Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh đến năm 2030, việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái

Kinh tế nông nghiệp sinh thái là mô hình phát triển nông nghiệp dựa trên việc tổ chức sản xuất hài hòa với các quy luật tự nhiên, bảo vệ và tái tạo hệ sinh thái, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, đồng thời tạo ra giá trị kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Khác với cách tiếp cận nông nghiệp truyền thống, nông nghiệp sinh thái không chỉ hướng đến mục tiêu tăng năng suất, sản lượng mà còn chú trọng đến

* Tiến sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

chất lượng nông sản, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Về mặt lý luận, phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái gắn chặt với các khái niệm như tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững. Trong đó, kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp nhấn mạnh việc tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp nhằm giảm thiểu phát thải, tiết kiệm chi phí và gia tăng giá trị. Phát triển nông nghiệp sinh thái cũng đòi hỏi sự thay đổi căn bản trong tư duy sản xuất của người nông dân, từ sản xuất manh mún, nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có liên kết chuỗi giá trị và gắn với nhu cầu thị trường.

Ở Việt Nam, phát triển nông nghiệp sinh thái được xác định là định hướng chiến lược trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 19-NQ/TW khóa XIII. Đây không chỉ là yêu cầu khách quan từ thực tiễn phát triển mà còn là con đường tất yếu để nâng cao năng lực cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

2.2. Thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2020 - 2025

Giai đoạn 2020 - 2025

đánh dấu bước chuyển mình căn bản của nông nghiệp Đồng Tháp từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế, lấy chất lượng và sự bền vững làm thước đo giá trị. Quá trình xây dựng nền nông nghiệp sinh thái của Tỉnh đạt được những kết quả sau:

Một là, đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất.

Trong những năm qua, tỉnh Đồng Tháp luôn chú trọng thực hiện tái cơ cấu trong phát triển nông nghiệp đã mang lại những kết quả toàn diện, rõ nét và tích cực. Các lĩnh vực sản xuất chủ lực của Tỉnh đều ghi nhận sự chuyển biến tích cực cả về quy mô, chất lượng, hiệu quả và tính bền vững. Năm 2020 cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm 38% trong cơ cấu kinh tế chung của Tỉnh, đến năm 2025 giảm còn 34,78%. Lĩnh vực trồng trọt phát triển theo hướng sử dụng đất hợp lý, chuyển dịch theo hướng mở rộng quy mô vùng trồng đối tượng chủ lực (lúa gạo, trái cây, hoa kiểng) thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại; sản xuất thủy sản theo chiều sâu, theo các tiêu chuẩn tiên tiến, đảm bảo chất lượng cho xuất khẩu.

Hình thành nhiều vùng sản xuất tập trung, gắn với liên kết vùng và thị trường tiêu thụ ổn định, tăng cường liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ, tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp đầu tư vào chế biến sâu.

Hai là, thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ số vào sản xuất, quản lý nông nghiệp và đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp để tăng năng suất chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tham gia bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài.

Việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ chuyển biến tích cực, góp phần chuẩn hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí và tăng khả năng truy xuất nguồn gốc; tạo nguồn nguyên liệu ổn định, thu hút nhiều nhà máy chế biến quy mô lớn, công nghệ hiện đại, từ đó, góp phần mở rộng thị trường, nâng cao giá trị các nông sản chủ lực của Tỉnh.

Bên cạnh đó, Tỉnh quan tâm phát huy vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã trong chuỗi sản xuất, chế biến và thương mại nông sản, tích cực áp dụng thương mại điện tử, chuyển đổi số trong nông

ng nghiệp. Chuyển mạnh tư duy phát triển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, nông nghiệp sinh thái và kinh tế tuần hoàn, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Vấn đề an ninh lương thực Đồng Tháp được đảm bảo không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn đóng góp đáng kể vào xuất khẩu. Từ đó, thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu nông sản - thủy sản tăng. Năm 2025 ước đạt 2.400 triệu USD, chiếm 26,1% tổng kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh. Cơ cấu xuất khẩu đa dạng với gạo đóng góp 1.150 triệu USD, thủy sản 1.090 triệu USD và rau quả 160 triệu USD. Thị trường xuất khẩu nông sản được mở rộng tới hơn 20 quốc gia, riêng thủy sản có mặt tại hơn 100 quốc gia trên khắp các châu lục, khẳng định uy tín thương hiệu nông sản Đồng Tháp.

Ba là, mạnh dạn chuyển từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp xanh và tuần hoàn”

Đây là những bước đi quan trọng trong việc xây dựng nông nghiệp thông minh, thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường toàn cầu. Tỉnh Đồng Tháp đã triển khai thực hiện nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp xanh,

nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp phát thải thấp. Hình thành và nhân rộng nhiều mô hình canh tác tiên tiến: “1 phải 5 giảm”, tưới ngập khô xen kẽ, sản xuất theo tiêu chuẩn SRP, VietGAP, GlobalGAP và hữu cơ; thực hiện nhiều dự án, mô hình sản xuất nông nghiệp thuận thiên. Qua đó, giúp giảm được phân hóa học, giảm chi phí sản xuất, giảm phát thải khí nhà kính, hạn chế ô nhiễm môi trường; tăng giá trị của rơm, rạ, lợi nhuận và thu nhập cho nông dân. Công tác bảo vệ môi trường và kinh tế tuần hoàn đạt nhiều tiến bộ.

Vấn đề bảo tồn, phát triển giống cây trồng, vật nuôi có nguồn gốc bản địa là một trong những yếu tố được quan tâm trong phát triển nông nghiệp sinh thái. Vì nguồn gen thực vật nông nghiệp là nguồn cung cấp vật liệu sinh học duy nhất và cần thiết cho phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, bảo vệ môi trường, nghiên cứu phát triển công nghệ sinh học cũng như cho sản xuất nguyên liệu của các ngành công nghiệp chế biến được liệu, nhiên liệu sinh học và nhiều ngành khoa học khác. Đến năm 2025, có 39 cây đầu dòng bản địa được bảo tồn cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh; 17 loài đang lưu giữ gen, trong đó, có 6 loài thủy sản đang được nuôi phục vụ mục đích khai thác.

Bốn là, đột phá về hạ tầng và chuyển đổi số trong nông nghiệp.

Tỉnh Đồng Tháp đã đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi, cung cấp nguồn nước sạch nông thôn, xây dựng hệ thống cảng, bến thủy nội địa, xăng dầu,... tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với công - thương nghiệp - du lịch - dịch vụ.

Việc triển khai ứng dụng thông tin, áp dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh cũng có những chuyển biến tích cực. Một số mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, một số tính năng áp dụng trong quản lý sản xuất nông nghiệp đã được triển khai.

Mặc dù Tỉnh đã chủ động xây dựng nhiều kịch bản, phương án ứng phó tương ứng với từng mức độ rủi ro thiên tai nhưng tình hình ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai vẫn tác động đến hiệu quả phát triển nông nghiệp. Tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản vẫn chưa có giải pháp kiểm soát hiệu quả, ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả sản xuất. Giá trị gia tăng của các sản phẩm nông nghiệp vẫn chưa cao, chuỗi giá trị chưa phát triển mạnh mẽ và sản phẩm nông sản chủ yếu xuất khẩu ở dạng

thô, chưa qua chế biến. Tỉnh chưa hình thành được các khu công nghiệp chế biến thực phẩm quy mô lớn. Khâu bảo quản và chế biến sâu, công nghiệp phụ trợ chưa phát triển mạnh. Quy mô sản xuất kinh doanh chủ yếu vừa và nhỏ, còn hạn chế tài chính nên đầu tư công nghệ hiện đại chưa tương xứng với yêu cầu.

Các mô hình sinh thái đang triển khai phát triển tích cực nhưng chỉ dừng lại ở diện hẹp (cấp độ 2-3), chưa tạo được vùng sản xuất lớn đồng bộ. Các nguyên tắc tuần hoàn tái chế bắt đầu được quan tâm nhưng chưa hình thành hệ sinh thái phát triển kinh tế tuần hoàn cho ngành nông nghiệp, việc áp dụng khoa học và công nghệ cho tái chế phụ phẩm vẫn chưa tạo giá trị cao, một số lĩnh vực tuần hoàn trong nông nghiệp chưa phát triển. Quá trình nhân rộng các mô hình nông nghiệp hiệu quả còn chậm.

Từ những kết quả trên có thể khẳng định, nông nghiệp sinh thái tỉnh Đồng Tháp đã đạt được những bước tiến quan trọng về chất, đang chuyển đổi theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng. Chất lượng sản phẩm nông - lâm - thủy sản ngày càng nâng cao, an ninh lương thực được đảm bảo, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Cơ cấu nội bộ ngành chuyển

dịch theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, nhất là trên cây ăn trái. Thị trường tiêu thụ được mở rộng và năng lực cạnh tranh hàng hóa, nhất là các ngành hàng chủ lực của từng vùng, được nâng cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, nền nông nghiệp sinh thái Tỉnh cũng còn gặp một số khó khăn, thách thức như: Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu nội bộ ngành hàng chưa đồng đều và thiếu ổn định, chưa đạt kế hoạch đề ra. Nền tảng chuyển đổi số nông nghiệp chưa được vận hành chính thức và đồng bộ làm chậm tiến trình hiện đại hóa quản trị ngành. Nông nghiệp công nghệ cao còn hạn chế; hàm lượng khoa học công nghệ trong sản phẩm còn thấp, chưa phát huy đúng mức lợi thế cạnh tranh các sản phẩm chủ lực của Tỉnh. Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn vẫn chưa theo kịp nhu cầu; kết cấu hạ tầng phục vụ bảo quản, chế biến, kho, bến bãi chưa phát triển, công nghệ chế nông sản quy mô nhỏ, thiết bị lạc hậu; phần lớn nông sản xuất thô, sơ chế, giá trị gia tăng thấp. Hệ thống tổ chức sản xuất nông nghiệp các hợp tác xã chậm đổi mới, năng lực còn thiếu và yếu, chưa chủ động đổi mới phương thức sản xuất và định hướng sản xuất lâu dài. Liên kết phát triển sản xuất - tiêu thụ chưa bền vững.

Nguyên nhân của hạn chế:

Ngành nông nghiệp của Tỉnh vẫn đối mặt với nhiều thách thức, như hạn chế về năng suất, ứng dụng công nghệ cao chưa đồng đều, cùng với sự biến đổi khí hậu và dịch bệnh tác động đến sản xuất.

Đồng thời, giá trị gia tăng của các sản phẩm nông nghiệp vẫn chưa cao, chuỗi giá trị chưa phát triển mạnh mẽ, và sản phẩm nông sản chủ yếu xuất khẩu ở dạng thô, chưa qua chế biến. Điều này khiến nông nghiệp Đồng Tháp chưa khai thác hết tiềm năng và lợi thế vốn có, ảnh hưởng đến việc đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế cân bằng và bền vững.

Trong thời gian qua, hệ thống thủy lợi chủ yếu đầu tư phục vụ cho vùng lúa, cơ sở hạ tầng giao thông kết nối và dịch vụ logistics còn thiếu, yếu và không đồng bộ. Chất thải sản xuất trong sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt còn một phần chưa được thu gom tái chế do dân cư phân bố phân tán. Kinh tế nông thôn chưa phát triển đủ mạnh, đồng đều giữa các khu vực để tạo việc làm ổn định cho người dân kéo theo tình trạng lao động nông thôn di cư để tìm kiếm cơ hội mưu sinh, đời đời cũng là một tất yếu.

2.3. Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030

Để phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, cần triển khai đồng bộ nhiều nhóm giải pháp.

Trước hết, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển nông nghiệp sinh thái, tạo môi trường thuận lợi để thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân tham gia đầu tư, sản xuất.

Thứ hai, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. Áp dụng kỹ thuật canh tác bền vững, trong đó, có 100% trang trại chăn nuôi đạt an toàn sinh học, 80% diện tích sản xuất nông nghiệp, thủy sản canh tác an toàn, bền vững; 100% trang trại chăn nuôi an toàn sinh học. Áp dụng quy trình, quy chuẩn nông nghiệp tốt, có 50% diện tích canh tác áp

dụng các quy trình, quy chuẩn nông nghiệp tốt, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tưới tiết kiệm nước; đảm bảo có trên 80% các phụ phẩm từ rom rạ, phụ phẩm chế biến thủy sản được tái chế hoặc xử lý theo hướng bền vững, giảm phát thải.

Thứ ba, nâng cao chất lượng cả về trình độ, năng lực, kỹ năng cho nông dân; xây dựng đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tư duy kinh tế và khả năng thích ứng với thị trường và phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với chuyên đổi số cho tỉnh. Tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức, chuyển giao các kiến thức về nông nghiệp sinh thái đối với từng lĩnh vực cụ thể đối với các đối tượng cụ thể: hộ nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, các nhà quản lý, cán bộ khuyến nông.

Thứ tư, tập trung ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các ngành hàng có tiềm

năng theo hướng bền vững, sản xuất quy mô lớn, tập trung, theo chuỗi giá trị và từng bước tiến hành tiêu chuẩn hóa hệ thống nuôi trồng gắn với mã số vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc.

Thứ năm, tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị, phát triển các vùng chuyên canh, xây dựng thương hiệu nông sản sinh thái Đồng Tháp gắn với truy xuất nguồn gốc và thị trường tiêu thụ bền vững.

3. Kết luận

Phát triển kinh tế nông nghiệp sinh thái là hướng đi đúng đắn, phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh Đồng Tháp. Với những tiềm năng, lợi thế sẵn có cùng với quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị, tỉnh Đồng Tháp hoàn toàn có khả năng trở thành địa phương tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*.
2. Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*.
3. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*.
4. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
5. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo chuyên đề xây dựng Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái đến năm 2030*.

VAI TRÒ CỦA TRÍ THỨC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TRONG THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI XANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

✧ NGUYỄN THANH HIỀN*

✧ HUỲNH VĂN XÃ**

1. Mở đầu

Chuyển đổi xanh là thuật ngữ chỉ những nỗ lực nhằm đạt được một tương lai bền vững và thân thiện với môi trường. Tăng trưởng xanh là phương thức quan trọng để phát triển bền vững, đóng góp trực tiếp vào giảm phát thải khí nhà kính để hướng tới nền kinh tế trung hòa các-bon trong dài hạn¹.

Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UENP)², kinh tế xanh là nền kinh tế tạo ra phúc lợi và công bằng xã hội; đồng thời, giảm thiểu đáng kể các rủi ro môi trường và suy thoái sinh thái. Một nền kinh tế xanh có thể được xem là một nền kinh tế có lượng phát thải các-bon thấp, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bao trùm xã hội.

Tóm tắt: Chuyển đổi xanh là xu thế tất yếu trong giai đoạn hiện nay, được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm. Nhận thức tầm quan trọng của việc chuyển đổi xanh gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh theo chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, trong những năm qua, đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ tỉnh Đồng Tháp đã phát huy tốt vai trò của mình trong nghiên cứu khoa học và lao động sáng tạo, nhất là trong công tác bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải... Góp phần kiến tạo nền kinh tế xanh, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Từ khóa: Trí thức; Khoa học, công nghệ; Chuyển đổi xanh; tăng trưởng xanh; Kinh tế tuần hoàn.

Theo Tiến sĩ Nguyễn Thanh Bình, kinh tế tuần hoàn dựa trên nguyên lý 3R (Reduce: Giảm nguyên liệu đầu vào; Reuse: Tái sử dụng;

Recycle: Tái chế) và được áp dụng cho tất cả các công đoạn từ sản xuất đến tiêu dùng³.

Tại Việt Nam, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn rất

* Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Tháp.

**Tổng Thư ký Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Tháp.

¹ Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, ngày ban hành 01/10/2021. Trích từ: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=204226>.

² Trương Thị Quỳnh Vân, Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, thực trạng và giải pháp, <https://vioit.org.vn/chien-luoc-chinh-sach/phet-trien-kinh-te-xanh-o-viet-nam--thuc-trang-va-giai-phap-5941.4050.html>, truy cập ngày 25/9/2025

³ Nguyễn Thanh Bình (2023), Khung pháp lý và tiềm năng ứng dụng kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, Tài liệu hội thảo “Thực trạng và giải pháp thúc đẩy kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh Bến Tre”, tr.182-190.

được Đảng và Nhà nước quan tâm, chỉ đạo thông qua việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật như: Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2021 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050...

Tại tỉnh Đồng Tháp, triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương, ngày 13/11/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định số 1158/QĐ-UBND ban hành kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối về tăng trưởng xanh cấp tỉnh, chủ trì phối hợp các ngành liên quan triển khai thực hiện kế hoạch này.

Do đó, việc phát huy vai trò, tiềm năng của đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng xanh của tỉnh Đồng Tháp có ý nghĩa rất quan

trọng, góp phần phát triển nền nông nghiệp của tỉnh theo hướng sinh thái, hiện đại, công nghệ cao, cơ cấu nông nghiệp theo hướng xanh; thúc đẩy sản xuất tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu mà Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra.

2. Vai trò của trí thức khoa học - công nghệ trong thúc đẩy chuyển đổi xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

2.1. Một số kết quả đạt được

Thực hiện Kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, đội ngũ trí thức công tác trong các cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn của tỉnh đã phối hợp với các ngành, các địa phương và người dân triển khai mang lại nhiều kết quả khả quan⁴.

Về Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tỉnh đã triển khai nhân rộng mô hình “Cánh đồng sản xuất lúa tiên tiến, tiết kiệm nước ứng dụng các giải pháp công nghệ 4.0”, sử dụng các thiết bị cảm biến tự động trong giám sát sâu rầy, tưới nước tiết kiệm; mô hình nông nghiệp công nghệ cao, mô hình sản xuất

hữu cơ, mô hình kinh tế tuần hoàn, mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp khai thác loại hình du lịch sinh thái; chú trọng hỗ trợ nông dân liên kết sản xuất - tiêu thụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng kỹ thuật truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, tập trung phát triển du lịch sinh thái gắn với phát triển sản phẩm OCOP xanh theo hướng kinh tế tuần hoàn phục vụ du khách và xuất khẩu, dựa trên lợi thế đặc hữu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội từng khu vực. Đến nay, tỉnh có 1.002 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên; trong đó, có 824 sản phẩm OCOP được giao dịch trên sàn thương mại điện tử (đạt 82,2%).

Về giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Thời gian qua, tỉnh Đồng Tháp đã triển khai có hiệu quả kế hoạch sản xuất sạch hơn trong lĩnh vực công nghiệp; qua đó, đã hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng nhiều mô hình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (điện mặt trời áp mái, trạm bơm điện an toàn và hiệu quả) và hỗ trợ một số cơ sở áp dụng giải pháp sản xuất sạch hơn, kiểm toán năng lượng, giúp giảm mức tiêu thụ năng lượng so với dự báo nhu cầu năng lượng của tỉnh.

⁴ V.K.K - Mỹ Tho, Nhà máy ‘biến’ rác thải sinh hoạt thành phân bón, xăng dầu, <https://1thegioi.vn/nha-may-bien-rac-thai-sinh-hoat-thanh-phan-bon-xang-dau-219498.html>, truy cập ngày 27/9/2025.

Tỉnh cũng đã nghiệm thu đưa vào khai thác dự án Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2 (khu vực biển thuộc xã Gò Công Đông) có công suất thiết kế 50MW, hàng năm, cung cấp 161 triệu kWh điện thương phẩm cho khoảng 25.000 hộ gia đình, giúp giảm phát thải gần 140.000 tấn CO₂.

Về xử lý rác thải: Tỉnh rất quan tâm thực hiện xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và xử chất thải. Trong đó, rác thải sinh hoạt hiện do Công ty TNHH MTV Môi trường và Đô thị Mỹ Tho thực hiện khoảng 300 tấn/ngày; hoạt động tái chế, xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại do Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại dịch vụ môi trường Tiên Phát đảm nhận với công suất xử lý 180 tấn/ngày. Đặc biệt, trên địa bàn tỉnh còn có mô hình nhà máy xử lý rác tuần hoàn theo kiểu mini do ông Võ Hoài Phong, Giám đốc Công ty cổ phần Nam Long Xanh (xã Long Bình) đã nghiên cứu và đầu tư gần 50 tỉ đồng để triển khai mô hình này. Ngoài nghiên cứu, tạo ra chế phẩm sinh học xử lý mùi hôi của bãi rác rộng hơn 3.000 mét vuông, ông còn sáng chế ra

một số thiết bị chuyên dụng phục vụ cho việc phân loại, vệ sinh rác thải, nghiền nén rác thải rắn, nhựa tổng hợp cho ra vật liệu xây dựng hay đốt yếm khí để tinh chế ra xăng, dầu... Hiện tại, mỗi ngày, nhà máy xử lý trên 20 tấn rác, thu khoảng 6 tấn phân hữu cơ và 200 lít xăng, dầu⁵.

Thời gian qua, đội ngũ trí thức đã tham gia thực hiện nhiều đề án, đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ, cũng như nghiên cứu, cho ra đời nhiều giải pháp sáng tạo nhằm giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn, tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng, có tính cạnh tranh cũng như đóng góp tích cực vào việc xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách của tỉnh. Giai đoạn 2009 - 2022, tỉnh triển khai thực hiện 257 chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở. Nhìn chung, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tập trung theo nhóm lĩnh vực công nghệ - kỹ thuật, nông nghiệp, văn hóa - xã hội, giáo dục - y tế; mỗi nhóm lĩnh vực hình thành các chương trình lớn,

trọng điểm, giải quyết vấn đề trọng tâm từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đa số kết quả nghiên cứu đã được chuyển giao ứng dụng vào sản xuất, đời sống và mang lại hiệu quả thiết thực, nhất là lĩnh vực nông nghiệp theo hướng xanh, tuần hoàn⁶.

Một số đề tài nghiên cứu của trí thức do Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật chủ trì được ứng dụng hiệu quả vào lĩnh vực nông nghiệp như: (1) Đề tài: *“Phục tráng giống lúa VD 20 tại Tiền Giang”* đã giúp khôi phục lại độ thuần rất và các đặc tính đặc trưng ban đầu của giống lúa thơm đặc sản VD 20. Sản phẩm của đề tài đã được chuyển giao, ứng dụng sản xuất cấp giống nguyên chủng tại Trại Thực nghiệm và Dịch vụ nông nghiệp Vĩnh Hựu và tại Hợp tác xã DVNN Hưng Hòa (tổng diện tích 12 ha). (2) Đề tài: *“Nghiên cứu công nghệ sản xuất, ứng dụng chế phẩm có nguồn gốc từ thảo mộc để phòng trừ một số côn trùng trong sản xuất rau an toàn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang”* nhằm mục đích phát triển và sử dụng các chế phẩm sinh học từ thảo mộc

⁵ Tỉnh ủy Đồng Tháp, *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*.

⁶ TH, Đồng Tháp đưa nhiều đề tài công nghệ sinh học vào nông nghiệp, <https://daibieunhandan.vn/dong-thap-dua-nhieu-de-tai-cong-nghe-sinh-hoc-vao-nong-nghiep>, truy cập ngày 26/9/2025.

để thay thế hóa chất, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng và môi trường trong sản xuất rau an toàn trên địa bàn tỉnh, phù hợp với xu hướng canh tác nông nghiệp theo hướng xanh, bền vững.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng triển khai, ứng dụng nhiều đề tài nghiên cứu về công nghệ sinh học của đội ngũ trí thức vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp và mang lại hiệu quả bước đầu như: Đề tài: “*Nghiên cứu sản xuất phân sinh học đa năng bón cho đậu nành trong tỉnh Đồng Tháp*”; Đề tài: “*Ứng dụng công nghệ sinh học trong tuyển chọn các dòng, giống lúa thơm đặc sản mới phù hợp với điều kiện canh tác của tỉnh Đồng Tháp*”; Dự án: “*Chuyển giao quy trình phân lập và tuyển chọn giống gốc nấm xanh (*Metarhizium sp*) phục vụ công tác phòng trừ rầy nâu hại lúa ở Đồng Tháp để chủ động nguồn nấm gốc*”...⁷.

Với niềm đam mê nghiên cứu về côn trùng nhằm giúp nông dân từng bước áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp xanh, Tiến sĩ Nguyễn Thị Oanh (Trường Đại học Đồng Tháp) đã thực hiện đề tài “*Nghiên cứu khả năng kiểm soát sâu một trong kho của ong ký sinh*

tại các kho lương thực tỉnh Đồng Tháp” [8]. Mục đích của đề tài là sử dụng vật ký sinh để giết chết vật chủ hoặc bắt trực tiếp và ăn con vật mồi. Theo đó, Tiến sĩ Oanh đã sử dụng ong *A. Calandrae* làm thiên địch khống chế tối đa 87% một trong các kho trữ gạo thay cho việc sử dụng thuốc diệt mọt, không chỉ giúp đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nông sản, sức khỏe người sử dụng, mà còn giảm thiểu tác động đến môi trường.

Thời gian qua, tham gia Hội thi sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh, nhiều cán bộ, công chức, trí thức có nhiều giải pháp sáng tạo hướng đến xây dựng nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường. Điển hình là trí thức - kỹ sư Nguyễn Công Vinh, Giám đốc Công ty Cổ phần Trang trại sạch ở xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Với mong muốn góp sức cùng địa phương xây dựng một nền nông nghiệp sạch, tái sử dụng các phụ, phế phẩm trong lĩnh vực chăn nuôi và trồng trọt theo mô hình khép kín, giúp tạo ra giá trị gia tăng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, kỹ sư Nguyễn Công Vinh đã khởi nghiệp với mô hình “*Liên kết nuôi trùn quế theo nguyên lý tuần hoàn*”⁸.

“*Nghiên cứu tạo ra sản phẩm OCOP theo nguyên lý kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, góp phần bảo vệ môi trường*” là giải pháp sáng tạo nổi bật của lương y Đoàn Văn Khanh, Giám đốc DNTN Long Thuận (xã Kim Sơn). Theo đó, tác giả đã nghiên cứu, áp dụng nguyên lý kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn vào quy trình sản xuất tạo ra sản phẩm đạt chuẩn OCOP (12 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao, 5 sản phẩm đạt chuẩn 3 sao), đảm bảo tiêu chuẩn sạch, an toàn, thân thiện môi trường. Các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất sử dụng chất bảo quản tự nhiên (không sử dụng chất bảo quản hóa học); các thành phần từ cây bưởi (lá bưởi, vỏ bưởi, hoa bưởi, múi bưởi, hạt bưởi) được khai thác triệt để và tiêu thụ theo quy trình khép kín; phụ phẩm sau chưng cất (vỏ bưởi, lá bưởi, ruột bưởi...) được tái sử dụng làm nhang bưởi, làm thức ăn cho cá... không thải phụ, phế phẩm ra môi trường.

“*Ứng dụng chế phẩm sinh học phân giải độc tố trong đất và phòng, trị bệnh cho cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*” là giải pháp sáng tạo khá độc đáo của thạc sĩ Nguyễn Ngọc Thành,

⁷ Đặng Tuyết, Tiến sĩ mê nghiên cứu côn trùng, chỉ bà con làm nông nghiệp xanh, <https://tuoitre.vn/nu-tien-si-me-nghien-cuu-con-trung-chi-ba-con-lam-nong-nghiep-xanh-20240407095155757.htm>, truy cập ngày 27/9/2025.

⁸ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tiền Giang, Báo cáo tổng kết Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Tiền Giang lần thứ XVI, năm 2022-2023.

Nguyên Phó Chủ tịch Hội Làm vườn huyện Cái Bè. Tác giả nghiên cứu, nuôi cấy các chủng vi sinh vật gốc (Do Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh cung cấp) kết hợp với phân bón hữu cơ (phân gà, phân dơi...) để tạo ra chế phẩm vi sinh vật giúp cải tạo đất, phòng trị bệnh tuyến trùng, nấm gây hại trên cây ổi; giải độc Paclobutrazol trong đất (do nông dân sử dụng để kích thích sâu riêng ra trái nghịch vụ); phân giải Cadimium trong đất trồng cây ăn quả, đặc biệt là cây sầu riêng... giúp kéo dài tuổi thọ của đất, nâng cao năng suất, chất lượng cây ăn quả theo hướng an toàn sinh học, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu; đồng thời, góp phần kiến tạo nền nông nghiệp xanh, sạch, tuần hoàn, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

2.2. Một số tồn tại, hạn chế

Nhận thức của người dân; trong đó, có không ít trí thức về chuyển dịch xanh, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn vẫn còn hạn chế. Chưa có nhiều mô hình kiểu mẫu, đa dạng của đội ngũ trí thức để thúc đẩy người dân, nhất là nông dân quyết tâm chuyển đổi từ lối sản xuất truyền thống sang phương thức sản xuất và tiêu dùng xanh, thân thiện với môi trường.

Việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ kinh tế xanh chưa có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo. Do đó, mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế xanh, nhưng vẫn thiếu cơ chế cụ thể để tạo cầu nối giữa các bên trong đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động xanh.

Để triển khai kế hoạch chuyển đổi xanh gắn với kiến tạo nền kinh tế xanh (bao gồm đầu tư hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực), đòi hỏi kinh phí đầu tư khá lớn, cần có sự chung tay, góp sức của cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội...

Một số kết quả nghiên cứu, giải pháp sáng tạo, cách làm hay của đội ngũ trí thức chưa được tuyên truyền, phổ biến thường xuyên trong cộng đồng để thúc đẩy, khuyến khích người dân áp dụng, nhân rộng.

Chuyển đổi xanh và chuyển đổi số gắn kết chặt chẽ với nhau; trong đó, chuyển đổi số là công cụ quan trọng để hiện thực hóa chuyển đổi xanh. Từ đó, đặt ra không ít thách thức cho đội ngũ trí thức và lực lượng lao động trong lĩnh vực kinh tế xanh, nhất là về kỹ năng số, tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng

với các mô hình, phương thức sản xuất mới.

3. Giải pháp về tiếp tục phát huy vai trò của trí thức khoa học - công nghệ trong thúc đẩy chuyển đổi xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

3.1. Về tuyên truyền, ban hành cơ chế, chính sách

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đội ngũ trí thức, các tầng lớp nhân dân về nội dung, mục đích, ý nghĩa của kế hoạch hành động về chuyển đổi xanh của tỉnh gắn với phát động mạnh mẽ các phong trào thi đua về chuyển đổi xanh; kịp thời biểu dương, khen thưởng, tôn vinh “Mô hình kinh tế xanh”, “Cộng đồng xanh”, “Công dân dân xanh” tiêu biểu của tỉnh trên các lĩnh vực;

Tích cực hưởng ứng và tuyên truyền, phổ biến trong đội ngũ trí thức về lộ trình chuyển đổi năng lượng xanh theo Quyết định số 876/QĐ-TTg phê của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải nhằm phát triển giao thông vận tải xanh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng khí nhà kính về “0” vào năm 2050 mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết tại Hội nghị lần thứ 26 Các bên tham gia Công ước

khung của Liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu (COP26).

Nâng cao nhận thức cho trí thức trong các doanh nghiệp nhằm chủ động xây dựng kế hoạch chuyển đổi xanh để hướng tới sử dụng các công nghệ ít phát thải các-bon cũng như sử dụng nguồn năng lượng tái tạo thay thế cho nguồn năng lượng truyền thống như than, dầu, khí. Đối với doanh nghiệp còn sử dụng nguồn năng lượng hóa thạch, phải có kế hoạch đổi mới công nghệ, chuyển sang đầu tư công nghệ sử dụng than sạch. Doanh nghiệp cần áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn, tổ chức kiểm toán năng lượng; triển khai chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, nhất là ưu tiên đầu tư, sử dụng các nguồn năng lượng sạch như: Điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối (biogas)... Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần áp dụng hoặc liên kết triển khai các mô hình kinh tế tuần hoàn, giải quyết tốt phụ, phế phẩm của quá trình sản xuất nhằm tạo ra giá trị gia tăng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Thúc đẩy “chuyển đổi kép” trên cơ sở phối, kết hợp giữa chuyển đổi xanh và chuyển đổi số, tạo động lực cho sự phát triển bền vững thông qua việc ứng dụng công nghệ số (AI, IoT, Big Data) để

tối ưu hóa việc khai thác, sử dụng tài nguyên; đồng thời, thúc đẩy các hoạt động kinh tế xanh như giảm phát thải và sử dụng năng lượng tái tạo với sự phối hợp, tham gia tích cực của đội ngũ trí thức, cán bộ, công chức và cộng đồng doanh nghiệp.

Đề xuất Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ triển khai một số mô hình thí điểm về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, mô hình sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu. Sau đó, xét chọn một số mô hình điển hình, kiểu mẫu để phổ biến, nhân rộng.

Ban hành cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ trí thức có trình độ cao, chuyên sâu thuộc các chuyên ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững... đóng góp tài năng, trí tuệ vào việc triển khai các chương trình, kế hoạch chuyển đổi xanh của tỉnh.

3.2. Tạo điều kiện, giao nhiệm vụ cho trí thức

Cụ thể hóa Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị thông qua giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đội ngũ trí thức triển khai các nhiệm vụ khoa

học - công nghệ liên quan đến công tác triển khai các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất giảm phát thải; khuyến khích, hỗ trợ tài chính cho các dự án khởi nghiệp của trí thức trẻ gắn với phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường.

Tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ tham gia tư vấn, phản biện các chương trình, kế hoạch, quy hoạch trọng điểm của tỉnh gắn với việc triển khai các mục tiêu về chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho trí thức ngành nông nghiệp và môi trường nghiên cứu, đề xuất và phối hợp triển khai các quy trình sản xuất theo hướng an toàn, hạn chế sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc thú y, thuốc tăng trưởng trong trồng trọt và chăn nuôi; xây dựng thí điểm và nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, hoàn toàn sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu có nguồn gốc hữu cơ, sinh học; tích cực phối hợp triển khai Đề án “Phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp”. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận

thức cho người dân về tự phân loại rác tại nguồn gắn với tái sử dụng, tái chế những phụ, phế phẩm dễ phân hủy làm phân bón hữu cơ; khuyến khích người dân sử dụng bao bì tự phân hủy hoặc khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ xử lý rác thải khó phân hủy (chai nhựa, túi nylon hộp nhựa...).

Trí thức ngành công thương phối hợp với trí thức trong các doanh nghiệp tích cực triển khai thực hiện các biện pháp kiểm soát phát thải khí nhà kính; quan tâm triển khai các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững trong công nghiệp, thương mại gắn với mục tiêu giảm mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu của các ngành sản xuất như dệt may, thép, nhựa, hóa chất, giấy... nâng tỷ lệ các siêu thị, trung tâm thương mại phân phối, sử dụng sản phẩm, bao bì thân thiện môi trường thay thế dần cho sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần, khó phân hủy. Bên cạnh đó, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, thương mại điện tử dựa trên nền tảng trí tuệ nhân tạo nhằm góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

3.3. Tăng cường hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực dưới dạng tín dụng xanh để triển khai chương trình, kế hoạch chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh của tỉnh; nghiên cứu, đầu tư nguồn lực, đề ra lộ trình tham gia thị trường các-bon, góp phần cùng với Chính phủ thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải, đóng góp vào mục tiêu bảo vệ môi trường trước tác động của biến đổi khí hậu.

3.4. Giáo dục, đào tạo nhân lực xanh

Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi xanh, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn như công nghệ năng lượng tái tạo, quản lý chất thải, hay logistics xanh, tiêu dùng xanh... theo hướng chuyên sâu, chú trọng về kỹ năng thực hành. Kết hợp lồng ghép nội dung chuyên đề xanh vào các ngành học truyền thống nhằm giúp cho lao động khi ra trường đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động trong các lĩnh vực xanh.

Quan tâm giáo dục cho thế hệ trẻ kiến thức, kỹ năng về thực hành lối sống xanh

cho giới trẻ ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường thông qua các hoạt động trải nghiệm xanh, lồng ghép vào các chương trình giáo dục địa phương, giúp hình thành ở các em thế giới quan, nhân sinh quan về thực hành lối sống xanh, góp phần xây dựng một tương lai bền vững cho các thế hệ mai sau.

4. Kết luận

Với sự quyết tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng sức, đồng lòng của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, việc phát huy tiềm năng, vai trò của đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ thông qua việc ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp, với lộ trình, giải pháp khả thi, quá trình chuyển đổi xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp nhất định sẽ gặt hái thành công, góp phần xây dựng tỉnh Đồng Tháp trở thành tỉnh có công nghiệp phát triển nhanh, tiên phong trong xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh và phấn đấu thuộc nhóm địa phương phát triển hàng đầu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long vào năm 2030./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, ngày ban hành 01/10/2021. Trích từ: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=204226>;
- [2] Trương Thị Quỳnh Vân, *Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, thực trạng và giải pháp*, <https://vioit.org.vn/chien-luoc-chinh-sach/phat-trien-kinh-te-xanh-o-viet-nam--thuc-trang-va-giai-phap-5941.4050.html>, truy cập ngày 25/9/2025;
- [3] Nguyễn Thanh Bình (2023), *Khung pháp lý và tiềm năng ứng dụng kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Tài liệu hội thảo “Thực trạng và giải pháp thúc đẩy kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh Bến Tre”, tr.182-190;
- [4] Bộ Công Thương Việt Nam, *Đồng Tháp thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững*, <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/dong-thap-thuc-day-tang-truong-xanh-va-phat-trien-ben-vung.html>, truy cập ngày 26/9/2025;
- [5] V.K.K - Mỹ Tho, *Nhà máy ‘biến’ rác thải sinh hoạt thành phân bón, xăng dầu*, <https://lthegioi.vn/nha-may-bien-rac-thai-sinh-hoat-thanh-phan-bon-xang-dau-219498.html>, truy cập ngày 27/9/2025;
- [6] Tỉnh ủy Đồng Tháp, *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*;
- [7] TH, *Đồng Tháp đưa nhiều đề tài công nghệ sinh học vào nông nghiệp*, <https://daibieunhandan.vn/dong-thap-dua-nhieu-de-tai-cong-nghe-sinh-hoc-vao-nong-nghiep>, truy cập ngày 26/9/2025;
- [8] Đặng Tuyết, *Tiến sĩ mê nghiên cứu côn trùng, chỉ bà con làm nông nghiệp xanh*, <https://tuoitre.vn/nu-tien-si-me-nghien-cuu-con-trung-chi-ba-con-lam-nong-nghiep-xanh-20240407095155757.htm>, truy cập ngày 27/9/2025;
- [9] Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tiền Giang, *Báo cáo tổng kết Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Tiền Giang lần thứ XVI, năm 2022-2023*;

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TẠI TỈNH AN GIANG HIỆN NAY

✦ ĐỖ NGỌC QUI*

Tóm tắt: Những người uy tín trong cộng đồng người dân tộc thiểu số là những tấm gương tiêu biểu, đi đầu trong các phong trào thi đua yêu nước, nhất là trong các chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, công tác bảo tồn văn hóa truyền thống của các dân tộc, là những hạt nhân đoàn kết, tham gia thực hiện tốt Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch. Đặc biệt trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, những người có uy tín trong cộng đồng là “lực lượng quần chúng đặc biệt”, truyền cảm hứng, làm sâu sắc thêm niềm tin yêu của Nhân dân dành cho Đảng.

Từ khóa: Người có uy tín; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử dân tộc, những người có uy tín trong cộng đồng phát huy vai trò to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Họ chính là “lực lượng quần chúng đặc biệt”, là cầu nối ý Đảng - lòng dân, “là điểm tựa cho mọi điểm tựa khác” như lời Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng

khẳng định. Những năm qua, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm, coi trọng lực lượng quần chúng đặc biệt này. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số”¹. Hiện nay, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số có nhiều kênh thông tin, như truyền thông qua hệ thống

thông tin đại chúng: sách, báo, đài, ti-vi; truyền thông trực tiếp qua kênh của già làng, trưởng bản,... Tuy nhiên, chất lượng và trình độ nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế. Do đó, ở những nơi này việc tuyên truyền, vận động của các già làng, trưởng bản, người có uy tín và trưởng các ban, ngành đoàn thể ở cơ sở đóng vai trò quan trọng. Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số thì: “Tai

* Thạc sĩ, giảng viên Phòng TC, HC, TTTL Trường Chính trị Tôn Đức Thắng tỉnh An Giang.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, “Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII”, Tập 1, trang 170, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội 2021.

nghe không bằng mắt thấy, miệng nói không bằng tay làm”. Người có uy tín, trước hết bằng uy tín và am hiểu thực tiễn địa phương, gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thông qua nhiều cách tuyên truyền chính sách dân tộc thiết thực, cụ thể như tuyên truyền trực tiếp đến từng hộ gia đình trong thôn bản, tuyên truyền bằng việc làm cụ thể, tiên phong hướng dẫn các gia đình thực hiện phương thức làm giàu trên mảnh đất quê hương; tích cực, gương mẫu để gia đình, dòng họ, thôn bản, cộng đồng noi gương và làm theo nên việc tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thiểu số chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương đã đem lại hiệu quả rất thiết thực. Thực tế cho thấy, trong nhiều năm qua, các thế lực thù địch không ngừng tìm mọi thủ đoạn nhằm thực hiện âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phá vỡ sự ổn định chính trị - xã hội, tiến tới xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đặc biệt, Người có uy tín trong vùng

đồng bào dân tộc thiểu số là đối tượng quan trọng mà các thế lực thù địch sẽ tập trung tác động, tìm cách móc nối, lôi kéo nhằm dễ dàng thay đổi nhận thức trong cộng đồng vùng dân tộc thiểu số.

2. Nội dung

An Giang là tỉnh biên giới Tây Nam Tổ quốc; có địa chính trị, địa kinh tế và quốc phòng - an ninh quan trọng, Sau khi hợp nhất dân số An Giang khoảng hơn 4.9 triệu người². Toàn tỉnh hiện có 29 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc thiểu số chiếm gần 10%, với các cộng đồng nổi bật như Kinh, Khmer, Chăm, Hoa... Mỗi dân tộc mang một bản sắc văn hóa, phong tục, tín ngưỡng riêng biệt, tạo nên sự đa dạng, phong phú trong bức tranh cộng đồng cùng sinh sống ổn định lâu đời; là tỉnh đa tôn giáo (có 14 tôn giáo đang hoạt động hợp pháp, với trên 2,16 triệu tín đồ (chiếm gần 44%) dân số. Hệ thống tôn giáo gồm Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hòa Hảo, Cao Đài, Hồi giáo... hoạt động với tinh thần hướng thiện, luôn đồng hành cùng chính quyền trong các hoạt động xã hội và chăm lo cho cuộc sống người có đạo ngày một tốt hơn)³. Sau hợp nhất, người có

uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số ở An Giang thường là già làng, trưởng thôn, trưởng dòng họ hoặc những người được đồng bào mời thực hiện các nghi lễ. Ngoài ra, còn bao gồm các cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu có nhiều cống hiến, chức sắc, chức việc tôn giáo, hay nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, nhà giáo, người hành nghề y giỏi và những người có kinh tế, thường xuyên giúp đỡ người khác... Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được xem như cầu nối của các cấp chính quyền trong việc vận động bà con chấp hành các đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, các quy định của địa phương, góp phần xây dựng và giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thời gian qua, An Giang đã tập trung thực hiện tốt công tác tuyên truyền; chú trọng phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc, tôn giáo với nhiều cách làm mang lại hiệu quả thiết thực như sau:

Về thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín: Hằng năm, người có uy tín được cung cấp thông tin, cấp báo chí (báo giấy):

² Nghị quyết 1654/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025.

³ Cổng thông tin điện tử An Giang.

báo Dân tộc và Phát triển của Ủy ban Dân, Báo An Giang; hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần dịp lễ Tết; được thăm hỏi, hỗ trợ vật chất khi người có uy tín ốm đau, qua đời; thăm hỏi hộ gia đình người có uy tín gặp khó khăn do hậu quả thiên tai; thăm viếng (cha, mẹ đẻ, cha, mẹ chồng hoặc cha, mẹ vợ hoặc cha, mẹ nuôi hợp pháp theo quy định của pháp luật), vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi hợp pháp theo quy định của pháp luật), bản thân người có uy tín qua đời; được tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh;

Về vai trò và những đóng góp của người có uy tín trên các lĩnh vực của đời sống xã hội:

(1) Trong tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước: Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh luôn phát huy vai trò gương mẫu đi đầu trong thực hiện và tuyên truyền, vận động dòng họ, người dân trong xóm ấp ổn định cuộc sống, không di cư tự do, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, tham gia hòa giải, giải quyết các mâu thuẫn xảy ra trong vùng dân tộc, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật vào vùng dân tộc thiểu số và có ý thức giáo dục gia đình, dòng họ giữ gìn phong

tục tập quán, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc, thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

(2) Trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới: Người có uy tín luôn vận động đồng bào tích cực lao động sản xuất, thực hiện và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các kiến thức khoa học công nghệ mới vào sản xuất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, ổn định đời sống. Tham gia giám sát thực hiện các dự án, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu giảm nghèo và các chính sách khác tại địa phương; tích cực tham gia và đi đầu trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp ngày công lao động, hiến đất làm đường giao thông, tham gia xóa nhà tạm, vệ sinh môi trường... giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo; bài trừ hủ tục; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp; hòa giải, giải quyết tốt mọi vướng mắc, phát sinh trong cộng đồng; tạo sự đồng thuận, xây dựng khóm, ấp đoàn kết, bình yên, phát triển.

(3) Trong xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và khối đại đoàn kết dân tộc: Người có uy tín là “cánh tay nối dài”

giúp mặt trận trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua vùng đồng bào dân tộc; giữ gìn an ninh trật tự, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc; phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và khối đại đoàn kết toàn dân tộc...

(4) Trong giữ gìn an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội: Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quốc phòng, an ninh, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, người có uy tín luôn tuyên truyền vận động nhân dân, các dân tộc nâng cao tinh thần cảnh giác, phòng, chống mọi âm mưu gây mất đoàn kết và chia rẽ dân tộc, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tích cực hưởng ứng và thực hiện phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng quốc phòng toàn dân, vận động đồng bào các dân tộc ngăn chặn và chống lại các luận điệu phao tin, đồn nhảm, mê tín dị đoan, sinh hoạt tín ngưỡng trái quy định,... góp phần làm ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, khu dân cư.

(5) Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc: Việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc thiểu số luôn được sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước và các cấp, ngành chính quyền địa phương, bên cạnh sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ của nhà nước, đội ngũ người có uy tín đã phát huy hết vai trò của mình nhằm góp phần trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc, luôn cố gắng phát huy tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia cùng với các ban ngành đoàn thể trong ấp, phối hợp các cấp, ngành liên quan tuyên truyền, vận động bà con gìn giữ những bản sắc văn hoá truyền thống của cha ông, thay đổi và tiến đến từ bỏ các hủ tục, thói quen lạc hậu gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, nòi giống như tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống,...; phối hợp các cơ quan có thẩm quyền tiến hành sưu tầm, phục dựng, lưu giữ những lễ hội, thiết chế văn hoá truyền thống; xây dựng hương ước, quy ước khóm, ấp theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Có thể khẳng định, lời nói và việc làm của người có uy tín có tác động tích cực trong cộng đồng người dân tộc thiểu số, trở thành chỗ dựa tin cậy của cấp ủy, chính quyền địa phương. Trong thời gian qua

đã nổi lên những tấm gương tiêu biểu trong đồng bào dân tộc, góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương mình, điển hình như: Trong đồng bào Khmer có Hòa thượng Chau Cắt (phường Chi Lăng), vận động nhân dân xây dựng đường giao thông và kênh Mỹ Á; Thượng tọa Chau Sóc Khên (phường Tịnh Biên) vận động nhân dân xây dựng đường giao thông từ Tỉnh lộ 948 vào phum Sà Rát v.v... Ông Chau Sung, ông Chau KôK người có uy tín (xã Tri Tôn) vận động bà con hiến đất mở rộng đường giao thông nông thôn nối từ ấp Tô Thuận đến khu vực Hồ Soài Chék tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nông dân ra đồng và chuyên chở nông sản; ông Danh Liễu (xã Gò Quao) sau khi nghỉ hưu năm 2010 đã thành lập hợp tác xã nông nghiệp. Ngoài việc tập hợp nông dân canh tác theo hướng đồng loạt gieo sạ, bón phân, bơm tát, thu hoạch... cho năng suất cao, ông còn tìm đầu ra sau khi thu hoạch lúa để nông dân yên tâm sản xuất. Ông Danh Út (xã U Minh Thượng) luôn sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất; đồng thời tạo việc làm hỗ trợ người dân từng bước vươn lên thoát nghèo; tại địa bàn đồng bào Chăm có ông AlyDal (xã An Phú) vận động đồng bào Chăm khôi phục nghề dệt vải truyền thống, phát huy bản

sắc dân tộc, phục vụ du khách tham quan làng Chăm; ông Mách Sa Lês người có uy tín xã Nhơn Hội, vận động xây nhà tình thương cho đồng bào Chăm; Các vị giáo cả tổ chức dạy chữ Chăm, xướng kinh Qur'an cho con em đồng bào Chăm tại các Thánh đường; Trong đồng bào người Hoa có ông Lư Hỷ, La Việt, Lôi Cẩm Chương, Lý Quốc Thuận, Đàm Mạnh Tài (Phường Châu Đốc) là thành viên Hội tương tế người Hoa có nhiều đóng góp to lớn trong việc xây dựng trường học, làm cầu, đường ở địa phương, hỗ trợ tương tế trong đồng bào Hoa giúp nhau cùng phát triển.

Tuy nhiên, thời gian qua hoạt động của đội ngũ những người có uy tín ở địa phương An Giang trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đã và đang đối mặt với một số khó khăn, trở ngại, tập trung ở một số điểm đáng chú ý:

Thứ nhất, người có uy tín thường được bầu từ những người cao tuổi. Trong khi các thế lực thù địch tận dụng sự phát triển như vũ bão của nền tảng công nghệ thông tin để lan truyền các thông tin xấu độc, người có uy tín cao tuổi khó nhanh nhạy bằng người trẻ tuổi trong khả năng tiếp cận. Từ đó, khả năng tuyên truyền, vận động, thuyết phục của

người cao tuổi so với người trẻ tuổi sẽ có phần hạn chế, nhất là với những chủ đề tuyên truyền liên quan đến giới trẻ.

Thứ hai, điều kiện chăm lo, đổi mới công tác bồi dưỡng, tập huấn đối với người có uy tín còn hạn chế. Trong đó, kỹ năng đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch cho người có uy tín chưa thực sự được quan tâm tập huấn. Thực tế hiện nay, các thế lực thù địch sử dụng nhiều chiêu bài để chống phá Đảng, Nhà nước ta như phủ nhận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lợi dụng các vấn đề xã hội, đặc biệt lôi kéo, chi phối, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số, tiến hành các hoạt động chống phá, kích động quần chúng gây mất ổn định chính trị - xã hội. Với những chiêu bài tinh vi ấy, nếu người có uy tín không được trang bị kỹ lưỡng về kỹ năng đấu tranh, phản bác sẽ khó lòng bẻ gãy các luận điệu sai trái của thế lực thù địch.

Thứ ba, người có uy tín ở địa phương là người đảm nhận khá nhiều công việc khác nhau ở cơ sở. Để làm tốt công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, đòi hỏi người có uy tín cần bỏ ra rất nhiều công sức, thời gian để nghiên cứu, tiếp cận, tuyên truyền. Trong khi đó, những chế độ

chính sách đãi ngộ đối với họ tuy đã được quan tâm nhưng chưa thực sự thỏa đáng để đáp ứng yêu cầu thực tế.

Thứ tư, các thế lực thù địch luôn tăng cường hoạt động chống phá; lợi dụng những khó khăn trong đời sống; những thiếu sót trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước để xuyên tạc, lôi kéo, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, làm suy giảm lòng tin của đồng bào các dân tộc, tôn giáo với Đảng, Nhà nước.

Để tiếp tục củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, Ban Chỉ đạo 35 các cấp về vị trí, vai trò của người có uy tín. Việc xây dựng, tổ chức hoạt động của đội ngũ này phải được coi là “nhiệm vụ đặc biệt”, người có uy tín phải được coi là “cộng tác viên đặc biệt” của Ban Chỉ đạo 35. Trong đó, cần quan tâm “trẻ hóa” lực lượng này, phát hiện những nhân tố trẻ, nhiệt huyết, có nhiều đổi mới, sáng tạo, có khả năng quy tụ, dẫn dắt cộng đồng...

Hai là, cần đổi mới trong công tác tập huấn, bồi dưỡng người có uy tín; thực hiện đồng bộ, thống nhất trên toàn quốc nội dung bồi dưỡng cho người có uy tín một số kỹ năng chủ yếu, trong đó cập nhật kiến thức, tăng cường kỹ năng phối hợp, sử dụng công nghệ thông tin trong đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch. Cùng với đó, tăng cường gặp gỡ, trao đổi, đối thoại để giải đáp các vấn đề phát sinh.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín. Xem xét quy định mức phụ cấp trách nhiệm cố định thống nhất trong toàn quốc và khuyến khích các địa phương quy định mức cao hơn Trung ương từ nguồn ngân sách địa phương, tạo điều kiện cho người có uy tín trong quá trình hoạt động.

Bốn là, tuyên truyền, giáo dục nâng cao giác ngộ chính trị, tinh thần cảnh giác cách mạng cho người có uy tín, già làng, trưởng bản. Giúp cho họ thấy được âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, phản động đã và đang lợi dụng vào vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại cách mạng Việt Nam. Nhất là trong giai đoạn hiện nay các thế lực thù địch tập trung tuyên truyền, phá hoại phong tục, tập quán của các dân tộc, gây mâu thuẫn giữa các gia đình, dòng

họ, làng, bản làm mất an ninh trật tự ở khu vực biên giới, nhằm phá hoại sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước tiến tới đời xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Năm là, bồi dưỡng cho người có uy tín nội dung, phương pháp củng cố, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, tổ chức chính trị - xã hội tại cơ sở vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của quần chúng nhân dân trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Nâng cao chất lượng hoạt động của cấp ủy, chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội đủ khả năng lãnh đạo, tổ chức quần chúng. Các tổ chức chính trị - xã hội phải không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động để có đủ khả năng tập hợp và duy trì quần chúng nhân dân tham gia vào các hoạt động của mình, không để kẻ địch dụ dỗ lôi kéo vào các tổ chức phản động.

Sáu là, vận động nhân dân giữ vững, phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Mỗi dân tộc đều có một bản sắc văn hóa riêng tạo nên một nền văn hóa đa dạng phong phú của đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Kiên quyết đấu tranh loại bỏ tín ngưỡng, tôn giáo trái với thuần phong, mỹ tục; bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục lạc hậu trong đời sống văn hoá của đồng bào các dân tộc.

3. Kết luận

Chính sự quan tâm đúng mức của các cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh, người có uy tín trong đồng bào dân tộc đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của mình, thật sự là “*cánh tay*” nối dài của Đảng, Nhà nước trong công tác vận động quần chúng, đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào dân tộc, tôn

giáo và giúp đồng bào ổn định đời sống, phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững và đóng góp xây dựng An Giang - quê hương Chủ tịch Tôn Đức Thắng ngày càng văn minh, giàu đẹp. Thời gian tới, tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào dân tộc, tôn giáo, đặc biệt là chính sách phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc, tôn giáo trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Thường xuyên quan tâm chăm lo đến lợi ích vật chất, tinh thần đối với người có uy tín và gia đình họ nhằm góp phần động viên, khuyến khích những người có uy tín, nhất là lực lượng cốt cán người dân tộc, tôn giáo phấn khởi, tin tưởng, tích cực tham gia và hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, “Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII”, Tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.
2. Phương Liên, Trần Quỳnh, “Cần phát huy vai trò của lực lượng quần chúng đặc biệt”, báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
3. An Khánh, “Quan tâm những người có uy tín trong cộng đồng”, báo Nhân dân.
4. UBND tỉnh An Giang, Báo cáo số 07/BC-BDT của Ba Dân tộc về tình hình thực hiện công tác dân tộc năm 2022 và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.
5. Nghị quyết 1654/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025.
6. UBND tỉnh An Giang, Báo cáo về việc sơ kết tình hình triển khai chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh An Giang.

SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH HIỆN THỰC HOÁ MỤC TIÊU “ĐỘC LẬP, PHỒN VINH, HẠNH PHÚC” Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - **NHÌN TỪ 40 NĂM ĐỔI MỚI**

Mở đầu

Đại đoàn kết toàn dân tộc là tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam và là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta trong mọi giai đoạn lịch sử. Bước vào thời kỳ đổi mới, trong bối cảnh đất nước đối diện nhiều khó khăn, thách thức, sức mạnh đại đoàn kết tiếp tục được khẳng định là động lực nội sinh quan trọng, tạo nên thế và lực mới cho sự nghiệp phát triển và hội nhập quốc tế.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) - vùng đất rộng lớn, trù phú, giàu tài nguyên và văn hóa, là một trong những vùng chiến lược đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh lương thực của cả nước - đã trải qua hành trình đổi mới đầy dấu ấn trong suốt 40 năm qua. Tuy nhiên, cùng với tiềm năng, khu vực này cũng đối

✪ TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG*

✪ NGUYỄN THỊ KIM HUỆ*

Tóm tắt: Qua 40 năm đổi mới, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc đã trở thành nhân tố quyết định trong quá trình hiện thực hóa mục tiêu “độc lập, phồn vinh, hạnh phúc” ở Đồng bằng sông Cửu Long. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đồng thuận chính trị - xã hội, tinh thần tương trợ cộng đồng và sự tham gia chủ động của nhân dân đã tạo nên nguồn lực tổng hợp giúp vùng vượt qua nhiều thách thức về kinh tế, xã hội và môi trường. Đại đoàn kết không chỉ củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước mà còn khơi dậy tiềm năng phát triển đặc thù của vùng, thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhìn lại chặng đường đổi mới, có thể khẳng định rằng tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là điều kiện tiên quyết để Đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh và bền vững, góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước “độc lập, phồn vinh, hạnh phúc” trong giai đoạn mới.

Từ khoá: Đại đoàn kết, đổi mới, Đồng bằng sông Cửu Long.

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

mặt nhiều thách thức gay gắt: biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; xâm nhập mặn, sụt lún, thiếu nước ngọt; hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ; nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế; quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tiến triển chậm; áp lực di dân gia tăng...

Trong bối cảnh đó, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc đã chứng tỏ vai trò đặc biệt quan trọng, tạo nền tảng để nhân dân ĐBSCL vượt qua khó khăn, phát huy nội lực, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhìn từ chặng đường bốn thập niên đổi mới, có thể thấy rằng những thành tựu đạt được của ĐBSCL đều gắn liền với quá trình huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và phát huy sức dân.

Do đó, việc phân tích sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong chặng đường 40 năm đổi mới của ĐBSCL không chỉ giúp nhận diện những giá trị bền vững của đường lối đại đoàn kết, mà còn góp phần làm sáng tỏ những yêu cầu đặt ra trong giai đoạn phát triển mới, hướng tới khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết toàn dân tộc giữ vị trí trung tâm, xuyên suốt và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đây không chỉ là quan điểm chính trị nhất quán, mà còn là kết quả của sự kế thừa truyền thống đoàn kết dân tộc, đồng thời là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Thứ nhất, Hồ Chí Minh xác định đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề sống còn của cách mạng. Người luôn nhấn mạnh rằng sức mạnh của cách mạng bắt nguồn từ sự đoàn kết của toàn dân, coi đoàn kết là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Hồ Chí Minh khẳng định: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*”¹. Theo Người, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, nếu không có đoàn kết thì cách mạng không thể tồn tại và phát triển; ngược lại, khi đoàn kết được phát huy thì dù khó khăn đến đâu cũng có thể vượt qua. Quan điểm này thể hiện tầm nhìn chiến

lược sâu sắc khi Người coi đại đoàn kết không chỉ là phương thức hành động mà còn là điều kiện tiên quyết bảo đảm sự sống còn và phát triển của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là toàn thể nhân dân Việt Nam, lấy liên minh công nhân - nông dân - trí thức làm nền tảng. Hồ Chí Minh quan niệm “dân” là tất cả những ai có lòng yêu nước, sẵn sàng góp sức cho sự nghiệp chung của dân tộc, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo hay quá khứ xã hội. Người chỉ rõ: “*Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ*”². Đồng thời, Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò nền tảng của liên minh công - nông - trí thức, coi đây là lực lượng nòng cốt của cách mạng, nhưng không tuyệt đối hóa hay khép kín phạm vi đoàn kết. Theo Người, “*Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông*”. Tư tưởng này thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa tính giai cấp và tính dân tộc,

¹ Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.628.

² Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.244.

giữa nguyên tắc và linh hoạt, nhằm xây dựng khối đoàn kết rộng rãi, bền vững.

Thứ ba, Hồ Chí Minh khẳng định Mặt trận dân tộc thống nhất là hình thức tổ chức cơ bản của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Theo Người, đoàn kết chỉ thực sự trở thành sức mạnh khi được tổ chức thành lực lượng chính trị - xã hội thống nhất, có mục tiêu và cương lĩnh chung. Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo; đồng thời là cầu nối giữa Đảng với nhân dân. Người chỉ rõ: *“Mặt trận bao gồm tất cả những người yêu nước, không phân biệt khuynh hướng chính trị, tín ngưỡng, tôn giáo, giai cấp xã hội, nam nữ và tuổi tác”*³. Chính vì phạm vi tập hợp rộng rãi đó, Mặt trận không chỉ quy tụ các tầng lớp lao động bị áp bức, mà còn có khả năng thu hút cả những tầng lớp trên không thuộc nhân dân lao động và một bộ phận phân hóa trong hàng ngũ đối phương. Tuy nhiên, trong khối đoàn kết ấy, Hồ Chí Minh khẳng định lực lượng nòng cốt, xương sống của Mặt trận là liên minh công - nông. Người nhấn mạnh:

*“Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất”*⁴. Trên cơ sở đó, Người yêu cầu Mặt trận phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, lấy lợi ích chung của dân tộc làm nền tảng, nhằm bảo đảm sự đoàn kết lâu dài, chân thành và thực chất.

Thứ tư, đại đoàn kết toàn dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh gắn chặt với quyền làm chủ, lợi ích và hạnh phúc của nhân dân. Người khẳng định: *“Nước lấy dân làm gốc”*⁵, đồng thời nhấn mạnh: *“Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”*⁶. Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết chỉ bền vững khi nhân dân thực sự được tôn trọng, được làm chủ và được hưởng thành quả của cách mạng. Mọi đường lối, chính sách đều phải xuất phát từ lợi ích chính đáng của nhân dân và vì hạnh phúc của nhân dân; mọi biểu hiện quan liêu, xa dân, chia rẽ nội bộ đều làm suy yếu khối đại đoàn kết. Mục tiêu cao nhất của đại đoàn kết, theo Hồ Chí Minh, không chỉ là giành độc lập

dân tộc mà còn là xây dựng một xã hội công bằng, nơi nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc.

Có thể khẳng định rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc được cấu thành bởi bốn luận điểm cốt lõi, có quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành nền tảng tư tưởng vững chắc cho đường lối đại đoàn kết của Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc vận dụng sáng tạo tư tưởng này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc huy động sức mạnh toàn dân, củng cố đồng thuận xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững đất nước trong giai đoạn mới.

2. Những vấn đề đặt ra trong phát huy sức mạnh đại đoàn kết ở ĐBSCL

ĐBSCL là vùng đất có truyền thống đoàn kết, gắn bó cộng đồng bền chặt, được hình thành trong quá trình khai phá, thích ứng với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và đa dạng về thành phần dân cư. Tuy nhiên, nhìn từ thực tiễn 40 năm đổi mới, việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ở ĐBSCL đang đứng trước nhiều vấn đề mới, vừa

³ Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.331.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.417.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.501.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.280.

mang tính đặc thù vùng, vừa phản ánh những thách thức chung của quá trình phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh hội nhập và biến đổi khí hậu. Có thể khái quát một số vấn đề chủ yếu sau:

Một là, nhận thức và mức độ tham gia của các chủ thể trong khối đại đoàn kết chưa thật sự đồng đều.

Mặc dù chủ trương, đường lối của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc đã được quán triệt rộng rãi, song trong thực tiễn ở ĐBSCL, ở một số nơi, nhận thức về vai trò chủ thể của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội còn chưa đầy đủ. Việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong một số chương trình, dự án chưa thật sự sâu rộng; cơ chế để người dân tham gia góp ý, giám sát, phản biện còn hình thức. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ đồng thuận xã hội, làm cho sức mạnh đại đoàn kết chưa được phát huy đầy đủ, nhất là ở cơ sở - nơi trực tiếp triển khai các chủ trương phát triển.

Hai là, sự đa dạng về dân tộc, tôn giáo và điều kiện sống đặt ra yêu cầu cao về hài hòa lợi ích và công bằng xã hội.

ĐBSCL là nơi sinh sống đan xen của nhiều dân tộc như Kinh, Khmer, Hoa và các

cộng đồng tôn giáo đa dạng. Đây là nguồn lực văn hóa - xã hội quan trọng cho đoàn kết, nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức trong việc bảo đảm bình đẳng, công bằng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội, giáo dục, y tế và cơ hội phát triển. Thực tế cho thấy, ở một số địa bàn, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng ven biển còn nhiều khó khăn; khoảng cách phát triển giữa các nhóm dân cư vẫn tồn tại. Nếu không được giải quyết thỏa đáng, những chênh lệch này có thể ảnh hưởng đến sự đồng thuận xã hội và làm suy giảm nền tảng của khối đại đoàn kết.

Ba là, tác động ngày càng gay gắt của biến đổi khí hậu làm phát sinh những vấn đề xã hội mới liên quan trực tiếp đến đoàn kết cộng đồng.

ĐBSCL là một trong những vùng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu với các hiện tượng xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở bờ sông, bờ biển và suy giảm nguồn nước ngọt. Những tác động này không chỉ gây thiệt hại về kinh tế mà còn làm thay đổi sinh kế, gia tăng di cư, tạo áp lực lên an sinh xã hội và quan hệ cộng đồng. Trong bối cảnh đó, nếu thiếu sự đồng thuận, chia sẻ và phối hợp giữa các địa

phương, các nhóm dân cư và các chủ thể kinh tế, nguy cơ phát sinh mâu thuẫn lợi ích, cạnh tranh nguồn lực và suy giảm niềm tin xã hội sẽ gia tăng, đặt ra thách thức lớn đối với việc củng cố khối đại đoàn kết.

Bốn là, phát triển kinh tế chưa đồng đều và mô hình tăng trưởng chậm đổi mới ảnh hưởng đến nền tảng vật chất của đại đoàn kết.

Mặc dù giữ vai trò vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của cả nước, song nền kinh tế ĐBSCL vẫn chủ yếu dựa vào nông nghiệp truyền thống, giá trị gia tăng thấp, liên kết sản xuất - tiêu thụ còn hạn chế. Sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các địa phương trong vùng, giữa khu vực đô thị và nông thôn, giữa các nhóm dân cư có xu hướng gia tăng. Khi lợi ích kinh tế không được phân bổ hài hòa, khoảng cách giàu - nghèo mở rộng, sức mạnh đại đoàn kết sẽ bị tác động tiêu cực. Điều này cho thấy yêu cầu cấp thiết phải gắn phát huy đại đoàn kết với đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao đời sống nhân dân.

Năm là, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu mới.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò nòng cốt trong tập hợp, vận động và phát huy sức mạnh đại đoàn kết. Tuy nhiên, trong thực tiễn ở ĐBSCL, một số nơi hoạt động còn nặng về hình thức, chưa thật sự hướng mạnh về cơ sở; việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và phản ánh kịp thời lên cấp có thẩm quyền còn hạn chế. Công tác giám sát, phản biện xã hội có nơi chưa được phát huy đầy đủ, làm giảm hiệu quả điều hòa lợi ích và củng cố đồng thuận xã hội - yếu tố cốt lõi của đại đoàn kết.

Như vậy, những vấn đề đặt ra trong phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ở ĐBSCL hiện nay xuất phát từ cả yếu tố chủ quan và khách quan, từ nhận thức, cơ chế thực hiện đến tác động của biến đổi khí hậu và yêu cầu phát triển bền vững. Việc nhận diện đầy đủ, đúng mức các vấn đề này là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp phù hợp, khả thi nhằm tiếp tục củng cố, phát huy sức mạnh đại đoàn kết, tạo động lực cho ĐBSCL phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

3. Giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ở ĐBSCL trong giai đoạn mới

Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu tăng trưởng

nhANH và bền vững, ĐBSCL vừa đứng trước những thời cơ quan trọng, vừa đối mặt với nhiều thách thức gay gắt, đặc biệt là tác động của biến đổi khí hậu, yêu cầu chuyển đổi mô hình phát triển và áp lực hội nhập ngày càng sâu rộng. Trong điều kiện đó, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là yêu cầu mang tính nguyên tắc, mà còn là giải pháp có ý nghĩa quyết định nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, tạo sự đồng thuận, thống nhất ý chí và hành động trong toàn vùng. Trên cơ sở nhận diện những vấn đề đặt ra, có thể đề xuất một số nhóm giải pháp chủ yếu sau:

Một là, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của nhân dân, gắn đại đoàn kết với thực hành dân chủ và bảo đảm an sinh xã hội.

Nhân dân là chủ thể trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; vì vậy, mọi chủ trương, chính sách phát triển ở ĐBSCL phải thực sự lấy người dân làm trung tâm, làm mục tiêu và làm động lực. Các cấp ủy, chính quyền cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tham gia từ khâu xây dựng, tổ chức thực hiện đến giám sát, đánh giá các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong xây dựng nông thôn mới, giảm

nghèo bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực tiễn cho thấy, ở những địa phương thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, tinh thần đoàn kết cộng đồng được củng cố, sự đồng thuận xã hội được nâng cao và hiệu quả thực hiện chính sách được cải thiện rõ rệt. Đồng thời, việc quan tâm bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là các nhóm yếu thế, vùng sâu, vùng ven biển chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu, đã góp phần củng cố niềm tin xã hội - nền tảng bền vững của đại đoàn kết. Thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh, thành như Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ cho thấy, khi các phong trào “Nhân dân tự quản”, “Nhân dân chung tay xây dựng nông thôn mới” được triển khai hiệu quả, người dân tích cực hiến đất, đóng góp ngày công và tham gia giám sát công trình hạ tầng; qua đó khẳng định xây dựng nông thôn mới không chỉ là đầu tư hạ tầng, mà còn là quá trình củng cố khối đại đoàn kết và nâng cao năng lực tự quản của cộng đồng dân cư.

Hai là, tăng cường liên kết vùng và liên kết xã hội, coi đây là giải pháp đột phá để phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

ĐBSCL là một chỉnh thể tự nhiên - kinh tế - xã hội thống nhất, có sự phụ thuộc lẫn nhau rất lớn giữa các địa phương, đặc biệt trong quản lý tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; vì vậy, việc phát huy đại đoàn kết trong giai đoạn mới đòi hỏi phải vượt qua tư duy cục bộ địa phương, tăng cường liên kết vùng trên cơ sở hài hòa lợi ích, chia sẻ trách nhiệm và phối hợp hành động. Thực tiễn các đợt hạn hán, xâm nhập mặn nghiêm trọng, nhất là trong các năm 2016 và 2019-2020, cho thấy tinh thần đoàn kết cộng đồng và liên kết liên tỉnh đã trở thành yếu tố then chốt giúp giảm thiểu thiệt hại và ổn định đời sống dân cư. Tại các tỉnh, thành ven biển như Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ, sự phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quản lý, chia sẻ nguồn nước, điều tiết các công trình thủy lợi nội đồng đã góp phần bảo đảm nước sinh hoạt và duy trì sản xuất; trong khi đó, ở các tỉnh đầu nguồn như An Giang, Đồng Tháp, việc phối hợp liên tỉnh trong điều chỉnh lịch thời vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và hỗ trợ giống thích ứng đã giúp nông dân giảm rủi ro, ổn định sinh kế. Trên cơ sở đó, nhiều mô hình như “tổ hợp tác thủy lợi nội đồng”, “nhóm nông dân cùng quản lý nguồn

nước”, “liên kết cộng đồng thích ứng mặn - ngọt” được hình thành và phát huy hiệu quả, phản ánh sinh động quá trình chuyển hóa sức mạnh đại đoàn kết từ giá trị tinh thần thành năng lực ứng phó thực tiễn. Đặc biệt, việc hoàn thiện cơ chế điều phối và triển khai quy hoạch phát triển vùng theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ đã tạo khuôn khổ liên kết mang tính vùng, góp phần mở rộng không gian đại đoàn kết từ phạm vi cộng đồng địa phương lên toàn vùng ĐBSCL, qua đó tạo nên sức mạnh tổng hợp trong ứng phó với các thách thức mang tính liên vùng và liên quốc gia.

Ba là, đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, làm cho các tổ chức này thực sự là nòng cốt của khối đại đoàn kết.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò trung tâm trong việc tập hợp, vận động và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong giai đoạn mới, các tổ chức này ở ĐBSCL cần tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, hiệu quả, hướng mạnh về cơ sở, lấy nhu cầu, lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân

dân làm trọng tâm. Cần tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống người dân như đất đai, môi trường, sinh kế và an sinh xã hội. Đồng thời, phải phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số, các trí thức, doanh nhân, văn nghệ sĩ trong việc tạo đồng thuận xã hội và lan tỏa các giá trị tích cực của đại đoàn kết. Khi Mặt trận và các đoàn thể thực sự là cầu nối tin cậy giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết sẽ được củng cố vững chắc từ cơ sở.

Bốn là, gắn phát huy đại đoàn kết với đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế bền vững và nâng cao đời sống nhân dân.

Kinh tế là nền tảng vật chất quan trọng của khối đại đoàn kết. Để đại đoàn kết được củng cố bền vững, ĐBSCL cần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng xanh, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và dựa trên khoa học - công nghệ. Phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã kiểu mới, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị giữa nông dân - doanh nghiệp - nhà khoa học - Nhà nước là giải pháp quan trọng

nhằm nâng cao thu nhập cho người dân, giảm chênh lệch phát triển giữa các nhóm xã hội. Đồng thời, cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tạo cơ hội việc làm bền vững tại chỗ, hạn chế tình trạng di cư tự phát, qua đó giữ vững sự ổn định xã hội và gắn kết cộng đồng. Khi lợi ích kinh tế được phân bổ tương đối hài hòa, đời sống nhân dân được cải thiện, đại đoàn kết sẽ có cơ sở vật chất - xã hội vững chắc để phát triển.

Năm là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền phục vụ, củng cố niềm tin xã hội - nền tảng tinh thần của đại đoàn kết

Niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước là yếu tố then chốt quyết định sự bền vững của khối đại đoàn kết. Vì vậy, các cấp chính quyền ở ĐBSCL cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực sự phục vụ nhân dân. Cần kiên quyết phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, sách nhiễu; nâng cao đạo đức công vụ và trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công cũng góp phần tăng tính công khai, minh

bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, qua đó củng cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

Sáu là, phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của vùng ĐBSCL như nền tảng tinh thần của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Văn hóa là “chất keo” gắn kết cộng đồng và là nguồn lực tinh thần quan trọng của đại đoàn kết. ĐBSCL có nền văn hóa sông nước phong phú, giàu bản sắc, cùng với sự đa dạng văn hóa của các dân tộc Kinh, Khmer, Hoa. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tôn trọng phong tục, tín ngưỡng chính đáng của các cộng đồng dân cư không chỉ góp phần giữ gìn bản sắc vùng, mà còn tạo sự gắn bó, tôn trọng lẫn nhau giữa các nhóm xã hội. Các hoạt động văn hóa, lễ hội, sinh hoạt cộng đồng cần được tổ chức theo hướng lành mạnh, gắn với giáo dục tinh thần đoàn kết, nhân ái và trách nhiệm xã hội, qua đó củng cố nền tảng tinh thần của khối đại đoàn kết.

4. Kết luận

Qua 40 năm đổi mới, thực tiễn phát triển ở ĐBSCL đã khẳng định một chân lý mang tính quy luật: đại đoàn kết toàn dân tộc chính là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất, quyết định nhất đối với quá trình

hiện thực hóa mục tiêu “độc lập, phồn vinh, hạnh phúc”. Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng và sự đồng lòng, nỗ lực vươn lên của nhân dân các dân tộc trong vùng.

Nhìn lại bốn thập niên đổi mới, có thể thấy rõ rằng mọi thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị ở ĐBSCL đều mang dấu ấn sâu đậm của khối đại đoàn kết. Tuy nhiên, bối cảnh mới của phát triển đất nước và những thách thức riêng có của ĐBSCL, yêu cầu phải tiếp tục phát huy mạnh mẽ hơn nữa sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Chính vì vậy, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, bảo đảm phương châm “dân là gốc”, cần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, mở rộng dân chủ, củng cố niềm tin xã hội, tăng cường đối thoại và phát huy vai trò chủ thể của nhân dân. Cùng với đó, cần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; hài hòa lợi ích giữa các nhóm dân cư; thúc đẩy liên kết vùng, chuyển đổi mô hình kinh tế xanh - tuần hoàn - tri thức; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, 6, 9, 12, 15, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
4. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

TỈNH ĐỒNG THÁP TRÊN HÀNH TRÌNH CHUYỂN ĐỔI XANH NGÀNH NÔNG NGHIỆP

✦ TRẦN LÊ CẨM TÚ*

Tóm tắt: Là một xu thế không thể đảo ngược, nông nghiệp xanh đã trở thành một định hướng phát triển chung của các địa phương trong cả nước. Sau sáp nhập, với lợi thế về nông nghiệp, tỉnh Đồng Tháp đã đẩy mạnh chuyển đổi xanh (CDX) ngành nông nghiệp nhằm phát huy lợi thế, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bước đầu, Đồng Tháp đã ghi nhận nhiều thành tựu đáng phấn khởi. Tuy nhiên, trong thời gian tới, Tỉnh cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để khai thác tốt lợi thế của địa phương, trở thành trung tâm giải pháp CDX đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: Chuyển đổi xanh; nông nghiệp; tỉnh Đồng Tháp.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi xanh là một giải pháp đột phá nhằm thích ứng với tình trạng biến đổi khí hậu ngày càng tác động mạnh mẽ và góp phần tích cực vào việc thực thi cam kết của Việt Nam đối với Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26). Hoà trong xu thế chung của cả nước, tỉnh

Đồng Tháp đã nhanh chóng triển khai CDX trong các lĩnh vực kinh tế của tỉnh, đặc biệt là nông nghiệp. Nhiều thành tựu, mô hình nổi bật trong CDX ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đã mang lại hiệu quả thiết thực và được đánh giá cao. Bài viết tập trung làm rõ những thành tựu và hạn chế của tỉnh Đồng Tháp trong hành trình CDX ngành nông

nghiệp và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả CDX trong nông nghiệp của tỉnh thời gian tới.

2. Hành trình chuyển đổi xanh ngành nông nghiệp tại tỉnh Đồng Tháp

Trên cơ sở Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 [1] và Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 [2]; các văn bản chỉ đạo của tỉnh Đồng Tháp đã được ban hành nhằm hiện thực hoá mục tiêu tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh ở tất cả các ngành, lĩnh vực, trong đó có nông nghiệp - ngành kinh tế trụ cột của tỉnh. Đề án “Cất vụ, chuyển đổi mùa vụ”, Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp”, Đề án “Phát triển bền vững một triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” và Đề án “Đồng Tháp tiên phong về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” là điểm nhấn CDX trong ngành nông nghiệp của tỉnh Đồng Tháp bên cạnh các chỉ tiêu cụ thể trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng

* Thạc sĩ, Phó Trưởng khoa Nhà nước & Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

năm của tỉnh. Các đề án đã thể hiện rõ mục tiêu tăng trưởng xanh trong ngành nông nghiệp, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và giúp phát huy lợi thế của tỉnh.

Sau sáp nhập, tỉnh Đồng Tháp mới có vị trí địa lý trải dài trên cả 3 vùng sinh thái nước ngọt, nước lợ và nước mặn nên có nhiều lợi thế trong phát triển nông nghiệp. Tỉnh có các ngành hàng chủ lực như: lúa gạo, cây ăn trái, hoa màu, hoa kiểng, chăn nuôi, thủy sản... Công tác chuyển đổi số trong nông nghiệp được đẩy mạnh nhằm trở thành một trong những động lực cốt lõi thúc đẩy quá trình tái cơ cấu và hiện đại hóa nông nghiệp. Đây là yếu tố góp phần thúc đẩy CDX trong ngành nông nghiệp diễn ra nhanh chóng và thuận lợi hơn. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp của tỉnh phải đối mặt với nhiều thách thức như: tác động của biến đổi khí hậu và dịch bệnh, hạn chế về năng suất, ứng dụng công nghệ cao chưa đồng đều, giá trị gia tăng của các sản phẩm nông nghiệp vẫn chưa cao, quy mô sản xuất nhỏ, lẻ, sản xuất nông nghiệp chưa bền vững...

Nhận thức được thực trạng trên, ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đã có nhiều biện pháp thiết thực để phát

huy lợi thế, ứng phó với các thách thức để hiện thực hoá mục tiêu tăng trưởng xanh góp phần xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Đến nay, tỉnh Đồng Tháp đã đạt được những thành tựu như sau:

Thứ nhất, tỉnh Đồng Tháp đã ban hành nhiều chủ trương, chiến lược, đề án phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải... tạo điều kiện để thực hiện nền nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu. Điều đó thể hiện sự quan tâm, chỉ đạo mạnh mẽ, quyết liệt của lãnh đạo địa phương trong việc CDX ngành nông nghiệp.

Thứ hai, phát triển các ngành hàng chủ lực gắn với định hướng phát triển theo hướng sinh thái, bền vững, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ngày càng cao của thị trường.

Ngành hàng lúa gạo tiếp tục phát triển theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên đất lúa hiệu quả kém, tổ chức sản xuất tập trung theo hướng chất lượng cao và diện tích áp dụng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm phục vụ thị trường xuất khẩu được mở rộng (đã cấp được 912 mã số vùng trồng nội địa với tổng diện tích 150.476 ha, 311

vùng trồng phục vụ xuất khẩu với tổng diện tích 47.794 ha). Nhiều tiến bộ kỹ thuật như hệ thống tưới nước, bón phân thông minh, công nghệ quản lý nước tiết kiệm được ứng dụng rộng rãi. Ngành hàng hoa màu, hoa kiểng và cây công nghiệp ngày càng phát triển theo hướng chuyên canh, đa dạng sản phẩm và chú trọng phát triển đối tượng có triển vọng xuất khẩu, đối tượng cho hiệu quả kinh tế cao (diện tích gieo trồng đạt trên 87 ngàn ha và sản lượng đạt trên 1,7 triệu tấn). Người dân đã mạnh dạn áp dụng các mô hình canh tác trong nhà lưới, nhà màng. Bên cạnh đó, ngành hàng cây ăn trái chuyển dịch theo hướng mở rộng quy mô sản xuất đối tượng chủ lực và tiềm năng với tổng diện tích trồng đạt trên 134 ngàn ha, sản lượng cây ăn trái đạt 2,5 triệu tấn, diện tích xác lập mã số vùng trồng được mở rộng. Ngành chăn nuôi tiếp tục chuyển dịch theo hướng tập trung quy mô trang trại với 2.646 trang trại/114.595 cơ sở chăn nuôi (chăn nuôi gia cầm trang trại chiếm 53% tổng đàn/1.541 trang trại, chăn nuôi heo trang trại chiếm 26,45% tổng đàn/487 trang trại, chăn nuôi bò trang trại chiếm 9,2% tổng đàn/618 trang trại). 541 cơ sở nuôi đối tượng chủ lực được cấp giấy xác nhận (mã số ao nuôi) với

diện tích 1.965,4 ha mặt nước, chiếm 45,80% diện tích mặt nước nuôi; có 19 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật và đang xây dựng vùng an toàn bệnh đại tại xã Tháp Mười, An Hòa, Phong Hòa; tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch đạt 88% (vượt mục tiêu kế hoạch năm là 80%). Nhiều trang trại đã đầu tư hệ thống chuồng trại hiện đại, bán tự động hoặc tự động hoàn toàn, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giảm chi phí sản xuất. Ngành thủy sản phát triển đối tượng nuôi chủ lực được phát triển theo chiều sâu (có 83 cơ sở nuôi trồng thủy sản được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm với diện tích 635,3 ha và 244 cơ sở nuôi, 157 cơ sở vận chuyển ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn; diện tích đang áp dụng và được chứng nhận các tiêu chuẩn trên nuôi đạt 617 ha). Ngành tiếp tục củng cố năng lực khai thác biển, tăng cường bảo vệ và phục hồi nguồn lợi thủy sản nội địa với sản lượng khai thác đạt trên 115 ngàn tấn. [3]

Thứ ba, nhiều mô hình sản xuất, liên kết sản xuất - tiêu thụ được hình thành và phát triển theo hướng bảo vệ môi trường, thực hành theo

tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, bền vững và xác lập hồ sơ phục vụ truy xuất nguồn gốc giúp nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Về canh tác thông minh và tiết kiệm tài nguyên, nhiều mô hình đã ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước điều khiển từ xa như: Mô hình “*Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước bằng điều khiển từ xa cho sản xuất rau trong nhà màng theo hướng VietGAP*” tại xã Đồng Sơn; Mô hình “*Sản xuất sầu riêng theo tiêu chuẩn VietGAP, ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước bằng điều khiển từ xa*” tại xã Cái Bè; mô hình trồng dưa tại xã Tân Phước thích hợp trồng tại các vùng đất phèn; mô hình trồng thanh long tại xã Chợ Gạo thích nghi với điều kiện nắng nóng, khô hạn; mô hình trồng Hồng Xiêm (Sapoche) tại xã Kim Sơn là cây trồng chịu mặn thích nghi với điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay. Các mô hình áp dụng hệ thống tưới này giúp giảm chi phí lao động, giảm thời gian tưới và lượng nước tưới, đồng thời kết hợp bón phân qua hệ thống, hạn chế ô nhiễm môi trường và sâu bệnh hại. Nhiều mô hình còn gắn với sản xuất sạch, hữu cơ và kết hợp phát triển du lịch sinh thái, tạo giá trị cộng hưởng cho kinh tế địa phương.

Về nông nghiệp chính xác và giảm phát thải, nổi bật là Mô hình thí điểm canh tác lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh được thực hiện tại Hợp tác xã Thắng Lợi, xã Mỹ Quý. Nông dân sử dụng điện thoại thông minh để cập nhật nhật ký sản xuất trên nền tảng Facefarm, theo dõi mực nước ruộng qua ứng dụng Trúng Mùa và tính toán phát thải khí nhà kính bằng ứng dụng RiceMore. Kết quả cho thấy giảm lượng giống từ 46–53%, giảm phân bón đậm gần 40%, giảm 2-3 lần phun thuốc mỗi vụ, giảm phát thải khí nhà kính bình quân 3,1-4,9 tấn CO₂e/ha/vụ; năng suất cao hơn 420-442 kg/ha và lợi nhuận tăng thêm 4,6 - 7 triệu đồng/ha so với tập quán canh tác trước đây. Các mô hình này đã mang lại nhiều tác động tích cực: thay đổi nhận thức của nông dân về sản xuất, thúc đẩy áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, giảm chi phí đầu vào, tăng lợi nhuận, đồng thời đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. Đặc biệt, việc gắn sản xuất nông nghiệp với thương mại điện tử và du lịch sinh thái đã mở ra hướng đi mới, giúp nông sản Đồng Tháp nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Về truy xuất nguồn gốc và thương mại điện tử, có thể kể đến mô hình “Cây xoài

nhà tôi” tại Hợp tác xã xoài Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh (nay là xã Mỹ Thọ). Mô hình cho phép khách hàng “sở hữu” sản lượng xoài từ một cây trồng theo tiêu chuẩn GAP, được theo dõi trực tuyến qua website và mã QR, từ khâu chăm sóc đến thu hoạch. Sản phẩm được đóng gói và giao tận nơi, vừa đáp ứng yêu cầu về chất lượng, vừa quảng bá thương hiệu xoài Cao Lãnh. Chỉ sau thời gian triển khai, mô hình đã tiêu thụ trên 340 cây, mang lại doanh thu gần 1,4 tỷ đồng, khẳng định tiềm năng nhân rộng tại các địa phương trồng xoài trọng điểm.

Trong xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ, tỉnh Đồng Tháp đã xây dựng được mô hình Làng thông minh, sử dụng các nền tảng công nghệ kỹ thuật số vào khai thác nông nghiệp để phát triển bền vững. Đây là mô hình được phát triển từ Hội quán nông dân ở xã Tân Thuận Tây nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu bằng các phương thức canh tác thông minh nhằm nâng cao đời sống người nông dân. Đến nay, toàn tỉnh có 6 mô hình Làng thông minh được công nhận gồm: xã Đốc Binh Kiều; xã Tân Nhuận Đông; xã An Nhơn, Châu Thành (nay là xã Phú Hựu); xã Mỹ Xương, Cao Lãnh (nay là xã

Mỹ Thọ); xã Bình Thạnh, Cao Lãnh (nay là xã Mỹ Hiệp); xã Định Yên, Lấp Vò (nay là xã Lai Vung).

Thứ tư, việc vận hành, ứng dụng các hệ thống dữ liệu của ngành được chú trọng thực hiện. Các hệ thống như: nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp tỉnh; phần mềm hệ thống kết nối nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh; hệ thống thông tin nông nghiệp; phần mềm ứng dụng phòng chống thiên tai; hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu môi trường, phần mềm quản lý các điểm lấy mẫu; hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu biến đổi khí hậu;... đã góp phần thúc đẩy CĐX trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

Thứ năm, kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất được tập trung phát triển nhằm góp phần đưa CĐX đến với người nông dân một cách thiết thực. Toàn tỉnh hiện có 408 hợp tác xã nông nghiệp (trong đó, có 41 hợp tác xã được thành lập từ 41 mô hình Hội quán) với 86.380 thành viên và 02 chi nhánh hợp tác xã. Trong đó có 377 hợp tác xã hoạt động và 31 hợp tác xã ngưng hoạt động, đang làm thủ tục giải thể. Về Tổ hợp tác, tỉnh Đồng Tháp hiện có 1.114 Tổ hợp tác nông nghiệp với 99.082 thành viên và 153 Hội quán với 7.823 thành viên. [4]

Những thành tựu đạt được đã góp phần đưa tỉnh Đồng Tháp hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024. Điều này đã góp phần nâng cao đời sống cho người nông dân và khẳng định tính tích cực, đúng đắn của quan điểm tỉnh Đồng Tháp về CĐX trong lĩnh vực nông nghiệp, góp phần đưa Đồng Tháp trở thành trung tâm giải pháp CĐX đồng bằng sông Cửu Long.

Bên cạnh những kết quả đáng khích lệ trên, quá trình CĐX tại tỉnh Đồng Tháp còn một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, mức độ ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong quy trình kỹ thuật canh tác còn hạn chế. Hàm lượng khoa học công nghệ trong sản phẩm còn thấp, chưa phát huy đúng mức lợi thế cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Nguyên nhân là do diện tích canh tác của nông dân vẫn còn ở quy mô nhỏ lẻ, manh mún, rất khó tiếp nhận chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật cũng như hình thành vùng sản xuất đồng bộ tạo ra sản lượng đủ lớn để phục vụ yêu cầu thu mua của doanh nghiệp. Ngoài ra, chi phí đầu tư ban đầu cao, chưa có chính sách hỗ trợ đầu tư thiết thực của nhà nước. [5]

Thứ hai, tuy có sự phát triển về số lượng nhưng hệ thống tổ chức sản xuất nông nghiệp các hợp tác xã chậm đổi mới, năng lực còn yếu, chưa chủ động trong việc đổi mới phương thức sản xuất cũng như định hướng sản xuất lâu dài. Liên kết phát triển sản xuất - tiêu thụ chưa bền vững. Nguyên nhân chính là do đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp có tỷ suất sinh lợi thấp, rủi ro lại cao nên các tổ chức, cá nhân chưa mạnh dạn đầu tư. Chính sách hỗ trợ thì nhiều nhưng mức hỗ trợ thấp, thủ tục thì khá phức tạp. Ngoài ra, một bộ phận người dân còn trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước trong thực hiện mô hình nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi.

Thứ ba, mặc dù người nông dân ngày càng quan tâm hơn về quy trình sản xuất theo hướng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, từng bước hướng đến sản xuất nông nghiệp an toàn và định hướng chuyển đổi sản xuất hữu cơ, ngăn ngừa và hạn chế rủi ro từ các mối nguy gây ô nhiễm về hóa học ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn của sản phẩm, môi trường, sức khỏe cộng đồng nhưng nhìn chung nhận thức của một bộ phận nông dân và doanh nghiệp, kể cả cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh về kinh

tế xanh, tăng trưởng xanh còn hạn chế. Do nông dân chủ yếu dựa vào kinh nghiệm là chính, mỗi nhà vườn có cách áp dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật khác nhau, tình trạng này dẫn đến trong cùng một loại trái cây nhưng chất lượng không đồng nhất nhau và chưa đảm bảo các yêu cầu của doanh nghiệp. Mặt khác, sản phẩm được sản xuất theo đúng quy trình nhưng giá thu mua lại thấp hơn hoặc tương đương giá thị trường, điều này cũng ảnh hưởng liên kết tiêu thụ giữa nông dân và doanh nghiệp.

Thứ tư, việc triển khai nhập liệu trên nền tảng nông nghiệp số đã được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc thu thập và nhập liệu báo cáo ở tuyến cơ sở chưa đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Tỉnh. [6]

Ngoài những hạn chế trên, hiện nay công tác CDX ngành nông nghiệp của tỉnh Đồng Tháp còn đối mặt với một số khó khăn như: các yêu cầu về kỹ thuật, kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc,... của nước nhập khẩu ngày càng siết chặt là thách thức đối với việc duy trì và mở rộng vùng trồng xuất khẩu. Một số địa phương chưa thực sự quan tâm thực hiện công tác giám sát vùng trồng và cơ sở đóng gói sau khi được cấp mã số. Tình hình

sạt lở bờ sông, kênh, rạch diễn ra ngày càng phức tạp. Nhiều công trình thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp, bồi lắng chưa bố trí nguồn vốn để duy tu sửa chữa, nạo vét kịp thời do thiếu nguồn vốn...

Chuyển đổi xanh là một xu thế tất yếu trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện tốt công tác này, phát huy tối đa tiềm năng nông nghiệp của địa phương gắn với phát triển bền vững, tỉnh Đồng Tháp cần chú trọng thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho nông dân, doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp và đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về CDX trong nông nghiệp. Đây được xem là giải pháp hết sức cần thiết bởi lẽ chỉ khi có được nhận thức đúng đắn và đầy đủ về CDX trong nông nghiệp thì mới có thể làm tốt công tác này. Những nội dung về chủ trương CDX trong nông nghiệp, phát triển “nông nghiệp sinh thái”, phát triển đội ngũ “nông dân văn minh” thích ứng kinh tế số - kinh tế tuần hoàn, phát triển “nông thôn hiện đại” gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng “Làng thông minh” cần được lồng ghép thông qua hoạt động của các cơ quan, đơn vị (*hội thảo, hội nghị,*

tập huấn,...), các phương tiện truyền thông đến nông dân, doanh nghiệp, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Thứ hai, tỉnh Đồng Tháp cần rà soát cơ chế, chính sách hiện hành bảo đảm hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với CDX, mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm an ninh lương thực, chuyển đổi hệ thống lương thực minh bạch, trách nhiệm và bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Thứ ba, khuyến khích mở rộng các mô hình sản xuất, liên kết sản xuất – tiêu thụ được hình thành và phát triển theo hướng bảo vệ môi trường, các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái thân thiện với môi trường. Giảm dần việc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học; thay vào đó tận dụng phụ phẩm nông nghiệp (rơm rạ, vỏ trấu, bã thải) để làm phân bón hữu cơ, thức ăn chăn nuôi, tạo vòng tuần hoàn tái sử dụng tài nguyên, qua đó giảm chi phí và giảm phát thải cho ngành. Đồng thời nhân rộng các mô hình canh tác thông minh, ít phát thải (ví dụ kỹ thuật canh tác lúa “1 phải 5 giảm” giúp giảm phát thải khí metan) để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Thứ tư, tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo

hướng sử dụng đất nông nghiệp hợp lý, linh hoạt nhằm phát huy lợi thế là ngành sản xuất quan trọng góp phần cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Thứ năm, trong chăn nuôi, cần áp dụng kỹ thuật, công nghệ nuôi mới, tiên tiến, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu vào sản xuất để tiết kiệm nước, nguyên nhiên liệu, thân thiện môi trường, hướng tới không sử dụng kháng sinh trong sản xuất, tạo sản phẩm có chất lượng, giá trị cao, đáp ứng các yêu cầu của thị trường. Phát triển các mô hình nuôi nuôi hữu cơ, nuôi sinh thái, có chứng nhận; nuôi theo hướng giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, giảm sử dụng vật liệu nhựa gây tác hại đến môi trường sinh thái và giảm ô nhiễm môi trường.

Thứ sáu, đối với khai thác thủy sản, giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các nghề khai thác có tính huỷ diệt nguồn lợi thủy sản, chuyển đổi các nghề xâm hại lớn đến nguồn lợi, sử dụng nhiều nhiên liệu sang các nghề thân thiện với môi trường và nguồn lợi thủy sản. Nghiêm cấm mọi hình thức khai thác nguồn lợi thủy sản có tính tận diệt cao như xung điện, lưới cào, chất nổ...

Thứ bảy, hoàn thiện hệ sinh thái nền tảng nông nghiệp số kết hợp ứng dụng di động giúp quản lý nông nghiệp số và phát triển kinh tế nông nghiệp số dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu lớn cho ngành nông nghiệp, quản lý tập trung, mang tính đồng bộ, sẵn sàng kết nối dữ liệu với các hệ thống chuyển đổi số trong tương lai.

Thứ tám, tập trung triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2026 - 2030, trong đó đẩy mạnh chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho hợp tác xã để nâng cao năng lực chế biến, bảo quản; đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp, cập nhật kiến thức, thông tin thị trường để nâng cao năng lực kinh doanh, kỹ năng quản lý cho hợp tác xã. Ngoài ra, hỗ trợ hợp tác xã, nông dân tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ số vào quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp thông qua việc “số hóa dữ liệu liên quan đến sản xuất” tiến đến “số hóa, tự động hoá quy trình sản xuất” và “chuyển đổi số toàn diện trong sản xuất” nhằm thu thập được “dữ liệu lớn - thông minh” giúp giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hoá lợi nhuận, thực hiện truy xuất nguồn gốc và tự tin tham gia các sàn giao dịch thương mại

điện tử kết nối cung cầu sản phẩm nông nghiệp hướng đến mục tiêu phát triển mô hình làng thông minh.

Thứ chín, tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững. Theo đó, tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng tiêu chí theo hướng bền vững. Xây

dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để tạo lập môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, đưa nông thôn trở thành “nơi đáng sống”.

3. Kết luận

Là một địa phương đi tiên phong về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh; Đồng Tháp đang đẩy mạnh CĐX ngành nông nghiệp trong thời

gian qua nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp sau sáp nhập. Với những giải pháp thiết thực nêu trên, hành trình CĐX trong nông nghiệp sẽ mang lại nhiều thành tựu hơn nữa góp phần đưa tỉnh Đồng Tháp trở thành trung tâm nông nghiệp hiện đại và du lịch sinh thái của vùng đồng bằng sông Cửu Long, là địa phương dẫn đầu cả nước trong một số lĩnh vực nông nghiệp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050*.

[2] Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030*.

[3], [6] Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo số 292/BC-SNN&MT ngày 17/7/2025 đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025, dự kiến kế hoạch 2026 Ngành Nông nghiệp và Môi trường*.

[4] Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo số 328/BC-SNN&MT ngày 16/9/2025 về tình hình thực hiện nhiệm vụ 9 tháng đầu năm; thực hiện, Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 03/8/2025, Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 22/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2025*.

[5] Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo số 495/BC-SNN&MT ngày 22/7/2025 đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường*.

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI GẮN VỚI MÔ HÌNH KINH DOANH DU LỊCH SINH THÁI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✪ LÊ THỊ THUÝ AN*

Tóm tắt: Phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái gắn với mô hình kinh doanh du lịch sinh thái hiện nay đang là hướng đi được ngành nông nghiệp và các địa phương có thể mạnh về nông nghiệp triển khai nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất; đồng thời, tạo ra những sản phẩm mới thu hút du khách. Tại tỉnh Đồng Tháp, mô hình này đã được nghiên cứu, phát triển và đi vào thực hiện mang lại hiệu quả thiết thực, không những cho ngành du lịch mà còn tạo sự phấn khởi cho người nông dân trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hội nhập hiện nay.

Từ khóa: Nông nghiệp sinh thái; du lịch sinh thái; nông nghiệp và du lịch; du lịch nông nghiệp sinh thái tỉnh Đồng Tháp...

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế phát triển hiện nay, việc gắn kết nông nghiệp sinh thái với kinh doanh du lịch sinh thái không chỉ mở ra hướng đi mới cho ngành nông nghiệp mà còn tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đồng Tháp, với lợi thế nổi bật về hệ thống sông ngòi, cảnh quan đặc trưng vùng Đồng Tháp Mười, cùng sự đa dạng của vườn cây ăn trái, làng nghề truyền thống, di tích văn hóa - lịch sử và nguồn tài nguyên sinh

học phong phú, có nhiều tiềm năng để phát triển mô hình này. Thực tiễn những năm qua cho thấy, sự kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp sinh thái và kinh doanh du lịch sinh thái không chỉ góp phần hình thành các sản phẩm du lịch nông nghiệp đặc thù, đa dạng hóa trải nghiệm cho du khách, mà còn giúp nâng cao thu nhập cho người dân, bảo tồn hệ sinh thái, gìn giữ và quảng bá bản sắc văn hóa địa phương. Đây chính là điểm nhấn quan trọng, góp phần khẳng định thương hiệu

du lịch nông nghiệp sinh thái tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn hội nhập và phát triển hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm của du lịch nông nghiệp sinh thái

Nói đến du lịch nông nghiệp chúng ta đều nghĩ đến những người dân lao động trực tiếp tham gia vào các hoạt động du lịch tại địa phương với các hình thức khác nhau. Do đặc điểm loại hình du lịch nông nghiệp thường liên quan đến địa bàn nông thôn,

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

tức liên quan đến sản xuất nông nghiệp trong đó hoạt động của người nông dân là chủ yếu. Hiện nay, cùng với sự chuyển động ngày càng sâu rộng của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa kết hợp sự tác động của phong trào xây dựng nông thôn mới, cùng với công tác tuyên truyền về vai trò của du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nên nhận thức về du lịch của người nông dân đã có bước chuyển biến khá rõ rệt. Từ chỗ coi du lịch là hoạt động nghỉ ngơi giải trí đơn thuần, người nông dân đã nhận ra được du lịch là nhân tố quan trọng có thể góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân địa phương. Người nông dân đã ý thức được vai trò của mình khi tham gia vào hoạt động du lịch gắn với môi trường sinh thái, vừa đẩy mạnh sản xuất nông sản lại vừa tham gia phát triển loại hình dịch vụ kinh doanh du lịch phù hợp ngay tại địa bàn mình đang sinh sống và từ đó, mô hình du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch bắt đầu được nghiên cứu, khám phá, trải nghiệm và đi vào thực tiễn một cách rộng rãi.

Du lịch nông nghiệp sinh thái được hiểu là loại hình du lịch chủ yếu dựa vào nền tảng và kết quả hoạt động

sản xuất nông nghiệp để tạo ra cho khách du lịch những hoạt động, những trải nghiệm khi tham quan du lịch. Do đặc thù của nền nông nghiệp Việt Nam, nên hoạt động du lịch nông nghiệp thường được kết hợp với các hoạt động khác ở nông thôn như tham quan ngắm cảnh nông thôn, trải nghiệm văn hóa và cuộc sống người dân địa phương, các làng nghề truyền thống, homestay,...

Phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch là xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao với quy mô lớn, được đầu tư hạ tầng đầy đủ, qua đó thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp đô thị gắn với phát triển du lịch. Mô hình này khác với du lịch sinh thái và du lịch nông nghiệp. Cụ thể:

Du lịch sinh thái là tìm đến những vùng thiên nhiên nhiều tiềm năng về môi trường sinh thái để khám phá cái mới, sự trong lành của thế giới tự nhiên...;

Du lịch nông nghiệp là tạo ra sản phẩm trải nghiệm cuộc sống nhà nông phục vụ du khách...

Du lịch nông nghiệp sinh thái là loại hình du lịch tạo ra sản phẩm phục vụ du khách chủ yếu dựa trên nền tảng

của hoạt động sản xuất nông nghiệp. Theo các chuyên gia, cần có 4 thành tố để được gọi là du lịch nông nghiệp sinh thái, đó là: (1) Kết hợp giữa du lịch và nông nghiệp sinh thái; (2) Thu hút du khách đến tham quan các hoạt động liên quan đến nông nghiệp sinh thái; (3) Tăng thu nhập cho nông dân; (4) Tạo cho du khách cơ hội giải trí, hoạt động rèn luyện thể lực và tinh thần, gần gũi với thiên nhiên và trải nghiệm cuộc sống nhà nông.

2.2. Xu hướng phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn hiện nay

Hiện nay, cùng với sự chuyển động ngày càng sâu rộng của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa kết hợp sự tác động của phong trào xây dựng nông thôn mới, đồng thời nhờ công tác tuyên truyền về vai trò của du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhận thức về du lịch của người nông dân đã có bước chuyển biến khá rõ rệt.

Tỉnh Đồng Tháp có nhiều lợi thế trong việc phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái nhờ sở hữu nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú. Với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt đặc trưng vùng

Đồng Tháp Mười, nơi đây hình thành nhiều cảnh quan sông nước độc đáo, thuận lợi cho việc khai thác các loại hình du lịch trải nghiệm. Nổi bật nhất là Vườn Quốc gia Tràm Chim - khu Ramsar thứ 4 của Việt Nam với diện tích 7.313 ha, nơi sinh sống của hơn 230 loài chim, trong đó có sếu đầu đỏ (*Grus antigone sharpei*) - loài chim quý hiếm, biểu tượng của vùng đất ngập nước. Hằng năm, Tràm Chim đón trên 150.000 lượt khách tham quan, nghiên cứu, trải nghiệm sinh thái. Cùng với đó, Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng rộng hơn 1.700 ha được mệnh danh là “lá phổi xanh của miền Tây”, nơi du khách có thể đi xuồng len lỏi qua rừng tràm, ngắm đàn chim trời và thưởng thức ẩm thực miệt vườn. Đây là những điểm đến tiêu biểu cho du lịch sinh thái của Đồng Tháp, được xem là sản phẩm du lịch đặc thù cấp quốc gia.

Bên cạnh đó, một số điểm đến hấp dẫn miền sông nước như: Du lịch sông nước Cù lao Thới Sơn: Đây là điểm đến nổi tiếng còn gọi là Cồn Lân, nằm trên sông Tiền. Du khách có thể đi xuồng ba lá len lỏi trong rạch nhỏ, tham quan vườn cây ăn trái, thưởng thức đờn ca tài tử Nam Bộ và trải nghiệm ẩm thực miệt vườn; Các mô hình “Du lịch sinh thái miệt vườn” tại Cai Lậy,

Cái Bè đã cho du khách trải nghiệm thu hoạch trái cây, đi xe ngựa thăm vườn, hay nghỉ ngơi tại các homestay trong vườn; Chợ nổi Cái Bè: Là một trong ba chợ nổi lớn của miền Tây (bên cạnh Cái Răng, Phụng Hiệp), nơi du khách có thể tham quan cảnh mua bán nông sản trên sông, kết hợp tham quan các làng nghề như làm kẹo dừa, bánh tráng, cốm, rượu truyền thống...

Đây là những điểm đến tiêu biểu cho du lịch nông nghiệp sinh thái, thu hút hàng trăm nghìn lượt khách mỗi năm. Song song đó, Đồng Tháp còn có lợi thế về vườn cây ăn trái đặc sản. Chẳng hạn, vườn quýt hồng Lai Vung vào mùa Tết trở thành điểm du lịch nông nghiệp nổi tiếng, cho du khách tham quan, chụp ảnh và trải nghiệm thu hoạch trái cây. Xoài Cao Lãnh đã được cấp chứng nhận chỉ dẫn địa lý, không chỉ xuất khẩu mà còn kết hợp với các mô hình du lịch tham quan vườn xoài, học cách chăm sóc, thu hoạch và thưởng thức tại chỗ; nổi bật là vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim, sầu riêng Ngũ Hiệp, xoài cát Hòa Lộc, chôm chôm Cái Bè... Bên cạnh đó, sản phẩm sen Tháp Mười với các dịch vụ như “Tham quan Đồng sen - Ăn các món từ sen - Trải nghiệm hái sen” đã trở thành sản phẩm du lịch nông nghiệp đặc thù của tỉnh.

Ngoài tài nguyên thiên nhiên, Đồng Tháp còn có nhiều làng nghề truyền thống gắn với du lịch: Làng hoa kiểng Sa Đéc với hàng ngàn giống hoa, cảnh kiểng, bonsai đã trở thành điểm đến hấp dẫn vào dịp Tết Nguyên đán; làng nghề chiếu Định Yên mang đến trải nghiệm xem trực tiếp quy trình dệt chiếu thủ công; hay làng nghề bột Sa Đéc kết hợp du lịch ẩm thực với nhiều món đặc sản từ bột gạo...

Nhờ sự định hướng và hỗ trợ của chính quyền địa phương, nhiều nông hộ đã mạnh dạn chuyển đổi tư duy từ “làm nông thuần túy” sang kết hợp sản xuất gắn với dịch vụ du lịch nông nghiệp sinh thái. Nhiều hộ dân ở Sa Đéc vừa sản xuất hoa kiểng vừa kết hợp mở cửa đón khách tham quan, chụp ảnh, mua hoa tại vườn. Đây là bước chuyển quan trọng, giúp nâng cao thu nhập, đa dạng hóa sinh kế, đồng thời xây dựng hình ảnh Đồng Tháp là “điểm đến thân thiện, an toàn, hấp dẫn”. Từ sự định hướng và hỗ trợ của chính quyền địa phương mà người nông dân từ chỗ chỉ biết sản xuất ra nông sản thì nay bắt đầu tham gia các loại hình dịch vụ du lịch và du lịch nông nghiệp sinh thái bắt đầu được hình thành từ đây.

Đến nay, toàn tỉnh Đồng Tháp có 106 điểm du lịch gắn với hoạt động nông nghiệp, cộng đồng và làng nghề; trong đó, có 32 điểm du lịch được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận theo tiêu chuẩn Luật Du lịch năm 2017 và 32 cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; có 14 điểm du lịch được công nhận sản phẩm OCOP từ 3-4 sao[1]. Tỉnh đã xây dựng và phát triển 05 mô hình Chợ quê phục vụ du lịch (Chợ quê Tân Thuận Đông, Chợ quê Gò Tháp, Chợ quê Tràm Chim, Chợ phiên Long Thuận, Chợ quê Xóm Rẫy); các mô hình Chợ quê được xây dựng theo hình thức mô hình trải nghiệm du lịch nông nghiệp, khách đến tham quan, mua sắm và thưởng thức ẩm thực, kết nối chia sẻ với cuộc sống của nông dân. Thêm vào đó, Tỉnh cũng đã đưa vào 06 chương trình trải nghiệm nông nghiệp (tham quan, trải nghiệm, khám phá vương quốc Quýt Hồng; nghỉ dưỡng, trải nghiệm văn hóa bản địa (The Manngo Trail Farmstay); trải nghiệm 01 ngày làm nghề nhân cây kiểng, Trải nghiệm không gian Sen Tháp Mười; trải nghiệm mùa nước nổi của ngư dân vùng Đồng Tháp Mười; học kỳ nông nghiệp tại Senta Farm (kéo dài 4 ngày 3 đêm tại Vườn quốc gia Tràm

Chim)[2]. Cùng với đó một số điểm du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với mô hình kinh doanh du lịch sinh thái nổi bật trên bản tỉnh như: Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng, Khu du lịch cù lao Thới Sơn; làng hoa kiểng Sa Đéc; điểm du lịch vườn táo Sáu Hối; thủ phủ khóm Trung Kiên Tân Phước; Hợp tác xã nông nghiệp Đồng Nghi;...

Bên cạnh đó, tỉnh Đồng Tháp đã và đang triển khai nhiều chương trình du lịch đặc sắc nhằm tạo dấu ấn riêng và thu hút du khách về các dịch vụ nông nghiệp sinh thái. Có thể kể đến các hoạt động như: “Khám phá văn hóa vùng đất xứ Gò Công” với những nét văn hóa truyền thống độc đáo; “Về quê làm lão ngư” giúp du khách trải nghiệm cuộc sống sông nước của ngư dân; hay “Trải nghiệm một ngày làm nông dân” để tìm hiểu lao động sản xuất gắn với đời sống đồng ruộng. Ngoài ra, du khách còn có thể tham gia “Trải nghiệm mùa nước nổi của ngư dân vùng Đồng Tháp Mười”, tận hưởng không khí lễ hội qua chương trình “Sắc xuân Đồng Tháp”, khám phá sự đa dạng nghề truyền thống trong “Mỗi ngày một nghề”, hòa mình vào thiên nhiên với “Đi trong màu xanh của vườn cây trái”, và thưởng hoa cùng vẻ đẹp thanh bình qua hành trình “Theo cánh hạc bay”.

Những sản phẩm du lịch này không chỉ mang đến trải nghiệm phong phú, mà còn góp phần tôn vinh và lan tỏa giá trị văn hóa - sinh thái đặc trưng của Đồng Tháp.

Với những cố gắng cho sự phát triển của ngành du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, bước đầu đã góp phần đa dạng hóa, làm phong phú các sản phẩm, tăng thêm sự lựa chọn cho du khách khi tìm hiểu, trải nghiệm kinh tế - xã hội, khám phá vẻ đẹp của quê hương - văn hóa - con người Đồng Tháp. Những mô hình du lịch cộng đồng ở nông thôn tỉnh Đồng Tháp hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhu cầu tham quan và trải nghiệm của khách du lịch qua đó góp phần thu hút nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế đến tỉnh, cụ thể: “Trong 6 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh đón và phục vụ 4.021.219 lượt khách, tăng 17,8% so cùng kỳ, đạt 55,46% kế hoạch năm (*trong đó, khách quốc tế 330.564 lượt, tăng 4,89% so cùng kỳ, đạt 40,81% kế hoạch năm*). Tổng thu du lịch đạt 2.770 tỷ đồng, tăng 21,13% so cùng kỳ, đạt 67,3% kế hoạch năm”[3].

2.3. Đánh giá chung

2.3.1. Thuận lợi

Thực tế cho thấy, loại hình du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh

du lịch sinh thái ở tỉnh Đồng Tháp đã mang lại hiệu quả thiết thực, giúp phát triển kinh tế bền vững cho cộng đồng địa phương. Không chỉ giúp người dân bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái, mà còn là dịp để bảo tồn và phát huy những nét văn hoá độc đáo của địa phương; góp phần xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho nhiều hộ nông dân ở địa phương. Bên cạnh đó, việc phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái cũng mang lại lợi ích thiết thực cho người dân ở địa phương cho dù họ có tham gia tích cực vào hoạt động du lịch hay không, như điều kiện về hạ tầng giao thông, môi trường, hệ thống điện, nước, viễn thông,... cũng được Nhà nước quan tâm đầu tư ngày càng tốt hơn.

Sự thay đổi nhận thức và chủ động tham gia thực hiện các chương trình kế hoạch phát triển du lịch nông thôn của người dân đã góp phần làm cho loại hình này ngày càng phát triển. Họ tích cực tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đã tự nguyện đóng góp đất đai, tài sản trên đất để hình thành nên các tuyến đường không chỉ phục vụ nhu cầu đi lại của dân cư địa phương mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho du khách đến tham quan vườn cây trái; tham gia cung cấp nhiều dịch vụ phục vụ khách du lịch.

Nếu như trước kia người nông dân chỉ chăm lo trồng trọt, tìm biện pháp tăng năng suất nông sản, thì giờ đây họ đã biết kết hợp giữa trồng trọt với phát triển các dịch vụ du lịch có thể mang lại lợi nhuận cao hơn, đời sống ngày càng được cải thiện. Người nông dân tại địa phương đã coi du lịch như một dịch vụ mới mang lại nhiều lợi ích với thu nhập vượt trội so với làm vườn đơn thuần.

2.3.2. Hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt thuận lợi góp phần nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thì vẫn còn tồn tại một số hạn chế cụ thể:

Thứ nhất, mô hình du lịch nông nghiệp sinh thái trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp do mới sáp nhập, nên hoạt động du lịch cũng được nhập từ 2 tỉnh trước đây là Tiền Giang và Đồng Tháp cũ nhìn chung vẫn chưa đáp ứng kịp theo nhu cầu phát triển, sản phẩm du lịch còn đơn điệu và thiếu tính chuyên nghiệp. Do sản phẩm du lịch của Tỉnh phần lớn gắn với nông nghiệp, bị ảnh hưởng bởi tính mùa vụ, dễ sao chép và mô hình du lịch gắn với cộng đồng, làng nghề còn ít, chưa đa dạng nên chưa thật sự thu hút khách, đặc biệt là khách quốc tế.

Thứ hai, nhiều hộ nông dân chưa nhận thức hết vai trò của du lịch gắn với phát triển kinh tế - xã hội địa phương, chỉ chạy theo phong trào, không theo quy hoạch nên thiếu tính chủ động trong việc đầu tư cải tạo, chỉnh trang vườn cây ăn trái và cảnh quan môi trường xung quanh để khai thác, hấp dẫn du khách tham quan. Nhiều vườn cây ăn trái chỉ đáp ứng phục vụ theo mùa mà chưa được sự chủ động áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm cho ra quả trái vụ, đạt năng suất cao để có thể phục vụ du khách quanh năm.

Thứ ba, một số người dân chưa có ý thức trong bảo vệ môi trường, không thường xuyên vệ sinh vườn cây, việc xử lý rác thải và nước thải chưa thật sự tốt cũng làm ảnh hưởng đến du lịch của địa phương. Hầu hết chủ nhà vườn đều hoạt động dựa vào kinh nghiệm bản thân là chính, chưa được đào tạo nhiều về năng lực quản lý, kinh doanh.

Thứ tư, đội ngũ quản lý, lao động ở các cơ sở du lịch còn thiếu hoặc yếu về chuyên môn, chưa được đào tạo bài bản về du lịch. Bên cạnh đó, du khách đến các hộ nhà vườn phần lớn là khách quốc tế nhưng tỷ lệ đội ngũ cán bộ quản lý về du lịch và người dân có trình độ ngoại ngữ để giao tiếp là rất thấp, đây là

một hạn chế lớn trong việc phục vụ du lịch, tiếp thị và giới thiệu quảng bá sản phẩm du lịch nông nghiệp sinh thái.

Thứ năm, việc liên kết giữa các hộ nhà vườn còn hạn chế, thiếu sự liên kết để hỗ trợ nhau, phần lớn đều hoạt động theo kiểu mạnh ai nấy làm, chưa quan tâm đến chất lượng, về giá cả cũng không có sự thống nhất, do đó sản phẩm chậm được cải tiến, sức cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh chưa cao. Mặt khác, lợi ích của nông dân chưa được phân chia hài hòa, lợi nhuận thu được từ hoạt động du lịch phần lớn rơi vào các doanh nghiệp du lịch, chỉ còn phần nhỏ chia cho một số hộ nông dân, làm phát sinh tiêu cực, cạnh tranh không lành mạnh giữa các điểm du lịch với nhau.

2.3.3. Giải pháp khắc phục

Trong thời gian tới, để phát triển loại hình du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch thực sự hiệu quả và bền vững, theo tôi, các bên tham gia cần nâng cao vai trò trách nhiệm trong việc thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, đối với chính quyền địa phương:

Quy hoạch phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch

ở những vùng có nhiều tiềm năng và thế mạnh; đồng thời, gắn với việc tăng cường quản lý Nhà nước để đảm bảo việc thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt, tránh tình trạng để người dân hoạt động tự phát, chạy theo phong trào, mở ra các cơ sở nhỏ lẻ, manh mún, làm cho du lịch nông nghiệp sinh thái phát triển kém tính bền vững.

Cần có cơ chế khuyến khích, ưu đãi đầu tư phát triển du lịch bằng nhiều chính sách năng động và hợp lý như hỗ trợ về vốn, về thuế, đào tạo nhân lực,... để thu hút nguồn lực từ các doanh nghiệp, hộ nông dân. Nhất là sự tham gia của các doanh nghiệp du lịch sẽ là nguồn lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái, doanh nghiệp là chủ thể quan trọng trong quá trình liên kết, khai thác tạo ra sản phẩm với các dịch vụ mang đậm nét đặc trưng ở địa phương và tăng sức hấp dẫn đối với du khách.

Xây dựng và phổ biến các mô hình du lịch nông nghiệp sinh thái tiêu biểu, phù hợp với lợi thế của các địa phương, như mô hình du lịch trồng trọt, làng nghề truyền thống, trải nghiệm cuộc sống sinh hoạt với cộng đồng (homestay),... Xây dựng quy ước làng, xã trong khai thác

du lịch nông nghiệp sinh thái, tránh tình trạng tranh giành như hạ giá, giảm chất lượng để lôi kéo khách, gây nên cạnh tranh không lành mạnh, làm ảnh hưởng đến hình ảnh du lịch nông nghiệp sinh thái trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch như cầu, đường giao thông, bến tàu, bến xe, hệ thống điện, nước..., các biện pháp về an ninh trật tự, về bảo vệ cảnh quan, vệ sinh môi trường. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ nông dân đầu tư nguồn lực tham gia các hoạt động du lịch nông nghiệp sinh thái.

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch, tổ chức lớp đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, các doanh nghiệp du lịch; thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho nông dân về kiến thức, kỹ năng du lịch, nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên du lịch. Đồng thời, tăng cường bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ, khoa học công nghệ giúp doanh nghiệp, hộ nông dân có đủ năng lực hội nhập du lịch, trong giai đoạn bùng nổ thông tin cũng như công nghệ khai thác du lịch, tăng hiệu quả hoạt động du lịch nông nghiệp sinh thái trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Hỗ trợ tìm kiếm thị trường, giới thiệu sản phẩm, quảng bá các chương trình du lịch nông nghiệp sinh thái qua các hội chợ, triển lãm du lịch; trên các phương tiện thông tin đại chúng, cũng như qua các phương tiện truyền thông khác như báo đài, tờ rơi, sách ảnh, các trang mạng, các kênh youtube...

Tăng tính liên kết giữa các địa phương có tính tương đồng về du lịch trên địa bàn tỉnh, liên kết giữa các hộ nông dân với nhau để phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp sinh thái. Vì trên cơ sở liên kết sẽ phát triển sản phẩm du lịch mang nét đặc trưng, độc đáo, phù hợp với điều kiện mỗi hộ nông dân cũng như tài nguyên du lịch sinh thái, văn hoá của mỗi địa phương. Từ đó, sẽ giúp hạn chế việc phát triển những dịch vụ trùng lặp, nhằm chán và tạo sự hấp dẫn và thú vị cho chuyến tham quan, trải nghiệm của khách du lịch.

Thứ hai, đối với các doanh nghiệp du lịch:

Trong bối cảnh Đồng Tháp đang nổi lên với các mô hình du lịch nông nghiệp sinh thái đặc trưng như Vườn quốc gia Tràm Chim, Đồng sen Tháp Mười, Làng hoa Sa Đéc, Vườn xoài Mỹ Xương hay Làng quýt hồng Lai Vung, Khu du lịch cù

lao Thới Sơn,... các doanh nghiệp du lịch cần chủ động xây dựng các tour, tuyến chuyên đề gắn với sản phẩm nông nghiệp bản địa nhằm tạo sự khác biệt cho thị trường. Song song đó, cần tăng cường thu hút và đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ, nhất là lực lượng hướng dẫn viên tại chỗ và nông dân trực tiếp tham gia phục vụ khách, giúp họ có kỹ năng hướng dẫn, giao tiếp, ngoại ngữ, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ. Doanh nghiệp cũng cần chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường nông thôn như “tour trải nghiệm không rác thải”, khuyến khích khách sử dụng sản phẩm từ tre, lá sen thay cho nhựa dùng một lần. Việc quảng bá sản phẩm du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch cần được đẩy mạnh hơn thông qua các nền tảng số, truyền thông xã hội và liên kết với các sản phẩm du lịch trực tuyến, giúp hình ảnh Đồng Tháp lan tỏa đến du khách trong và ngoài nước. Ngoài ra, các doanh nghiệp phải quan tâm đến trách nhiệm xã hội, đảm bảo hoạt động du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, đồng thời xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích kinh tế hài hòa với nông dân - những người trực tiếp tạo nên sản phẩm du lịch, từ đó tạo nền tảng phát triển bền vững.

Thứ ba, đối với nông dân địa phương:

Lực lượng nông dân giữ vai trò then chốt trong việc hình thành và phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái của tỉnh. Vì vậy, người dân cần quan tâm đầu tư cải tạo, chỉnh trang cơ sở vật chất như đường vào vườn, nhà vệ sinh, bãi giữ xe, biển chỉ dẫn... nhằm tạo sự thuận tiện, văn minh cho khách tham quan. Bên cạnh đó, việc giữ gìn cảnh quan, môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp phải được coi là ưu tiên hàng đầu, gắn với ý thức phân loại rác thải, bố trí thùng rác, giữ vệ sinh ao, vườn, đồng ruộng. Trong quá trình phục vụ du khách, nông dân cần phát huy truyền thống hiếu khách, ứng xử thân thiện, cởi mở, tôn trọng và hỗ trợ khách khi trải nghiệm các hoạt động tại vườn, ruộng, ao hồ. Đặc biệt, cần tham gia các hoạt động du lịch một cách có tổ chức, theo quy hoạch chung của chính quyền và hợp tác xã, tránh tình trạng tự phát, cạnh tranh không lành mạnh hoặc thiếu văn minh, từ đó góp phần xây dựng hình ảnh người nông dân Đồng Tháp mến khách, chuyên nghiệp.

Thứ tư, đối với khách du lịch:

Khách du lịch là nhân tố quan trọng góp phần duy

trì và lan tỏa hình ảnh đẹp về du lịch nông nghiệp sinh thái trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, vì vậy mỗi du khách khi đến tham quan cần tuân thủ nghiêm các quy định, phong tục, tập quán địa phương, đặc biệt tại các khu sinh thái đặc thù. Đồng thời, du khách cần có ý thức bảo vệ môi trường như không xả rác bừa bãi, không có những hành động gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái tự nhiên. Việc tham gia vào các hoạt động trải nghiệm như hái trái cây, dệt chiếu Định Yên, làm bánh lá sen... không chỉ mang lại niềm vui cho du khách mà còn góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh. Sự văn minh, có trách nhiệm

của mỗi du khách sẽ góp phần làm cho du lịch nông nghiệp sinh thái Đồng Tháp ngày càng bền vững, hấp dẫn và thân thiện hơn.

3. Kết luận

Mô hình phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái tại tỉnh Đồng Tháp đã và đang khẳng định vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững. Việc khai thác hợp lý và hiệu quả các giá trị tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan sông nước, vườn cây ăn trái, sen, hoa kiểng cùng với những di sản văn hóa – lịch sử và làng nghề truyền thống không chỉ làm gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp, mà

còn mở ra hướng đi mới cho người nông dân trong việc đa dạng hóa sinh kế, nâng cao thu nhập. Sự kết hợp hài hòa giữa sản xuất nông nghiệp sinh thái và hoạt động du lịch đã góp phần bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc địa phương; đồng thời, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo động lực phát triển bền vững cho tỉnh. Trong bối cảnh hội nhập và phát triển, việc đẩy mạnh mô hình này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế, xã hội cho cộng đồng dân cư, mà còn góp phần khẳng định vị thế của tỉnh Đồng Tháp như một điểm đến du lịch nông nghiệp sinh thái đặc trưng, thân thiện và hấp dẫn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2025), *Tờ trình số 56-TTr/ĐU dự thảo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I về phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030*, Đồng Tháp.

[2] [3] Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo số 61/BC-UBND về định hướng phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025 - 2030*, Đồng Tháp.

Tóm tắt: Bài viết phân tích vai trò của niềm tin và động lực tinh thần như những yếu tố cốt lõi trong việc giữ chân và phát huy người tài ở tỉnh Đồng Tháp hiện nay. Trên cơ sở lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và định hướng của Đảng, tác giả làm rõ thực trạng niềm tin, động lực tinh thần của đội ngũ cán bộ, trí thức, nhân lực chất lượng cao tại địa phương, chỉ ra những điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân. Từ đó, bài viết đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện gồm củng cố niềm tin chính trị - tổ chức, hoàn thiện chính sách trọng dụng, xây dựng môi trường công vụ nhân văn, phát huy giá trị văn hóa Đồng Tháp và liên kết nguồn nhân tài trong - ngoài tỉnh. Kết luận khẳng định: việc bồi đắp niềm tin và khơi dậy động lực tinh thần là con đường bền vững nhất để Đồng Tháp phát triển nhanh và vững chắc trong giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến 2045.

Từ khóa: Niềm tin; động lực tinh thần; nhân tài; Đồng Tháp; phát triển bền vững.

XÂY DỰNG NIỀM TIN VÀ ĐỘNG LỰC TINH THẦN - YẾU TỐ THEN CHỐT TRONG VIỆC GIỮ CHÂN VÀ PHÁT HUY NGƯỜI TÀI Ở TỈNH ĐỒNG THÁP HIỆN NAY

✪ LÊ NHỰT TÂM*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đất nước ta đang bước vào giai đoạn phát triển mới, hướng tới mục tiêu đến năm 2045 trở thành quốc gia phát triển, việc phát huy nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành một trong những nhiệm vụ chiến lược hàng đầu. Bên cạnh yếu tố vật chất, các nghiên cứu lý luận và thực tiễn đều chỉ ra rằng niềm tin và động lực tinh thần chính là nền tảng tạo nên sự gắn bó lâu dài, lòng trung thành và tinh thần cống hiến của đội ngũ nhân tài đối với tổ chức, địa phương và đất nước.

Đối với tỉnh Đồng Tháp - vùng đất giàu truyền thống yêu nước, nghĩa tình, năng động, sáng tạo - việc giữ chân và phát huy người tài không chỉ là yêu cầu về quản lý nhân

lực, mà còn là biểu hiện của tầm nhìn phát triển con người trong thời kỳ mới. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I (2025 - 2030) đã xác định phương châm hành động: “*Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển*”¹, thể hiện rõ khát vọng vươn lên, củng cố niềm tin chính trị - xã hội, tạo dựng động lực tinh thần mạnh mẽ để phát triển nhanh và bền vững. Vì vậy, bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm xây dựng niềm tin và động lực tinh thần như một yếu tố then chốt trong việc giữ chân và phát huy người tài ở tỉnh Đồng Tháp hiện nay, góp phần hiện thực hóa mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp đã đề ra.

* Thạc sĩ, giảng viên Phòng Quản lý đào tạo & Nghiên cứu khoa học, TCT tỉnh Đồng Tháp.

¹ Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2025), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, tr.9.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận về niềm tin và động lực tinh thần trong phát huy, giữ chân người tài

Từ góc độ triết học Mác - Lênin, niềm tin là hình thái ý thức xã hội phản ánh mối quan hệ của con người với hiện thực thông qua sự thừa nhận giá trị, tính đúng đắn và khả năng thực hiện của một lý tưởng, mục tiêu nhất định. Niềm tin chính trị là biểu hiện cao nhất của niềm tin xã hội, thể hiện ở sự gắn bó và tin tưởng của Nhân dân vào đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, niềm tin của Nhân dân, của cán bộ, đảng viên và của đội ngũ trí thức vào Đảng và chế độ là “nguồn sức mạnh tinh thần vô song”, là cơ sở để khơi dậy tinh thần cống hiến. Người khẳng định: “Cán bộ là gốc của mọi công việc”²; Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”³ và “trọng dụng người tài tức là trọng dụng nhân tâm” - có nghĩa là coi trọng và sử dụng người có tài năng,

đồng thời cũng là coi trọng cái tâm, đạo đức và tấm lòng của họ. Việc này bao gồm việc tạo điều kiện để họ phát huy năng lực, giao nhiệm vụ phù hợp, tôn trọng thành quả, ghi nhận đóng góp của họ và quan trọng nhất là xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, công bằng.

Động lực tinh thần được hiểu là tổng hòa các yếu tố phi vật chất - như lòng yêu nghề, niềm tự hào, sự ghi nhận, cơ hội phát triển, môi trường làm việc dân chủ, công bằng - có tác dụng thúc đẩy con người làm việc với hiệu suất và trách nhiệm cao. Động lực tinh thần mang tính bền vững hơn động lực vật chất, bởi nó xuất phát từ bên trong, gắn liền với hệ giá trị, niềm tin và lý tưởng sống.

Trong mối quan hệ với người tài, niềm tin và động lực tinh thần vừa là điều kiện, vừa là kết quả của quá trình lãnh đạo, quản lý và phát triển nhân lực. Khi người tài được sống, làm việc trong môi trường dân chủ, minh bạch, được tôn trọng và ghi nhận, họ sẽ hình thành niềm tin, từ đó chuyển hóa thành động lực sáng tạo và cống hiến lâu dài.

2.2. Thực trạng niềm tin và động lực tinh thần của đội ngũ người tài ở Đồng Tháp hiện nay

2.2.1. Khái quát về đội ngũ người tài của tỉnh Đồng Tháp hiện nay

Theo Nghị quyết 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 và Nghị quyết 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025. Tỉnh Đồng Tháp sáp nhập với tỉnh Tiền Giang thành một tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đồng Tháp. Sau khi sáp xếp, tỉnh Đồng Tháp có diện tích tự nhiên là 5.938,64 km², quy mô dân số là 4.370.046 người và 102 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (gồm 20 phường, 82 xã)⁴.

Theo thông tin được công bố vào tháng 7 năm 2025, tỉnh Đồng Tháp có tổng biên chế cán bộ, công chức, viên chức là 58.618 người. Cụ thể, bao gồm: 2.129 biên chế công chức hành chính cấp tỉnh, 6.513 biên chế công chức cấp xã và 49.976 viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập⁵.

Bên cạnh đó, tỉnh Đồng Tháp cũng quan tâm đặc biệt

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011, tập 5, tr.309.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011, tập 5, tr.313.

⁴ Báo cáo Thực trạng biên chế, số lượng cán bộ, công chức, viên chức hiện có và đề xuất biên chế giai đoạn 2026-2031, số 183/BC-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, ngày 28/12/2025.

⁵ Tờ trình Về việc triển khai các Nghị quyết giao biên chế công chức trong cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã và số lượng người làm việc (trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường) của tỉnh Đồng Tháp năm 2026, số 4632/TTr-SNV của Sở Nội vụ, ngày 28/12/2025.

đến công tác phát triển nguồn nhân lực, xem đây là nền tảng của tăng trưởng bền vững. Ngoài ra, tỉnh còn có đội ngũ trí thức, chuyên gia, doanh nhân, nhà khoa học và lực lượng trẻ khởi nghiệp năng động - những nhân tố được xem là “nguồn lực mềm” quan trọng của Đồng Tháp. Cụ thể, tỉnh Đồng Tháp (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 31-12-2021 về “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Đồng thời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp ban hành Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 10-6-2024 về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Cùng với đó, UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch số 384/KH-UBND ngày 25-11-2024 triển khai thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 9-7-2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 81-CTr/TU ngày 19-8-2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp khóa XI thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa

XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

Nhờ vậy, chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Đồng Tháp ngày càng được nâng cao. Cùng với đó, chất lượng lao động tiếp tục được cải thiện. Công tác đào tạo nghề và tạo việc làm cho người lao động với nhiều hình thức linh hoạt, vượt chỉ tiêu kế hoạch.

Nhìn tổng thể, nguồn nhân lực chất lượng cao của Tỉnh đã và đang phát huy vai trò quan trọng trong các lĩnh vực mũi nhọn như: nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số, giáo dục, y tế, du lịch và cải cách hành chính. Bên cạnh đó, các trường cao đẳng, trung tâm khởi nghiệp, mô hình “Hội quán nông dân”, “Cộng đồng khởi nghiệp trẻ Mekong Startup” cũng góp phần hình thành môi trường học tập, sáng tạo, gắn kết người tài với địa phương.

2.2.2. Những biểu hiện tích cực về niềm tin và động lực tinh thần

Thứ nhất, niềm tin chính trị - tư tưởng được củng cố vững chắc.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đồng Tháp có niềm tin sâu sắc vào

sự lãnh đạo của Đảng, vào định hướng phát triển “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển” được nêu trong Văn kiện Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ I (2025 - 2030). Sự thành công trong công tác phòng chống dịch Covid-19, phát triển nông nghiệp xanh, Tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 05 năm đạt 5,51%. GRDP bình quân đầu người ước đạt khoảng 85,5 triệu đồng, thu ngân sách nhà nước tăng bình quân 2,25%/năm⁶, đã tạo uy tín chính trị và niềm tin xã hội cao đối với bộ máy lãnh đạo của Tỉnh.

Cán bộ, đảng viên tin tưởng rằng Đồng Tháp đang đi đúng hướng, lấy con người làm trung tâm, phát triển bằng tri thức và giá trị nhân văn. Niềm tin ấy không chỉ mang tính chính trị mà còn là động lực tinh thần thúc đẩy đội ngũ trí thức, công chức trẻ dần thân, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm.

Thứ hai, động lực tinh thần được nuôi dưỡng từ môi trường làm việc nghĩa tình, nhân văn và sáng tạo.

Tỉnh Đồng Tháp đã được Trung ương và các tỉnh bạn ghi nhận là địa phương có “chính quyền gần dân, hiểu dân, học dân và trọng dân”. Mô hình “chính quyền phục

⁶ Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2025), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, tr.13.

vụ” được Tỉnh kiên trì thực hiện, chuyển trọng tâm từ “quản lý” sang “phục vụ và hỗ trợ”. Điều này tạo nên bầu không khí tinh thần tích cực trong đội ngũ cán bộ, công chức - họ cảm thấy được tôn trọng, được tin tưởng, và có ý nghĩa trong công việc. Những mô hình đổi mới sáng tạo trong công vụ đã được hình thành, như:

Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và hỗ trợ khởi nghiệp - nơi mà người dân và doanh nghiệp của Tỉnh được phục vụ trong một không gian thân thiện, minh bạch, hiệu quả.

Phong trào “Công sở thân thiện - cán bộ tận tâm”, “Cơ quan xanh - sạch - đẹp”, và “Dân vận khéo trong cải cách hành chính” giúp lan tỏa tinh thần cống hiến và khuyến khích sáng kiến.

Đặc biệt, mô hình “Hội quán nông dân” - sáng kiến mang tính xã hội hóa cao - đã trở thành không gian gặp gỡ, trao đổi tri thức, hợp tác và sáng tạo giữa người dân, doanh nghiệp và chính quyền. Đây là minh chứng sinh động cho niềm tin hai chiều giữa người dân - cán bộ, giữa chính quyền - Nhân dân, qua đó củng cố nền tảng tinh thần chung của xã hội.

Thứ ba, niềm tin được bồi đắp bằng những kết quả cải cách và hiệu quả quản trị công.

Tỉnh Đồng Tháp liên tục nằm trong nhóm 5 tỉnh dẫn đầu cả nước về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS). Những kết quả này phản ánh không chỉ năng lực điều hành mà còn là niềm tin của cán bộ, doanh nghiệp và người dân vào bộ máy công quyền.

Việc triển khai các chương trình “Chính quyền điện tử”, “Chuyển đổi số trong khu vực công”, “Đồng Tháp số” đã giúp cán bộ, công chức có cơ hội tiếp cận phương thức làm việc hiện đại, minh bạch. Nhiều cán bộ trẻ chia sẻ cảm giác “được trao niềm tin, được thử thách và được bảo vệ khi đổi mới” - đây chính là động lực tinh thần nội sinh, xuất phát từ sự tin tưởng của tổ chức vào cá nhân.

Thứ tư, văn hóa Đồng Tháp - “nghĩa tình, năng động, sáng tạo” - trở thành nền tảng tinh thần bền vững.

Tỉnh Đồng Tháp là một trong số ít địa phương có Đề án xây dựng và phát triển văn hóa con người Đồng Tháp đến năm 2030, trong đó nhấn mạnh đặc trưng “Yêu nước,

đoàn kết, trung thực, tự lực, chăm chỉ, hợp tác, nghĩa tình, năng động, sáng tạo”⁷. Văn hóa ấy thấm sâu vào phong cách làm việc của cán bộ, tinh thần phục vụ của công chức, và thái độ ứng xử của Nhân dân. Người tài, dù trong hay ngoài tỉnh, đều cảm nhận được môi trường văn hóa cởi mở, thân thiện - yếu tố khiến họ muốn trở về, muốn gắn bó và muốn cống hiến.

2.2.3. Một số hạn chế và vấn đề đặt ra

Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận, thực tiễn cũng cho thấy tỉnh Đồng Tháp đang đối diện với những thách thức trong việc củng cố niềm tin và duy trì động lực tinh thần của người tài.

Một là, niềm tin nội bộ ở một số cấp, ngành vẫn còn biểu hiện chưa vững chắc. Một bộ phận cán bộ, công chức, nhất là ở cơ sở, chưa thật sự yên tâm công tác, còn tâm lý lo ngại về cơ hội thăng tiến, chế độ đãi ngộ, hoặc thiếu cơ chế bảo vệ khi dám nghĩ, dám làm. Tình trạng “sợ sai, sợ trách nhiệm” vẫn còn tồn tại, làm giảm sút tinh thần sáng tạo.

Hai là, động lực tinh thần trong khu vực công vẫn bị giới hạn bởi mức lương, chế độ đãi ngộ và cơ chế đánh giá.

⁷ Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2025), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, tr.30.

Dù nhiều người có tâm huyết, song thu nhập thấp và cơ hội phát triển nghề nghiệp hạn chế khiến họ chưa cảm nhận được sự tương xứng giữa cống hiến và ghi nhận. Một bộ phận người trẻ, có năng lực, lựa chọn chuyển ra khu vực tư nhân hoặc sang các đô thị lớn.

Ba là, cơ chế phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng người tài còn thiếu tính hệ thống. Hiện nay, Đồng Tháp có một số chính sách thu hút trí thức, song chưa hình thành “chính sách nhân tài cấp tỉnh” mang tính chiến lược dài hạn. Nhiều cán bộ trẻ được đào tạo bài bản chưa được giao việc đúng chuyên môn; trong khi đó, cơ chế khuyến khích sáng kiến, đề tài khoa học còn nặng về hình thức.

Bốn là, động lực tinh thần cộng đồng có dấu hiệu phân tầng. Ở đô thị, người lao động có điều kiện học hỏi và cơ hội khởi nghiệp, trong khi ở nông thôn - nơi chiếm hơn 70% dân số - điều kiện phát triển nghề nghiệp, khởi nghiệp còn hạn chế. Sự chênh lệch này ảnh hưởng đến cảm nhận về cơ hội công bằng, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến niềm tin xã hội.

Năm là, môi trường văn hóa công vụ chưa thật sự thống nhất. Vẫn còn biểu hiện hình thức trong thực hiện “văn hóa công sở”, một số nơi

chưa tạo được bầu không khí dân chủ, cởi mở, khiến người tài chưa thực sự cảm thấy được lắng nghe, được trọng dụng và được bảo vệ trong công việc.

2.2.4. Đánh giá tổng quát

Từ các phân tích trên, có thể khái quát thực trạng niềm tin và động lực tinh thần của đội ngũ người tài tỉnh Đồng Tháp qua ba điểm chính sau:

Thứ nhất, nền tảng niềm tin chính trị - xã hội của đội ngũ người tài ở tỉnh Đồng Tháp hiện nay là tương đối vững chắc, được củng cố bằng những kết quả phát triển toàn diện của Tỉnh trong những năm qua.

Thứ hai, động lực tinh thần đang dần được khơi dậy thông qua môi trường làm việc nhân văn, tinh thần phục vụ và các phong trào sáng tạo, tuy nhiên vẫn cần cơ chế hỗ trợ cụ thể hơn để chuyển từ “khích lệ” sang “cam kết cống hiến dài lâu”.

Thứ ba, niềm tin và động lực tinh thần hiện nay mới ở mức “ổn định”, chưa đạt đến “bền vững và truyền cảm hứng”. Để giữ chân và phát huy người tài, tỉnh Đồng Tháp cần một bước chuyển từ việc tạo niềm tin sang xây dựng văn hóa niềm tin, từ khuyến khích cống hiến sang trao quyền và bảo vệ người dám đổi mới.

Như vậy, có thể khẳng định rằng Đồng Tháp đang đi đúng hướng trong việc xây dựng môi trường tinh thần, song cần một chiến lược bồi đắp niềm tin và khơi dậy động lực tinh thần một cách bài bản, gắn kết giữa chính trị, văn hóa và phát triển con người - để người tài không chỉ “ở lại Đồng Tháp” mà còn “tự hào vì được cống hiến cho Đồng Tháp”.

2.4. Giải pháp xây dựng niềm tin và động lực tinh thần để giữ chân, phát huy người tài ở Đồng Tháp

Xây dựng niềm tin và động lực tinh thần cho người tài không thể chỉ dừng lại ở các khẩu hiệu hay chính sách ngắn hạn, mà cần được nhìn nhận như một chiến lược phát triển con người toàn diện, gắn với văn hoá chính trị và phương thức lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh. Trong bối cảnh mới, khi yêu cầu cạnh tranh nhân lực ngày càng khốc liệt, việc Đồng Tháp chủ động bồi đắp niềm tin, khơi dậy động lực và tạo môi trường để người tài phát huy tối đa năng lực là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững. Dưới đây, xin đề xuất một số nhóm giải pháp chủ yếu, có tính hệ thống và khả thi, như sau:

Củng cố niềm tin chính trị - tổ chức. Tập trung xây dựng đội ngũ lãnh đạo, quản

lý có bản lĩnh chính trị, đạo đức và năng lực thực tiễn; đề cao tính gương mẫu, nói đi đôi với làm. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ; tăng cường giáo dục chính trị - tư tưởng, gắn trách nhiệm cá nhân với lợi ích cộng đồng. Qua đó, tạo dựng niềm tin vững chắc để người tài yên tâm gắn bó và cống hiến lâu dài.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách trọng dụng và bảo vệ người tài. Xây dựng chính sách phát triển và sử dụng nhân tài mang tính chiến lược, dài hạn; bảo đảm đánh giá công bằng, bố trí đúng năng lực, đãi ngộ tương xứng. Đặc biệt, cần có cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới; lấy hiệu quả công việc và giá trị đóng góp thực chất làm thước đo chủ yếu, qua đó củng cố niềm tin của người tài vào tổ chức.

Xây dựng môi trường văn hóa công vụ nhân văn, chuyên nghiệp. Hình thành văn hóa công vụ dựa trên các giá trị liêm chính - sáng tạo - phục vụ; tạo không gian làm việc dân chủ, cởi mở, khuyến khích đổi mới. Gắn giá trị văn hóa Đồng Tháp “nghĩa tình, năng động, sáng tạo” với chuẩn mực hành vi công vụ, để môi trường làm việc trở thành nguồn cảm hứng và động lực tinh thần cho người tài.

Phát huy động lực tinh thần cộng đồng và sức mạnh văn hóa. Khai thác hiệu quả bản sắc văn hóa Đồng Tháp, phát triển các mô hình cộng đồng như hội quán, câu lạc bộ trí thức, không gian khởi nghiệp. Đẩy mạnh các phong trào thi đua, tôn vinh gương người tốt - việc tốt, lan tỏa tinh thần cống hiến và sáng tạo, qua đó xây dựng “văn hóa niềm tin” trong toàn xã hội.

Liên kết và phát huy nguồn nhân tài Đồng Tháp ngoài tỉnh, ngoài nước. Xây dựng mạng lưới kết nối trí thức, chuyên gia, doanh nhân người Đồng Tháp trong và ngoài nước; đa dạng hóa hình thức hợp tác tư vấn, nghiên cứu, chuyển giao tri thức. Tạo cơ chế để người Đồng Tháp dù ở đâu cũng có cơ hội đóng góp cho quê hương, qua đó mở rộng không gian niềm tin và động lực tinh thần.

Tăng cường truyền thông, lan tỏa giá trị niềm tin và cống hiến. Đổi mới công tác truyền thông theo hướng hiện đại, nhân văn; kể những câu chuyện thật về người tài, cán bộ tận tụy, sáng kiến hiệu quả. Tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo với trí thức, thanh niên, doanh nghiệp, để người tài được lắng nghe và phản hồi. Qua đó, biến niềm tin thành nguồn năng lượng tinh thần lan tỏa trong xã hội.

Nhìn chung, các giải pháp

trên có mối liên hệ hữu cơ với nhau, hình thành chuỗi giá trị “Niềm tin - Động lực - Cống hiến - Phát triển”. Nếu được triển khai đồng bộ, Đồng Tháp sẽ không chỉ giữ chân được người tài, mà còn biến niềm tin và động lực tinh thần thành sức mạnh cạnh tranh mềm, góp phần đưa Tỉnh trở thành địa phương phát triển năng động, bền vững, lấy con người làm trung tâm và văn hoá làm nền tảng.

3. Kết luận

Xây dựng niềm tin và động lực tinh thần là con đường bền vững nhất để giữ chân và phát huy người tài. Khi người tài có niềm tin vào Đảng, chính quyền, và cảm nhận được sự tôn trọng, ghi nhận, họ sẽ biến niềm tin đó thành trách nhiệm và hành động cụ thể. Đối với Đồng Tháp, việc khơi dậy sức mạnh tinh thần, lòng tự hào và khát vọng cống hiến của con người “nghĩa tình, năng động, sáng tạo” chính là chìa khóa để hiện thực hóa khát vọng phát triển nhanh và bền vững trong nhiệm kỳ 2025-2030, tầm nhìn đến 2045. Từ đó, có thể khẳng định rằng, giữ chân người tài bằng vật chất có thể thu hút tạm thời, nhưng giữ chân bằng niềm tin và động lực tinh thần mới là giải pháp căn cơ, phù hợp với bản sắc văn hóa và định hướng phát triển con người của tỉnh Đồng Tháp trong thời kỳ mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2025), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011, Tập 5.
3. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Tỉnh ủy Đồng Tháp (2024), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị nhiệm kỳ 2020-2025*.
6. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2024), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp năm 2024 và phương hướng năm 2025*, Đồng Tháp.
7. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2022), *Niềm tin xã hội và phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
8. Nguyễn Hữu Đồng (2020), *Phát huy nguồn lực con người trong quá trình phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Khoa học Chính trị, số 9.
9. Phạm Minh Chính (2022), *Phát huy nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, ngày 28/12/2025 - Báo cáo Thực trạng biên chế, số lượng cán bộ, công chức, viên chức hiện có và đề xuất biên chế giai đoạn 2026-2031, số 183/BC-UBND.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TRONG VIỆC TỔ CHỨC HỌC TẬP NGHỊ QUYẾT TRỰC TUYẾN Ở CƠ SỞ

✦ PHAN NGUYỄN CHÁNH TRUNG*

1. Giáo dục chính trị trực tuyến - Online political education:

Giáo dục chính trị trực tuyến là một phương thức truyền tải kiến thức (dạy và học) lý luận chính trị, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước thông qua mạng internet và các nền tảng kỹ thuật số. Đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong công tác giáo dục nói chung và đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị nói riêng theo tinh thần Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị (khóa XII) về “*một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*” và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về “*đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*”.

Hội nghị trực tuyến học tập nghị quyết là một bộ phận của giáo dục chính trị trực tuyến, một trong những hình thức học tập lý luận bằng

Tóm tắt: Học tập nghị quyết là trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi cán bộ, đảng viên. Trong thời đại số hiện nay, việc học tập nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến là một trong những yêu cầu cấp thiết để đổi mới, nâng cao hiệu quả, phương pháp quán triệt, triển khai chỉ thị, nghị quyết của Đảng và cấp ủy các cấp. Song việc tổ chức học tập nghị quyết của đảng viên qua các hội nghị trực tuyến thời gian qua còn nhiều vấn đề cần tiếp tục được quan tâm cải thiện.

Từ khóa: Học tập nghị quyết, đảng viên, hội nghị trực tuyến.

hình thức điện tử được Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các bộ, ngành từ trung ương đến địa phương chú trọng triển khai từ những năm đầu nhiệm kỳ 2015 - 2020 đến nay, đặc biệt là từ sau khi “*Hệ thống thi điểm phổ biến, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị trên Internet*” được triển khai chính thức trong

toàn quốc vào tháng 8/2023. Và “*Hội nghị trực tuyến toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII của Đảng*” trong hai ngày 27-28/3/2021, là hội nghị đầu tiên có quy mô kết nối đồng bộ từ trung ương đến cơ sở trên phạm vi cả nước, với hàng triệu cán bộ, đảng viên tham dự ở 67 điểm

* Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị xã Tân Hòa, tỉnh Đồng Tháp.

cầu cấp tỉnh (tương đương) và hơn 7.400 điểm cầu cấp cơ sở.

Sau thành công của hội nghị này, Trung ương và các cấp ủy địa phương, cơ sở tiếp tục tăng cường áp dụng hình thức học tập nghị quyết bằng hình thức trực tuyến trong toàn Đảng. Nhiều nghị quyết quan trọng của Đảng, Bộ Chính trị còn được mở rộng đến toàn thể nhân dân qua hình thức truyền hình trực tiếp trên kênh truyền hình quốc gia. Học tập nghị quyết trực tuyến ngày càng đã trở nên quen thuộc đối với các cấp ủy và cán bộ, đảng viên. Tạo nhiều thuận lợi cho địa phương, cơ sở trong tổ chức triển khai, quán triệt, học tập nghị quyết của Đảng, cấp ủy cấp trên, song cũng phát sinh một số vấn đề cần quan tâm trong việc triển khai, quán triệt và tổ chức học tập nghị quyết cho đảng viên cơ sở hiện nay.

2. Thực trạng tổ chức học tập nghị quyết trực tuyến cơ sở hiện nay:

Giai đoạn 2021 - 2025 đánh dấu bước chuyển ngoặt lớn trong việc học tập nghị quyết của đảng viên cơ sở từ hình thức trực tiếp sang trực tuyến trên quy mô toàn quốc. Từ 7.400 điểm cầu của Hội

nghị quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII (tháng 3/2021) đã nâng lên con số 37.000 điểm cầu trên cả nước, với hơn 1,5 triệu đại biểu và đảng viên cơ sở tham dự Hội nghị toàn quốc triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị diễn ra tại Hội trường Diên Hồng vào sáng ngày 18/5/2025¹.

Số lượng đại biểu, đảng viên tham dự và quy mô tổ chức điểm cầu kết nối hội nghị trực tuyến nêu trên cho thấy hệ thống trực tuyến đã kết nối xuyên suốt từ trung ương đến cơ sở, qua đó nâng tỷ lệ bao phủ trong việc triển khai các nghị quyết của Trung ương đến trực tiếp đảng viên cơ sở lên mức 90-98%. Tính riêng Trung tâm Chính trị huyện Gò Công Đông (nay là xã Tân Hòa) giai đoạn 2015 - 2025 đã tổ chức hơn 40 điểm cầu kết nối hội nghị trực tuyến của Trung ương, Tỉnh ủy với 5.585 lượt đảng viên tham dự. Tỷ lệ bình quân đảng viên tham dự học tập nghị quyết theo báo cáo của các cấp ủy cơ sở đạt 97% trở lên.

Mặc dù đã được nâng lên nhưng có một thực tế cần được ghi nhận đó là tỷ lệ bao phủ nghị quyết đến từng đảng viên cơ sở không bao giờ đạt mức

độ tối đa. Số đảng viên cơ sở vì nhiều lý do mà không tham dự được hội nghị trực tuyến sẽ không nắm bắt đầy đủ nội dung nghị quyết, dẫn đến việc tiếp thu, quán triệt thực hiện và lan tỏa nghị quyết ra quảng đại quần chúng nhân dân sẽ bị ảnh hưởng theo, làm giảm đi mục đích, ý nghĩa về sự lan tỏa, bao phủ rộng rãi nội dung nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân mà hình thức hội nghị trực tuyến hướng đến.

Vấn đề thứ hai cũng cần được quan tâm đó là hiệu quả học tập nghị quyết của đảng viên cơ sở qua hình thức hội nghị trực tuyến. Hội nghị trực tuyến thường tổ chức ở quy mô lớn, thành phần tham dự đa dạng, trình độ nhận thức, năng lực tư duy, kinh nghiệm thực tiễn không đồng đều, thời gian chuẩn bị và trình bày của báo cáo viên có giới hạn nên rất khó trong việc truyền đạt, chuyển tải cho toàn thể hội nghị nắm sâu hết tất cả các nội dung của chuyên đề báo cáo. Điều này càng gây khó khăn cho việc tiếp thu nghị quyết của đảng viên cơ sở, nhất là khu vực nông thôn, có trình độ lý luận chính trị ở mức trung bình. Bởi những vấn đề có tính chất học thuật chuyên sâu, nhạy cảm về

¹ <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/05/18/hoi-nghi-toan-quoc-trien-khai-nghi-quyet-so-66-nq-tw-va-nghi-quyet-so-68-nq-tw-cua-bo-chinh-tri/>

chính trị, quân sự, quốc phòng an ninh,... thì không thể hoặc không đủ thời gian để trình bày hết tất cả các nội dung cụ thể, chi tiết trong khuôn khổ thời gian hội nghị trực tuyến. Đó là chưa kể việc có thể hiểu sai, hiểu chưa đúng các cụm từ, thuật ngữ mới, có ý nghĩa chính trị, hàn lâm khoa học,... dẫn đến việc hiểu và nhận thức không đúng, không đủ nội dung nghị quyết.

Ngoài ra còn có chất lượng đường truyền, thiết bị thu phát âm thanh, hình ảnh, chất lượng bài giảng trình chiếu, môi trường không gian nơi tổ chức điểm cầu kết nối hội nghị trực tuyến, kỹ năng truyền đạt của báo cáo viên, thời gian tổ chức hội nghị²,... cũng là những yếu tố ảnh hưởng đến việc tiếp thu nội dung nghị quyết của đảng viên cơ sở tại các điểm cầu trực tuyến. Một vấn đề khá tế nhị đó là việc đảng viên nông thôn Nam Bộ có tính cách nói thẳng, không vòng vo úp mở trong khi đa phần báo cáo viên Trung ương sử dụng phong cách của người Hà Nội là tinh tế, uyển chuyển, đôi khi có sự đa tầng và ẩn ý trong cách diễn đạt, nên việc tiếp thu của đảng viên cơ sở có lúc chưa thể trọn vẹn và rõ ý.

Bên cạnh yếu tố kỹ thuật và con người thì vấn đề thứ ba cần quan tâm đó là trách nhiệm của các cấp ủy cơ sở trong việc tổ chức học tập nghị quyết. Trước hết là việc tổ chức học tập bổ sung cho những đảng viên không tham dự được hội nghị trực tuyến thường bị cấp ủy cơ sở “bỏ quên”, với lý do là số lượng quá ít để tổ chức, đảng viên có thể tìm xem lại nội dung triển khai nghị quyết qua các phương tiện truyền thông và internet, thậm chí viện lý do là “trung ương đã tổ chức rồi thì cơ sở không phải tổ chức lại”. Đây là nội dung cần hết sức lưu ý về việc đảm bảo quyền lợi và nhiệm vụ của đảng viên trong tham gia học tập nghị quyết theo quy định của Điều lệ Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy cơ sở đối với đảng viên trong quá trình tham gia học tập nghị quyết trực tuyến cũng cần được quan tâm. So với hội nghị trực tiếp, người chủ trì hoặc báo cáo viên có thể tùy tình hình thực tế tại mà có những kỹ thuật điều chỉnh để duy trì sự tập trung chú ý của đại biểu tham dự hội nghị. Còn ở các điểm cầu hội nghị trực tuyến, các cấp ủy cơ sở rất khó khăn

để duy trì sự tập trung của đảng viên trong thời gian hội nghị diễn ra. Tình trạng đến trễ, về sớm, vắng mặt không báo lý do, nói chuyện gây ồn ào, dùng điện thoại, máy vi tính để giải quyết công việc hoặc chơi game, lướt web,... diễn ra khá phổ biến. Mặc dù các cấp ủy có quan tâm nhắc nhở, thậm chí có văn bản chấn chỉnh nhưng đến nay tình trạng này vẫn diễn ra thường xuyên ở nhiều nơi. Về nguyên nhân có một phần là do chất lượng âm thanh, hình ảnh kém, đảng viên việc có khó nghe, nhìn không rõ nên không thể tập trung theo dõi và học tập; một phần do cấp ủy phụ trách ngại phải nhắc nhở liên tục nhất là với đảng viên nữ, cán bộ hưu trí, đảng viên cao niên, thậm chí có tâm lý “làm sao thì làm miễn đừng ảnh hưởng đến những người xung quanh là được”.

Việc tổ chức đánh giá kết quả học tập, quán triệt nghị quyết (công tác hậu kiểm) đối với đảng viên cơ sở cũng đang dần bị xem nhẹ hoặc mang tính hình thức. Dẫn đến biểu hiện “học cho có”, nghị quyết nào, vấn đề nào có liên quan thì chú ý nghe và nghiên cứu, nếu không thì không quan tâm, tranh thủ thời gian

² Do điều kiện khí hậu nên khung giờ hành chính khu vực Nam Bộ vào buổi sáng là 07h30-11h30 và buổi chiều là 13h30-17h30, trong khi ở Bắc Bộ thường có xu hướng muộn hơn 30 phút, do đó tỷ lệ đảng viên cơ sở khu vực phía Nam tham dự đầy đủ đến cuối buổi hội nghị trực tuyến của trung ương thường không đảm bảo.

để làm việc khác. Nhìn bề ngoài thì cùng lúc giải quyết được nhiều việc nhưng thực tế không việc nào ra việc nào, học nghị quyết thì không tiếp thu được, làm việc thì hiệu suất không cao do yếu tố ngoại cảnh, tích tụ về lâu dài thì hình thành thói quen “học để điểm danh” và căn bệnh “lười học” nghị quyết mà các Nghị quyết, Kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI, XII và XIII) đã nêu ra. Đây cũng là một trong những nguyên nhân của tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” mà cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thường sử dụng khi nói về việc chậm chuyển biến ở các cấp địa phương, cơ sở.

3. Một số vấn đề kiến nghị trong việc tổ chức học tập nghị quyết trực tuyến ở cơ sở:

Chấn chỉnh tình trạng “lười” học lý luận nói chung và học tập quán triệt nghị quyết nói riêng là vấn đề đã và đang được Đảng, cấp ủy các cấp quan tâm chấn chỉnh, giải quyết. Nhiều chỉ thị, kết luận, nghị quyết của Đảng, nhiệm vụ, giải pháp của cấp ủy các cấp đã được triển khai thực hiện một cách căn cơ, bài bản và phù hợp. Ở bài viết này, tác giả không đi sâu đề cập đến các giải pháp khắc phục cụ thể mà chỉ đề xuất, kiến nghị một số vấn đề cần quan tâm liên quan đến việc tổ chức học

tập nghị quyết trực tuyến ở cơ sở hiện nay, cụ thể gồm hai nhóm vấn đề như sau:

Thứ nhất - đối với việc tổ chức hội nghị trực tuyến triển khai, quán triệt và học tập nghị quyết của Đảng, Tỉnh ủy.

Trung ương cần tiếp tục quan tâm điều chỉnh, bố trí thời gian các buổi trực tuyến cho hài hòa và phù hợp. Các cơ quan quan tham mưu cấp ủy địa phương, cơ sở cần chú ý thông tin rộng rãi khung thời gian hội nghị để cán bộ, đảng viên chủ động sắp xếp công việc, tham dự được xuyên suốt và đầy đủ.

Quá trình triển khai, báo cáo viên cần chú tâm hơn các yếu tố kỹ thuật khi truyền đạt như tốc độ nói, kỹ thuật trình bày trang chiếu,...; các vấn đề mang tính học thuật, nhạy cảm,... có thể soạn thành tài liệu có giới hạn để lưu hành hoặc để cấp ủy cơ sở tiếp thu và triển khai có chọn lọc cho đảng viên cơ sở.

Tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cấp hệ thống đường truyền, trang thiết bị âm thanh, hình ảnh phục vụ hội nghị trực tuyến. Đối với những hội nghị không yêu cầu bảo mật có thể sử dụng các kênh truyền thông (truyền hình) hoặc ứng dụng trực tuyến phổ biến để dễ dàng kết nối và đảm bảo tín hiệu truyền tải.

Thứ hai - đối với việc theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát đảng viên cơ sở tham gia học tập nghị quyết qua hội nghị trực tuyến.

Cần đổi mới công tác điểm danh, kiểm diện đảng viên tham gia học tập. Kết hợp giữa việc tự kiểm tra, báo cáo bằng số liệu, danh sách của cấp ủy quản lý nơi tổ chức điểm cầu với ảnh chụp đầu giờ - giữa buổi - cuối buổi để so sánh, đối chiếu (áp dụng với những nơi không có camera kết nối trực tiếp).

Duy trì và đổi mới hình thức kiểm tra thu hoạch sau học tập nghị quyết. Nội dung thu hoạch viết tay hoặc đánh máy, dung lượng khoản 01 trang giấy A4 chủ yếu là vấn đề đảng viên tâm đắc qua nội dung nghị quyết đã được học tập. Cấp ủy quản lý nơi tổ chức điểm cầu trực tiếp đọc và đánh giá nội dung các bài thu hoạch của đảng viên, bài thu hoạch nào hay, tâm huyết, có đề xuất sáng tạo và phù hợp thì ghi nhận để biểu dương, khen thưởng (nếu có) và báo cáo, đề xuất lên cấp ủy cấp trên xem xét. Định kỳ hoặc đột xuất, cơ quan tham mưu của cấp ủy cấp trên kiểm tra ngẫu nhiên việc tổ chức thực hiện của cấp ủy cấp dưới.

Có quy định cụ thể việc học tập bổ sung đối với những đảng viên chưa tham gia học

tập nghị quyết trực tuyến. Nên tập hợp đưa về Trung tâm Chính trị cấp xã để tổ chức lớp tập trung, vừa tiết kiệm thời gian, kinh phí khi phải tổ chức riêng của từng xã, vừa đảm bảo chất lượng, hiệu quả truyền đạt nghị quyết theo chức năng nhiệm vụ được giao cho Trung tâm Chính trị cấp xã.

Sau khi hoàn thành việc triển khai, quán triệt, học tập nghị quyết, Đảng ủy các xã, phường cần sớm xây dựng và tổ chức hội nghị triển khai

chương trình, kế hoạch cụ thể hóa các phần việc, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nghị quyết của địa phương, đơn vị, địa bàn mình cho đảng viên cơ sở biết, thống nhất quan điểm hành động toàn đảng bộ và lan tỏa rộng rãi để nhân dân cùng thực hiện.

4. Kết luận:

Đổi mới và hiện đại hóa công tác giáo dục lý luận chính trị nói chung, học tập nghị quyết nói riêng là nhu cầu cấp thiết trong giai đoạn chuyển đổi số hiện nay. Việc

tổ chức triển khai, quán triệt và học tập nghị quyết bằng hình thức trực tuyến đã trở nên phổ biến từ trung ương đến địa phương và qua thực tế chứng minh đã mang lại nhiều kết quả thiết thực. Và để đạt mục tiêu, chất lượng, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” toàn xã hội thì mỗi cán bộ, đảng viên cần phải nêu gương chính bản thân mình trong việc học tập số (E-learning) trong đó có việc học tập, quán triệt nghị quyết qua hình thức hội nghị trực tuyến./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”.

2. Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.

3. Báo cáo số 388-BC/HU ngày 18/3/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy Gò Công Đông tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về “Công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”.

4. Bảo điện tử Tiếng nói Việt Nam (2024): Quán triệt Nghị quyết của Đảng: Không chỉ là “khai hội, thảo nghị quyết”, <https://vov.vn/chinh-tri/quan-triet-nghi-quyet-cua-dang-khong-chi-la-khai-hoi-thao-nghi-quyet>.

5. PGS,TS Ngô Đình Xây (2022): Vận dụng mô hình giáo dục thông minh vào giáo dục lý luận chính trị qua mạng ở Việt Nam hiện nay, <https://lyluanchinhtri.vn/van-dung-mo-hinh-giao-duc-thong-minh-vao-giao-duc-ly-luan-chinh-tri-qua-mang-o-viet-nam-hien-nay-914.html>.

6. ThS Nguyễn Tuấn Anh (2023): Những khó khăn và thách thức trong dạy và học trực tuyến, <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/nhung-kho-khan-va-thach-thuc-trong-day-va-hoc-truc-tuyen-p27440.html>.

KINH TẾ TƯ NHÂN

ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

✧ TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG*

✧ LÊ NGUYỄN DUY**

Tóm tắt: Kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khu vực kinh tế tư nhân ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) ngày càng thể hiện rõ vai trò then chốt trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Bài viết phân tích vai trò của kinh tế tư nhân trong phát triển bền vững, chỉ ra thách thức và đề xuất một số giải pháp phát huy vai trò động lực của kinh tế tư nhân ở vùng ĐBSCL.

Từ khóa: Kinh tế tư nhân; động lực; ĐBSCL; kỷ nguyên mới, ...

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình đổi mới toàn diện đất nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nhất quán khẳng định phát triển kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ Đại hội VI đến nay, nhận thức lý luận và thực tiễn về vai trò của khu vực kinh tế tư nhân không ngừng được hoàn thiện và phát triển. Nghị quyết số

10-NQ/TW ngày 3/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” là chủ trương lớn, thể hiện bước phát triển mới trong tư duy kinh tế của Đảng, đồng thời khẳng định sự cần thiết phải huy động, khơi dậy và

phát huy tiềm năng to lớn của khu vực kinh tế tư nhân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Sự ra đời của Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế tư nhân” trong tình hình mới là lời khẳng định mạnh mẽ của Đảng về vai trò then chốt, động lực quan trọng hàng đầu của khu vực kinh tế tư nhân trong tiến trình phát triển đất nước. Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ: Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị “về phát triển kinh tế tư nhân” đã hiện thực hóa mục tiêu để kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia tức là tăng vai trò, sức mạnh và hiệu quả của khu vực kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế đất nước.

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

** CN, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

Trong bối cảnh mới, nền kinh tế thế giới đang vận động trong một kỷ nguyên mới với những đặc trưng nổi bật của toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, cùng với những tác động ngày càng gay gắt của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Những xu hướng này đang tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với tiến trình phát triển của Việt Nam nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng. ĐBSCL là vùng kinh tế - xã hội đặc thù, có tiềm năng lớn trong huy động nguồn lực, có vai trò chiến lược trong đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, xuất khẩu nông sản và phát triển kinh tế bền vững. Tuy nhiên, khu vực này đang đối mặt với nhiều vấn đề mang tính cấu trúc như chất lượng hạ tầng thấp, năng suất lao động và trình độ công nghệ còn hạn chế, liên kết vùng thiếu hiệu quả, cùng với những rủi ro ngày càng lớn từ biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và nước biển dâng. Do đó, phát huy vai trò của kinh tế tư nhân là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

Nghiên cứu vấn đề này góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách nhằm phát huy vai trò của kinh tế tư nhân trong phát triển nhanh và bền vững vùng ĐBSCL trong kỷ nguyên mới.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về Đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích tự nhiên 39.734 km² chiếm 12,2% diện tích cả nước; dân số khoảng 18 triệu người, chiếm 19% dân số cả nước. ĐBSCL có khoảng 150 đơn vị cấp huyện, hơn 1.000 đơn vị hành chính cấp xã, gần 10 triệu hộ nông dân. Từ vùng đất 13 tỉnh, thành, ĐBSCL giờ chỉ còn 6 tỉnh, thành sau khi Nghị quyết 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025” được thông qua.

ĐBSCL được xem là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; là cửa ngõ phía Tây Nam của quốc gia trong giao thương với các nước ASEAN

và Tiểu vùng sông Mê Kông; có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2024 của vùng đạt 7,31%, cao hơn mức tăng bình quân cả nước (cả nước khoảng 7%), đứng thứ 3/6 các vùng kinh tế. Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành vùng ĐBSCL đạt 1.409,28 nghìn tỷ đồng, tăng 11,9% so với năm 2023 và chiếm 12,2% cả nước. Thu nhập bình quân đầu người toàn vùng năm 2024 đạt 80,7 triệu đồng/người/năm, đứng thứ 5/6 vùng trên cả nước¹. ĐBSCL là vựa lúa, trung tâm sản xuất thủy sản, trái cây lớn nhất cả nước; đóng góp 31,37% GDP toàn ngành nông nghiệp và hơn 50% sản lượng lúa, 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản, 70% lượng trái cây, 95% lượng gạo xuất khẩu và 60% sản lượng thủy sản xuất khẩu².

ĐBSCL có hơn 700km bờ biển (bằng 23% cả nước), 367 nghìn km² vùng biển và vùng đặc quyền kinh tế, giàu tiềm năng về tài nguyên và năng lượng tái tạo như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy triều,...³.

¹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2025), *Tài liệu Hội nghị Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL lần thứ Năm, ngày 03/01/2025*.

² Minh Mạnh (2022), *Ngành nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng và phát triển “thuận thiên”*, Trang Thông tin điện tử Quân đội Nhân dân, <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/thich-ung-va-phat-trien-thuan-thien-699719>.

³ Phan Văn Mãi (2021), *Đồng bằng sông Cửu Long phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu*, Tạp chí điện tử Nông nghiệp và Môi trường, Truy cập tại: <https://tainguyenvamoitruong.vn/dong-bang-song-cuu-long-phat-trien-ben-vung-%C2%A0thich-ung-voi-bien-doi-khi-hau-cid1190.html>.

Sau khi sáp nhập, diện tích và dân số các tỉnh ĐBSCL có sự thay đổi rõ rệt. Sự thay đổi này mở ra những tiềm năng mới trong phân bổ nguồn lực và hoạch định chiến lược phát triển. Với vị trí chiến lược và tiềm năng kinh tế lớn và nhiều lợi thế, ĐBSCL sau sáp nhập trở thành vùng phát triển năng động, hội đủ những yếu tố cần thiết để trở thành một trong những vùng kinh tế trọng điểm. Hệ thống hạ tầng giao thông, cảng biển, logistic sẽ được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu mới. Ngoài ra, vùng còn có thể trở thành trung tâm năng lượng tái tạo, du lịch và xuất khẩu nông sản hàng đầu Đông Nam Á.

2.2. Vai trò của kinh tế tư nhân trong phát triển bền vững ở ĐBSCL

Kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững của vùng ĐBSCL - khu vực có vị trí chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh đang diễn ra mạnh mẽ, vai trò của khu vực này càng trở nên nổi bật trên nhiều phương diện.

Thứ nhất, kinh tế tư nhân góp phần quan trọng

vào tăng trưởng GRDP và cơ cấu lại nền kinh tế vùng. Hiện nay, khu vực tư nhân đóng góp hơn 45% GRDP của ĐBSCL, tạo ra hàng triệu việc làm, đặc biệt trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, chế biến, thương mại - dịch vụ và du lịch. Sự năng động, linh hoạt của doanh nghiệp tư nhân giúp thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế theo hướng giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững.

Thứ hai, kinh tế tư nhân là lực lượng chủ yếu thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Thông qua ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân đã góp phần nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, mở rộng thị trường, nhất là trong nông nghiệp công nghệ cao và logistics xanh.

Thứ ba, khu vực tư nhân đóng vai trò then chốt trong phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và an sinh xã hội. Nhiều doanh nghiệp đã chú trọng đầu tư theo hướng kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước - yếu tố sống còn của ĐBSCL trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Thứ tư, kinh tế tư nhân

thúc đẩy liên kết vùng và hội nhập quốc tế, hình thành các chuỗi giá trị nông sản, thủy sản bền vững; tham gia sâu hơn vào mạng lưới sản xuất toàn cầu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của vùng.

Thứ năm, kinh tế tư nhân giữ vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh, trật tự biên giới thông qua việc tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, ổn định dân cư và phát triển kinh tế hợp pháp. Sự phát triển này góp phần hạn chế buôn lậu, tội phạm xuyên biên giới, củng cố thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

2.3. Cơ hội và thách thức đối với khu vực kinh tế tư nhân vùng ĐBSCL trong kỷ nguyên mới

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự chuyển mình mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu, khu vực kinh tế tư nhân vùng ĐBSCL đang bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều cơ hội và thách thức đan xen và không ít những vấn đề đặt ra. Đây là giai đoạn mang tính bước ngoặt, đòi hỏi khu vực tư nhân không chỉ phát triển về quy mô, năng lực cạnh tranh mà còn phải thích ứng với các yêu cầu của phát triển bền vững trong kỷ nguyên số và chuyển đổi xanh.

2.3.1. Cơ hội đối với kinh tế tư nhân ở Đồng bằng Sông Cửu Long trong kỷ nguyên mới

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh đang định hình lại cấu trúc phát triển kinh tế toàn cầu, khu vực kinh tế tư nhân vùng ĐBSCL đứng trước nhiều cơ hội mới mang tính chiến lược.

Thứ nhất, môi trường chính sách ngày càng hoàn thiện, tạo nền tảng thuận lợi cho phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Đảng và Nhà nước xác định kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Các chủ trương, chính sách lớn như Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương “về phát triển kinh tế tư nhân” và Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” đã mở ra khuôn khổ chính trị và pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân phát triển. Việc triển khai quy hoạch vùng ĐBSCL giai đoạn 2021 - 2030 cũng đang mở ra không gian phát triển mới, định hướng rõ các trục

kinh tế, trung tâm động lực và vùng liên kết, qua đó khuyến khích đầu tư tư nhân vào hạ tầng giao thông, logistics, năng lượng tái tạo, chế biến nông sản và du lịch sinh thái.

Thứ hai, tiến trình chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại cơ hội lớn cho doanh nghiệp tư nhân. Sự phát triển của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và Internet vạn vật (IoT) giúp doanh nghiệp tư nhân có thể tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí và mở rộng thị trường. Ở ĐBSCL, nhiều doanh nghiệp đã bước đầu ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp thông minh, quản lý chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm. Chuyển đổi số cũng giúp doanh nghiệp tăng khả năng tiếp cận thị trường quốc tế, cải thiện năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực chủ lực của vùng như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến thủy sản, logistics và thương mại điện tử nông sản.

Thứ ba, hội nhập kinh tế quốc tế và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mở ra thị trường rộng lớn. Việc Việt Nam tham gia các hiệp định FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân ĐBSCL mở rộng thị trường xuất khẩu, tiếp cận

các tiêu chuẩn quốc tế về sản xuất, an toàn thực phẩm, môi trường và lao động. Điều này không chỉ thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu mà còn giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, cải thiện chất lượng sản phẩm và xây dựng thương hiệu vùng.

Thứ tư, xu thế chuyển đổi xanh và phát triển bền vững mở ra hướng đi mới. ĐBSCL có lợi thế lớn về nông nghiệp sinh thái, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) và du lịch xanh. Sự ưu tiên của Chính phủ đối với mô hình kinh tế tuần hoàn, phát triển nông nghiệp xanh và giảm phát thải ròng đến năm 2050 tạo cơ hội để doanh nghiệp tư nhân đổi mới công nghệ, tham gia sâu vào các chuỗi giá trị nông sản - thủy sản xanh.

Thứ năm, liên kết vùng và phát triển hạ tầng đang được thúc đẩy mạnh mẽ. Hệ thống cao tốc Bắc - Nam phía Đông, tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, cảng trung chuyển quốc tế Cần Giỏi và các tuyến đường ven biển đang được triển khai giúp rút ngắn thời gian vận chuyển, giảm chi phí logistics. Việc hình thành các trung tâm kinh tế, logistics, đào tạo và đổi mới sáng tạo trong vùng là cơ hội để khu vực tư nhân phát huy vai trò chủ thể trong chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ - xuất khẩu nông sản.

2.3.2. Thách thức đối với kinh tế tư nhân ở Đồng bằng Sông Cửu Long trong kỷ nguyên mới

Bên cạnh những cơ hội thuận lợi, kinh tế tư nhân vùng ĐBSCL cũng phải đối mặt với nhiều thách thức lớn và mang tính cơ cấu.

Thứ nhất, quy mô doanh nghiệp còn nhỏ, năng lực cạnh tranh hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp tư nhân ở ĐBSCL có quy mô vừa và nhỏ, thậm chí siêu nhỏ; năng lực tài chính yếu, khả năng quản trị hiện đại và tiếp cận vốn, công nghệ còn hạn chế. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo, nghiên cứu - phát triển (R&D) còn thấp, khiến khu vực tư nhân khó tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và khó thực hiện các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Thứ hai, hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, làm tăng chi phí sản xuất và logistics. Mặc dù được chú trọng đầu tư trong thời gian gần đây, song hệ thống giao thông, cảng biển, logistics, năng lượng và công nghệ thông tin của ĐBSCL vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển hiện đại.

Thứ ba, tác động ngày càng nghiêm trọng của biến

đổi khí hậu. ĐBSCL là một trong những vùng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu trên thế giới. Tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, sụt lún đất và suy giảm nguồn nước ngọt đe dọa trực tiếp đến các ngành sản xuất chủ lực của vùng.

Thứ tư, nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập. Phần lớn lao động trong khu vực tư nhân vẫn chưa được đào tạo bài bản về công nghệ, quản trị số và phát triển bền vững. Thiếu đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, nhà khoa học có năng lực quốc tế khiến doanh nghiệp gặp khó khăn khi tiếp cận các tiêu chuẩn cao của thị trường nước ngoài.

Thứ năm, khung khổ thể chế và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp còn bất cập. Một số chính sách về đất đai, tín dụng, thuế, khoa học - công nghệ và hỗ trợ đổi mới sáng tạo chưa thực sự tạo động lực mạnh cho doanh nghiệp tư nhân. Cơ chế khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo và logistics còn chậm được cụ thể hóa, khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khi tiếp cận ưu đãi hoặc vốn đầu tư dài hạn.

2.3.3. Những vấn đề đặt ra đối với kinh tế tư nhân ở Đồng bằng Sông Cửu Long trong kỷ nguyên mới

Kinh tế tư nhân vùng ĐBSCL đang khẳng định vai trò ngày càng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực. Tuy nhiên, trong bối cảnh kỷ nguyên mới với yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và thích ứng biến đổi khí hậu, khu vực này vẫn đối diện với nhiều hạn chế, cản trở sự lớn mạnh của doanh nghiệp tư nhân và làm suy giảm năng lực cạnh tranh của toàn vùng.

Thứ nhất, quy mô và chất lượng doanh nghiệp còn hạn chế. Đến cuối năm 2024, toàn vùng có 71.443 doanh nghiệp, tăng khoảng 5% so với cùng kỳ năm 2023, nhưng bình quân mỗi doanh nghiệp chỉ có 7,5 lao động, phản ánh tình trạng phổ biến là doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ⁴. Trong ngành thủy sản, các doanh nghiệp ở Cần Thơ, Cà Mau giữ vai trò xuất khẩu tôm, cá tra quan trọng, nhưng số lượng doanh nghiệp đạt chuẩn quốc tế như ASC, BAP hay GlobalGAP vẫn còn ít, khiến khả năng tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu bị hạn chế.

⁴ Trung Chánh (2025), *Đề khu vực tư nhân ĐBSCL 'lớn về lượng, mạnh về chất'*, Tạp chí Kinh tế Sài Gòn online, Truy cập tại: <https://thesaigontimes.vn/de-khu-vuc-tu-nhan-dbscl-lon-ve-luong-manh-ve-chat/>.

Thứ hai, liên kết vùng và chuỗi giá trị còn thiếu chặt chẽ. Ở một số tỉnh trọng điểm như An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long,... phần lớn doanh nghiệp tư nhân chỉ tham gia ở khâu xay xát và xuất khẩu gạo trắng thông thường, tỷ lệ gạo thơm, gạo hữu cơ hay sản phẩm chế biến sâu còn rất thấp.

Thứ ba, thách thức từ biến đổi khí hậu và yêu cầu phát triển bền vững đang ngày càng trở nên cấp bách. Nhiều doanh nghiệp nhỏ tại Vĩnh Long, Cần Thơ và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long khác đang đối mặt với những tác động nặng nề từ xâm nhập mặn và hạn hán. Những hiện tượng này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh mà còn gây thiếu hụt nguồn nước cho sinh hoạt và nông nghiệp. Tuy nhiên, với chi phí đầu tư vào công nghệ xử lý môi trường vẫn còn cao, phần lớn các doanh nghiệp vẫn chưa thể đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển xanh, dẫn đến nguy cơ bị loại khỏi các chuỗi cung ứng toàn cầu, đồng thời giảm khả năng cạnh tranh trong thị trường quốc tế.

Thứ tư, khó khăn trong tiếp cận vốn, công nghệ và nhân lực chất lượng cao.

Khảo sát của VCCI năm 2024 cho thấy nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa tại ĐBSCL gặp trở ngại trong tiếp cận tín dụng do thiếu tài sản thế chấp hoặc hồ sơ tài chính chưa minh bạch. Ở An Giang, Đồng Tháp, chỉ một số ít doanh nghiệp đầu tư được dây chuyền chế biến gạo chất lượng cao phục vụ thị trường EU, trong khi phần lớn vẫn xuất khẩu gạo ở dạng sơ cấp. Tỷ lệ lao động qua đào tạo của vùng vẫn thấp hơn mức trung bình cả nước, gây khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ, quản lý chất lượng và mở rộng thị trường quốc tế.

Thứ năm, thể chế, chính sách và môi trường kinh doanh chưa thật sự thuận lợi. Dù số lượng doanh nghiệp tăng, nhưng đến năm 2024, ĐBSCL chỉ đạt 4,2 doanh nghiệp/1.000 dân, thấp hơn nhiều so với Đông Nam Bộ (19,6) và Đồng bằng sông Hồng (12,7)⁵. Thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, môi trường và đầu tư còn phức tạp, nhiều doanh nghiệp chế biến nông - thủy sản phải mất nhiều thời gian để hoàn tất hồ sơ.

Thứ sáu, áp lực từ hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, CPTPP, RCEP đòi hỏi tiêu

chuẩn cao về môi trường, lao động và phát thải. Đặc biệt, với cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU, doanh nghiệp xuất khẩu gạo và thủy sản ở ĐBSCL nếu không đáp ứng được yêu cầu giảm phát thải sẽ mất lợi thế cạnh tranh. Về chuyển đổi số, tỷ lệ doanh nghiệp tư nhân trong vùng ứng dụng thương mại điện tử, công cụ quản trị số hay IoT còn rất thấp, khiến họ khó tận dụng cơ hội từ nền kinh tế số và thương mại xuyên biên giới.

2.4. Một số giải pháp cơ bản nhằm phát triển kinh tế tư nhân ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long trong kỷ nguyên mới

Trong kỷ nguyên mới, với những chuyển biến sâu sắc của đời sống chính trị, kinh tế và xã hội, cùng sự tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc phát triển khu vực kinh tế tư nhân ở Đồng bằng sông Cửu Long trở thành một yêu cầu tất yếu để bảo đảm tăng trưởng nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời giữ vững vị thế là trung tâm sản xuất nông nghiệp - thủy sản quan trọng nhất cả nước. Tuy nhiên, để

⁵ Trung Chánh (2025), *Đề khu vực tư nhân ĐBSCL 'lớn về lượng, mạnh về chất'*, Tạp chí Kinh tế Sài Gòn online, Truy cập tại: <https://thesaigontimes.vn/de-khu-vuc-tu-nhan-dbscl-lon-ve-luong-manh-ve-chat/>.

khu vực này thật sự trở thành một động lực chủ yếu của phát triển, cần triển khai một hệ thống giải pháp đồng bộ, bao quát từ thể chế, hạ tầng, khoa học công nghệ đến nhân lực và hội nhập quốc tế, gắn với điều kiện đặc thù của từng địa phương trong vùng.

Một là, cải thiện thể chế và môi trường kinh doanh là yêu cầu nền tảng. Để tạo dựng một môi trường kinh doanh thông thoáng, chính quyền các địa phương phải đẩy mạnh cải cách hành chính, mở rộng ứng dụng công nghệ số, rút ngắn thời gian đăng ký kinh doanh xuống chỉ còn 1-2 ngày thay vì 3-5 ngày như hiện nay. Bên cạnh đó, hệ thống ngân hàng cần triển khai thêm gói tín dụng ưu đãi, đặc biệt là tín dụng xanh để hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận vốn dài hạn. Việc loại bỏ các chi phí không chính thức - vốn được khảo sát chiếm trung bình tới 15% doanh thu của doanh nghiệp nhỏ trong khu vực - cũng là giải pháp quan trọng để tăng sức cạnh tranh.

Hai là, nâng cao quy mô và chất lượng doanh nghiệp tư nhân. Các tỉnh vùng ĐBSCL cần ban hành chính sách ưu đãi để hình thành những doanh nghiệp đầu đàn trong các ngành hàng chủ lực như cá tra, gạo chất lượng cao, trái cây đặc sản. Đồng thời, phong

trào khởi nghiệp cần được tiếp sức mạnh mẽ hơn. Bến Tre có thể tận dụng lợi thế dừa, Đồng Tháp phát triển khởi nghiệp xoài, An Giang với cá tra, Cần Thơ với logistics nông sản. Ngoài ra, doanh nghiệp cần chú trọng nâng cao năng lực quản trị, xây dựng thương hiệu quốc tế.

Ba là, phát triển liên kết vùng và chuỗi giá trị bền vững là giải pháp không thể thiếu. Để khắc phục tình trạng thiếu liên kết chặt chẽ, dẫn đến tình trạng dư thừa cục bộ hoặc bị ép giá, cần hình thành các trung tâm logistics hiện đại tại Cần Thơ, Vĩnh Long,... nhằm giảm chi phí vận chuyển và bảo quản sau thu hoạch. Việc xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, liên kết với doanh nghiệp tư nhân là điều kiện để đáp ứng các thị trường khó tính.

Bốn là, thúc đẩy chuyển đổi xanh và phát triển bền vững. ĐBSCL là một trong những đồng bằng chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu toàn cầu. Doanh nghiệp tư nhân phải được hỗ trợ để áp dụng công nghệ sạch, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp. Song hành với chuyển đổi xanh là chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, các tỉnh vùng ĐBSCL cần xây dựng các trung tâm hỗ trợ chuyển

đổi số vùng tại Cần Thơ, nơi có thể đào tạo, tư vấn, hỗ trợ triển khai công cụ số cho doanh nghiệp. Cùng với đó, việc đầu tư hạ tầng internet tốc độ cao ở các vùng sâu như U Minh Thượng (Kiên Giang), Đồng Tháp Mười là nền tảng để đảm bảo mọi doanh nghiệp đều có cơ hội tham gia nền kinh tế số.

Năm là, không ngừng nâng cao năng lực và thúc đẩy khả năng hội nhập quốc tế, hướng tới việc tạo dựng sự liên kết chặt chẽ hơn với các nền văn hóa, nền kinh tế và nền chính trị toàn cầu. Trong bối cảnh các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, CPTPP, RCEP và các tiêu chuẩn môi trường mới của EU (CBAM) được thực thi, doanh nghiệp tư nhân ĐBSCL phải nhanh chóng thích ứng. Vì vậy, các tỉnh cần xây dựng quỹ xúc tiến thương mại chung cho cả vùng, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ quốc tế, đồng thời tăng cường đào tạo về quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng, phát thải carbon. Chỉ bằng cách đầu tư vào chế biến sâu, tạo dựng thương hiệu mạnh và thực hiện truy xuất nguồn gốc đầy đủ, các sản phẩm chủ lực như gạo ST25, xoài cát Hòa Lộc, cá tra phi lê cao cấp mới có thể khẳng định vị thế trên thị trường toàn cầu.

3. Kết luận

Kinh tế tư nhân giữ vai trò chiến lược trong phát triển đất nước, đặc biệt quan trọng đối với ĐBSCL - vùng trọng điểm về nông nghiệp, thủy sản và kinh tế xanh. Với đặc tính năng động và sáng tạo, khu vực này ngày càng

trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế. Mặc dù còn hạn chế về quy mô, năng lực quản trị và hạ tầng, khu vực này vẫn có tiềm năng lớn nếu được Nhà nước hỗ trợ đồng bộ và doanh nghiệp

chủ động đổi mới, thích ứng. Trong kỷ nguyên mới, kinh tế tư nhân vùng ĐBSCL không chỉ là động lực tăng trưởng, mà còn là trụ cột chiến lược bảo đảm cho phát triển nhanh và bền vững của vùng, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển của Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2017), *Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
3. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân*.
4. Chính phủ (2022), *Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị*.
5. Chính phủ (2017), *Nghị quyết số 120/NQ – CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ: Về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*.
6. Chính phủ (2025), *Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ: Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025*.
7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), *Báo cáo thường niên về doanh nghiệp Việt Nam năm 2023*, Hà Nội.
8. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2025), *Tài liệu Hội nghị Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL lần thứ Năm, ngày 03/01/2025*.
9. Tổng cục Thống kê (2024), *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

CHIA SẺ KINH NGHIỆM VÀ MÔ HÌNH HỌC TẬP, LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH GẮN VỚI XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG THEO KẾT LUẬN 21-KL/TW TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Đặt vấn đề

✪ NGUYỄN TẤN TRẠNG*

Trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị là nhiệm vụ quan trọng, nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên¹. Kết luận 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu xây dựng và chỉnh đốn Đảng, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, cùng các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”². Đây là cơ sở lý luận vững chắc, không chỉ cho công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh mà còn cho việc thực hiện những nhiệm vụ cách mạng quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Tại tỉnh Đồng Tháp, việc triển khai Chỉ thị 05-CT/TW

Tóm tắt: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có vai trò then chốt trong thực hiện Kết luận số 21-KL/TW về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, góp phần ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Nghiên cứu thực tiễn tại Đồng Tháp cho thấy các mô hình như “Sổ tay cán bộ, đảng viên làm theo gương Bác” và “Nghĩa tình quân - dân vùng biên” đã cụ thể hóa việc học tập lý luận chính trị, tạo chuyển biến tích cực. Những mô hình này đã nâng cao nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Để lan tỏa hiệu quả, cần nhân rộng các mô hình này thông qua các hoạt động và chương trình đào tạo tại Trường Chính trị tỉnh, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị và đưa lý luận vào thực tiễn một cách hiệu quả hơn.

Từ khóa: Học tập và làm theo gương Bác; xây dựng, chỉnh đốn Đảng; mô hình thực tiễn.

đã được kết hợp chặt chẽ với Nghị quyết 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai

trái, thù địch. Những nỗ lực này đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh. Mặc dù việc triển khai

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Bộ Chính trị (2016). *Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

² Ban Chấp hành Trung ương (2021). *Kết luận 21-KL/TW về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn một số khía cạnh cần được cải thiện. Cụ thể, công tác tuyên truyền cần được đổi mới cả về hình thức và nội dung, đồng thời tăng cường tính sáng tạo để tiếp cận hiệu quả hơn với người dân và cán bộ, đảng viên, từ đó nâng cao nhận thức và tạo ra sự lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng.

Việc chia sẻ kinh nghiệm và mô hình học tập tư tưởng Hồ Chí Minh tại Đồng Tháp sẽ là cơ hội để khẳng định vai trò quan trọng của Trường Chính trị tỉnh trong công tác đào tạo lý luận chính trị và xây dựng đội ngũ cán bộ gương mẫu. Nghiên cứu này sẽ phân tích các mô hình thực tiễn tại Đồng Tháp, đồng thời đề xuất các giải pháp nhân rộng các mô hình hiệu quả, gắn với Kết luận 21-KL/TW, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là di sản quý báu, tạo nền tảng lý luận cho công tác xây dựng Đảng và rèn luyện cán bộ, đảng viên trong thời kỳ đổi mới. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, đòi hỏi mỗi đảng viên phải rèn luyện phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, luôn “Nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin” cùng với tác phong: “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”³. Những giá trị này không chỉ là kim chỉ nam cho đạo đức cách mạng mà còn là cơ sở để xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị đã cụ thể hóa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thành nhiệm vụ thường xuyên, gắn chặt với các nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng⁴. Đặc biệt, Kết luận 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII nhấn mạnh

yêu cầu đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, nêu gương của người đứng đầu, kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”⁵. Việc học tập Bác trở thành công cụ cốt lõi để cán bộ, đảng viên “tự soi, tự sửa”, nâng cao bản lĩnh chính trị, ngăn chặn các nguy cơ suy thoái, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Nghị quyết 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, đã khẳng định vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh như một nền tảng lý luận quan trọng để bảo vệ Đảng trước các nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”⁶. Tại tỉnh Đồng Tháp, việc triển khai chuyên đề năm 2025 “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài” đã thu hút hơn 41.500 đại biểu tham dự hội nghị, tập trung đổi mới giáo dục, đào

³ Bộ Chính trị (2024), *Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

⁴ Bộ Chính trị (2016), *Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

⁵ Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Kết luận 21-KL/TW về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

⁶ Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

tạo nghề nghiệp và hợp tác phát triển nhân lực⁷. Các hoạt động này không chỉ thể hiện tinh thần học tập Bác mà còn góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thông qua việc nâng cao nhận thức lý luận và đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, kết hợp với Chỉ thị 05-CT/TW, Kết luận 21-KL/TW và Nghị quyết 35-NQ/TW, tạo nên cơ sở lý luận vững chắc, là động lực quan trọng để đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Việc học tập và làm theo Bác không chỉ giúp cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giữ vững lập trường, mà còn là yếu tố quyết định để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

2.2. Kinh nghiệm thực tiễn triển khai tại tỉnh Đồng Tháp

Qua 10 năm thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW (2016-2025), tỉnh Đồng Tháp đã đạt

được nhiều thành tựu trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với Kết luận 21-KL/TW về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tỉnh đã duy trì 91 mô hình hiệu quả, hình thành 847 mô hình mới và hàng ngàn gương “người tốt, việc tốt” trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng-an ninh. Những kinh nghiệm thực tiễn nổi bật được rút ra như sau:

Thứ nhất, tích hợp học tập vào sinh hoạt chi bộ và nêu gương của người đứng đầu. Các cấp ủy Đảng ở Đồng Tháp tổ chức sinh hoạt chuyên đề hàng tháng, kết hợp tự phê bình và phê bình theo tinh thần Kết luận 21-KL/TW, nhằm ngăn chặn suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống⁸. Huyện Cao Lãnh triển khai mô hình “Sổ tay cán bộ, đảng viên làm theo gương Bác”, yêu cầu đảng viên tự đánh giá hành vi, thực hiện tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí⁹. Kết quả, mô hình này giúp giảm đáng kể các biểu hiện tiêu cực, tăng cường đoàn kết

nội bộ. Năm 2025, toàn tỉnh ghi nhận 463 tập thể và cá nhân được khen thưởng nhờ thực hiện tốt việc học tập Bác, góp phần nâng cao uy tín của tổ chức Đảng¹⁰. Kinh nghiệm rút ra là cần duy trì sinh hoạt chuyên đề thường xuyên, kết hợp với giám sát chặt chẽ để tránh hình thức.

Thứ hai, gắn học tập với nhiệm vụ địa phương và đổi mới phương pháp tuyên truyền. Tỉnh ủy Đồng Tháp đã tổ chức các diễn đàn sáng tạo như “Cà phê doanh nhân - doanh nghiệp”, “Công an Đồng Tháp nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin” và “Ngày thứ bảy vì nhân dân” tại huyện Hồng Ngự, nhằm áp dụng phong cách gần dân của Hồ Chí Minh. Huyện Lấp Vò tổ chức tọa đàm “Vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu”, thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân¹¹. Các hoạt động này không chỉ lan tỏa tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn gắn với Nghị quyết 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng,

⁷ Nhân Dân (2025), *Đồng Tháp: Hơn 41.500 đại biểu dự hội nghị học tập chuyên đề năm 2025*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-thap-hon-41500-dai-bieu-du-hoi-nghi-hoc-tap-chuyen-de-nam-2025-post860664.html>.

⁸ Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Kết luận 21-KL/TW về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

⁹ Nhân Dân (2021), *Đồng Tháp thực hiện học tập và làm theo Bác với nhiều ý tưởng sáng tạo*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-thap-thuc-hien-hoc-tap-va-lam-theo-bac-voi-nhieu-y-tuong-sang-tao-post644868.html>.

¹⁰ Nhân Dân (2025), *Đồng Tháp: Hơn 41.500 đại biểu dự hội nghị học tập chuyên đề năm 2025*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-thap-hon-41500-dai-bieu-du-hoi-nghi-hoc-tap-chuyen-de-nam-2025-post860664.html>.

¹¹ Nhân Dân (2025), *Đồng Tháp: 10 năm lan tỏa tinh thần học và làm theo Bác*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-thap-10-nam-lan-toa-tinh-than-hoc-va-lam-theo-bac-post880742.html>

đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Kết quả, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên được nâng cao, niềm tin của nhân dân vào chính quyền tăng rõ rệt. Kinh nghiệm cho thấy cần linh hoạt trong tuyên truyền, sử dụng các hình thức gần gũi để thu hút sự tham gia của cộng đồng, đồng thời bảo vệ lập trường tư tưởng trước các nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Thứ ba, đánh giá, khen thưởng và giám sát định kỳ. Tỉnh Đồng Tháp tổ chức biểu dương điển hình tiên tiến hàng quý, với 29 tập thể và 48 cá nhân được vinh danh năm 2025¹². Việc ứng dụng công nghệ số, bao gồm cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp, các nền tảng mạng xã hội như Fanpage Tỉnh ủy Đồng Tháp¹³ và Zalo OA của Công an huyện Tháp Mười¹⁴, cùng ứng dụng di động e-Dong Tháp¹⁵, đã hỗ trợ tuyên truyền hiệu quả các gương điển hình tiên tiến trong công tác dân vận tại các xã thuộc tỉnh Đồng Tháp, đồng thời nâng cao hiệu

quả giám sát và quản lý, giảm thiểu tình trạng triển khai mang tính hình thức. Kết quả, 312 tập thể và cá nhân nhận bằng khen từ Tỉnh ủy, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ gương mẫu, trong sạch¹⁶. Kinh nghiệm là cần kết hợp khen thưởng với giám sát thường xuyên để duy trì hiệu quả lâu dài.

Tóm lại, các kinh nghiệm tại tỉnh Đồng Tháp đã thể hiện sự gắn kết giữa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh và công tác xây dựng Đảng, góp phần thực hiện Kết luận 21-KL/TW, tạo nền tảng cho việc nhân rộng các mô hình hiệu quả trong thời gian tới.

2.3. Các mô hình học tập tiêu biểu tại tỉnh Đồng Tháp

Tỉnh Đồng Tháp, với truyền thống cách mạng và nỗ lực phát triển bền vững, đã triển khai nhiều mô hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn chặt với Kết luận 21-KL/TW về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn suy thoái tư tưởng chính trị,

đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Các mô hình này không chỉ mang tính sáng tạo mà còn dễ nhân rộng, đặc biệt thông qua các chương trình đào tạo của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

(1) *Mô hình “Nghĩa tình quân - dân vùng biên” tại huyện Tân Hồng* là một điển hình nổi bật. Đảng viên lực lượng biên phòng tại đây áp dụng phong cách «vì dân» của Hồ Chí Minh, hỗ trợ người dân vùng biên giới trong sản xuất nông nghiệp, giáo dục và y tế, đồng thời kết hợp nhiệm vụ chống buôn lậu, trộm cắp. Mô hình này gắn với Kết luận 21-KL/TW thông qua việc rèn luyện đạo đức cách mạng, thúc đẩy tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng, giúp ngăn chặn suy thoái lối sống. Kết quả, mô hình đã góp phần củng cố an ninh biên giới, nâng cao đời sống kinh tế - xã hội khu vực biên giới Tân Hồng, với hàng

¹² Nhân Dân (2025). *Đồng Tháp: Hơn 41.500 đại biểu dự hội nghị học tập chuyên đề năm 2025*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-thap-hon-41500-dai-bieu-du-hoi-nghi-hoc-tap-chuyen-de-nam-2025-post860664.html>.

¹³ Fanpage Cổng Thông tin Đồng Tháp, <https://www.facebook.com/cttdongthap>.

¹⁴ Công an tỉnh Đồng Tháp (2024), *Zalo OA Công an huyện Tháp Mười hỗ trợ phòng ngừa tội phạm và phục vụ nhân dân*. https://congan.dongthap.gov.vn/en/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/wbj7qfWZntAi/content/id/10500869.

¹⁵ Sở Thông tin và Truyền thông Đồng Tháp (2024), *Ứng dụng “e-Dong Tháp” - Chính quyền điện tử gần dân*. https://sttt.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/lmOzUrGkrdAE/content/id/4473105.

¹⁶ Nhân Dân (2021), *Đồng Tháp thực hiện học tập và làm theo Bác với nhiều ý tưởng sáng tạo*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-thap-thuc-hien-hoc-tap-va-lam-theo-bac-voi-nhieu-y-tuong-sang-tao-post644868.html>.

trăm hộ dân được hỗ trợ về giống cây trồng và kỹ thuật canh tác¹⁷. Thành công của mô hình nằm ở sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng biên phòng và chính quyền địa phương, tạo niềm tin mạnh mẽ trong nhân dân.

(2) Mô hình “*Kết nối yêu thương - người có giúp người khó*” và “*Phiên chợ nghĩa tình*” được triển khai rộng rãi trên toàn tỉnh, tập trung vào hỗ trợ các hộ nghèo và học sinh khó khăn. Đảng viên tiên phong tham gia các hoạt động như đóng góp 1.000 đồng mỗi ngày để mua bảo hiểm y tế cho người dân, tổ chức phiên chợ 0 đồng và hỗ trợ học bổng. Gắn với Kết luận 21-KL/TW, mô hình này thúc đẩy tinh thần «chí công vô tư», chống tham nhũng nhỏ lẻ, đồng thời lan tỏa giá trị nhân văn của tư tưởng Hồ Chí Minh. Kết quả, hàng nghìn hộ dân và học sinh được hỗ trợ, với hơn 5.000 suất quà được trao trong các “*Phiên chợ nghĩa tình*” năm 2024-2025¹⁸. Mô hình này dễ nhân rộng nhờ tính thiết thực, phù hợp với các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị tại trường chính trị tỉnh.

(3) Mô hình “*Cà phê doanh nhân - doanh nghiệp*” do lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp tổ chức nhằm áp dụng phong cách gần dân, lắng nghe và giải quyết nhu cầu của doanh nghiệp theo tư tưởng Hồ Chí Minh¹⁹. Diễn đàn này tạo không gian đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo tỉnh và doanh nghiệp, giải quyết các khó khăn về chính sách, thủ tục hành chính, thúc đẩy phát triển kinh tế. Gắn với chuyên đề năm 2025 về nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài, mô hình góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập. Kết quả, mô hình không chỉ nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp mà còn giúp cán bộ, đảng viên cải thiện kỹ năng phục vụ nhân dân, với hàng chục doanh nghiệp được hỗ trợ pháp lý và đầu tư từ năm 2021. Mô hình này thể hiện tinh thần đổi mới, phù hợp với yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng theo Nghị quyết 35-NQ/TW.

Các mô hình tại Đồng Tháp như “*Nghĩa tình quân-dân vùng biên*”, “*Kết nối yêu*

thương” và “*Cà phê doanh nhân - doanh nghiệp*” đã thể hiện tính sáng tạo, thực tiễn và sự phù hợp với Kết luận 21-KL/TW. Những mô hình này cần được nhân rộng thông qua các chương trình đào tạo tại trường chính trị tỉnh, nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ gương mẫu và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

3. Kết luận

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tại tỉnh Đồng Tháp đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần thực hiện hiệu quả Kết luận số 21-KL/TW về xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Các kinh nghiệm như tích hợp nội dung học tập vào sinh hoạt chi bộ, thực hiện nêu gương của người đứng đầu và đổi mới phương thức tuyên truyền qua các nền tảng số đã nâng cao nhận thức chính trị, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân vào tổ chức Đảng. Các mô hình sáng tạo như “*Nghĩa tình quân-dân vùng biên*”, “*Kết nối yêu thương*” và “*Cà phê*

¹⁷ Nhân Dân (2021). *Đồng Tháp thực hiện học tập và làm theo Bác với nhiều ý tưởng sáng tạo*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-thap-thuc-hien-hoc-tap-va-lam-theo-bac-voi-nhieu-y-tuong-sang-tao-post644868.html>.

¹⁸ Nhân Dân (2025). *Đồng Tháp: 10 năm lan tỏa tinh thần học và làm theo Bác*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-thap-10-nam-lan-toa-tinh-than-hoc-va-lam-theo-bac-post880742.html>.

¹⁹ Nhân Dân (2021). *Đồng Tháp thực hiện học tập và làm theo Bác với nhiều ý tưởng sáng tạo*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-thap-thuc-hien-hoc-tap-va-lam-theo-bac-voi-nhieu-y-tuong-sang-tao-post644868.html>.

doanh nhân - doanh nghiệp” không chỉ thể hiện tính thực tiễn mà còn gắn với việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển. Để nâng cao hiệu quả, tỉnh Đồng Tháp

cần tiếp tục đổi mới phương pháp tuyên truyền, tăng cường công tác giám sát và nhân rộng các mô hình thông qua các hoạt động và chương trình đào tạo tại Trường Chính trị tỉnh. Việc học tập

và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần trở thành động lực tự thân, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đồng thời thúc đẩy khát vọng phát triển bền vững của địa phương./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2016). *Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2021). *Kết luận 21-KL/TW về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
3. Bộ Chính trị (2018). *Nghị quyết 35-NQ/TW về đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
4. Nhân Dân (2021). *Đồng Tháp thực hiện học tập và làm theo Bác với nhiều ý tưởng sáng tạo*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-thap-thuc-hien-hoc-tap-va-lam-theo-bac-voi-nhieu-y-tuong-sang-tao-post644868.html>.
5. Nhân Dân (2025). *Đồng Tháp: Hơn 41.500 đại biểu dự hội nghị học tập chuyên đề năm 2025*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-thap-hon-41500-dai-bieu-du-hoi-nghi-hoc-tap-chuyen-de-nam-2025-post860664.html>.
6. Nhân Dân (2025). *Đồng Tháp: 10 năm lan tỏa tinh thần học và làm theo Bác*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/dong-thap-10-nam-lan-toa-tinh-than-hoc-va-lam-theo-bac-post880742.html>.

1 Ngày 22/11/2025, thực hiện Kế hoạch số 750-KH/HVCTQG ngày 08/8/2025 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp phối hợp với Học viện Chính trị khu vực IV đã tổ chức thành công Hội thảo khoa học cấp Bộ, với chủ đề: “Chuyển đổi xanh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long: cơ hội, thách thức và giải pháp”.

2 Từ ngày 16/12/2025 đến ngày 19/12/2025, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã tổ chức đón tiếp Đoàn công tác của Trường Chính trị - Hành chính tỉnh SaLaVan, nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào tại tỉnh Đồng Tháp, do đồng chí Chanthavon SYHACHAK, Hiệu trưởng làm trưởng đoàn. Nhân dịp này, ngày 17/12/2025, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã phối hợp với Trường Chính trị - Hành chính tỉnh SaLaVan tổ chức thành công Tọa đàm khoa học với chủ đề: “Công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học ở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp và Trường Chính trị - Hành chính tỉnh SaLaVan”; lãnh đạo hai Trường đã ký kết vào biên bản tọa đàm, ghi nhớ nội dung hợp tác giữa hai Trường trong thời gian tới, với tinh thần chân thành, tin cậy và cùng phát triển.

3 Ngày 19/12/2025, tại phường Sa Đéc, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 70 năm thành lập (1955 - 2025), đây là dấu mốc quan trọng nhìn lại hành trình vẻ vang của “Trường Đảng Đất Sen Hồng” trước thời điểm sắp nhập vào tháng 7/2025.

4 Từ ngày 21/12/2025 đến ngày 27/12/2025, Đoàn công tác Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp do đồng chí Nguyễn Phước Dũng, Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng làm Trưởng đoàn có chuyến thăm và làm việc tại tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

5 Sáng ngày 31/12/2025, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tổ chức thành công Hội nghị tổng kết công tác năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026; tuyên dương các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến và đạt các thành tích cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

6 Chiều 31/12/2025, Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tổ chức thành công Hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026; khen thưởng các tập thể, cá nhân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025.

7 Ngày 15/01/2026, Đảng ủy, Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng và toàn thể viên chức, người lao động Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tham dự Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với đồng chí Nguyễn Phước Dũng, Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2026-2031.

BAN BIÊN TẬP



Lãnh đạo Học viện Chính trị quốc gia HCM, lãnh đạo Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành tỉnh Đồng Tháp và các nhà khoa học tham dự Hội thảo khoa học cấp Bộ, ngày 22/11/2025.



Lãnh đạo, giảng viên, viên chức Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, đại diện Sở Giáo dục và đào tạo và các trường Đại học trong Tỉnh tham dự Hội thảo cấp cơ sở, ngày 06/11/2025.



Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng, giảng viên, viên chức Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp và Trường Chính trị-Hành chính tỉnh Salavan, nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào tham dự Tọa đàm khoa học, ngày 17/12/2025.



TS. Nguyễn Phước Dũng,
Tỉnh ủy viên,
Hiệu trưởng Trường Chính trị
tỉnh Đồng Tháp
trao giấy khen cho viên chức
đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua
năm 2025



ThS. Nguyễn Văn Sơn,
Phó Hiệu trưởng và
đại diện các khoa,
phòng tham dự Lễ khai giảng
lớp Trung cấp lý luận chính trị,
hệ tập trung, khóa 02 (A02),
ngày 29/12/2025.



ThS. Nguyễn Văn Sơn,
Phó Hiệu trưởng,
đại diện các khoa,
phòng và học viên
lớp Trung cấp lý luận chính trị,
hệ tập trung khóa 72 (A72)
tham dự Lễ bế giảng,
ngày 24/12/2025.